

**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**

QUYỂN 1



Chủ giảng: LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang

Hiệu đính: TK. Thích Đồng Bổn

NNC Vu Gia - Cư sĩ Minh Ngọc



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

淨土大經解演義

QUYỂN 1

(Tập 1 – 10)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**



TẬP I



Thừa chư vị pháp sư, chư vị đại đức, chư vị đồng học, Chúng tôi chọn ngày hôm nay là 05 tháng 4 năm 2020, nhằm tiết Thanh Minh Âm lịch, tại Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội, để bắt đầu giảng giải, diễn nghĩa *Tịnh Độ Đại Kinh*. Đối với mọi người, danh xưng này dường như rất xa lạ, nhưng các vị đồng tu đã lâu trong nhà Phật đều biết *Tịnh Độ Đại Kinh* chính là kinh *Vô Lượng Thọ*. Kinh Vô Lượng Thọ hiện có chín phiên bản khác nhau, bản được chúng tôi chọn, chính là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Nếu sắp theo thứ tự triều đại trước sau, bản này là bản cuối cùng, là bản thứ chín vậy.

“Giải” (解) là chú giải, do đệ tử cụ Hạ là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải. Duyên khởi này cũng rất chẳng thể nghĩ bàn! Trong giáo pháp Đại thừa, cũng như trong Phật môn, mọi người đều cảm thấy kinh *Vô Lượng Thọ* rất hy hữu. Vì sao? Vì thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh, dạy học suốt bốn mươi chín năm; trong thời gian đó, Ngài đã giảng khá nhiều kinh luận. Đối với các kinh luận khác, lão nhân gia chỉ giảng một lần, chỉ riêng kinh *Vô Lượng Thọ* đã giảng đi giảng lại nhiều lần. Về phần phiên dịch tại Trung Quốc, qua *Dịch Kinh Mục Lục*, chúng ta thấy kinh này có mười hai bản

dịch, được phiên dịch nhiều lần nhất. Từ triều Hán cho đến triều Tống, trong vòng tám trăm năm, dịch mười hai lần. Lẽ đương nhiên, nếu cùng một bản gốc, mà có nhiều bản dịch, tuy văn tự trong các bản dịch ấy khác nhau, nhưng nội dung chắc chắn là đại đồng tiểu dị. Như kinh *Kim Cang* có sáu bản dịch, từ *Đại Tạng Kinh*, chúng ta có thể thấy sáu bản dịch ấy có cùng một bản gốc, cũng có nghĩa là đức Thế Tôn chỉ giảng kinh *Kim Cang* một lần. Kinh *Vô Lượng Thọ* rất lạ lùng, những bản dịch sai biệt rất lớn. Chỗ rõ ràng nhất, cũng là phần trọng yếu nhất trong kinh này, chính là bốn nguyện của Phật A Di Đà. Hiện tại, chỉ còn lại năm bản trong mười hai bản dịch, đã thất truyền bảy bản. Đáng tiếc, hiện thời, trong *Đại Tạng Kinh* có mục lục ghi tiêu đề của các bản dịch ấy, nhưng lại không có văn bản!

Trong năm bản dịch gốc còn được lưu truyền, hai bản ghi bốn mươi tám nguyện; hai bản ghi hai mươi bốn nguyện; một bản dịch đời Tống chép ba mươi sáu nguyện. Thật là sai biệt quá lớn! Nếu bảo nguyên bản chỉ có một loại, chắc chắn không thể nào có sự sai biệt này. Đó là chuyện chẳng thể xảy ra được! Do vậy, từ chỗ có ba loại bốn nguyện sai biệt, cố đại đức phán đoán: Đối với bảy bản dịch đã thất truyền, do không biết nội dung, nên chẳng dám bàn đến, từ năm bản dịch này, khẳng định đức Thế Tôn tối thiểu giảng kinh *Vô Lượng Thọ* ba lần. Mỗi lần nói bốn nguyện của Phật A Di Đà, đức Thế Tôn nói các điều nguyện không giống nhau,

nên mới có sai biệt. Dự đoán này có lẽ chúng ta có thể chấp nhận được. Nhiều lần tuyên giảng đâu phải dễ! Nếu không phải là rất trọng yếu, đức Thế Tôn chẳng thể tuyên giảng nhiều lượt.

Trong *Đại Tạng Kinh*, gần như chẳng tìm được những bộ kinh được tuyên giảng nhiều lần, nhất là chúng ta thấy Thiện Đạo đại sư đã nói hai câu. Ngài Thiện Đạo là người đời Đường, theo truyền thuyết, Ngài là Phật A Di Đà tái lai, lời ngài Thiện Đạo nói chính là lời Phật A Di Đà nói! Ngài dạy: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ đức Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ vì muốn nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà), có nghĩa là nói: Thập phương chư Phật thị hiện trong thế gian chỉ vì nguyên nhân này thôi. Qua phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và phẩm *Thế Giới Thành Tựu* của kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta thấy vũ trụ quan của nhà Phật là quá lớn! Các nhà thiên văn học hiện thời chưa đạt tới cảnh giới này. Nói theo Phật giáo, sự quan sát và lý giải của các nhà thiên văn học vẫn chưa thể thoát khỏi thế giới Sa Bà.

Chúng tôi học kinh giáo nhiều năm như thế, thấy hầu hết các vị đại đức tiền bối đã sớm cho rằng một đơn vị thế giới nói trong kinh Phật là địa cầu. Kinh nói, mặt trời xoay vòng quanh núi Tu Di (Sumeru), rất nhiều người hiểu lầm, nghĩ núi Hy Mã Lạp Nhã (Himalaya) là Núi Tu Di. Sau này, khoa học chứng minh địa cầu hình tròn nên gọi là địa cầu,

chẳng khác gì các ngôi sao trên trời, cũng không thể coi là quá lớn được! Địa cầu xoay quanh mặt trời, chứ không phải mặt trời xoay quanh địa cầu. Họ biết có Thái Dương Hệ (Solar system), mặt trời xoay quanh hệ Ngân Hà (Galaxy), nhưng chúng ta không có cách nào xoay chuyển quan niệm này! Núi Tu Di ở đâu? Chắc chắn, Núi Tu Di chẳng ở trên địa cầu. Phật pháp hình dung Núi Tu Di bằng danh xưng Diệu Cao, chúng ta có thể hiểu chữ Cao, nhưng Diệu rất khó hiểu. Chúng tôi vốn nghĩ một đơn vị thế giới trong kinh Phật là một cõi Phật, tức là phạm vi giáo hóa của một vị Phật, giống như các khoa học gia hiện thời bảo là một hệ Ngân Hà.

Kể từ năm 1986, tôi kết duyên, quen biết lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Thuở ấy, hai người chúng tôi vô cùng vui sướng, vì hoàng dương bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư vốn chỉ có hai người bọn tôi. Cụ giảng bộ kinh này trong nước, tôi giảng bộ kinh này tại hải ngoại. Chúng tôi gặp mặt, cụ Hoàng nêu lên vấn đề này, cho tôi biết: Một đơn vị thế giới trong kinh Phật chẳng phải là Thái Dương Hệ, mà là hệ Ngân Hà. Trung tâm của hệ Ngân Hà là “hắc động” (black hole), Núi Tu Di phải là hắc động. Sự cao lớn của hắc động chúng ta có thể hiểu được, nhưng cho đến hiện thời, vẫn chưa có ai có thể lý giải tình trạng thật sự của hắc động, chỉ biết là nó có sức hút rất lớn, ngay cả ánh sáng cũng không có cách nào xuyên qua, đều bị nó hút mất. Nó là cốt lõi của hệ Ngân Hà, tất cả các tinh cầu đều xoay quanh cái lõi này. Cổ nhân Trung Quốc

gọi nó là Hoàng Cực (Ecliptic Pole), hệ Ngân Hà mới là một đơn vị thế giới. Một ngàn đơn vị thế giới gọi là một tiểu thiên thể giới. Đó chính là một ngàn hệ Ngân Hà, một tiểu thiên thể giới đấy! Lại lấy tiểu thiên thể giới làm đơn vị, một ngàn tiểu thiên thể giới gọi là trung thiên thể giới, một ngàn trung thiên thể giới gọi là một đại thiên thể giới. Một đại thiên thể giới có bao nhiêu hệ Ngân Hà? Mười ức hệ Ngân Hà. Các nhà thiên văn học hiện tại chưa thể quan sát điều này; đây là khu vực giáo hóa của một đức Phật. Kinh *Hoa Nghiêm* nói có vô lượng vô biên thế giới như vậy trong vũ trụ. Nói đến thế giới Hoa Tạng thì thế giới Hoa Tạng giống như một cao ốc có hai mươi tầng, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc đều thuộc tầng thứ mười ba. Lại chẳng biết có bao nhiêu thế giới giống như thế giới Hoa Tạng! Đây là thế giới quan của Phật pháp, thế giới đồ sộ, quả thật chẳng thể nghĩ bàn được!

Đức Phật xuất hiện trong thế gian, khu vực giáo hóa của mỗi vị Phật nhỏ nhất là một đại thiên thể giới. Có trường hợp là hai, ba đại thiên thể giới, hay năm, sáu đại thiên thể giới, mười mấy đại thiên thể giới cũng có; đây là nói duyên hóa độ chúng sanh không giống nhau. Vì vậy, người học Phật phải rộng kết pháp duyên với hết tất cả chúng sanh; trong tương lai, quý vị thành Phật sẽ độ người khác đông đảo. Rộng kết pháp duyên rất quan trọng! Đức Phật thị hiện trong các cõi Phật khác nhau đều do có duyên, duyên ấy rất phức tạp. Dùng phương pháp ôn hòa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng,

nhanh chóng nào để giúp người khác có thể trở về tự tánh? Trở về tự tánh là thành Phật viên mãn, trở về nguồn cội, dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật của Tịnh Độ; do vậy, ngài Thiện Đạo nói: “*chỉ để nói bốn nguyện của Phật Di Đà*”. Kinh ấy là kinh gì? Kinh *Vô Lượng Thọ*. Vì thế, kinh *Vô Lượng Thọ* được gọi kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Tịnh Độ Tông thật đơn giản, kinh điển để làm căn cứ gồm năm thứ. Thuở ấy, đức Thế Tôn giảng ba thứ, tức là ba bộ kinh, thường gọi là Tịnh Độ Tam Kinh: *Vô Lượng Thọ Kinh*, *A Di Đà Kinh* và *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*. Phân lượng cũng chẳng lớn. Nếu chỉ là kinh văn của ba bộ kinh, tức là chính kinh không có phần chú giải, in chung lại thành một quyển mỏng tanh, phân lượng rất ít, đơn giản, dễ dàng, nhưng thành tựu vô cùng thù thắng. Thiện Đạo đại sư cho chúng ta biết điều này.

Chúng ta phải tin tưởng, gặp được pháp môn này chính là cơ duyên hy hữu trong một đời này! Quý vị có được cơ hội này, có thể trở về tự tánh, có thể viên thành Phật đạo, khó thể gặp gỡ cơ hội này. Bởi lẽ, “*thân người khó được, Phật pháp khó gặp*”. Chúng ta được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, lại gặp được pháp môn thù thắng khôn sánh trong Phật pháp, phải trân quý cơ duyên này. Pháp môn này còn gọi là “pháp khó tin”, do phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng, nên rất nhiều vị Bồ tát chẳng tin! Nói theo “Lý”, phải hết vọng mới có thể quay về nguồn được, tám vạn bốn

ngàn pháp môn đều chẳng tách lìa nguyên tắc này. “Vọng” là phiền não. Ba loại phiền não lớn là Vô Minh phiền não, Kiến Tư phiền não, và Trần Sa phiền não; đây là ba loại lớn. Đoạn Kiến Tư phiền não, lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Bởi lẽ, lục đạo chẳng thật, giống như một giấc mộng. Quý vị chưa thoát khỏi lục đạo, đang nằm mộng, vẫn chưa tỉnh mộng. Khi nào quý vị buông Kiến Tư phiền não xuống, kinh *Hoa Nghiêm* gọi Kiến Tư phiền não là chấp trước, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian chẳng còn chấp trước, buông Kiến Tư phiền não xuống, quý vị bèn chứng quả A La Hán. A La Hán đã tỉnh, từ trong lục đạo tỉnh giấc mộng lớn bèn là A La Hán, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo chẳng còn, đã tỉnh; vì sao quý vị vẫn còn ở trong mộng? Quý vị còn có phân biệt, còn có vọng tưởng, những thứ này vẫn là phiền não, nhẹ hơn Kiến Tư phiền não một tí, nhưng vẫn còn. Nếu phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa, không chỉ là chẳng phân biệt, mà vọng tưởng cũng buông xuống.

Vọng tưởng là gì? Tôi thường gọi nó là “*khởi tâm, động niệm*”. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm, động niệm đều không có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị thật sự tỉnh mộng. Hễ tỉnh thì tứ thánh pháp giới đều không có, tức là mười pháp giới chẳng có. Mười pháp giới bao gồm lục đạo, dưới là lục đạo, trên là tứ thánh, tứ thánh là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật; Phật trong tứ thánh pháp giới cũng

chẳng thật! Phải biết điều này! Đừng nên chấp trước, chớ nên phân biệt! Sau khi buông xuống những điều này, chẳng thấy tứ thánh pháp giới nữa, quý vị thật sự tỉnh khỏi mộng cảnh. Khi tỉnh ấy, vẫn còn có tướng cảnh giới, vẫn còn có tướng, tướng gì vậy? Chúng ta thường gọi nó là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta nói thế giới Cực Lạc, kinh *Hoa Nghiêm* nói thế giới Hoa Tạng, chúng đều là những cõi Thật Báo của Như Lai. Nói tới cõi Thật Báo của Như Lai, quý vị phải nhớ: Nó là cõi Thật Báo của chính mình, Tự - Tha bất nhị, Tha là chư Phật Như Lai, thật sự chẳng hai!

Do vậy, trong mấy năm gần đây, chúng tôi cực lực đề xướng: Phật sự sử dụng trong Tịnh Tông là Tam Thời Hệ Niệm do thiền sư Trung Phong biên soạn, Ngài là bậc đại đức trong Thiền Tông. Quý vị thấy Ngài biên soạn *Nghi thức Hệ Niệm* hoàn toàn dùng giáo nghĩa Tịnh Độ, cõi âm lẫn dương gian đều được lợi ích. Lão nhân gia nói rất rõ ràng: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, Di Đà ở đâu? Di Đà là tự tánh, Tịnh Độ cũng là tự tánh; tâm và tánh là một, chẳng hai. Nếu quý vị thật sự hiểu rõ, sẽ biết chư Phật Như Lai và hết thấy chúng sanh có mối quan hệ mật thiết với bản thân chúng ta. Mối quan hệ này không thuộc loại luân lý bình thường, mà Kinh giáo Đại thừa giảng quan hệ này rất thấu triệt, viên mãn rất ráo: Trọn khắp pháp giới hư không giới, trên là chư Phật, dưới là chúng sanh, có cùng một Thể

với chính mình, chẳng phải là một nhà, mà là một Thế. Mỗi quan hệ này với lòng yêu thương được gọi là Vô Duyên Đại Từ, Từ là lòng yêu thương, quan tâm, Vô Duyên là chẳng có điều kiện; Đồng Thế Đại Bi, Bi là thương xót, thương xót hết thảy chúng sanh mê mất tự tánh. Phải biết: Họ và chúng ta là một Thế, chẳng phải là người ngoài, mà là Đồng Thế. Vô Duyên là giúp đỡ họ vô điều kiện. Vì thế, trong nhân gian có lòng Chân Ái (lòng yêu thương chân thật). Chân Ái là lòng yêu thương của Phật, Bồ tát, là đại từ đại bi. Thật đấy! Bậc giác ngộ thì có, còn kẻ mê mất tự tánh chẳng phải là không có, nhưng kẻ ấy bị mê, do mê nên lòng Chân Ái bị biến chất. Do vậy, trong kinh đức Phật gọi *“lòng yêu thương của kẻ mê mất chân tánh”* là Hữu Ái Duyên Từ, như trong thế gian hiện thời, lòng thương yêu của cha mẹ đối với con cái gọi là Ái Duyên, có lòng từ bi, nhưng từ bi đối với kẻ có quan hệ máu mủ, ruột thịt, bị chi phối bởi mối quan hệ này. Lại có Chúng Sanh Duyên Từ Bi, tâm lượng lớn hơn một chút, yêu thương chính mình, mà cũng có thể yêu thương người khác. Câu *“phàm thị nhân, giai tu ái”* (phàm là người, đều phải yêu) trong Đệ Tử Quy chính là Chúng Sanh Duyên Từ Bi. Bồ tát có Pháp Duyên Từ Bi, lại cao hơn một tầng nữa, các Ngài liễu giải chân tướng sự thật. Thật sự đạt đến minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, đó là lòng từ bi của Phật. Lòng từ bi ấy chẳng có điều kiện, đấy mới là Chân Ái. Những lòng Ái khác có điều kiện, còn lòng Ái này chẳng có điều kiện. Chúng

ta hiểu rõ đạo lý này thì học Phật mới tìm được người thân thật sự! Chúng ta giống trẻ nhỏ mê mất phương hướng, thật sự tìm được cha mẹ, tìm được người quan tâm, yêu thương chúng ta rồi. Những người ấy là chư Phật, Pháp Thân Bồ tát, các Ngài thật sự có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, trở về tự tánh, công đức viên mãn. Bởi lẽ, chỗ khác nhau giữa chúng sanh và Phật là mê hay ngộ; trừ mê và ngộ ra, chẳng có gì khác nhau! Trong giáo pháp Đại thừa, quý vị càng đọc, càng hiểu rõ, càng minh bạch, đọc đến cuối cùng, quý vị hoát nhiên hiểu rõ, “*nguyên lai đương hạ*”, tức là ở ngay nơi này, ngay trong lúc này!

Tịnh Tông thật sự khó tin, đặc biệt là đối với những phần tử tri thức. Tôi học Phật là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu. Lúc trẻ cũng theo học trong nhà trường, chịu ảnh hưởng của các giáo viên, nghĩ Phật giáo là tôn giáo, là mê tín, lại còn là đa thần giáo (polytheism), phiếm thần giáo (pantheism) trong các tôn giáo, là một tôn giáo thuộc loại thấp. Tôn giáo bậc cao chỉ nói tới một vị chân thần. Qua biểu hiện, Phật giáo thật sự là mê tín, thuở ấy, tôi chẳng hiểu rõ. Trong xã hội hiện thời, kẻ chẳng hiểu rõ càng nhiều! Tôi học triết học với thầy Phương. Trong khóa học cuối cùng, thầy giảng triết học trong kinh Phật, tôi nói: “*Phật giáo là tôn giáo, mê tín, là phiếm thần giáo, kiếm đâu ra triết học?*”. Thầy bảo tôi: “*Anh không biết, tuổi anh còn trẻ, Phật Thích Ca Mâu Ni là một triết gia vĩ đại nhất trên thế giới. Triết học*

trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học trên toàn thế giới”. Lúc ấy, thầy bảo tôi như thế này: “Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong đời người”. Trong khóa học ấy, tôi tiếp nhận triết học từ kinh Phật như vậy, mới thay đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ, nhận thức Phật giáo bằng nhãn quan mới. Duyên của tôi rất thù thắng, sau khi thầy Phương giới thiệu Phật giáo cho tôi biết, không đầy hai tháng sau, tôi có cơ hội quen biết Chương Gia đại sư, do một thân vương Mông Cổ cuối đời Thanh giới thiệu cho tôi. Khi đó, tôi vừa tiếp xúc Phật pháp, đây cũng là do thầy Phương từ bi, chỉ cho tôi đường lối học tập. Thầy nói Phật pháp chẳng ở trong chùa chiền, ở đâu? Trong kinh điển. Anh muốn thật sự tìm được Phật giáo, phải tìm từ kinh điển. Sự hướng dẫn này vô cùng quan trọng, do vậy, tôi thủy chung cảm tạ ân đức thầy; bởi lẽ, không có sự chỉ điểm ấy, chúng tôi sẽ thỉnh giáo người xuất gia. Nhiều kẻ xuất gia vứt bỏ kinh giáo, chẳng học tập, chẳng thể thuyết pháp, trong tình hình ấy, chắc chắn chúng tôi sẽ hoài nghi, lòng tin chẳng còn nữa! Do cụ Phương biết Phật pháp ở trong kinh điển, cụ nói thuở xưa, người xuất gia và tại gia học Phật đều là những bậc học vấn lỗi lạc, thật sự là đại đức, đại triết, hiện nay rất hiếm những người như vậy.

Sau khi tôi tiếp xúc Chương Gia đại sư, Ngài dạy tôi học về Phật Thích Ca Mâu Ni, bảo tôi hãy xem hai tài liệu. Hai tài liệu ấy ở trong *Đại Tạng Kinh*, thuở ấy chưa có bản lưu hành

riêng, đó là *Thích Ca Phổ* và *Thích Ca Phương Chí*^{1[1]}. Lão nhân gia rất từ bi: “Anh muốn học Phật, trước hết, anh phải nhận biết Phật Thích Ca Mâu Ni, sẽ chẳng đi lòng vòng”. Sau khi đọc xong hai tài liệu ấy, tôi mới biết Phật Thích Ca Mâu Ni quả thật rất vĩ đại. Nói theo cách bây giờ, Ngài là nhà giáo dục, chẳng vương mắc trong tôn giáo. Xuất thân từ dòng dõi vua chúa, phụ thân Ngài là quốc vương. Cổ Ấn Độ thuở ấy chẳng khác thời Xuân Thu Chiến Quốc của Trung Hoa cho mấy, đều là có rất nhiều quốc gia nhỏ. Ngài là vương tử, mười chín tuổi rời khỏi gia đình, đi tham học. Do vậy, chúng ta biết Phật Thích Ca Mâu Ni tuổi thanh niên vô cùng hiếu học, rời khỏi gia đình để cầu học, cuộc sống rất khổ sở, giống như vị Tăng khổ hạnh. Ấn Độ bấy giờ quả thật là một nơi tốt đẹp. Thuở ấy, học thuật trên địa cầu này, đặc biệt là Triết học, có thể coi như Ấn Độ đứng đầu thế giới. Tôn giáo cũng giống như thế, Ấn Độ là xứ sở tôn giáo, tất cả các bậc đại đức trong tôn giáo, Ngài đều gặp gỡ, học tập; lại còn học hết sức nghiêm túc, tất cả các học phái Ngài cũng đều học qua. Khi ấy, phong khí thiên định ở Ấn Độ rất thịnh, bất luận tôn giáo hay học thuật đều coi trọng thiên định. Tứ Thiên Bát Định

1 [1] *Thích Ca Phổ* do ngài Tăng Hựu soạn vào đời Lương, nội dung trích dẫn rộng rãi các kinh điển Đại và Tiểu Thừa, ghi chép lịch sử thị tộc Thích Ca và sự tích của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng như sự kiện kể từ sau khi đức Phật nhập diệt cho đến thời A Dục Vương. Do bộ này viết hơi rườm rà nên đến đời Đường, ngài Đạo Tuyên viết tác phẩm *Thích Ca Thị Phổ* ngắn gọn hơn.

Thích Ca Phương Chí gồm hai quyển, do ngài Đạo Tuyên soạn vào năm Vĩnh Huy nguyên niên (650) đời Đường, ghi chép các khu vực có Phật giáo lưu truyền, diễn biến truyền thừa Phật giáo theo từng thời kỳ, kể cả những chi tiết về núi Tu Di, tứ bộ châu, các tuyến đường trọng yếu tại Trung Ấn, tiểu sử của mười sáu vị tăng Trung Hoa sang Ấn Độ cầu pháp, cũng như các sự kiện Phật giáo trong quá trình truyền thừa từ Ấn Độ sang Trung Hoa.

nói trong kinh Phật chẳng phải do Phật Thích Ca Mâu Ni đề xướng. Chẳng phải vậy! Tôn giáo lẫn học thuật của cổ Ấn Độ đều học những môn này, đương nhiên, chàng thanh niên Thích Ca Mâu Ni cũng không ra ngoài lệ ấy.

Thiền định có thể đột phá các chiều không gian (spatial dimensions), cho nên phát hiện lục đạo. Lục đạo là thật, chẳng giả. Quý vị tu định đến một trình độ nhất định, sẽ thấy giống như họ đã thấy: *“Hoàn toàn giống như các vị đã nói!”*. Người thấy những điều này nhiều lắm! Phía trên là từ hai mươi tám tầng trời, phía dưới đến A Tỳ địa ngục, họ hiểu rành rẽ tình trạng trong toàn thể lục đạo, nhưng nếu hỏi: *“Lục đạo do đâu mà có? Vì sao có lục đạo? Ngoài lục đạo ở ngoài còn có thể giới hay chăng?”*. Vấn đề này, không chỉ hết thảy các tôn giáo của Ấn Độ chẳng có cách nào trả lời, mà những triết gia Ấn Độ cũng chẳng thể giải đáp. Phật Thích Ca Mâu Ni tu mười hai năm, đến năm ba mươi tuổi, thôi học tập, học mười hai năm, rốt cuộc đã tốt nghiệp, buông bỏ, tịnh tọa dưới cội cây Tất Bát La (Pippala) bên bờ sông Hằng, khai ngộ. Cây ấy về sau được gọi là *“Bồ đề thụ”*. Bồ đề (Bodhi) có nghĩa là *“giác ngộ”*. Ngài đại triệt đại ngộ ở nơi ấy. Nhập thiền định càng sâu hơn, thiền định gì vậy? Trong kinh *Lăng Nghiêm*, Định ấy được gọi là Thủ Lăng Nghiêm Đại Định, kinh *Hoa Nghiêm* gọi Định ấy là Sư Tử Phấn Tấn tam-muội, đó là kiến tánh; đó cũng là nói: Thật sự buông “khởi tâm, động niệm” xuống. Chẳng khởi tâm, không động niệm, bèn khôi phục tự tánh,

mới thật sự hiểu rõ ràng, rành rẽ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Lục đạo luân hồi là chuyện nhỏ nhặt, quá nhỏ bé, thấy đều hiểu rõ ràng, đương nhiên hết sức vui sướng, Ngài bèn tường thuật, báo cáo tỉ mỉ cảnh giới này. Nói với ai? Nói với con người, người ta nghe chẳng hiểu! Đừng nói người thế gian chúng ta nghe không hiểu, chư thiên trong hai mươi tám tầng trời nghe cũng không hiểu; bởi lẽ, Ngài giảng trong định. Chúng ta thấy Phật Thích Ca Mâu Ni tịnh tọa dưới cội Bồ đề, đâu biết Ngài giảng kinh *Hoa Nghiêm* nơi ấy. Kinh *Hoa Nghiêm* là cảnh giới khai ngộ của đức Thế Tôn. Ngài nói cặn kẽ, nêu bày toàn bộ. Nói trong bao nhiêu ngày? Theo kinh chép thì là “*hai thất*”, tức mười bốn ngày, cũng có kinh bảo là giảng trong hai mươi một ngày. Chúng ta có thể không cần quan tâm đến chuyện này, cũng không cần phải khảo chứng, đừng phân biệt, chấp trước chuyện này. Tối đa là hai mươi một ngày, giảng trong định!

Trong thiền định, thời gian và không gian chẳng còn nữa. Thời gian và không gian chẳng còn, chúng ta có thể tin chuyện này, vì sao? Có chứng minh khoa học! Khoa học chứng minh như thế nào? Thôi miên rất khoa học! Trong thôi miên, thời gian và không gian chẳng còn nữa! Quý vị thấy: Thôi miên chừng hai tiếng đồng hồ, người được thôi miên có thể nhớ được vài đời trong quá khứ. Lúc bị thôi miên, người ấy có thể tới thiên đường, mà cũng có thể xuống địa ngục. Quý vị thấy đó: Đột phá thời gian lẫn không gian! Chúng ta biết:

Thôi miên cũng là tinh thần phải buông lỏng hết thảy, buông xuống hết thảy, trong tâm không có tạp niệm, có cùng một nguyên lý với thiền định. Công phu thiền định càng sâu hơn, thời gian nhập định càng dài hơn, bảy ngày, hai mươi một ngày, trọn pháp giới hư không giới quả thật đều có thể thấy rõ rệt, minh bạch. Thật ra, có cần tốn ngần ấy thời gian hay không? Không cần! Chỉ trong một niệm! Trong một niệm bèn thông đạt, hiểu rõ, tùy thuộc quý vị buông xuống nhiều hay ít. Sai biệt chẳng do công phu cạn hay sâu, mà do quý vị buông xuống nhiều hay ít. Vì thế, quý vị muốn dụng công, ngàn muôn phần đừng chấp trước; buông xuống càng nhiều, tâm quý vị càng thanh tịnh, càng gần với tự tánh. Trong cuốn *“Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận”*, Hoàn Nguyên Quán có nói: *“Tự tánh thanh tịnh viên minh thể”*, tức là càng buông xuống nhiều, càng gần với tự tánh. Càng gần tự tánh, quý vị càng hiểu rõ. Sau khi hiểu rõ chân tướng, lão nhân gia xuất định, bắt đầu dạy học, vì sao bắt đầu dạy học? Tâm từ bi tự nhiên lưu lộ, chẳng có lý do, không có điều kiện, thấy chúng sanh bèn muốn giúp họ trở về tự tánh. Vì lẽ gì? Họ và ta là một, không hai. Người giác ngộ biết, kẻ mê chẳng biết ta và người là một thể. Làm như thế, dạy suốt bốn mươi chín năm, đức Thế Tôn viên tịch lúc bảy mươi chín tuổi. Từ năm ba mươi tuổi bắt đầu dạy học tới năm bảy mươi chín tuổi; do đó, Ngài giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm.

Chúng ta nhìn từ chỗ này, Ngài dùng thân phận nào? Mang chức nghiệp giáo sư, suốt đời dạy học. Dạy gì? Hết thầy các kinh do Phật đã giảng lúc còn tại thế chưa chép thành văn tự, đều chỉ là miệng nói. Sau khi đức Thế Tôn viên tịch, các học trò đem những gì thầy đã dạy, đã nói trong quá khứ ghi chép lại, đến khi ấy mới trở thành kinh điển. Ghi chép cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, phải tìm người nhắc lại, tìm ai? Tìm A Nan. A Nan là thị giả của đức Phật. Kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong một đời, ngài A Nan đều nghe qua. A Nan là em họ nhỏ nhất của đức Phật. Anh em họ của Ngài gồm tám người, Phật Thích Ca Mâu Ni lớn nhất, A Nan nhỏ nhất, tức lão Bát, kém Phật hai mươi tuổi. Do thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh từ hai mươi năm trước đó, tức là khi Phật Thích Ca Mâu Ni bắt đầu giảng kinh, ngài A Nan mới sinh ra. Đức Phật đã giảng kinh suốt hai mươi năm, ngài A Nan mới xuất gia năm hai mươi tuổi, những kinh Phật đã giảng trong hai mươi năm trước, A Nan chưa được nghe. Vì thế, kinh có chép: Những lúc rảnh rỗi, đức Thế Tôn đem những gì đã nói trong quá khứ đều giảng lại cho ngài A Nan nghe, cho nên Ngài nghe kinh rất hoàn chỉnh. Ngài A Nan có trí nhớ đặc biệt tốt, nghe một lần sẽ vĩnh viễn chẳng quên, giống như máy thu âm, Ngài có thể nhắc lại nguyên văn, có khả năng hy hữu này. Trong các đệ tử Phật, chỉ có Ngài có trí nhớ cao nhất. Vì thế, sau khi đức Phật diệt độ, mọi người thỉnh A Nan lên tòa giảng lại, năm

trăm vị A La Hán là các đệ tử đức Phật, trong thuở ấy, họ là những vị thường nghe kinh, đều chứng minh. Kinh nói ra phải được năm trăm A La Hán cùng đồng ý “*A Nan nói không sai, đức Phật đã nói như thế*” rồi mới ghi chép lại. Nếu có điều nào bị một ai đó nghi ngờ, phải lược bỏ điều ấy, nhằm giữ chữ Tín với người đời sau. Kinh tạng được kết tập nghiêm ngặt như thế, chẳng phải là chuyện dễ dàng!

Văn tự dùng để kết tập thuở ấy là Phạn văn, hiện thời rất ít người hiểu cổ văn Ấn Độ. Kinh điển truyền đến Trung Quốc bằng tiếng Phạn, thuở ấy, những lưu học sinh Trung Quốc (những vị cao tăng sang Thiên Trúc cầu pháp) đến Ấn Độ học tập cũng học Phạn văn, từ tiếng Phạn dịch sang tiếng Hán mà có thể chẳng bị sai lầm ư? Nay chúng ta dịch một bài văn chương từ tiếng Anh sang tiếng Hán, có thể dịch đúng một trăm phần trăm hay không? Không thể nào! Nói chung là có sai lầm. Đừng nói ngôn ngữ ngoại quốc, đối với cổ văn Trung Quốc, quý vị lấy một bài văn chương của cổ nhân, tìm vài người, hay tìm mười người, bảo họ dịch bài ấy thành văn Bạch Thoại, mười người dịch khác nhau, rồi cuộc dùng tiêu chuẩn nào để phán định đúng sai? Rất khó nói, điều này có thể khiến cho người ta tin tưởng tính chính xác của kinh Phật hay chẳng? Khi ấy, tôi đã thỉnh giáo tiên sinh Phương Đông Mỹ chuyện này, làm thế nào để khiến chúng ta sanh khởi lòng tin? Thầy Phương hết sức cảm khái, nói: Người Trung Quốc thời cổ chẳng giống người Trung Quốc

hiện thời. Người Trung Quốc hiện thời đánh mất lòng tự tin dân tộc, nên mới bị lăng nhục lớn lao như thế, chịu lắm khổ nạn như vậy. Xưa kia, người Trung Quốc không như vậy, hết sức tự hào. Kinh điển tiếng Phạn sau khi dịch sang tiếng Hán, không những ý nghĩa chẳng bị sai lầm, mà văn tự còn đẹp đẽ, bóng bẩy hơn nguyên văn! Nói cách khác, đã có bản tiếng Hán, có thể không cần đến bản tiếng Phạn, tự hào như thế đó! Tại Trung Quốc vào thời Tùy - Đường, người Trung Quốc thật sự giống như người Trung Quốc, đâu phải như hiện thời? Thầy Phương dạy tôi như thế, hóa giải nỗi nghi vấn của tôi.

Đúng không? Đúng! Từ xưa tới nay, Trung Quốc quả thật là một nước lễ nghĩa, là một nước to lớn minh mông, mãi cho đến đời Thanh, lòng tự tin ấy bị mất sạch. Vào cuối đời Thanh, vào cuối triều đại mới nảy sinh vấn đề, rất nhiều nhân tố khiến cho vấn đề nảy sinh, sử cận đại đã chép rất rõ ràng: Chẳng phải là truyền thống Trung Quốc có vấn đề, mà do người lãnh đạo đất nước thuở ấy là Từ Hy Thái Hậu có vấn đề. Đúng là *“một người khiến đất nước hưng thịnh, một người khiến cho quốc gia, dân tộc bị diệt vong”*, liên quan tới một cá nhân quá lớn!

Nhà Thanh từ thuở khai quốc cho đến đời chồng của bà ta là vua Hàm Phong, Từ Hy Thái Hậu là phi tử của Hàm Phong, để vương các đời đều mời các bậc cao nhân Nho, Thích, Đạo, nói theo danh từ hiện nay là *“chuyên gia, học giả”* vào hoàng

cung. Hoàng đế dẫn phi tần, văn võ đại thần nghe giảng mỗi ngày, học tập mỗi ngày, thật sự làm! Từ Hy phế trừ chế độ này; Từ Hy không theo những bậc đại đức Nho, Thích, Đạo nữa, không nghe lời họ nữa. Bà ta mê tín, cầu cơ, phò loan, ham chuyện thần tiên, quốc gia đại sự đều đem thưa hỏi trong đàn cầu cơ. Do vậy mất nước! Chương Gia đại sư kể cho tôi biết chuyện này. Đời trước của ngài Chương Gia là quốc sư của các đời hoàng đế nhà Thanh; trong tứ đại lật-ma^{2[2]} chỉ mình Ngài có đạo tràng tại Bắc Kinh. Chương Gia đại sư có trụ sở tại Bắc Kinh, Ngài thường ở Bắc Kinh để làm cố vấn cho hoàng thượng. Lão nhân gia cho tôi biết: Chuyện xấu do Từ Hy gây ra, bà ta phá hoại chế độ; người lãnh đạo coi rẻ truyền thống, dần dần ảnh hưởng tới quần chúng. Nếu chúng ta truy cứu, truyền thống văn hóa tốt đẹp như thế, vì lẽ nào mà trở thành nông nổi như hiện thời? Đầu mối do Từ Hy. Chúng ta phải biết yêu mến, phải làm thế nào để khôi phục truyền thống văn hóa.

Do vậy, sau khi chúng tôi hiểu rõ ràng, minh bạch chuyện này, mới biết Phật pháp thù thắng, càng học càng ham thích, khi ấy, mới phát hiện, thật sự phát hiện của báu, phát hiện kinh giáo là món trân bảo thù thắng khôn sánh. Nhưng trong

2 [2] Tứ đại lật-ma là bốn vị sư trưởng cao cấp nhất theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng và Mông Cổ, gồm: Đạt Lai Lạt Ma (Dalai Lama, ta thường đọc trại thành Đại Lai Lạt Ma, nhưng người Tây Tạng thường gọi Ngài bằng danh xưng Gyalwa Rinpoche, Kundun hay Yishin Norbu), Ban Thiền Ngạch Nhĩ Đức Ni (Panchen Erdeni, Ban Thiền Lạt Ma), Triết Bồ Tôn Đan Ba (Jetsundampa) và Chương Gia Hoạt Phật (Lcang-skya Hutugtu, đôi khi viết là Janggiy-a qutuy-tu hoặc Changkya Khutukhtu). Trong bốn vị này, danh xưng Quốc Sư của Đại Lai Lạt Ma chỉ là mỹ hiệu phong tặng, nhà Thanh nhiều lần chèn ép Đại Lai Lạt Ma rất tệ hại, chỉ có ngài Chương Gia là được trọng vọng, tôn kính đúng thân phận quốc sư.

giáo pháp Đại thừa thường nói: “*Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạng năng giải*” (Phật pháp không có người nói, thì tuy có trí vẫn chẳng thể hiểu được). Hiện thời, sách vở thì có, nhưng thiếu người truyền thừa. Trong thời Dân Quốc, đúng là đời sau thua đời trước, đã đến thuở mạt. Trong thời Kháng chiến, nói chung còn có mười mấy vị xuất gia và tại gia hoằng dương Phật pháp. Sau thời Kháng chiến, ngày càng ít, bậc đại đức hiếm hoi, thiếu người kế tục, đặc biệt là trong năm mươi năm gần đây. Chúng ta biết: Phật giáo thật sự hoàn toàn chẳng có diện mục. Tại Đài Loan, thật sự giảng kinh, dạy học chỉ có mình thầy Lý. Cụ mở một liên xã tại Đài Trung, trong liên xã mở lớp dạy học. Cụ mở mười mấy lớp đều là dạy truyền thống văn hóa giống như giáo dục xã hội hoặc lớp huấn luyện bổ túc, không nhận học phí. Bản thân thầy Lý lắm tài nhiều nghề, biết rất nhiều thứ, có năng lực dạy dỗ. Cụ dạy học tại Đài Trung ba mươi tám năm, tịch năm chín mươi bảy tuổi. Cụ giảng kinh tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm chẳng gián đoạn, nhưng mỗi tuần chỉ giảng một buổi, ấn định buổi học nhằm ngày thứ Tư, thời gian cố định, nơi chốn cố định. Do vậy, cụ chẳng cần tuyên truyền, thứ Tư mỗi tuần đến Từ Quang Đồ Thư Quán ở Đài Trung, nhất định thấy cụ giảng kinh ở đó, mỗi tuần một lần. Cụ dạy lũ học sinh chúng tôi là những học sinh trẻ tuổi học giảng kinh cũng là mỗi tuần một lần nhằm ngày thứ Sáu, dạy chúng tôi giảng kinh; còn dạy cổ văn thì như một lớp học

nhỏ của nhóm ông Giang Dật Tử, họ học thi từ với cụ. Ngoài ra, còn có nhiều khoa mục, nhưng chính thầy tìm không ra thời gian, phải mời giáo viên từ bên ngoài đến dạy. Do là giáo dục xã hội, nên xét về điểm này, rất giống với cách thức dạy dỗ thời Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đối với Phật giáo trên toàn thế giới hiện thời, tôi nghĩ: Nếu nói đại lược, tối thiểu có sáu hình thức khác nhau mà chúng ta phải biết. *Loại thứ nhất* là giáo dục của Phật Thích Ca Mâu Ni, lão nhân gia suốt đời làm thầy; nói theo cách bây giờ, Ngài là một nhà giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, Ngài mang thân phận là một người có nghĩa vụ làm công tác giáo dục văn hóa xã hội đa nguyên, không nhận học phí. Cuộc sống rất đơn giản, ăn một bữa Ngọ, ngủ dưới gốc cây, suốt đời không xây trường học. Giảng dạy ở chỗ nào? Rừng núi, dưới cội cây, số người học chẳng ít! Vì thế, nay chúng ta nghĩ đến, thấy chẳng đơn giản. Chúng thường theo là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, những vị này chẳng rời khỏi Phật. Tôi nghĩ những người tham dự khác, tối thiểu cũng bằng số này. Nói cách khác, khi Phật dạy học, thỉnh chúng phải tới hai, ba ngàn người. Thuở ấy, đâu có máy khuếch âm, ở trong đồng trống, nếu người ta nghe không rõ ràng lắm, có còn hứng thú theo học với Phật nữa hay chẳng? Buổi tối nghỉ dưới cội cây, gió thổi, nắng hun, mưa táp đều chẳng ngại, thân kim cang bất hoại mà! Giữa trưa ăn một bữa, người ta cho gì ăn nấy, chẳng phân biệt tí nào. Đó là hạng người gì,

thân thể gì vậy? Chúng ta ngẫm lại, không có cách nào sánh bằng! Chúng ta ra ngoài đồng ở một đêm, hôm sau về nhà bèn ngã bệnh, làm sao có thể sánh bằng? Chẳng phải là một hai ngày, mà là sống như vậy suốt bốn mươi chín năm, chẳng thể khiến kẻ khác bội phục ư? Thật sự có công phu, thân lẫn tâm đều khỏe mạnh. Đây chính là Phật giáo nguyên gốc của Phật Thích Ca Mâu Ni. Lão nhân gia suốt đời chẳng lập đạo tràng là có lý của Ngài; bởi lẽ, lập đạo tràng sẽ có kẻ khởi ý niệm cong queo: *“Làm thế nào để có đạo tràng ấy?”*. Ngài không có đạo tràng, vì biết người đời sau đối với đạo tràng sẽ có tác dụng phụ: kiến giải chấp trước, tham cầu lệch lạc. Thứ gì cũng không có, chúng ta nên học theo điều này!

Phật giáo truyền sang Trung Quốc, đạo tràng do quốc gia, hoặc những vị trưởng giả đại phú kiến tạo, đều gọi là *“thập phương đạo tràng”*, đều chẳng thuộc tư nhân. Đạo tràng tự quản lý là cách thức rất hay, hết thấy những người điều hành đều được bầu ra. Do vậy, Phật môn có chế độ tuyển cử sớm nhất. Trụ trì hay Đương gia đều do tuyển cử, nhiệm kỳ một năm. Vì lẽ gì? Đây là phục vụ; phục vụ thì chẳng thể bắt người ta phải phục vụ mãi, mỗi cá nhân đều phải có nghĩa vụ này, hoàn toàn là nghĩa vụ. Vì thế, mỗi cá nhân tối thiểu phải phục vụ một năm. Trong chùa chiền, ngày ba mươi tháng Chạp, các vị chấp sự cùng từ chức, bầu cử lại. Ngày hôm sau, những người mới được tuyển cử sẽ nhậm chức vào ngày mừng một tháng Giêng, đến hôm ba mươi tháng

Chạp năm ấy sẽ cùng từ chức. Vì vậy, đây là một chế độ tốt đẹp, chẳng có ai tranh chấp, thật sự là tuyển lựa người tài năng và đức độ làm trụ trì đạo tràng; bởi lẽ, đây là một cơ cấu giáo học. Tại Trung Quốc đã có chế độ này, chính thức đi vào khuôn khổ, chính thức tiến hành công tác giáo học. Phật Thích Ca Mâu Ni là giáo học tư nhân, giống như Khổng lão phu tử cũng là giáo học tư nhân. Sau khi đạo Phật truyền đến Trung Quốc bèn có chế độ, chế độ này được gọi là “*chế độ tùng lâm*”. Trong quá khứ, Phương tiên sinh đã nhiều lần nói với tôi điều này. Thầy nói Phật giáo muốn hưng vượng, nhất định phải khôi phục chế độ tùng lâm. Chế độ tùng lâm là trường học, chính thức quản lý trường học: Chủ tịch tùng lâm là hiệu trưởng, Thủ Tọa là giáo vụ trưởng, Duy Na là huấn đạo trưởng, Giám Viện là tổng vụ trưởng, hoàn toàn giống với cách phân chia trách nhiệm trong trường đại học. Tuy khác danh xưng, nhưng chức trách như nhau, quả thật là một trường học. Đấy là trong quá khứ. Hiện thời chẳng còn nữa. Hiện nay, Phật giáo biến thành tôn giáo. Chúng ta nên biết điều này xảy ra từ thời vua Gia Khánh trở đi. Trong thời Càn Long - Gia Khánh, chùa chiền, tùng lâm Trung Quốc vẫn còn là nơi dạy học, đời nào cũng có bậc cao tăng, đại đức. Hiện nay đã biến thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận nó. Do vậy, *loại thứ hai* là tôn giáo Phật giáo. Quý vị thấy loại này lấy kinh sám Phật sự, pháp hội làm chính yếu, chẳng giảng kinh, dạy học, biến chất rồi! *Loại thứ*

ba là biến thành học thuật. Trong trường đại học, ban Triết học dùng kinh Phật để giảng dạy, tôi cũng dạy mấy năm, Phật giáo biến thành học thuật, biến chất rồi! *Loại thứ tư* là du lịch văn cảnh trong nước, tức là loại Phật giáo tham quan du lịch. Còn có một *loại rất mới*, rất “hợp thời trang” là xí nghiệp Phật giáo, nghe nói còn có cạnh tranh trên thị trường, xí nghiệp Phật giáo mà! *Loại cuối cùng* là tà giáo Phật giáo, đeo chiêu bài Phật giáo, thật ra chẳng ăn nhập gì với Phật giáo, giống như cái gọi là Pháp Luân Công, hoàn toàn sai lầm. Như vậy là tối thiểu có sáu hình thức khác nhau, chúng ta đang học loại nào, phải hiểu rõ điều này!

Do Chương Gia đại sư chỉ tôi đường lối này, dạy tôi hãy học về Phật Thích Ca Mâu Ni, tôi cũng rất vâng lời, hết sức tôn kính thầy, vâng lời thầy chỉ dạy. Sau đấy, không những thầy dạy tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni, mà còn mong tôi hãy xuất gia, đi theo con đường của Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi làm theo, chứng thực lời cụ Phương đã nói: “*Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người*”, thật là hạnh phúc sung sướng mỹ mãn. Có thử thách hay chẳng? Thử thách hết sức nhiều, thử thách đều là khảo thí. Chúng ta học Phật, đối với người, đối với sự, đối với vật, phải vĩnh viễn giữ tấm lòng cảm ơn. Quý vị sẽ luôn gặp phải hủy báng, chướng ngại, thậm chí hãm hại, quý vị phải cảm ơn những người ấy. Vì sao? Họ đến khảo ta, ta đều có thể vượt qua, chẳng oán hận, chỉ cảm ơn. Vì lẽ gì họ chướng ngại ta như thế? Đại khái là do hai

nguyên nhân: Một là trong đời quá khứ, có lẽ ta đã chướng ngại họ. Đây là oan oan tương báo. Nay chúng ta hiểu rõ, giác ngộ, tiếp nhận quả báo này, hóa giải oan nghiệt ấy. Ta chẳng trả thù họ, mà cũng đừng nên oán hận họ. Một nguyên nhân khác là từ xưa đến nay, đây là điều chẳng thể tránh khỏi. Bị đổ kị, chướng ngại là do bản thân chúng ta cư xử chẳng cẩn thận, thái độ chẳng khiêm tốn, khiến kẻ khác sanh lòng ghen ghét. Đó là ta sai, chẳng phải kẻ ấy sai, chúng ta cũng phải cảm ơn kẻ ấy. Trong Phật pháp, nơi đâu hữu duyên bèn đến đó, hữu duyên được gọi là *“thời tiết nhân duyên”*. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: *“Nhân vô thiên nhật hảo, hoa vô bách nhật hương”* (người chẳng tốt đẹp ngàn ngày, hoa chẳng thơm trăm bữa). Người và người ở chung với nhau, có thể ở chung ba năm, quý vị bèn chán ngán, nảy sanh vấn đề. Chúng ta phải biết dè dặt, cẩn thận trong khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi, phải lấy những lời chỉ dạy của Phật, Bồ tát, thánh hiền làm tiêu chuẩn ứng xử cho chúng ta, nghiêm ngặt tuân thủ, chắc chắn sẽ có ích. Đối với những kẻ thương tổn chúng ta, chúng ta dùng tâm tình báo ân để đối đãi, lâu ngày họ sẽ biết, biết rồi cũng sẽ hối cải, nhưng như thế nào? Nói xin lỗi là vấn đề thể diện! Chúng ta biết điều ấy, trong tâm kẻ ấy chẳng còn oán hận chúng ta, hóa giải rồi. Quý vị nói xem chuyện này có vui sướng lắm hay không, là chuyện tốt đẹp như thế đó!

Bởi lẽ, trong thế gian hiện tại, oan oan tương báo quá nhiều, vì lẽ gì? Quý vị đối xử với người khác, chẳng ban bố

ân đức, khó tránh kết oán với người khác. Nay vì sao con hiếu cháu hiền ít ỏi, quý vị ngắm xem chính mình có bố thí ân đức đối người ngoài hay chẳng? Bố thí ân đức mới có kẻ báo ân tìm đến. Bố thí tài vật mới có người tới trả nợ. Luôn luôn toan chiếm phần tiện nghi hơn người, đó là gì? Con cháu của quý vị là kẻ đến đòi nợ. Đâu đâu cũng ngạo nghễ, lấn áp người khác, như vậy là sẽ có kẻ tới báo oán. Phiền phức ở chỗ này. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, đều là “*tự làm, tự chịu*”. Mọi người đều là người tốt, tổ tiên dạy chúng ta “*nhân tánh bốn thiện*” (tánh con người vốn lành), Đại thừa Phật pháp dạy chúng ta “tất cả chúng sanh vốn là Phật”, chúng ta thấy người khác như thế nào? Chúng ta phải thấy người khác, hết thấy chúng sanh đều là Bồ tát, đều là Phật, thật đấy, chẳng giả đâu! Vì sao Thiện Tài chứng đắc Phật quả rất ráo viên mãn trong một đời? Xưa kia, tôi giảng kinh *Hoa Nghiêm*, giảng *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, cũng bỏ ra không ít thời gian; đáng tiếc là khi ấy ngay cả máy thu âm cũng chưa có. Tôi giảng kinh được một nửa bèn hiểu rõ, biết bí quyết thành tựu của Ngài chính là: Trong lòng Ngài, chúng sanh toàn là thiện tri thức, toàn là Phật, Bồ tát, cho nên Ngài thành tựu. Tôi quan sát cẩn thận, tìm ra thông tin này từ kinh điển: Thầy của Ngài là Bồ tát Văn Thù. Ngài đắc Căn bản trí nơi Bồ tát Văn Thù, mà cũng là đắc thanh tịnh tâm, đại triệt đại ngộ. Ngộ rồi khởi tu, khởi tu là gì? Khởi tu là sống. Bồ tát Văn Thù bảo Ngài đi tham học, năm mươi ba

lần tham học. Tham học là gì? Tiếp xúc các tầng lớp trong xã hội, hết thấy mọi người mà quý vị tiếp xúc từ sáng đến tối toàn là Phật, toàn là Bồ tát, chỉ có một mình ta là phàm phu. Ngài mang tâm thái như vậy, áp dụng toàn bộ những điều đã học từ chỗ thầy vào cuộc sống, áp dụng trong công việc, áp dụng trong xử sự, đãi người, tiếp vật.

Khi thầy Phương giới thiệu kinh *Hoa Nghiêm*, đã bảo tôi: Kinh *Hoa Nghiêm* có lý luận viên mãn, có phương pháp thiện xảo, cuối kinh lại còn có biểu diễn. Năm mươi ba lần tham học là biểu diễn, quý vị thấy: Dem đạo lý và phương pháp áp dụng vào cuộc sống, công tác, vào xử sự, đối nhân xử thế cho quý vị thấy. Cụ nói bộ sách giáo khoa này, cụ quan niệm kinh *Hoa Nghiêm* là Phật học khái luận bậc nhất trên thế giới, tìm chẳng ra loại tài liệu giảng dạy thứ hai nào tốt đẹp như thế. Vì thế, vào tuổi xế chiều, lão nhân gia dạy Triết học *Hoa Nghiêm* cho chương trình tiến sĩ ở Đại học Phụ Nhân (đại học của Giáo hội Công Giáo) đúng là thỏa thích. Chúng tôi được thầy chỉ dạy, mới biết Phật pháp thù thắng khôn sánh. Phật pháp quả thật có thể giải quyết vấn đề của chính mình. Bản thân tôi có rất nhiều vấn đề, trong đời quá khứ chẳng tu phước báo. Số mạng có thật! Quý vị đọc *Liễu Phàm Tứ Huấn*, thấy tiên sinh Liễu Phàm được Khổng tiên sinh đoán mạng, suốt hai mươi năm chẳng sai mảy may: Thu nhập hàng năm, thứ tự đỗ đạt, địa vị đẳng cấp mỗi năm đã định trước trong số mạng. Trong cuộc sống hằng ngày, tiên sinh Viên Liễu

Phàm chuyện gì cũng chẳng nghĩ tới, cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong thiền đường suốt ba ngày ba đêm, chẳng khởi một niệm. Loại người này rất ít, thiền sư Vân Cốc rất kinh ngạc, ba ngày ba đêm chẳng khởi một niệm, công phu này khá lắm! Liên hỏi ông ta: “Ông tu như thế nào?”. Ông ta liền đáp rất thật thà: “Con chẳng có công phu gì! Số mạng đã được người khác đoán sẵn, khởi niệm vô ích, chẳng thà coi như xong, chẳng khởi niệm nữa!”. Thiền sư Vân Cốc cười, bảo: “Ta ngỡ ông là thánh nhân, hóa ra ông vẫn là phàm phu”. Ông ta hỏi: “Sao thầy nói vậy?”. Sư bèn giải thích: Đây là một người thật sự hiểu mạng vận, chẳng khởi vọng tưởng. Quý vị tin vào số mạng, hãy xem thiền sư Vân Cốc dạy ông Viên phương pháp sửa đổi số mạng. Số mạng của quý vị do đâu mà có? Do các nghiệp nhân trong đời quá khứ tạo thành.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi; Ngài đã già, lớn hơn tôi ba mươi chín tuổi, khi ấy, tôi hai mươi sáu tuổi, lão nhân gia đã sáu mươi lăm tuổi. Sư đã gặp nhiều người. Theo Sư nhận định, con người tôi ngoại trừ có chút thông minh nhỏ nhặt, trong số mạng chẳng có của cải, chẳng có địa vị, là kẻ bần tiện, có số ăn mày! Còn có một chút thiện căn, đây là điểm khó có: Biết tôn sư trọng đạo, hiếu thuận cha mẹ, thọ mạng chỉ được bốn mươi lăm tuổi. Tôi tin tưởng lời Sư. Vì thế, Ngài giúp tôi, dạy tôi tu ba điều: Tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí, để sửa đổi số mạng. Tài bố thí thì tôi không có tiền, mỗi tháng bản thân

chỉ có chút tiền lương, đời sống khá chật vật, tiền đâu để bố thí? Ngài hỏi tôi: Có các nào hay không? Một các cũng được! Một đồng có được hay không? Một đồng vẫn được! Anh hãy bố thí từ một các, một đồng, trước hết, phải có ý nguyện bố thí. Về sau, tôi thường đến chùa miếu mượn kinh xem, chẳng có chi khác, chùa miếu có kinh sách, mua bên ngoài chẳng được. Thấy nhà chùa in kinh sách, bèn quyên góp một ít tiền, chúng ta bỏ ra năm mươi xu, hay một đồng đều được, làm từ chỗ này. Phóng sanh thì lúc tôi mới học Phật bèn phóng sanh, in kinh, đúng là càng thí càng nhiều, chẳng giả tí nào! Sau này, theo thầy Lý học kinh giáo, rồi đi giảng kinh. Giảng kinh là pháp bố thí. Đại khái, tôi giảng kinh mười một, mười hai năm, có lần gặp Cam Châu Hoạt Phật (Kanjurwa Khutughtu), vị này đã khuất, cũng là học trò của Chương Gia đại sư, cũng có địa vị rất cao trong Phật giáo theo truyền thống Tây Tạng. Có một lần, Sư cho tôi biết: “Pháp sư Tịnh Không, thầy đến đây, tôi có lời muốn nói với thầy”. Tôi nói: “Thưa Phật gia, chuyện gì thế?”. Tôi và Sư rất thân thuộc. Sư nói: “Chúng tôi phê bình sau lưng thầy”. Tôi hỏi: “Phê bình tôi điều gì?”. Sư nói: “Thầy là người rất thông minh, cũng là một người tốt, rất đáng tiếc mạng thầy rất khổ, đoán mạng”. Tôi đáp: “Chuyện này có thể nói trước mặt mà! Tôi biết rất rõ, tôi đâu bận tâm chuyện này”. Sư nói: “Mấy năm nay, thầy giảng kinh công đức rất lớn, số mạng của thầy đã chuyển biến”. Tôi hỏi: “Thật sao?”. “Thật

đó! Thầy thọ mạng rất dài, phước báo rất lớn”. Tôi cũng chẳng cầu phước báo, cũng chẳng cầu tuổi thọ, thật đấy! Sư nói với tôi chuyện này xong, năm sau bèn vãng sanh, tôi không ngờ Sư vãng sanh nhanh như vậy!

Vì thế, gặp được Phật pháp, vận mạng mới chuyển biến rất lớn, mỗi một lần bị vùi dập là một lần được tiến triển với mức độ lớn, đồng học ở cạnh tôi đều đích thân thấy điều này. Chúng ta học Phật chỉ có một sứ mạng: Mong cho chính pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni tồn tại lâu dài, học đòi Phật Thích Ca Mâu Ni giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Phá mê khai ngộ bằng giáo học. Con người khổ nạn, xã hội gặp tai nạn là vì đâu? Đều do chúng sanh mê hoặc, điên đảo, tạo tác nghiệp bất thiện mà chiêu cảm. Làm thế nào để giúp chúng sanh, giúp xã hội hóa giải tai nạn? Dùng ngay biện pháp quen thuộc của Phật Thích Ca Mâu Ni, giảng kinh, dạy học. Bởi lẽ, người giảng kinh dạy càng đông, kẻ được giáo hóa càng nhiều, người giác ngộ càng lắm, nhiều vấn đề trong xã hội sẽ được giải quyết, cái gọi là “thiên tai” cũng dần dần bị hóa giải, chuyện này là thật, chẳng giả! Tiến sĩ Giang Bồn Thăng làm thí nghiệm trên nước, mới đây đã triệu tập một hội nghị tại Đông Kinh, có mời tôi. Tôi viết một bài diễn giảng, giao cho cư sĩ Chung Mậu Sâm thay tôi tham dự, báo cáo trong đại hội. Khoa học chứng minh ý niệm của chúng ta chẳng thể nghĩ bàn. Bởi lẽ, theo giáo pháp Đại thừa, vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp do đâu mà có? Ta do đâu mà

có? Đức Phật nói rất rõ ràng: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Vì thế, chúng ta giải quyết vấn đề của chính mình, sẽ giải quyết vấn đề nơi hoàn cảnh. Đối với thiên tai trong môi trường hiện thời, Phật pháp đã dạy chúng ta một nguyên tắc chỉ đạo tối cao, tức là quý vị phải thật sự hiểu: “*Tướng do tâm sanh, cảnh chuyển theo tâm*”. Chỉ cần chuyển biến cái tâm. Giáo học của Phật pháp không có gì khác, dạy bảo chúng ta hãy chuyển ác thành thiện. Thập Thiện Nghiệp Đạo là tiêu chuẩn trong nhà Phật. Quý vị đừng coi thường mười điều này. Trong Đại thừa Bồ tát pháp, triển khai thành tám vạn bốn ngàn oai nghi, tức là mười điều này mở rộng thành tám vạn bốn ngàn điều, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, tu Thập Thiện viên mãn thì tám vạn bốn ngàn điều quý vị đều thực hiện, quý vị sẽ thành Phật!

Trước đây, tôi đã giảng kinh *Vô Lượng Thọ* mười lần, nhưng lần này, tôi chẳng giảng kinh mà giảng chú giải, giảng chú giải của ai? Giảng bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Hoàng lão cư sĩ với tôi là bạn bè, mà cụ cũng là thầy của tôi. Cụ có cùng vai vế với thầy tôi. Lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của đại sĩ Mai Quang Hy. Mai đại sĩ và cụ Hạ Liên Cư là sư huynh, sư đệ, bạn bè hết sức thân thiết. Cụ Hoàng Niệm Tổ là cháu gọi cụ Mai Quang Hy bằng cậu, là học trò cụ Hạ Liên Cư. Do trước kia chưa từng gặp mặt, nhưng tôi từng nghe cụ Lý nhắc đến tên cụ Hoàng, có chút ấn tượng như thế đối với cụ Hoàng Niệm Tổ. Thuở ấy, năm 1986, tôi là hội

trưởng của Hoa Phủ Phật Giáo Hội tại Washington, Mỹ Quốc. Các đồng tu tới bảo tôi: Họ tính mời một vị thượng sư Mật tông sang Mỹ hoằng pháp. Khi đó, tôi nghe xong, không cho là đúng: “Chúng ta là Tịnh Độ Tông, chớ nên dính dáng môn phái khác!”. Tôi nói: “Chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu”. Tôi hỏi họ: “Vị đại đức Mật Tông ấy là ai thế?”. Họ thưa: “Hoàng Niệm Tổ”. Trong đầu tôi có ấn tượng về Hoàng Niệm Tổ, tôi nghĩ mãi mới ra, tôi hỏi: “Có phải ông ta là cháu cụ Mai Quang Hy hay chăng?”. Họ đáp: “Đúng vậy”. Tôi bảo: “Hãy thỉnh ông ta sang”. Thầy Lý đã nói đến vị này mấy lần, tôi tưởng cụ là người lớp trước, đã tịch rồi, [nào ngờ] cụ vẫn còn trong nhân gian, rất khó có! Những điều cụ giảng là chân truyền, không có vấn đề gì! Vị này được đích thân cụ Mai và cụ Hạ uốn nắn, dạy dỗ, tôi nói: “Vị đại đức này khó có, quý vị hãy thỉnh cụ đến đây”. Thỉnh cụ đến như thế đó.

Thỉnh đến rồi mới biết, cụ hoằng dương bản hội tập này trong nước, tôi hoằng dương tại hải ngoại. Cụ nghe nói xong, hai người chúng tôi hết sức cao hứng. Điều hết sức khó có là khi ấy, cụ vừa viết xong bản chú giải, in bằng ronéo, chữ in lò mờ, chằng rõ ràng. Chúng ta biết: In thứ gì bằng ronéo, nhiều nhất là không hơn một trăm bản. In hơn một trăm bản, giấy sếp (stencil) sẽ chằng thể dùng được nữa. Cho nên cụ mới phải dùng bản in như vậy. Đương nhiên, bộ sách cụ mang sang Mỹ, nhất định là chọn bản in tương đối rõ ràng

một chút để tặng cho tôi; tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ. Cụ mong tôi viết lời tựa, do vậy, lời tựa bộ chú giải ấy, là do tôi viết. Trước kia, tôi sang Bắc Kinh vài lần, toàn là đến gặp cụ, vì gặp cụ mà sang đó. Mỗi một lần sang đó, chúng tôi đều có một khoảng thời gian rất dài để thảo luận các vấn đề Phật pháp. Cụ dạy tôi rất nhiều; do vậy, chúng tôi là bạn bè thân thiết, mà cụ cũng là thầy tôi, tôi cũng cảm kích ân đức của cụ. Bản hội tập này của cụ Hạ đầu phải là để có, phàm phu làm sao có thể làm được! Các lần hội tập trong quá khứ, các bản hội tập của Vương Long Thu, Ngụy Mặc Thâm, hay tiết bản (bản trích lục, phân chia thành chương đoạn) của Bàn Tế Thanh đều có vấn đề, vẫn chưa thể coi là bản tận thiện tận mỹ. Đọc bản này, nếu quý vị xem lời tựa rất dài của cư sĩ Mai Quang Hy, sẽ thấy cụ Mai viết hết sức rõ ràng. Do vậy, ở Đài Trung, sau khi bản này truyền đến Đài Trung, thầy Lý đã giảng kinh này một lượt. Khi ấy, kinh chưa có chú giải, chính cụ Lý dùng bút lông viết lời mi chú^{3[3]} kỹ càng, đầy đủ. Khi cụ giảng bộ kinh này, tôi còn chưa đến Đài Trung, chưa được nghe, nhưng cụ đem bản mi chú này trao cho tôi, tôi có thể đọc hiểu; dùng bản này, tôi cũng có thể giảng, có năng lực này. Do vậy, khi đó, chúng tôi đã tính giảng bộ kinh này, trình lên thầy. Thầy bảo chưa được, chưa đến lúc, chưa đến thời tiết nhân duyên. Vì thế, các đồng tu ở Đài Bắc đã in kinh xong, nhưng rốt cuộc đổi sang giảng kinh *Lãng Nghiêm*; tôi

3 [3] Mi chú là viết lời chú thích ở đầu mỗi trang.

ở Đài Bắc, trước sau đã đem kinh *Lãng Nghiêm* học được từ lão nhân gia giảng bảy lần.

Do nguyên nhân gì? Đổ ky, chướng ngại. Tại Đài Loan, mọi người có thành kiến đối với cụ Hạ, đối với thầy Lý cũng có thành kiến, nên thầy bảo tôi hãy tránh né. Đến khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở Mỹ, nghĩ thầy đã cho tôi bản này, rất nhiều người chưa thấy bản này, tôi liền phát tâm in một vạn cuốn. Năm sau, tức năm 1987, in xong xuôi, bèn cho lưu thông, tại ngoại quốc, các đồng học ở Mỹ thấy bản này hết sức thích thú, liền thỉnh tôi giảng giải. Vì thế, tôi giảng kinh *Vô Lượng Thọ* lần đầu tiên tại Vancouver, Gia Nã Đại. Lần thứ hai, tại thành phố San Francisco. Trước sau, giảng tất cả mười lần, kinh mới được giảng giải, lưu thông như vậy. Lần này, tôi mang theo nguyên bản kinh này, tặng cho ông Hồ Tiểu Lâm làm kỷ niệm. Ông ta cũng thọ trì kinh *Vô Lượng Thọ*, số lần đọc tụng rất nhiều. Từ nay về sau, chúng ta phải vĩnh viễn lưu truyền kinh *Vô Lượng Thọ*. Chúng ta cảm tạ ân đức hội tập của cụ Hạ, cảm tạ cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhọc lòng chú giải bộ kinh này. Vì thế, lần này, tôi phát tâm giảng bản chú giải của cụ, gọi là Diễn Nghĩa. Quý vị thấy kinh *Hoa Nghiêm* có Diễn Nghĩa, đối với kinh *Di Đà*, Liên Trì đại sư có tác phẩm *Sớ Sao*. Học trò của Liên Trì đại sư lại chú giải *Sớ Sao* gọi là Diễn Nghĩa. Đại khái, đối với diễn nghĩa, các vị có khái niệm sâu nhất, như là tiểu thuyết *Tam Quốc Diễn Nghĩa*. Chúng ta dùng phương pháp này để cùng nhau học

tập, nhằm thâm nhập, thấu triệt, theo phương pháp giống như ông Hồ Tiểu Lâm học tập tác phẩm *Tu Hoa Nghiêm Áo Chỉ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*, từng câu, từng chữ chúng tôi đều giảng rõ ràng.

Trong những năm qua, chúng tôi gặp nhiều người thuộc giới học thuật, đặc biệt là đối với sinh viên đại học hiện thời, cảm thấy họ không giống thuở trước. Xưa kia, khi tôi dạy tại đại học, sinh viên kể ra cũng khá lắm. Khi lên lớp, chúng tôi đã không theo cách dạy thời cổ, mà là giảng giải, giảng hai tiếng đồng hồ, sinh viên thường rất yên lặng lắng nghe. Trong nhà trường hiện thời, không thể làm như vậy được! Sức chú ý của học sinh trong nhà trường hiện thời đại khái chỉ có mười lăm phút. Sau mười lăm phút, họ sẽ không để tâm nữa. Do vậy, tôi thường đem chuyện này hỏi các giáo sư: “Quý vị dạy trong trường, dạy như thế nào?” Họ nói: “Giảng bài mười lăm phút”. Sau đó thì sao? Sau đó là nói chuyện phiếm, dùng phương pháp này cho qua thời gian. Chúng tôi thấy điều này hết sức khó chịu, cũng là do học sinh tánh khí hời hợt. Nói cách khác, đời chúng nó thiếu mục tiêu, thiếu phương hướng, mù quáng, hiện tượng này rất đau xót. Bởi vậy, tôi nghĩ tới hai câu nói của Khổng phu tử, hôm nay tôi đặc biệt nêu ra hai câu này: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*”. Dùng hai câu nói này làm thái độ học vấn, rất hay! “*Thuật nhi bất tác*” là gì? Không sáng tạo, không phát minh. Phu tử tự nói sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền

cả đời Ngài toàn là những thứ do cổ thánh tiên hiền đã nói, không có gì là của chính mình! Chúng ta có tin được hay chẳng? Tôi học Phật nhiều năm như thế mới tin tưởng, đặc biệt là đối với những điều được nói trong kinh *Hoa Nghiêm* và bộ *Hoàn Nguyên Quán*, vì sao? Cổ thánh tiên hiền đều kiến tánh, thật sự minh tâm kiến tánh. Tôi từng hỏi thầy Lý: “Thưa thầy! Khổng Tử, Mạnh Tử, Lão Trang có phải là Phật, Bồ tát tái lai hay chẳng?”. Thầy mỉm cười, bảo tôi: “Nói theo lý thì được, nhưng trên mặt sự thiếu chứng cứ”. Phẩm *Phổ Môn* nói “nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy”, nhưng họ chẳng bộc lộ thân phận. Vì thế, chúng ta có thể nói theo lý thì thông suốt, họ đều là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Kiến tánh sẽ viên mãn, quý vị chẳng thể thêm hay bớt chút nào, luôn là viên mãn. Người ấy chứng viên mãn, mà quý vị minh tâm kiến tánh cũng chứng viên mãn.

Quý vị mới biết những bậc đại thánh đại hiền giúp người, tâm địa thanh tịnh lắm, thật sự chẳng nhiễm mảy trần, chẳng có vọng niệm nào. Nếu tôi giúp quý vị như thế là có ân đối với quý vị. Đây là vọng niệm. Không có vọng niệm ấy, chẳng có mảy may nào! Cho nên các Ngài thanh tịnh, tự tại, chúng ta nhất định phải hiểu điều này! Hiện thời, con người hiểu lầm Phật giáo rất sâu, khi chúng ta giảng giải, phải đặc biệt giảng rõ ràng. Người Ấn Độ nói Phật, người Hán nói “Thánh nhân”. Phật nghĩa là gì? Nghĩa là giác ngộ. Thánh là

gì? Thánh có nghĩa là hiểu rõ! Hiểu rõ chẳng phải là giác ngộ ư? Giác ngộ chẳng phải là hiểu rõ ư? Bởi lẽ, Tự - Tha là một, chẳng hai. Chúng ta xưng tụng Khổng Tử là Chí Thánh Tiên Sư, chúng ta cũng có thể xưng tụng Phật là “*Chí Thánh Bốn Sư*”. Dùng cách xưng hô như vậy, mọi người sẽ chẳng cảm thấy mê hoặc, sẽ không nói Phật giáo là tôn giáo. Chí Thánh Bốn Sư, về căn bản là một bậc thầy.

Đây là lần thứ mười một tôi giảng bộ kinh này, dùng *Đại Kinh Giải Diển Nghĩa*, hoàn toàn dựa theo bản chú giải của thầy Hoàng Niệm Tổ. Chúng ta báo ân cụ Hạ đã vì chúng ta hội tập một bộ sách viên mãn như vậy, hy hữu khó gặp gỡ! Tôi tin cụ Hạ chẳng phải là người thường, mà là bậc tái lai. Tôi từng hỏi cụ Hoàng. Cụ Hoàng khẽ gật đầu, bảo: “Chớ nên nói điều này với người ngoài”. Chúng tôi biết, trong tâm hiểu rõ: Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cũng không phải là người tầm thường, trong hoàn cảnh khó khăn như thế mà viết ra một bộ chú giải như vậy, quá khó có! Sưu tập lắm tài liệu như thế. Tôi đã đến nhà cụ vài lần, thấy các tài liệu chất đống trong thư phòng. Quả thật là Tam Bảo gia trì, gần như cụ nghĩ đến thứ gì, đều có người tặng cho. Người tầm thường có thể được như vậy hay chẳng? Bộ kinh hay như thế, bản chú giải tuyệt như thế, nếu chúng ta chẳng sốt sắng học tập, há chẳng phụ lòng cụ Hạ? Há chẳng khiến cụ Hoàng thất vọng? Há khỏi phụ lòng Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này? Báo ân Phật, báo ân thầy, báo ân

quốc gia, báo ân chúng sanh, chúng ta dùng phương pháp diễn nghĩa này cũng là nghiêm túc, cẩn thận học tập. Đó là nhân duyên giảng kinh lần này. Trong thời đại này, phương thức báo ân cụ thể là phải dùng phương pháp này, chúng tôi làm trước tiên.



**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**



TẬP 2



Ba chữ “Hội Tập Bản” chẳng cần bàn đến, từ *Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giải* sẽ có thể hiểu rõ. Chúng ta dùng bản này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư ở huyện Vận Thành, tỉnh Sơn Đông hội tập, người chú giải là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ Hoàng cũng là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông. Chú giải có tất cả bốn quyển, nay chúng ta in thành một tập. Bản quý vị vừa xem, tức là bản tôi đang cầm đây được chỉnh lý vào năm ngoái. Bản này được lưu thông rất nhiều, trong ngoài nước, hồi mười năm trước, chúng tôi in lần đầu một vạn bản. Sau này, gần như hàng năm đều có số lượng bản in tương đương được lưu thông. Xin xem quyển thứ nhất. Chúng ta học tập lần này, hoàn toàn học tập bản chú giải của cụ Hoàng. Chúng ta báo đáp vị lão nhân này lúc tuổi già đã một phen khổ tâm, kế thừa hoằng nguyện của thầy, mong muốn Tịnh Tông được vĩnh viễn truyền thừa.

Nay chúng ta bắt đầu Quyển thứ nhất.

“Tùng tiền ngôn, khái yếu, chí chính thích kinh văn đệ nhất phẩm chí đệ tam phẩm” (Từ lời nói đầu, phần khái yếu cho đến phần giải thích Chính kinh từ phẩm thứ nhất đến phẩm thứ ba), cho biết nội dung Quyển thứ nhất là giảng

đến phẩm thứ ba của chính kinh. Cả bộ kinh có bốn mươi tám phẩm.

Trước hết, chúng ta xem phần thứ nhất là *Tiền Ngôn* (lời nói đầu).

“Phù Tịnh Độ pháp môn giả, nãi Nhất Thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy, tam căn phổ bị, phạm thánh tề thân, hoành siêu tam giới, kính đặng tứ độ, cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn dã” (Pháp môn Tịnh Độ là Nhất Thừa liễu nghĩa, muôn điều thiện cùng quy vào, độ khắp ba căn, phạm lẫn thánh đều được tiếp độ, con đường tắt ngang vượt khỏi tam giới, mau lên bốn cõi, cực viên, cực đốn, là pháp môn vi diệu chẳng thể nghĩ bàn).

Đoạn mở đầu này là một tiểu đoạn nhằm tán thán Tịnh Độ, tán thán Tịnh Độ đến tột bậc. Có đúng là như vậy hay chẳng? Phật Thích Ca giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, trong bốn mươi chín năm nói rất nhiều kinh, bộ kinh nào trọng yếu nhất, kinh nào là kinh bậc nhất? Chúng ta nghĩ như vậy, chẳng biết cổ nhân đã sớm có cách nói như vậy. Trong thời đại Tùy - Đường, các vị đại đức phương Đông lẫn phương Tây, phương Đông là những cao tăng, tổ sư đại đức Trung Quốc, phương Tây là các vị đại sư từ Ấn Độ sang phương Đông truyền đạo, dịch kinh. Trong đó, còn bao gồm các đại đức Nhật Bản hay Hàn Quốc tới học ở Trung Quốc. Sau đó, họ trở về nước, đều thành bậc tôn sư trong

nước mình, như mười ba tông phái của Nhật Bản^{4[5]} đều từ Trung Quốc truyền sang. Thuở ấy, có tổ sư đại đức nêu ra câu hỏi như thế này: Trong các bộ kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, bộ kinh nào có thể đại diện cho kinh giáo cả một đời đức Thế Tôn?”. Các vị đại đức gần như đều công nhận *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, mọi người công nhận. Bất luận tông, phái nào cũng đều thừa nhận. Do vậy, kinh *Hoa Nghiêm* biến thành căn bản pháp luân trong Phật pháp, giống như một cây to, đây là cội, đây là rễ, tất cả các chi phái đều từ căn bản này mà phát triển ra. Lại truy cứu đến chỗ quy túc cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm*, là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát dẫn về Cực Lạc. Đây là khí tượng^{5[6]} như thế nào?

Bốn Sư của thế giới Hoa Tạng là Tỳ Lô Giá Na Như Lai. Văn Thù, Phổ Hiền giúp Phật Tỳ Lô Giá Na giáo hóa chúng sanh, họ là hai đại đệ tử thủ lãnh trong hàng đệ tử. Văn Thù chủ trì Giải Môn, tượng trưng cho trí huệ; Phổ Hiền chủ trì Hạnh Môn, tượng trưng cho tu chứng. Một đẳng là Hạnh Môn, một

4 [5] Mười ba tông phái của Phật giáo Nhật Bản là 1) Hoa Nghiêm Tông (do Lương Biện sáng lập). 2) Thiên Thai Tông (do Tối Trùng sáng lập). 3) Pháp Tướng Tông (do Đạo Chiêu sáng lập). 4) Luật Tông (do Giám Chân sáng lập). 5) Lâm Tế Tông (do Vinh Tây sáng lập). 6) Tào Động Tông (do Đạo Nguyên và Oánh Sơn sáng lập). 7) Hoàng Bá Tông (do Ấn Nguyên Long Kỳ sáng lập). 8) Nhật Liên Tông (do Nhật Liên sáng lập). 9) Dung Thông Niệm Phật Tông (do Lương Nhẫn sáng lập). 10) Thời Tông (do Nhất Biến sáng lập). 11) Tịnh Độ Tông (do Pháp Nhiên sáng lập). 12) Tịnh Độ Chân Tông (do Thân Loan sáng lập). 13) Chân Ngôn Tông (do Không Hải sáng lập). Tuy có mười ba tông, nhưng nếu xét đến pháp môn hành trì và kinh điển chánh yếu làm chỗ y cứ thì chỉ có bảy tông là Hoa Nghiêm (Hoa Nghiêm Tông), Thiên Thai (Thiên Đài Tông, Nhật Liên Tông), Duy Thức (Pháp Tướng Tông), Luật Tông, Thiền Tông (Lâm Tế, Tào Động, Hoàng Bá), Tịnh Độ (Dung Thông Niệm Phật Tông, Thời Tông, Tịnh Độ Tông, Tịnh Độ Chân Tông) và Mật Tông (Chân Ngôn Tông).

5 [6] Chữ Khí Tượng ở đây không có nghĩa là thời tiết mà có nghĩa là bối cảnh, tình huống chung.

đăng là Giải Môn. Đến cuối cùng, Phổ Hiền Bồ tát, kinh *Hoa Nghiêm* lấy Thiện Tài đồng tử làm đại biểu, dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Qua kinh điển, chúng ta thấy hai vị Bồ tát này: Văn Thù là thầy của bảy vị Phật, học trò đều thành Phật, nhiều người đã thành Phật, Ngài vẫn giữ thân phận Bồ tát, vẫn phù tá Phật Tỳ Lô Giá Na dạy dỗ hàng Pháp Thân đại sĩ, từ bi đến tột bậc! Đây gọi “*đạo giá Từ hàng*” (thả chiếc bè Từ). Ngài đã thành Phật, bèn lui xuống địa vị Bồ tát, điều này có ý nghĩa biểu thị pháp rất sâu. Phật dạy chúng sanh chẳng dễ, vì sao? Phật tượng trưng cho bản thể, tượng trưng Pháp Tánh. Pháp Tánh không có tướng, Pháp Tánh là gì? Pháp Tánh là Thường Tịch Quang. Chúng ta gọi cõi cao nhất trong bốn cõi Tịnh Độ là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, “*thường tịch*” chỉ Pháp Tánh. Thường Tịch Quang chẳng phải là vật chất, mà cũng chẳng phải là tinh thần; cả hai phương diện này đều chẳng bàn luận được, do không có cách nào, nên gọi nó là Thường Tịch Quang. “*Thường*” là vĩnh hằng bất biến, chữ Thường mang ý nghĩa này! “*Tịch*” là thanh tịnh tịch diệt. Quý vị thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư đã kiến tánh, câu nói đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, Tịch mang ý nghĩa này. Diệt là gì? Diệt là diệt hết thấy phiền não. Kinh *Hoa Nghiêm* gọi phiền não là “*vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Trong giáo pháp Đại thừa, vọng tưởng được gọi là Vô minh phiền não, hoặc gọi là Căn bản vô minh, phân biệt được gọi là Trần sa phiền não; kinh

Đại thừa gọi chấp trước là Kiến Tư phiền não. Danh xưng khác nhau, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Đối với những điều kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, chúng ta hiểu dễ dàng, nhưng rất khó thể hiểu nổi ý nghĩa thật sự, chúng ta hiểu theo kiểu nuốt trọn quả táo! Do vậy, Căn bản Vô minh, Trần sa, Kiến Tư như kinh Đại thừa đã nói chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng giảng giải sẽ trở nên dễ lý giải hơn. Chúng ta nên biết những danh từ thuật ngữ trong kinh giáo là bất định. Do vậy, chúng ta “*y nghĩa, chẳng y ngữ*”, phải hiểu ý nghĩa của chúng, đừng chấp trước nơi ngôn ngữ, văn tự, danh tướng. Hiểu những ý nghĩa được tượng trưng bởi chúng là được rồi!

Chúng ta học Phật, phải biết tư tưởng trung tâm trong giáo pháp suốt một đời Phật Thích Ca Mâu Ni là gì? Là Tịnh Độ. Trong hội Hoa Nghiêm, ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền suất lãnh bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ của thế giới Hoa Tạng, từ Sơ Trụ Bồ tát đến Thập Địa Bồ tát, kể cả Đẳng Giác là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, đến nơi đâu? Đến thế giới Cực Lạc, lễ bái Phật A Di Đà. Chúng ta hãy suy ngẫm cảnh giới này, sẽ thấy Phật Tỳ Lô Giá Na có lòng độ lượng rất lớn. Không những Phật Tỳ Lô Giá Na chẳng phản đối, mà Phật Tỳ Lô Giá Na còn vui vẻ: “Tốt! Các quý vị sang đó hay lắm! Sang gặp Phật A Di Đà”. Vì sao? Phật A Di Đà và Phật Tỳ Lô Giá Na bất nhị, là một, chẳng hai. Vì sao sang thế giới Cực Lạc? Vì thế giới Cực Lạc Phật A Di Đà có phương tiện thiện xảo, giúp chúng ta tu hành chứng quả, rút ngắn thời gian

rất nhiều. Trong thế giới Hoa Tạng, nói về bậc Sơ Trụ Bồ tát trong Viên Giáo, chứng đắc Phật quả rốt ráo viên mãn phải mất thời gian bao lâu? Ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Sơ Trụ Bồ tát minh tâm kiến tánh trong Viên Giáo hay Sơ Địa Bồ tát trong Biệt Giáo, bắt đầu tính từ ngày đó, cần thời gian dài ngắn ấy. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một ngày bèn viên mãn, đó gọi là gì? Niệm và kiếp viên dung chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, có thể nói, Thế giới Cực Lạc rất thù thắng! Cho nên, cổ đại đức bảo: Khi truy cứu đâu là tột đỉnh của Phật pháp, từ *Hoa Nghiêm* chúng ta truy tới *Vô Lượng Thọ*, kinh *Hoa Nghiêm* tới cuối cùng trở về kinh *Vô Lượng Thọ*. Kinh *Vô Lượng Thọ* chuyên giảng thế giới Cực Lạc.

Kinh *Vô Lượng Thọ* có chín bản, có thể nói bản này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bản hay nhất; trong năm bản dịch, bản này được coi là bản hoàn chỉnh nhất, đây là công trình tổng hợp hoàn thiện năm bản dịch gốc. Từ đời Tống trở đi, đã có người muốn làm chuyện này, Vương Long Thư hoàn thành đầu tiên. Trong phần sau, sẽ nói rõ. Ông ta hội tập khá lắm, nhưng vẫn có tỳ vết, chưa phải là tận thiện, tận mỹ. Về sau, trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm hội tập lần thứ hai, đương nhiên hay hơn bản của Vương Long Thư. Vương Long Thư chỉ đọc bốn bản dịch gốc, còn Ngụy Mặc Thâm xem trọn năm bản dịch gốc, hội tập cũng khá, nhưng vẫn chưa tận thiện, tận mỹ, trong ấy có

vấn đề. Mãi cho tới cuối cùng, đầu thời Dân Quốc, lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập lần thứ ba. Rất lạ lùng, ba lần hội tập đều là tại gia cư sĩ, tại gia Bồ tát, cho thấy pháp môn Tịnh Độ có duyên vô cùng thù thắng với kẻ tại gia, cho nên ba lần hội tập đều do hàng tại gia. Trong ấy, có nghĩa thú biểu thị pháp sâu xa, thành tựu thù thắng khôn sánh, trong những phần sau chúng ta sẽ thấy những điều này.

Mở đầu, cụ Hoàng giới thiệu với chúng ta, cụ bảo pháp môn này là Nhất Thừa Liễu Nghĩa. Kinh *Nhất Thừa* là gì? Trong kinh *Pháp Hoa*, đức Thế tôn đã nói rõ chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian này để giáo hóa chúng sanh. Phẩm *Phương Tiện* của kinh *Pháp Hoa* có nói: “*Thập phương Phật độ trung, duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị, diệt vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (Trong mười phương cõi Phật, chỉ có pháp Nhất Thừa, không hai, cũng không ba, trừ Phật nói phương tiện). Bài kệ này hết sức trọng yếu, nói cách khác, đức Phật giảng Tam thừa hay giảng Nhị thừa là nói phương tiện; nói chân thật thì sao? Nói chân thật là pháp Nhất thừa. Nhất thừa là Phật thừa, nói cách khác, pháp môn này nhằm dạy người ta thành Phật, lại còn thành Phật ngay trong một đời; đó là pháp Nhất thừa

Chữ Nhất Thừa theo cách giải thích thông thường trong kinh Phật: Thừa (乘) là ví như cỗ xe, cỗ nhân dùng xe làm tỷ dụ. Đại thừa là cỗ xe lớn. Thời cổ, xe lớn là xe ngựa. Xe ngựa to, có thể ngồi được nhiều người. Tôi nhớ lúc nhỏ đi học tại

Nam Kinh, đi học bằng xe ngựa, một cỗ xe ngựa chở được bao nhiêu học trò? Mười bốn đứa, ngồi xe ngựa đi học. Tiểu thừa là xe dê hay xe nai. Xe dê hay xe nai khá nhỏ, chỉ ngồi được một, hai người. Trong kinh *Pháp Hoa*, đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. “Thừa” có nghĩa là chuyên chở. “*Phật thuyết Nhất Thừa chi pháp, vị linh chúng sanh, y thử tu hành, xuất ly sanh tử khổ hải, vận chí Niết bàn bỉ ngạn*” (Phật nói pháp Nhất Thừa để làm cho chúng sanh nương theo pháp này tu hành, thoát khỏi biển sanh tử, chở đến bờ Niết bàn bên kia). Niết bàn này là Niết bàn rốt ráo. Niết bàn của Tiểu thừa cũng gọi là Niết bàn, nhưng là Thiên Chân Niết bàn. Tiểu thừa thoát sanh tử là thoát khỏi sự sanh tử trong lục đạo luân hồi, cho nên họ chứng đắc Thiên Chân Niết bàn. Đại thừa là hai thứ sanh tử: Loại thứ nhất là Phần Đoạn sanh tử, nay thọ mạng của chúng ta là từng thời kỳ, từng giai đoạn một. Loại thứ hai là Biến Dịch sanh tử. Biến Dịch sanh tử chẳng dễ hiểu. Ví như chúng ta đi học, chúng ta học lớp Một; học lớp Một xong, năm sau lên lớp Hai, lớp Một đã chết, lớp Hai bèn sanh, mang ý nghĩa này. Nói lên điều gì? Chúng ta đang đi trên đường Bồ đề, bất luận là Đại thừa hay Tiểu thừa, Tiểu thừa có tám địa vị, theo kinh *Hoa Nghiêm*, Đại thừa có bốn mươi một địa vị. Quý vị tiến lên từng bước một, vừa rời khỏi địa vị dưới, lên địa vị trên, bèn gọi là Biến Dịch. Biến Dịch chẳng phải là sanh tử thật sự. Vì sao dùng [danh từ] sanh tử? Sanh tử khổ lắm! Quý vị leo lên một lớp cũng rất khổ cực, phải làm bài tập, chẳng

dễ gì lên lớp. Do vậy, quý cũng phải nếm những nỗi khổ sở, mới có thể tiến cao hơn. Quý vị thấy một người từ Tiểu học, Trung học, Đại học, học tới nghiên cứu sinh, cũng phải học mất hai mươi mấy năm. Quý vị phải hứng chịu rất nhiều khổ sở mới có thể giành được học vị; đó là Biến Dịch sanh tử. Từ A La Hán trở lên, đã thoát khỏi lục đạo. Trong lục đạo có cả hai loại sanh tử, Biến Dịch cũng có, mà Phần Đoạn cũng có. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới có Biến Dịch, nhưng không có Phần Đoạn sanh tử. Trong lục đạo có nỗi khổ sanh tử, ngoài lục đạo chẳng có, nhưng có Biến Dịch. Tu hành cũng chẳng phải là chuyện rất dễ dàng, cũng phải nghiêm túc, nỗ lực, tinh tấn, lại còn phải buông xuống phân biệt, buông bỏ tập khí phân biệt, rồi buông vọng tưởng xuống. Buông vọng tưởng xuống, mười pháp giới chẳng còn, bèn đạt tới Nhất Chân pháp giới, đạt đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai.

Đức Thế Tôn đã có mục tiêu thật sự là mong cho hết thảy chúng sanh mau chóng thành Phật giống như Ngài; nhưng căn tánh của chúng sanh không giống nhau, mê hoặc có sâu hay cạn, tập khí khác nhau. Mê sâu, tập khí nặng, sẽ chẳng thể tiếp nhận pháp Đại thừa, nên đức Phật bèn dùng pháp phương tiện. Ví như thầy và cha mẹ chúng ta đều mong chúng ta đạt được học vị Tiến sĩ, nhưng học vị Tiến sĩ chẳng dễ gì đạt được, làm cách nào đây? Mở trường học, lập ra Tiểu học, Trung học, Đại học, nâng trình độ của quý vị lên từ từ. Trung

học, Tiểu học, Đại học đều là phương tiện quyền xảo, chương trình Tiến sĩ mới là mục tiêu thật sự, đức Phật dạy học cũng giống như vậy. Quý vị thấy đức Thế Tôn sau khi giác ngộ dưới cội Bồ đề, đại triệt, đại ngộ, thuật bày viên mãn cảnh giới Ngài đã ngộ nhập, nói suốt mười bốn ngày. Mười bốn ngày ấy là nói trong Định, chúng ta thấy Phật Thích Ca nhập Định dưới cội Bồ đề, đâu biết Ngài giảng kinh nơi đó, giảng kinh gì? *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, là cảnh giới do chính Ngài chứng đắc. Chúng ta nhìn lại Trung Quốc, vào đời Đường, Huệ Năng đại sư cũng đã minh tâm kiến tánh. Trong phương trượng thất của hòa thượng Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, Ngũ Tổ giảng kinh *Kim Cang* cho Sư. Huệ Năng đại sư không biết chữ, đương nhiên chẳng có quyển kinh, Tổ giảng đại ý *Kim Cang Kinh*, giảng đến chỗ “*Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (Đừng trụ vào đâu để sanh tâm), Sư đại triệt đại ngộ. Sư cũng nói ra cảnh giới của chính mình, thốt ra năm câu. Năm câu ấy chẳng khác gì kinh *Hoa Nghiêm* do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói. Kinh *Hoa Nghiêm* rút gọn thành năm câu ấy, mà năm câu ấy triển khai sẽ thành *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*.

Huệ Năng đại sư nói năm câu, câu đầu tiên là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự thanh tịnh*”, không nghĩ đến, kiến tánh rồi, nào ngờ tánh vốn sẵn thanh tịnh, chưa từng bị ô nhiễm. Tự tánh của chúng ta có ô nhiễm hay không? Không! Ô nhiễm sẽ chẳng thật, sẽ biến thành đồ giả. Chúng ta nói ô nhiễm là thứ

gì vậy? A Lại Da ô nhiễm, A Lại Da là vọng tâm; tự tánh là chân tâm, chân tâm chưa từng bị ô nhiễm. Do vậy, nhiễm là vọng tâm. Nay chúng ta đang mê, nhưng thật sự chẳng biết, ngỡ giả là thật, thiệt thòi ở chỗ này! Câu thứ hai là: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng sanh diệt*”. Vốn chẳng sanh diệt là Đại Bát Niết bàn, đây là khát vọng tha thiết bất sanh bất diệt của tất cả các tôn giáo tại Ấn Độ thời cổ. Hiện tại, mỗi tôn giáo đều nói “sống đời đời” chính là ý nghĩa này. Có sống đời đời hay không? Có! Cái Ngã thật sự sẽ sống mãi, Giả Ngã có sanh tử, cái Ngã ấy là giả, chẳng thật! Quý vị hiểu rõ chuyện này sẽ rất thoải mái, thanh thoi, chẳng còn sợ hãi. Những thứ ấy là giả, mặc cho nó sanh diệt như thế, Chân Ngã vĩnh hằng bất diệt. Quý vị tìm lại cái thật này, đức Phật dạy chúng ta tìm cái thật. Đây là đại sự.

Ngài nói câu thứ ba rất hay: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ*”, trọn đủ gì vậy? Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế tôn đã nói một câu nhằm căn dặn rõ ràng, Phật dạy: “Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”. Đây là “vốn tự trọn đủ”. “Như Lai” là nói về tự tánh. Trong giáo pháp Đại thừa, quý vị thấy nói Phật, nói Như Lai. Trong mười đại nguyện vương: “Lễ kính chư Phật, xưng tán Như Lai”. Nói Phật là nói theo Tướng; nói Như Lai là nói theo Tánh, khác nhau ở chỗ này! Tướng là giả, Tánh là thật. Đây là chỗ khác nhau giữa hai danh từ này. Nói “hết thấy chúng sanh đều có trí huệ của Như Lai” chính là nói đến tự tánh. Trong tự tánh của quý vị có trí huệ, trí huệ viên mãn. Đó là gì? Sẵn có trong

tự tánh, chẳng phải do học được. Trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể; đây là lời tán thán Thượng Đế của các tôn giáo thông thường. Thượng Đế và thần chưa chắc có những đặc tánh này, nhưng tự tánh thật sự có. Vì sao biết? Thượng Đế và thần cũng là chúng sanh trong lục đạo, thuộc thiên đạo. Họ vẫn chưa ra khỏi lục đạo, vẫn chưa thoát tam giới, vẫn là mê chẳng giác, phước báo lớn hơn chúng ta, trí huệ nhiều hơn chúng ta một chút, nhưng vẫn chưa đạt đến viên mãn rốt ráo! Tự tánh sẵn có trí huệ mới là viên mãn. Đây là gì? Khi nó ẩn, nhà Phật gọi là “*ẩn hiện*”. Ẩn là gì? Ví như cái màn huỳnh quang của chúng ta trong hiện thời, nhấn nút tắt đi, hình ảnh gì cũng chẳng có! Đó là “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự sẵn đủ*”. Quý vị chẳng thể nói chúng không có. Vặn đúng băng tần, chúng bèn hiện tiền. Vặn đúng băng tần thì sao? “*Có thể sanh vạn pháp*”, chúng bèn hiện tiền. Lúc chẳng hiện tiền, chẳng thể bảo là không; khi hiện tiền, chẳng thể nói là có. Điều này được sách *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* giảng rất rõ ràng, quý vị chẳng thể nói nó là có. Đây là chân tướng sự thật, chúng ta nên hiểu rõ.

Ngài nói câu thứ tư: “*Nào ngờ tự tánh vốn chẳng lay động*”, như như bất động, đây là một mấu chốt quan trọng nhất trong tu hành. Chúng ta tu gì? Phật thường nói tám vạn bốn ngàn pháp môn nhưng đều là tu Thiền Định, đều gọi là tam-muội. Tam-muội (Samādhi) là tiếng Phạn, Tam là Chánh, Muội là Định, Tam-muội là Chính Định. Vốn là Chính

Định, tâm quý vị vốn định, nay vì sao tâm loạn như thế? Loạn là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm vốn định, chưa hề bị dao động. Đó là năm câu nói của Huệ Năng đại sư lúc khai ngộ. Sau khi nói ra năm câu này, Ngũ Tổ bảo: “Được rồi”, truyền y bát cho Ngài. Truyền cho Ngài rồi như thế nào? Bảo Ngài hãy đi cho nhanh, tìm nơi lánh nạn. Lánh nạn gì? Phải biết là xưa nay, trong ngoài, đố kỵ, chướng ngại ở đâu cũng chẳng tránh khỏi. Quý vị nói xem: Thần Tú đại sư ở đạo tràng của tổ Hoàng Nhẫn bao nhiêu năm, là một đồ đệ được mọi người kính ngưỡng nhất của Tổ; ai nấy đều cho rằng Ngũ Tổ truyền pháp, chắc chắn truyền cho Thần Tú, tại sao vô duyên vô cớ truyền cho người khác? Gã ấy trọn chẳng có ai biết đến, lại còn không biết chữ? Quý vị thấy ngài Huệ Năng đến núi Hoàng Mai làm gì suốt tám tháng? Giã gạo trong phòng chứa củi. Sư ở Hoàng Mai tám tháng, chưa từng vào Thiền đường, giảng đường cũng chẳng mò đến, chưa từng nghe kinh ngày nào, có sao Ngũ Tổ đem y bát truyền cho Ngài, ai phục? Chẳng ai phục, chắc chắn sẽ tìm Ngài gây sự, đoạt y bát về. Đây là chuyện nhỏ, chuyện lớn là có thể còn hại mạng Ngài nữa kia! Do vậy, Tổ bảo Ngài đi cho nhanh, Ngài lập tức cầm y bát đi ngay. Trốn trong phùng thợ săn mười lăm năm. Mười lăm năm ấy khiến mọi người dần dần quên đi chuyện này, Ngài mới ra mặt. Ra mặt, bèn gặp pháp sư Ấn Tông. Ấn Tông tuyệt lắm! Ngài Ấn Tông ở Lãnh Nam, nay chúng ta gọi vùng ấy là Quảng Đông, khi ấy, gọi là Lãnh

Nam, sư Ấn Tông là bậc cao tăng, giảng kinh, thuyết pháp bậc nhất. Đạo tràng giảng kinh của Ngài nay ở Quảng Châu, chùa nào ở Quảng Châu? Gió động, hay phan động, lão hòa thượng Bốn Hoán làm Trụ trì chùa ấy. Tôi không nhớ nổi chùa nào ở Quảng Đông. Quang Hiếu Tự^{6[7]}, đúng rồi, chùa Quang Hiếu là nơi Sư giảng kinh Niết bàn.

Lục Tổ rời khỏi phùng thợ săn đến Quảng Đông, gặp đạo tràng như vậy, ngồi ở phía sau nghe kinh. Nghe hai vị xuất gia đang biện luận, một người nói: “Lá phan treo bên ngoài động”. Quý vị thấy lá phan đang lay động; người kia nói: “Chẳng phải là phan động, mà là gió động”. Hai vị tranh luận không ngớt, Ngài nói chen vào một câu, Ngài nói: “*Thưa nhân giả*”, hết sức khiêm hư, vô cùng khách sáo, “*nhân giả*” (仁者: đấng nhân từ) là tiếng gọi bậc Bồ tát, là cách xưng hô tôn kính nhất, Ngài gọi họ là “nhân giả”. “*Chẳng phải là gió động, cũng chẳng phải là phan động*”, Ngài nói: “*Mà là tâm của nhân giả động*”. Khi nghe vậy, hết thảy mọi người bội phục năm vóc sát đất. Ấn Tông giảng xong, bước xuống bục giảng, gặp mặt Tổ, liền hỏi, ngày nay chúng ta thường

6 [7] Chùa Quang Hiếu ở thủ phủ Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông. Chùa này rất cổ, nơi này vốn là nhà cũ Triệu Kiến Đức, cháu nội của Nam Việt Vương Triệu Đà (cha của Trọng Thủy, bố chồng công chúa Mỵ Châu). Thời Tam Quốc, đô úy Ngu Phiên do bị Ngô Vương Tôn Quyền đày xuống Quảng Châu, đã mở rộng nơi này thành chỗ dạy học. Sau khi ông ta chết, người nhà sửa dinh thự của Ngu Phiên thành chùa, đặt tên là Chế Chỉ Tự. Mãi đến thời Đông Tấn, khi ngài Đàm Ma Da Xá sang Quảng Châu hoằng pháp, đã xây chánh điện rộng hơn. Đến đời Tống, chùa được đổi tên thành Báo Ân Quảng Giáo Tự. Đến niên hiệu Thiệu Hưng 21 (1151) đời Tống, mới đổi thành Quang Hiếu Tự và tên này dùng mãi đến hiện thời. Dưới đời Lương thời Nam Bắc Triều, sa môn Trí Duợc của Ấn Độ đã trồng một cây Bồ Đề tại giới đàn của chùa này và huyền ký: “Sau này sẽ có một vị nhục thân Bồ Tát thọ giới tại đây”. Lời huyền ký này ứng nghiệm vào trường hợp tổ Huệ Năng.

gọi sự đối đáp này là Thiền Cơ. Pháp sư Ấn Tông hỏi: “*Nghe nói ngài Hoàng Mai về sau truyền pháp cho hành giả, có tên là Năng đại sư, chẳng lẽ là Ngài?*” Huệ Năng đại sư bèn thừa nhận. Sư bèn thỉnh cầu: “*Ngài hãy giở y bát ra cho chúng tôi xem*”. Y bát ấy là chứng minh, nhận đúng người rồi. Đối với kinh giáo, pháp sư Ấn Tông còn có chút vấn đề bèn thỉnh giáo đại sư, Ngài đều giải thích cho pháp sư. Sau đấy, Ấn Tông làm lễ xuống tóc xuất gia cho Tổ. Vì thế, Ấn Tông là thầy thế độ của Lục Tổ Huệ Năng đại sư. Nhưng sau khi xuống tóc, pháp sư Ấn Tông bái Tổ làm thầy, chuyện này chẳng phải là người thường làm được! Vị này là Phật hay Bồ tát thị hiện, nếu không, đâu có lòng độ lượng lớn như thế? Một vị cao tăng khắp vùng Lĩnh Nam ngay lập tức bái Tổ làm thầy, địa vị của Huệ Năng đại sư liền cao trỗi. Ngay lập tức nâng lên cao. Nếu không, Huệ Năng đại sư muốn đạt tới địa vị sâu xa như thế, tối thiểu phải mất mười năm, hai mươi năm, còn nay là được đề cao ngay. Do vậy, tôi nghĩ ngài Ấn Tông là Bồ tát thị hiện, hai vị này thối kèn hòa tấu cho chúng ta xem, đâu phải là phàm nhân!

Năm câu nói ấy của Ngài mở rộng ra sẽ là kinh *Hoa Nghiêm*, từng câu, từng chữ trong kinh *Hoa Nghiêm* chẳng rời khỏi năm câu ấy! Do vậy, Huệ Năng đại sư chứng đắc cùng một cảnh giới với Phật Thích Ca Mâu Ni . Một vị dùng thân Phật, dùng thân phận Phật xuất hiện, phẩm Phổ Môn có nói: “*Nên dùng thân Phật để độ được, liền hiện thân Phật để*

thuyết pháp". Ngài Huệ Năng ở Trung Quốc, nên dùng thân tỳ-kheo xuất hiện, liền hiện thân tỳ-kheo để thuyết pháp, chẳng khác gì nhau! Chúng ta phải biết điều này! Phật pháp bình đẳng, đây là pháp *Nhất thừa*, nhưng Đại thừa không nhất định là Nhất thừa Cổ đại đức bảo kinh Nhất Thừa chỉ có ba bộ là *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa* và *Phạm Võng*. Rất đáng tiếc là kinh *Phạm Võng* chẳng truyền sang Trung Quốc. Đó là một bộ kinh lớn, phân lượng chẳng khác kinh *Hoa Nghiêm* cho lắm. Chỉ có một phẩm được truyền sang Trung Quốc là *Bồ tát Tâm Địa Giới Phẩm*, tức Bồ tát Giới, truyền mỗi mình phẩm này, hai quyển, chẳng thấy những phẩm khác. Kinh hoàn chỉnh là hai bộ *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*. Đối với kinh *Pháp Hoa*, vì sao có thể khẳng định là kinh *Nhất thừa*? Kinh *Nhất Thừa* là thành Phật trong một đời. Trong phẩm *Đề Bà* của kinh *Pháp Hoa* có nói Long nữ tám tuổi thành Phật; rồng là súc sanh. Long nữ tám tuổi, nghe Bồ tát Văn Thù giảng kinh trong cung rồng, cô ta nghe hiểu, giác ngộ, minh bạch. Chư vị phải biết: Nghe pháp khai giải, đoạn nghi sanh tín, lập tức thành tựu Hạnh môn. Hạnh môn là gì? Buông xuống! Quý vị thấy trong kinh Đại thừa, đức Phật thường nói: Chỉ cần quý vị có thể buông ba thứ phiền não là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, quý vị liền thành Phật. Do vậy, chúng tôi tin rằng: Sau khi Long nữ nghe hiểu, bèn buông xuống. Sau khi buông xuống, đến núi Linh Thứu gặp Phật Thích Ca Mâu Ni; sau khi lễ Phật liền hiện thân Phật, thành

Đẳng Chính Giác trong thế giới Vô Cấu ở phương Nam. Đây là kinh *Pháp Hoa*.

Chúng ta thấy cuối kinh *Hoa Nghiêm*, Thiện Tài viên chứng vô thượng Bồ đề trong một đời, Ngài đắc Căn bản trí trong hội Văn Thù. Căn bản trí là gì? Nếu nói theo cách hiện thời cho dễ hiểu, sẽ là tâm thanh tịnh. Tâm quý vị thanh tịnh sẽ ra sao? Chẳng phải là giống như Huệ Năng đại sư sao? “Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh”, đó là Căn Bản Trí. Ngài buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đó gọi là gì? Đốn đoạn, tức là đoạn ngay lập tức, Ngài bèn chứng đắc. Nay chúng ta hiểu điều này, nhưng không bỏ xuống được, vẫn đề ở chỗ này. Người ta thật sự buông xuống, không chỉ buông chấp trước xuống, buông phân biệt xuống, mà ngay cả khởi tâm động niệm cũng buông xuống. Buông xuống vọng tưởng là chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Do vậy, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mười pháp giới chẳng còn; bởi lẽ, mười pháp giới là mộng cảnh, lục đạo là “*mộng trong mộng*”. Chúng ta buông xuống hết thấy chấp trước; nếu chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị bèn tỉnh thức, lục đạo chẳng còn, giống như tỉnh mộng. Sau khi tỉnh mộng, cảnh giới ấy sẽ là tứ thánh pháp giới, vẫn là một giấc mộng, nhưng trong giấc mộng ấy, phiền não [của tứ thánh pháp giới] nhẹ hơn chúng ta, chỉ là vọng tưởng, phân biệt. Buông

xuống vọng tưởng, phân biệt, mộng cảnh cũng chẳng còn, tứ thánh pháp giới cũng chẳng có. Vì thế, nói: “*Hễ có hình tướng, đều là hư vọng*”, chẳng giả tí nào! Mười pháp giới không có, cảnh giới gì xuất hiện? Thế giới Hoa Tạng xuất hiện, thế giới Cực Lạc xuất hiện, đó là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật. Những cõi ấy có thật hay không? So với chúng ta mà nói thì là thật, thế giới này của chúng ta thiên biến vạn hóa. Vì thế, lúc ấy, tôi nghĩ không ra vấn đề này, biến như thế nào? Có sao biến đến mức chẳng có cùng tận? Tôi nghĩ tới lúc nhỏ chơi kính vạn hoa (kaleidoscope), bọn họ tìm rất nhiều kính vạn hoa cho tôi, mấy tấm giấy màu, đặt giữa ba miếng gương, quý vị xoay ống kính, vừa xoay thì các kết cấu hình thể (pattern) trong ấy chưa bao giờ trùng lặp. Do vậy, chúng ta học bộ *Hoàn Nguyên Quán*, thấy có câu: “*Sanh ra vô tận*”, dùng vật này (ống kính vạn hoa) có thể tượng trưng [nguyên lý ấy], đúng là sanh ra vô tận, chẳng giả! Điều gì thiên biến vạn hóa trong vũ trụ? Niệm làm chủ tế, ý niệm làm chủ tế, thuận theo ý niệm của quý vị mà dấy lên biến hóa, chuyện là như vậy đó. Do vậy, phải hiểu rõ chân tướng sự thật này!

Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Mệnh đề này chính là điều các nhà khoa học truy cầu, triết học cũng truy cầu điều này, các nhà tôn giáo cũng truy cầu điều này, nhưng đều chưa thể nói rõ ràng. Vì sao họ chẳng

nói rõ ràng? Nay chúng ta hiểu rõ, bọn họ vĩnh viễn chẳng thể nói rõ ràng, vì sao? Họ chưa đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chưa buông xuống được, hễ buông xuống sẽ thấu hiểu! Có những thứ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này, quý vị nghiên cứu thế nào đi nữa, đều cách một tầng chướng ngại, không có cách nào giải thích rõ ràng! Chỉ có buông xuống, trở về tự tánh. Vì sao? Những thứ này chẳng thật, hư huyền. Nếu quý vị không tin, quý vị có kinh nghiệm nằm mộng hay không? Có! Chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, mộng là thật hay giả? Thế gian này giống như nằm mộng; vì thế, trong kinh, đức Phật rất hay dùng mộng làm tỷ dụ. “*Mộng, huyền, bọt nước, bóng dáng*”, cái chủ yếu trong tỷ dụ này là mộng cảnh. “*Huyền, bọt nước, bóng dáng*” đều là những thứ phụ thuộc, chủ yếu là tỷ dụ này. Do vậy, trong kinh *Kim Cang*, đức Phật có một bài kệ vô cùng nổi tiếng nhằm dạy bảo chúng ta: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyền, bào, ảnh, như lộ, diệc như điện, ưng tác như thị quán*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng, như sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Đây là cái nhìn của đức Phật đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. “*Như lộ, diệc như điện*”, “*điện*” là tia chớp, “*lộ*” là sương buổi sớm, đây là hai tỷ dụ. “*Như điện*” là nói về một niệm, giống như tia chớp, “*như lộ*” là giọt sương mai, nó tồn tại một lúc, mặt trời mọc lên bèn bốc hơi, chẳng còn nữa! “*Bốc hơi*” là nói về tướng tượng tục

(nối tiếp liên tục); giống như trong điện ảnh, chúng ta thấy những hình ảnh trên màn bạc; hình ảnh là tương tượng tục do các tấm phim được rọi sáng kết hợp thành, chẳng thật! Từ khoa học cận đại, chúng ta có thể hiểu rất rõ ràng, đâu có gì là thật? Tìm chẳng được thứ nào là thật! Nếu thật sự tìm được cái nào là thật, có thể nói là “*vĩnh hằng không thay đổi*”, tối thiểu phải là cõi Thật Báo.

Những vật trong thế giới Cực Lạc là vĩnh hằng, không có biến hóa, nhưng chúng cũng chưa phải chân thật rất ráo. Vì sao? Kinh bảo cõi Thật Báo xuất hiện như thế nào? Đoạn hết vô minh, tuy đoạn sạch vô minh, nhưng tập khí vô minh hãy còn, chưa đoạn hết tập khí. Do vậy, cõi Thật Báo Trang Nghiêm do tập khí vô minh hiện, chẳng phải là vô minh. Thật sự đoạn hết vô minh nên chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Chẳng khởi tâm, không động niệm, nhưng tập khí quá vi tế, không riêng gì chúng ta chẳng biết, A La Hán không biết, Bích Chi Phật cũng chẳng biết. Trong kinh, đức Phật dạy: Từ Thất Địa Bồ tát trở xuống đều không biết, từ Bát Địa trở lên mới nhận biết, mới biết có thứ này tồn tại. Vì thế, ba đại A-tăng-kỳ kiếp chẳng phải là nói về công phu hành thông thường, mà là nói về đoạn tập khí vô minh. Không có phương pháp đoạn tập khí vô minh, chỉ để cho nó mất dần, một thời gian lâu sau sẽ tự nhiên chẳng còn. Để giảng về thứ vô minh tập khí này, cổ nhân dùng tỷ dụ để nói; nếu không giảng rõ ràng, chúng ta cũng chẳng thể lãnh

hội. Họ dùng bình rượu, bình rượu đựng rượu, đổ hết sạch rượu trong bình, lau sạch bên trong, quả thật chẳng có giọt rượu nào, nhưng vẫn ngửi thấy mùi rượu. Cái mùi ấy gọi là tập khí. Có cách nào để khử mùi? Không có phương pháp nào! Chỉ có cách mở toang nắp bình bỏ đó, để một năm hay nửa năm, sẽ chẳng còn ngửi thấy mùi nữa! Tập khí vô minh của chúng ta phải bao lâu mới hết? Ba A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị đừng quan tâm đến nó, điều này gọi là “*vô công dụng đạo*”, quyết định chớ nên có ý niệm đoạn trừ nó. Hễ có ý niệm, vô minh sẽ tăng trưởng, khởi hiện hành. Không để ý tới nó là xong, chẳng còn chuyện ấy nữa!

Do vậy, trong cõi Thật Báo, quý vị chẳng khác gì Phật quả rốt ráo, chúng sanh hữu duyên trong mười phương thế giới hễ có cảm, quý vị bèn có ứng, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy thì sau khi thành Phật, có phải là chẳng có Sự hay không? Không phải, Sự rất nhiều. Sự dẫu nhiều, quý vị chẳng cảm thấy mệt nhọc, vì có năng lực ứng phó. Vì sao? Trí huệ, thần thông, đạo lực toàn bộ hiện tiền. Quý vị có thể hiện vô lượng vô biên thân, tự tại lắm! Trăm ngàn ức hóa thân, nơi nào có cảm, nơi đó bèn có ứng, “*nên dùng thân nào để đắc độ*” đều chẳng phải là ý nghĩ của chính mình, chính mình chẳng có ý nghĩ gì. Hễ chính mình có ý nghĩ, sẽ biến thành phàm phu. Chính mình chẳng có ý nghĩ gì, tự tánh khởi tác dụng. Do vậy, trong tánh đức, hiện thời chúng tôi đã đọc kinh Đại thừa nhiều

năm như thế, bèn hiểu rõ, đúng như Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*”.

Thân thể có sanh diệt. Người đã chết, đã tắt thở, thần thức chưa có rời khỏi xác thân, chúng ta gọi thần thức là “linh hồn”. Nếu quý vị còn có oán hận, còn có đố kỵ, còn có chuyện gì phải trả thù, từ đây, đòi đòi kiếp kiếp oan oan tương báo chẳng xong! Chúng ta đọc bài *Âm Chất Văn* của Văn Xương Đế Quân, trong phần đầu, Văn Xương Đế Quân tự nói Ngài mười bảy đời làm sĩ đại phu⁷[8], mười bảy đời nhân quả báo ứng, thê thảm lắm. Sau này, gặp được Phật pháp mới giác ngộ, mới hóa giải. Đau khổ ngàn ấy! Báo thù, đôi bên đều đau khổ, có gì phải vậy? Do vậy, dù trong nhãn quan của Phật, những hiện tượng này đều là hư huyễn, hết như mộng cảnh, nhưng phàm phu ở trong mộng cảnh thật sự chịu khổ, thật sự có khổ, sợng, lo, mừng, xả. Sau khi tỉnh mới biết là trống không. Nay chúng ta đang nằm mộng, chưa tỉnh, khi nào có thể bỏ được chấp trước đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng còn chấp trước nữa, tâm quý vị sẽ khôi phục sự thanh tịnh, tuy thanh tịnh nhưng còn chưa bình đẳng. Khôi phục thanh tịnh, lục đạo chẳng còn nữa! Lục đạo là nhiễm ô, trong tứ thánh pháp giới không có nhiễm ô, nhưng nó bất bình đẳng, vì có phân

7 [8] “Sĩ đại phu” là danh xưng phẩm chỉ quan chức thời cổ, cũng như dùng để chỉ những thành phần trí thức có danh vọng và địa vị. Thoạt đầu, chữ Sĩ được dùng để gọi những bầy tôi của các vị khanh đại phu (quan chức cầm quyền lớn nhất thời Thương - Châu). Về sau, Sĩ thành danh từ chỉ chung những người có chức vị, và gọi gộp chung là Sĩ Đại Phu. Về sau, chữ Sĩ chỉ những người có học thức, có khí tiết, được dùng lẫn với khái niệm “quân tử”.

biệt. Không có chấp trước, nhưng có phân biệt, nên là bất bình đẳng. Nếu quý vị buông phân biệt, vọng tưởng xuống, bình đẳng giác sẽ hiện tiền. Buông phân biệt xuống sẽ bình đẳng, chẳng phân biệt sẽ bình đẳng, buông khởi tâm động niệm xuống bèn giác. Nhan đề kinh *Vô Lượng Thọ* đã dạy chúng ta ba giai đoạn trong Hạnh môn: Thanh tịnh, bình đẳng, giác. Tu điều gì? Tu những điều này, ba món này đều có sẵn trong tự tánh. Nay chúng ta mê mất tự tánh, nên mới sanh ra chướng ngại, đó là nghiệp chướng, chẳng biết chân tướng sự thật. Biết chân tướng sự thật, trọn khắp pháp giới hư không giới và chính mình là một Thể, không phải là “một nhà”, mà là một Thể, chẳng hai, “*sanh Phật bất nhị*”. “*Sanh*” là chúng sanh, “*Phật*” là chư Phật, sanh - Phật bất nhị! Phật rất khiêm hư, đặt chúng sanh ở phía trước, nói chúng sanh trước rồi mới nói đến Phật, sanh Phật bất nhị! Những điều này đều là Tánh Đức lưu lộ.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, quý vị thấy Thiện Tài viên mãn Bồ đề trong một đời, Ngài đắc Căn bản trí nơi Bồ tát Văn Thù, chúng ta phải hiểu: Ngài đắc thanh tịnh tâm, đắc bình đẳng tánh, đã giác rồi. Cũng có nghĩa là “thanh tịnh, bình đẳng, giác” như trong nhan đề kinh *Vô Lượng Thọ*, Ngài đều đạt được, cũng có nghĩa là Ngài đã hoàn toàn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, đạt được “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Sau khi đạt được, bèn vận dụng trong cuộc sống hằng ngày, vận dụng vào công việc, vì sao? Nhục thân

vẫn ở trong thế gian này, vẫn chưa vứt bỏ thân thể này. Nói cách khác, quý vị vẫn phải sống, vẫn phải mặc áo, ăn cơm, vẫn phải làm việc. Do vậy, Ngài có thể vận dụng thanh tịnh, bình đẳng, giác trong cuộc sống, vận dụng vào công việc, vận dụng xử sự, đãi người, tiếp vật, là gì vậy? Chính là năm mươi ba lần tham học. Chúng ta từ sáng đến tối, coi những người quý vị tiếp xúc trong xã hội là năm mươi ba lần tham học. Ngài chia xã hội muôn hình muôn vẻ thành năm mươi ba loại. Quý vị vừa tiếp xúc, trí huệ bèn khởi tác dụng, đó gọi là Hậu đắc trí. Hậu đắc trí là gì? Hậu đắc trí là Căn bản trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng linh hoạt tột bậc, chẳng khô cứng mà sống động, hoạt bát, mọi mặt viên dung, người Hoa nói là “*bát diện linh lung*” (tám mặt lóng lánh), đắc đại tự tại. Kinh *Hoa Nghiêm* nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”, cảnh giới này hiện tiền. Tới cuối cùng, quy vào đâu? Cuối cùng quy vào thế giới Cực Lạc. Quý vị thấy khi Thiện Tài tham học, vị thiện tri thức thứ nhất, là tỳ-kheo Đức Vân. Tỳ-kheo Đức Vân tu gì? Tu Ban Châu tam-muội, chuyên niệm Phật. Điều này đúng là đã nói rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Niệm Phật. Vị thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ tát, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Quý vị nhìn vào vị mở đầu và vị kết thúc, sẽ biết rõ Thiện Tài tu pháp môn gì. Thiện Tài là học trò ngoan của thầy Bồ tát Văn Thù phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Học sinh theo thầy cùng nhau tu Tịnh Độ.

Như vậy thì Tịnh Độ là kinh *Vô Lượng Thọ*; còn *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa* tới cuối cùng quy vào đâu? Quy vào kinh *Vô Lượng Thọ*; do vậy, kinh *Vô Lượng Thọ* trở thành kinh đệ nhất, thật sự là kinh đệ nhất. Kinh *Vô Lượng Thọ* có bốn mươi tám phẩm, nếu chúng ta tiếp tục không ngừng truy tìm, phẩm nào là bậc nhất? Trong bốn mươi tám phẩm, kinh văn của phẩm nào là quan trọng nhất? Đương nhiên là phẩm thứ sáu. Phẩm thứ sáu do chính Phật A Di Đà nói, Phật Thích Ca Mâu Ni thuật lại cho chúng ta biết. Đây là Phật A Di Đà trong khi tu nhân đã phát ra bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện, trong bốn mươi tám nguyện này, nguyện nào quan trọng nhất? Cổ đại đức cho biết: Nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là “khi lâm chung, một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc”. Như vậy thì thập phương tam thế hết thảy chư Phật Như Lai ứng hóa trong mười pháp giới và lục đạo của vô lượng vô biên các cõi Phật, dùng gì để giáo hóa, tiếp dẫn chúng sanh, giúp chúng sanh thành Phật trong một đời? Đều bằng pháp môn này. Nói cách khác, Tịnh Độ Tam Kinh: kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Di Đà*, kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* là những kinh mà tất cả chư Phật Bồ tát hóa độ lục đạo chúng sanh trong mười pháp giới nhất định phải giảng! Đây là phương thức độ chúng sanh chủ yếu của các Ngài, hết thảy các kinh giáo khác đều là kèm theo, còn những kinh này là chủ yếu nhất, chúng ta phải có nhận thức này. Vì sao giảng những kinh

khác? Chúng sanh không tin Tịnh Độ, chẳng thể tiếp nhận, họ thích những thứ khác. Thích điều gì, tôi bèn giảng cho quý vị điều ấy. Giảng đến cuối cùng đều trở về đây, diệu tuyệt chẳng thể nghĩ bàn! Bất luận Tông Môn hay Giáo Hạ, quý vị thấy những đại đức trong Thiên Tông đến tuổi già chuyên niệm Phật A Di Đà, cầu sanh thế giới Cực Lạc. Trong *Vãng Sanh Truyện* có rất nhiều trường hợp như vậy. Tông Hoa Nghiêm chẳng cần phải nói nữa, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tông Thiên Thai, bản thân Trí Giả đại sư tu hành theo *Quán Vô Lượng Thọ Kinh*, còn gọi là *Thập Lục Quán Kinh*, Ngài vãng sanh thế giới Cực Lạc. Từ những tổ sư đại đức này, chúng ta bèn nhận ra pháp môn này và bộ kinh này đúng là Nhất thừa

“*Liễu nghĩa*” là gì? Dùng một câu trong Phật pháp để giải thích, “*cứu cánh hiển liễu*” (phơi bày rõ rệt đến tột cùng), “*hiển*” (顯) là minh hiển (sáng tỏ, rõ rệt), sáng tỏ đến tột cùng là “*liễu nghĩa*”. Ví như trong kinh *Đại thừa*, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn*”, đây là ý nghĩa rõ rệt đến tột cùng. Khi mê gọi là “*phiền não*”, lúc giác ngộ gọi là Bồ đề. Lúc mê có sanh tử, khi giác ngộ gọi là Niết bàn; chỉ có mê hay ngộ. Trừ mê và ngộ ra, đích xác là hết thấy các pháp đều bất nhị. Trong quá khứ, chúng ta từng học pháp môn “*mười hai món Bất Nhị*” của tông Thiên Thai, đó là hiển liễu đến tột cùng. Liễu nghĩa, nói đơn giản nhất, sau khi chúng ta học xong

sẽ hưởng thụ chân thật thì đó là “*liễu nghĩa*”. Nếu chẳng chân thật hưởng thụ, chẳng phải là liễu nghĩa! Chúng ta hỏi: Chúng ta học pháp môn này, mong có thể liễu sanh tử, thoát tam giới, có thể chứng đắc quả vị vô thượng Bồ đề, pháp môn này có đáp ứng những điều ấy hay không? Được chứ! Pháp môn này là liễu nghĩa, thật sự có thể giúp đỡ, thành tựu chúng ta. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tuy chưa thành Phật, nhưng cũng như đã thành Phật, người ấy thật sự gần như thành Phật, điều này do chính Phật A Di Đà nói. Trong bốn mươi tám nguyện có nói: Sanh về thế giới Cực Lạc “*giai tác A Duy Việt Trí Bồ tát*” (đều là Bất Thoái Chuyển Bồ tát). Kinh *Vô Lượng Thọ* nói như thế, kinh *Di Đà* cũng dạy như thế, *Quán Kinh* cũng giảng như thế, ba kinh đều có câu này. A Duy Việt Trí là hạng Bồ tát nào? A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “Bất Thoái Chuyển”. Trong ba thứ Bất Thoái Chuyển, môn thứ nhất là Vị Bất Thoái, môn thứ hai là Hạnh Bất Thoái, môn thứ ba là Niệm Bất Thoái, chẳng tuyệt lắm sao? Nói thông thường, hàng Bồ tát nào chứng đắc Tam Bất Thoái? Chúng ta nói theo nghĩa rộng thì minh tâm kiến tánh mới chứng đắc, còn gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh giống như Huệ Năng đại sư đã chứng đắc. Bạc Sơ Trụ trong Viên Giáo như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói, vượt thoát mười pháp giới. Kẻ còn thuộc trong mười pháp giới chắc chắn chẳng thể chứng đắc ba thứ Bất Thoái.

A La Hán thuộc trong mười pháp giới là Vị Bất Thoái, chẳng đạt được những thứ khác như Hạnh Bất Thoái và Niệm Bất Thoái, chỉ có Vị Bất Thoái. Pháp Thân Bồ tát mới thật sự trọn đủ ba loại Bất Thoái này. Nói nghiêm ngặt, từ bậc Thất Địa trong Viên Giáo trở lên mới thật sự Bất Thoái, còn sao nữa? Đối với chuyện vãng sanh, kinh chẳng nói, chẳng bảo “*kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh trong cõi Đồng Cư không thuộc vào trường hợp này!*”. Chẳng nói câu ấy! Có nghĩa là: Chỉ cần sanh sang thế giới Cực Lạc, Hạ Hạ phẩm trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng là A Duy Việt Trí Bồ tát. Phương pháp khó tin này, ai có thể tin tưởng?

Qua tỷ dụ trong kinh, chúng ta có thể biết rõ các tin tức. Như người sanh vào thế gian này, vừa sanh ra liền hưởng tôn quý như đế vương, có thể đạt được phước báo lớn như thế hay không? Không được! Đâu có năng lực ấy! Nếu quý vị sanh trong nhà quốc vương, làm vương thái tử, há chẳng đạt được ư? Chẳng phải là không có, nhưng quá ít. Thế nhưng, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật A Di Đà là quốc vương, toàn bộ nhân dân đều là vương tử, quý vị hưởng phước của ai? Phước của phụ vương. Do vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, kẻ Hạ Hạ phẩm vãng sanh đều được bốn nguyện gồm bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà gia trì, tu pháp môn khác chẳng có được điều này. Bất luận pháp môn nào khác đều chẳng có cách nói này, chỉ có Tịnh Độ Tam Kinh nói như thế! Vì thế, nói: Chúng ta

được Phật gia trì, Phật lực gia trì. Trí huệ của Phật gia trì chúng ta, khiến trí huệ của chúng ta giống như trí huệ của Phật; công đức của Phật gia trì chúng ta, khiến công đức của chúng ta giống như Phật, phước báo của Phật gia trì chúng ta, khiến phước báo của chúng ta giống như Phật, mọi điều đều do lẽ này, chẳng phải do chính mình, chuyện là như vậy đó! Khi nào chính quý vị có năng lực này, không cần Phật gia trì nữa? Trong thế giới Cực Lạc, quý vị đã chứng đắc từ Thất Địa Bồ tát trở lên sẽ không do Phật gia trì, trí huệ, phước báo, công đức là của chính mình. Trước khi đắc Thất Địa, tất cả đều do Phật lực gia trì. Điều này thù thắng khôn sánh, hy hữu khôn sánh, quý vị nói xem: Quý vị có thể chẳng chọn pháp môn này hay chẳng? Người chẳng học pháp môn này không ít, người nào vậy? Kẻ rất tự phụ, tự nghĩ mình ghê gớm lắm, không cam lòng, không bằng lòng làm con nuôi của Phật A Di Đà. Những kẻ này muốn tự lực. Được thôi! Quý vị cứ tà tà mà học! Quý vị phải đi theo một con đường rất dài, thật đấy! Nếu quý vị quyết theo Phật A Di Đà, quý vị rất may mắn, thành tựu rất nhanh! Đây là Nhất thừa liễu nghĩa, câu này viết hay quá!

“*Vạn thiện đồng quy*”: Chữ “*vạn*” này không phải là con số, mà có nghĩa là viên mãn. Hết thấy các thiện pháp thế gian và xuất thế gian quy vào đâu? Quy vào Phật A Di Đà. Phật A Di Đà là gì? Phật A Di Đà là Tánh Đức, Phật A Di Đà là danh hiệu của tự tánh. Dịch theo văn tự, câu này là dịch âm từ tiếng

Phạn, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật nghĩa là gì? Trong kinh *Vô Lượng Thọ*, Phật Thích Ca Mâu Ni dùng hai chữ để giải thích ý nghĩa của danh hiệu Phật: Một là Quang, hai là Thọ. Quang tượng trưng không gian, Thọ tượng trưng thời gian. Nay chúng ta nói “*thời - không*” (thời gian và không gian) thì trong “*thời - không*” đã bao hàm hết thấy thiện pháp đều chẳng là Phật A Di Đà. A Di là Vô Lượng, vô lượng quang, vô lượng thọ, hoàn toàn là tự tánh, là vạn thiện đồng quy. Quý vị niệm câu Nam-mô Phật A Di Đà là niệm Nhất thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng quy. Một câu Phật A Di Đà bao quát toàn bộ vô lượng Phật hiệu được tuyên dương trong thập phương tam thế từ vô lượng kiếp đến nay. Một câu A Di Đà Phật triển khai thành bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện triển khai thành kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Vô Lượng Thọ* triển khai thành *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*, kinh *Hoa Nghiêm* triển khai thành hết thấy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. Phật A Di Đà là tổng cương lĩnh, là tột đỉnh của hết thấy các pháp do hết thấy chư Phật Như Lai đã nói; nhận biết rõ ràng điều này chẳng dễ dàng đâu! Tôi học Phật gần như ba mươi năm mới hiểu chuyện này, cảm thấy may mắn khôn sánh, vui mừng khôn sánh, cũng chẳng còn chao đảo nữa, chẳng hoài nghi nữa! Như thế thì tám chữ trong hai câu này đã nói trọn vẹn những điều đó!

Tiếp đó là “*tam căn phổ bị, phàm thánh tề thâm*”, đây là nói đến căn cơ tương ứng với pháp này, đối tượng được

giáo hóa bởi pháp môn này. Tam căn là thượng trung hạ tam căn. Thượng căn là căn tánh Đại thừa, Trung căn là căn tánh Duyên Giác, Hạ căn là căn tánh Thanh Văn, tức căn tánh Tiểu thừa. Toàn bộ ba thứ căn tánh đều có phần trong pháp môn Tịnh Độ. Thậm chí, ngay cả kẻ chẳng biết chữ, chưa hề tiếp xúc học thuật thế gian hay xuất thế gian nào, người trong nước thường gọi hạng người ấy là “không có văn hóa”, mà nếu có thể tin, tin sâu xa chẳng nghi ngờ, nếu kẻ ấy thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, nhất định được vãng sanh. Trường hợp này rất nhiều, trong *Vãng Sanh Truyện* và *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*, hạng người như vậy tối thiểu chiếm hơn một phần ba. Do nguyên nhân nào? Vì sao hẳn nói với các ông già bà cả, họ bèn tin, còn phần tử tri thức chẳng tin? Tôi học Phật rất khó khăn, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi. Nếu tôi không học Triết học với cụ, nếu cụ không giảng Triết học trong kinh Phật, giảng môn này, tôi vĩnh viễn chẳng tiến vào cửa Phật, từ chỗ này mà nhận biết Phật giáo. Sau khi đã tiến vào Phật môn, lão cư sĩ Lý Bình Nam là học trò của Ấn Quang đại sư, là người hoằng truyền Tịnh Độ Tông, tôi học kinh giáo, học giảng kinh với cụ. Thoạt đầu, tôi hoài nghi pháp môn Tịnh Độ, nghĩ đây là pháp phương tiện của Phật Thích Ca Mâu Ni nhằm tiếp dẫn các bà già! Quan niệm lệch lạc này rất sâu, thành kiến rất sâu! Theo thầy Lý nhiều năm như thế, theo thầy mười năm, thầy rát miệng

buốt lòng giới thiệu pháp môn này với tôi. Tôi đọc kinh sách Tịnh Độ chẳng hoài nghi, không dám khi dễ, chẳng dám khinh mạn pháp môn này, cũng rất tôn trọng, nhưng chẳng có ý nghĩ muốn học, hứng thú đều đặt nơi kinh *Hoa Nghiêm*. Kinh *Hoa Nghiêm* do thầy Phương giới thiệu thuở ấy có ảnh hưởng rất lớn đối với tôi!

Khi nào tôi mới tin tưởng Tịnh Độ? Cũng phải là khi đã học Phật được hai mươi năm, tôi bắt đầu giảng kinh *Hoa Nghiêm*. Lúc ấy, mỗi tuần giảng ba ngày, mỗi ngày một tiếng rưỡi, không có máy thâu hình, ngay cả máy thâu âm cũng không có. Tôi giảng lần thứ nhất, hình như cũng giảng chẳng ít năm, giảng được phân nửa bộ kinh. Lúc đó, giảng *Bát Thập Hoa Nghiêm* và *Tứ Thập Hoa Nghiêm* cùng một lúc; cứ hai ngày giảng *Bát Thập Hoa Nghiêm* thì một ngày giảng *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, giảng hai kinh cùng nhau. Giảng gần hơn phân nửa, có một hôm, bỗng nghĩ Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Do chưa giảng đến phần sau kinh, bèn lật phần sau ra xem, vừa mở phần sau ra xem, bèn sững sờ, có sao Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh thế giới Cực Lạc? Lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài đồng tử bèn thấy rõ. Quý vị thấy tôi giảng đến phân nửa, toàn là đọc theo kiểu “nuốt trọn quả táo”, chẳng phát hiện chuyện này! Thiện Tài kế thừa pháp mạch của thầy, là đệ tử nhập thất, là đệ tử truyền pháp của Bồ tát Văn Thù, chẳng phải là người tầm thường;

nếu thầy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, học trò đâu có ngoại lệ? Do vậy, sau đó, tôi quay trở lại xem những phần đã giảng qua, xem lại. Khi ấy, tôi dùng bản *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, (tỳ-kheo Đức Vân được *Tứ Thập Hoa Nghiêm* dịch là tỳ-kheo Cát Tường Vân), phần này tôi cũng đã giảng xong! Kinh nói rõ ràng, Ngài tu Ban Châu tam-muội, tôi cũng giảng rất rõ ràng, nhưng không liên kết Thiện Tài với pháp môn Niệm Phật, chẳng liên hệ đến phần trước. Khi đọc lại, liên kết với phần trước, mới biết chẳng sai tí nào, Thiện Tài chuyên tu pháp môn Niệm Phật vậy.

Năm mươi ba lần tham học là chuyện như thế nào? Năm mươi ba lần tham học là học rộng nghe nhiều, chẳng trở ngại, đúng là Sự Sự vô ngại, pháp môn gì cũng đều tiếp xúc. Hễ tiếp xúc bèn hiểu rõ, hiểu rõ là tăng trưởng trí huệ, là Hậu đắc trí, chẳng có gì không biết. Biết như thế nào? Đều tiếp xúc, đều hiểu rõ, chuyện gì cũng đều hiểu rõ, pháp nào cũng đều thông đạt, tám vạn bốn ngàn pháp môn, môn nào cũng thông, nhưng như thế nào? Như như bất động, một câu Di Đà niệm đến cùng; đối với Hạnh môn của chính mình, chẳng bị ảnh hưởng mảy may. Đó là công phu định lực gì? Thành tựu viên mãn Định Huệ của chính mình! Không có sự từng trải này, làm sao biết Định Huệ thành tựu? Pháp môn gì cũng đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị ảnh hưởng bởi pháp môn nào, đều không bị ảnh hưởng. Hai bữa nay, chúng ta nghe cư sĩ Lưu Tố Vân báo cáo, quý vị

thấy bà ta pháp môn nào cũng đều tán thán “đều hay”, như vậy đó! Thiện Tài đồng tử giống như vậy, đối với chúng ta, không chỉ riêng các pháp môn trong Phật môn đều hay, mà các tôn giáo khác đều hay. Đã nhiều năm qua, tại các nơi trên thế giới, tôi làm công tác đoàn kết tôn giáo, mỗi tôn giáo đều hay, đều đáng tán thán, lễ kính. Tôi cũng đọc tụng kinh điển của họ, nhưng chẳng trở ngại niệm Phật. Càng tiếp xúc, càng hiểu rõ. Càng tiếp xúc, một câu A Di Đà Phật càng chẳng thể nghĩ bàn, thích hợp khắp ba căn, thâm tiếp phàm lẫn thánh. Chúng ta là phàm nhân, Văn Thù, Phổ Hiền là thánh nhân, đều sanh về thế giới Cực Lạc.

“Hoành siêu tam giới”: Tám vạn bốn ngàn pháp môn được gọi là Thụ Xuất (thoát ra theo chiều dọc), tức là nâng cao lên từng bước một, giống như các địa vị của hàng Bồ tát. Từ kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta thấy có năm mươi một địa vị, từ địa vị Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, tới Thập Địa là năm mươi địa vị; trên nữa là Đẳng Giác, trên nữa là địa vị Diệu Giác, còn gọi là địa vị Phật. Pháp môn Tịnh Độ này không cần, tiến lên từng bước như vậy, thời gian quá dài, mà là thoát ngang (hoành siêu). Nay chúng ta đang thuộc nhân đạo, không cần từ nhân đạo sanh lên thiên đạo. Thiên thì còn có hai mươi tám tầng trời, vượt lên từng tầng một, tốn công lắm! Từ ngay trong nhân đạo vượt ra theo chiều ngang, trở về thế giới Cực Lạc. Trong cuộc đời này, tôi đã gặp mấy người niệm Phật vãng sanh, biểu diễn, thị hiện

cho chúng ta thấy: Chẳng ngã bệnh, biết trước lúc mất, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh. Khoảng bốn mươi năm trước đây, Phật Quang Sơn thành lập học viện Đông Phương Phật Giáo, pháp sư Tịnh Vân mời tôi làm chủ nhiệm giáo vụ, tôi ở trên núi ấy mười tháng, có nghe một người công nhân đang làm xây dựng ở đó nói với chúng tôi: Năm ngoái, một bà cụ hàng xóm của ông ta niệm Phật, đứng vãng sanh. Bà cụ ấy tâm địa hết sức tốt, hết sức từ bi, cũng chẳng hiểu Phật pháp, đâm ra coi lạ thần như lạ Bồ tát, ông Địa cũng là Bồ tát, Thành Hoàng cũng là Bồ tát, những loại Vương Gia Công^{8[9]} mà dân gian thờ cúng, cụ đều nghĩ là Bồ tát. Ba năm trước, cụ cưới dâu, con dâu học Phật, hiểu Phật pháp, liền khuyên mẹ chồng chuyên niệm Phật A Di Đà, chuyên lạ Tây Phương Tam Thánh, những vị thần khác đều thỉnh đi, Bồ tát đều thỉnh đi. Bà mẹ chồng này hiếm có, nghe lời con dâu khuyên bảo, không đi đâu cả; bình thường hễ miếu nào có lễ hội đều tham gia, cụ không đi nữa, ở nhà niệm Phật, trong nhà lập Phật đường, tụng niệm ba năm. Đến một tối nọ, vào bữa cơm tối, cụ dặn dò con trai, con dâu: “Các con dùng cơm trước, mẹ đi tắm”. Thật ra, cả nhà đợi cụ, đợi thật lâu chẳng thấy cụ ra. Tới phòng tắm, coi cụ đã tắm xong chưa, gọi chẳng thấy ai trả lời. Tới Phật đường, thấy cụ mặc áo tràng chỉnh tề, tay cầm chuỗi, đứng trước tượng Phật, gọi chẳng thấy cụ trả lời, tới nhìn kỹ, cụ đã vãng sanh rồi.

8 [9] Vương Gia Công là tiếng dân gian gọi chung các vị thần thánh của Đạo giáo hay thần thánh theo tín ngưỡng dân gian.

Hàng xóm đều đến xem, cụ đứng mất! Chúng tôi nghĩ: Có lẽ cụ chẳng báo cho người nhà biết; cho người nhà biết, sợ họ sẽ ngăn trở, cụ chẳng thể tự tại đường ấy. Đúng là tự tại, tiêu sái ra đi, chính mắt ông ta trông thấy, chẳng giả. Vị công nhân ấy đã thuật lại cho chúng tôi nghe một bài học do chính mắt ông ta thấy.

Khi tôi đến Hương Cảng giảng kinh, chúng tôi nghe bằng thâu âm lời khai thị trong Phật Thất của pháp sư Đàm Hư, tôi nghe thấy lão nhân gia giảng rất nhiều. Sau đó, qua tác phẩm *Ảnh Trần Hồi Ưc Lục*, biết thêm nhiều chuyện vãng sanh, đấy là truyện ký về lão nhân gia do Ngài kể, học trò Ngài là pháp sư Đại Quang ghi chép. Chúng tôi cũng hết sức thân thiết với ngài Đại Quang, Sư vãng sanh chắc cũng đã mười năm rồi. Ba mươi năm trước, ở Hương Cảng, chúng tôi thường ở chung một chỗ. Văn tài của Sư hết sức hay. *Ảnh Trần Hồi Ưc Lục* do Sư viết, toàn là chuyện thật. Gần đây nhất, chừng ba năm trước, ở Thẩm Quyển có cư sĩ Hoàng Trung Xương khoảng hơn ba mươi tuổi, nghe tôi giảng kinh, nghe nói từ xưa tới nay người thật sự niệm Phật khoảng chừng ba năm công phu thành tựu bèn vãng sanh. Trong quá khứ, đã từng có mấy vị pháp sư hỏi tôi, bọn họ thấy những trường hợp ấy, bèn nói: Có phải là những người vãng sanh ấy thọ mạng vừa đúng ba năm là hết, nên vãng sanh sau ba năm niệm Phật đó chẳng? Tôi nghĩ nói kiểu này chẳng hợp lý, thỉnh thoảng có một hai

người thì được, chứ nhiều người như vậy sẽ chẳng hợp với lý luận, không hợp logic. Vì sao vãng sanh? Người ấy công phu đã thành phiền. Chỉ cần công phu thành phiền, quý vị muốn ra đi lúc nào cũng được! Muốn đi thì đi; muốn ở lại cũng được! Ở lại thế gian này là do có nhiệm vụ, có sứ mạng, làm cho người khác thấy. Nếu chẳng có duyên phận với thế gian này, người ấy đã ra đi. Lúc ấy, cư sĩ Hoàng Trung Xương bế quan tại Thẩm Quyến ba năm, ông ta nghĩ: “Hãy thử xem, cổ nhân ba năm có thể thành tựu. Xem ta có đúng ba năm thật sự thành tựu hay không?”. Bế quan niệm Phật hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng, ông ta biết trước lúc mất, thật sự ra đi, chẳng ngã bệnh. Khi hỏa táng, lưu lại xá-lợi, nay xá-lợi vẫn còn thờ ở nơi ấy, làm một cái tháp nhỏ đặt ở đó. Nên gương cho chúng ta, tin tưởng hơn về pháp môn niệm Phật.

Tin thật, nguyện thiết tha, không ai chẳng thành tựu, đừng bỏ lỡ cơ hội! Từ vô lượng kiếp đến nay sanh tử luân hồi trong lục đạo, khổ chẳng thể nói được! Suốt đời này, quý vị gặp cảnh khổ vẫn chưa phải là Đại Khổ. Trong quá khứ, quý vị từng nếm mùi địa ngục, nếm mùi ngạ quỷ, nếm mùi súc sanh, cũng đã từng làm thân trời; nếu nghĩ đến nỗi khổ trong tam đồ, quý vị còn muốn ở đây để làm gì nữa? Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, nói cách khác, đối với bất cứ ai, cũng dám chắc là thời gian trong tam đồ lâu dài, thời gian trong nhân thiên ngắn ngủi. Vì sao? Chúng ta học

Pháp Tướng Duy Thức bèn biết: Trong A Lại Da thức, đối với Tương Ứng Tâm Sở, Thiện Tâm Sở chỉ có mười một món, Ác Tâm Sở có hai mươi sáu món, chứng tỏ trong tập khí của quý vị, thiện ít, ác nhiều. Giáo dục của cổ thánh tiên hiền chẳng có dụ dỗ, mê hoặc. Sự dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài hiện thời toàn là giết, trộm, dâm, dối, toàn là bạo lực, tình dục, còn gì nữa đâu? Thế giới ngày nay vì sao loạn? Tai nạn vì sao nhiều? Nguyên nhân là như vậy. Quý vị còn có thể không muốn vãng sanh ư? Thật sự giác ngộ, phát tâm đại từ bi, trụ nơi đây thêm vài năm nữa, chịu tội thêm một chút, mong mang thêm một ít người cùng đi, đấy là sứ mạng. Có người tiếp nhận, có người nghe lọt tai, có người tin tưởng thì chúng ta vẫn phải làm, một người cũng chẳng bỏ, tới lúc công đức viên mãn, tự nhiên ra đi. Ra đi cũng thị hiện rất tốt đẹp cho mọi người thấy, giống như ông Hoàng Trung Xương, giống như bà cụ niệm Phật ở Đài Nam. Dù bà cụ suốt đời cũng không biết giảng kinh, cũng chẳng biết hoằng pháp, sự biểu hiện của cụ đã độ bao nhiêu người, khiến cho bao nhiêu người dấy lên lòng tin, khiến cho bao nhiêu người hóa giải nổi hoài nghi đối Tịnh Độ. Đây là Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân; nay mọi người đòi hỏi chứng cứ, bèn tạo chứng cứ cho quý vị xem.

“*Kính đặng tứ độ*”, “*kính*” (逕) là nhanh chóng, “*tứ độ*” là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Tây

Phương Cực Lạc thế giới hết sức đặc thù. Trong các thế giới khác của chư Phật, tứ độ có giới hạn, chẳng ở cùng một chỗ. Thế giới Sa Bà này là báo độ của Phật Thích Ca Mâu Ni, tứ độ chẳng cùng một chỗ. Chúng ta chỉ là nhân đạo trong lục đạo, nhân đạo là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, có Phật, Bồ tát ở trên địa cầu hay không? Có chứ! Nhưng phàm phu chúng ta chẳng thấy các Ngài, người có duyên phận đặc biệt sẽ đôi khi thấy, các Ngài cũng không cho quý vị thường thấy. Đâu Suất Thiên là Phạm Thánh Đồng Cư Độ; trời Đâu Suất có nội viện và ngoại viện. Ngoại viện là phàm phu, phàm phu chẳng thấy Bồ tát trong nội viện, thật sự có chướng ngại! Nhưng trong thế giới Cực Lạc không có chướng ngại này, bốn cõi không có giới hạn, đều ở cùng một chỗ. Do vậy, người vãng sanh Hạ Hạ phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể thấy Quán Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Văn Thù, Phổ Hiền trong cõi Thật Báo, đều có thể trông thấy. Không chỉ trông thấy, mà mỗi ngày còn học cùng một chỗ, cùng nghe Phật A Di Đà giảng kinh, mỗi ngày cùng học tập một chỗ, duyên này tìm ở đâu ra? Thông thường, không phải cùng một tầng lớp, sẽ chẳng thể ở chung một chỗ. Như bậc Sơ Trụ Bồ tát trong kinh *Hoa Nghiêm* đúng là giống như chúng ta học tập trong nhà trường: Quý vị thuộc lớp Một, hết thầy mọi người trong phòng học đều là lớp Một, không có cách nào chuyển sang phòng học của lớp Hai, tình hình như thế đó! Theo kinh

Hoa Nghiêm, Sơ Trụ Bồ tát chẳng thấy Nhị Trụ, nhưng Nhị Trụ có thể thấy Sơ Trụ, Sơ Trụ chẳng thấy Nhị Trụ; nhưng thế giới Cực Lạc là bình đẳng, giống như là học sinh của năm mươi một lớp học đều cùng một chỗ. Tôi dùng tỷ dụ này, có lẽ mọi người hiểu được, học cùng một phòng học, quý vị hoàn toàn thấy được.

Vì thế, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh trọn bốn cõi, các cõi ấy ở cùng một chỗ, trong ấy chẳng có chướng ngại. Nay chúng ta nói không gian duy thứ (chiều không gian- spatial dimensions), Cực Lạc không có không gian duy thứ, đều thấy hết. Không chỉ có chỗ tốt đẹp này, mà sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị mỗi ngày có năng lực đi lay vạn Phật. Chữ “*vạn*” này không phải là con số, mà có nghĩa là vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Quý vị có thể tới thân cận, cúng dường các vị Phật. Cúng dường là gì? Tu phước, nghe Phật thuyết pháp, khai trí huệ. Ở đây, chúng ta tìm một vị thầy tốt đẹp không ra, tới thế giới Cực Lạc, mỗi ngày bèn có vô lượng vô biên chư Phật thuyết pháp cho quý vị.

“Cực viên cực đốn, bất khả tư nghị chi vi diệu pháp môn” (pháp môn vi diệu, cực viên cực đốn, không thể nghĩ bàn). Quý vị nói xem: Đời này gặp gỡ pháp này, được làm thân người, gặp gỡ Phật pháp, gặp được Hoa Nghiêm, gặp Vô Lượng Thọ, phước báo đã viên mãn, đâu có phước báo nào to lớn như thế! Đâu may mắn như thế! Hoàn toàn đạt được.

Nếu quý vị chẳng biết quý trọng, sẽ là ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ! Con người sống chẳng phải một đời, mà là đời đời kiếp kiếp, điều gì tiếc nuối lớn nhất? Đây là tiếc nuối lớn nhất, không có gì tiếc nuối hơn nữa! Gặp cơ hội tốt như vậy, trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ! Thời Càn Long, cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói, vị cư sĩ này cũng rất phi phàm, ông ta nói: Pháp môn Tịnh Tông là “*một ngày khó thể gặp gỡ từ vô lượng kiếp đến nay*”, thế mà quý vị đã gặp. Nói như bây giờ, Bành Tế Thanh là con em quan chức cao cấp, cha ông ta là Binh Bộ Thượng thư của Hoàng đế Càn Long, tức bộ trưởng Quốc phòng. Vì vậy, gia thế tốt đẹp, là người thông minh, chưa đầy hai mươi tuổi đã đậu Tiến sĩ, phải biết là ông ta thi đậu năm mười chín tuổi, chưa được hai mươi, nếu đủ hai mươi tuổi sẽ làm lễ Gia Quan (bới tóc lên, đội mũ). Suốt đời chẳng làm quan, học Phật, hoàn cảnh gia đình tốt đẹp, học Phật đúng là học đến nơi đến chốn, Tông, Giáo, Hiền, Mật viên dung, là đại cư sĩ, đại đức thời ấy.

“*Nhi kỳ trung chi Vô Lượng Thọ kinh giả, nãi Tịnh Độ quần kinh chi thủ yếu, Tịnh tông đại đức thường xưng vi Tịnh Độ đệ nhất kinh dã*” (nhưng trong ấy, kinh *Vô Lượng Thọ* chính là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, các bậc đại đức trong Tịnh Tông thường gọi kinh này là kinh Tịnh Độ bậc nhất). Không chỉ là kinh đứng đầu, chủ yếu trong các kinh Tịnh Độ, chúng ta có thể nói theo cách như thế này: Kinh này là kinh đứng đầu, cốt yếu của cả *Đại*

Tạng Kinh. Do vậy, từ xưa tới nay, trải qua các triều đại, đặc biệt là các vị đại đức thời Tùy - Đường, kinh này được gọi là “*Tịnh Độ đệ nhất kinh*”. Luận theo phương diện thời gian phiên dịch, Tịnh Độ Tông truyền đến Trung Quốc, bộ kinh Tịnh Độ được phiên dịch đầu tiên là kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Di Đà* và *Quán Kinh* được dịch về sau này. Kinh này được dịch sớm nhất vào đời Hán, lúc vừa được truyền tới, nhằm thời ngài An Thế Cao.



**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**



TẬP 3



C húng ta đều biết: *Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh* là kinh đứng đầu, trọng yếu nhất của Bát Nhã bộ^{9[1]}, chẳng dài, hai trăm sáu mươi chữ. Đức Phật nói kinh *Đại Bát Nhã* suốt hai mươi hai năm, hai mươi hai năm giảng những gì? Tâm Kinh triển khai thành bộ *Đại Bát Nhã* sáu trăm quyển, quy nạp lại, bèn thành hai trăm sáu mươi từ này, bất tăng, bất giảm; nhưng Tịnh Độ Tông cũng có tâm kinh, tâm kinh là gì vậy? Kinh cuối cùng trong *Tịnh Độ Ngũ Kinh* là do Ấn Quang đại sư đề xuất, ghép vào sau *Tịnh Độ Tứ Kinh*, trở thành *Tịnh Độ Ngũ Kinh*. Tôi thấy cử chỉ này, kinh ngạc khôn cùng, thật sự rất tuyệt, đấy chính là Đại Thế Chí Bồ tát Niệm Phật Viên Thông Chương trong kinh *Lãng Nghiêm*. Kinh văn của chương này là bao nhiêu? Còn ít hơn *Bát Nhã Tâm Kinh*, hai trăm bốn mươi bốn từ. *Bát Nhã Tâm Kinh* có hai trăm sáu mươi từ; chương này có hai trăm bốn mươi bốn từ, là Tâm Kinh của Tịnh Tông.

9 [1] Đây là cách phân chia các kinh trong Đại Tạng theo hệ thống tư tưởng, chẳng hạn như Niết Bàn bộ, Hoa Nghiêm bộ, Phương Đẳng bộ v.v... Bát Nhã bộ bao gồm toàn bộ các kinh đặc biệt giảng giải giáo nghĩa *Bát Nhã* như kinh *Đại Bát Nhã Ba La Mật*, *Kim Cang*, *Nhân Vương Hộ Quốc*, *Phóng Quang Bát Nhã*, *Lý Thú Bát Nhã*, *Đạo Hành Bát Nhã*, *Đại Minh Độ*, *Thắng Thiên Vương Bát Nhã* v.v... Bộ *Đại Bát Nhã Kinh* sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch bao gồm toàn bộ các bản kinh Bát Nhã đã được dịch trước đó.

Tịnh Tông là phần quan trọng hàng đầu trong giáo pháp của cả *Đại Tạng Kinh*. Nói cách khác, Đại Thế Chí Bồ tát Viên Thông Chương có thể nhiếp trọn vẹn hết thảy kinh giáo và vô lượng pháp môn do thập phương tam thế hết thảy Như Lai đã nói. Viên Thông Chương dạy chúng ta: “*Bất giả phương tiện tỵ đắc tâm khai*” (chẳng nhờ vào phương tiện, tâm tỵ khai ngộ), “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối) bèn thành công, bèn viên mãn. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn trong Phật pháp, trong một đời này chúng ta được gặp gỡ, may mắn khôn sánh, phải giữ chắc. Nếu chẳng giữ lấy, đáng tiếc quá! Quý vị luân hồi trong lục đạo, ngày nào mới có thể gặp được những thứ này?

“*Chí ư Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh giả, nãi tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ, hội tập Vô Lượng Thọ Kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, ngũ chủng nguyên dịch, quảng hiệt tinh yếu, viên nhiếp chúng diệu, hội thành kim kinh, hiện thời vi Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bản giả dã*” (Còn như Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh là do tiên sư là lão cư sĩ Hạ Liên Cư, hội tập năm bản dịch kinh *Vô Lượng Thọ* trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống, chọn rộng rãi những chỗ tinh yếu, thu tóm trọn vẹn các chỗ hay, hội tập thành bản kinh này, nay được tôn là bản hoàn thiện nhất của kinh *Vô Lượng Thọ*).

Chuyện này không dễ dàng! Thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là cụ Hạ Liên Cư, cụ Hoàng sanh trưởng trong một gia đình tin Phật pháp, cậu của cụ Hoàng là cư sĩ Mai Quang Hy. Trong thuở ấy, Phật môn có câu “Nam Mai, Bắc Hạ”, nghĩa là trong giới tại gia học Phật, ở phía Nam, người bậc nhất là cụ Mai Quang Hy; ở phương Bắc, người bậc nhất là cụ Hạ Liên Cư. Hai người họ là đồng sự bao nhiêu năm, là đồng tham đạo hữu, quan hệ vô cùng thân thiết. Hoàng Niệm Tổ là cháu được gửi sang bên cụ Hạ, theo cụ Hạ học Phật. Theo học hơn hai mươi năm, trở thành truyền nhân, là đệ tử truyền pháp của cụ Hạ, trong Phật môn chúng ta gọi là “pháp tử”. Bộ kinh này do lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập dựa trên năm bản dịch gốc trong các đời Hán, Ngụy, Ngô, Đường, Tống được bảo tồn trong *Đại Tạng Kinh*. Nói về triều đại, Ngụy là nhà Tào Ngụy^{10[2]} thuộc thời đại Tam Quốc, triều Ngô cũng thuộc thời Tam Quốc. Ngụy và Ngô đều thuộc thời đại Tam Quốc, cùng với các bản dịch thời Đường và Tống, tổng cộng là năm bản dịch gốc.

10 [2] Nhà Tào Ngụy (220-266) do Tào Phi (con trai Tào Tháo) sáng lập. Năm 220, Tào Phi bắt Hán Hiến Đế (Lưu Hiệp) nhường ngôi, xưng đế, lập ra nhà Ngụy. Lãnh thổ nước Ngụy bao gồm phần lớn phía Bắc sông Trường Giang, kinh đô là Lạc Dương. Do Tào Tháo được nhà Hán phong thái ấp thuộc vùng lãnh thổ nước Ngụy thời Chiến Quốc, nên có hiệu là Ngụy Công; vì thế, Tào Phi mới xưng quốc hiệu là Ngụy. Tuy Tào Tháo chưa bao giờ xưng đế, Tào Phi đã truy tặng cha mình là Ngụy Thái Tổ Vũ Đế, cũng như tôn xưng ông cố và ông nội là Cao Hoàng Đế và Thái Hoàng Đế, còn tự mình xưng là Văn Hoàng Đế, truyền được năm đời. Về sau, Tư Mã Viêm soán ngôi của Ngụy Nguyên Hoàng Đế (Tào Hoán), lập ra nhà Tấn.

Nhà Ngô (222-280) còn gọi là Đông Ngô hoặc Tôn Ngô, do Tôn Quyền (Ngô Thái Tổ) sáng lập, truyền được bốn đời, đóng đô tại Kiến Nghiệp (Nam Kinh). Đến đời Tôn Hạo, Tấn Vũ Đế (Tư Mã Viêm) diệt Đông Ngô, Tôn Hạo bị giải về Lạc Dương. Do Tôn Hạo quá nhu nhược, hèn nhát, ngây ngô, nên Tấn Vũ Đế tha không giết, phong cho một tước hữu danh vô thực là Quy Mạng Hầu.

Bản thường thấy nhất là bản dịch đời Ngô, tức bản của ngài Khang Tăng Khải^{11[3]}; kinh *Vô Lượng Thọ* chỉ có bản này lưu thông bên ngoài nên hành nhân Tịnh Độ có thể đọc được, bốn bản kia rất ít lưu truyền. Chúng ta rất khó đọc được cả năm bản dịch gốc, trừ phi tìm trong *Đại Tạng Kinh*, chứ không có bản lưu thông riêng! Theo cổ đại đức, năm bản dịch có nội dung sai khác rất lớn, có những điều được bản dịch này nói tới, bản dịch kia chẳng có. Do vậy, cổ đại đức đã căn cứ trên chân tướng sự thật này để phán đoán: Đúng là trong thuở ấy, đức Thế Tôn đã nhiều lần tuyên giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, nên mới có tình hình này. Nếu chỉ tuyên đọc một lần, người phiên dịch dẫu nhiều, nói chung, nội dung các bản dịch sẽ là đại đồng tiểu dị, chẳng sai biệt rất lớn. Cách suy đoán này rất hợp với lý luận, chúng ta thừa nhận cách suy đoán ấy chính xác. Nhiều lần tuyên giảng, tỏ rõ pháp môn này trọng yếu. Thật đấy! Đặc biệt là trong thời kỳ mật pháp, hết thảy chúng sanh có thể đắc độ trong một đời, có thể nói là chỉ có pháp môn này. Cụ Hoàng Niệm Tổ lúc bệnh nặng, đã cậy bạn bè bảo cho tôi biết: Mỗi ngày cụ niệm Phật mười bốn vạn tiếng, niệm Phật viên tịch. Cụ là Kim Cang Thượng Sư bên Mật Tông, nhưng chẳng tu Mật pháp, mà niệm Phật qua đời. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là Hiển Mật viên dung, cuối cùng vãng sanh cũng là niệm Phật qua đời. Những vị này đều là minh chứng cụ thể cho chúng ta xem.

11 [3] Do Đông Ngô và Tào Ngụy tồn tại song hành, nên nói là ngài Khang Tăng Khải sống vào đời Ngô cũng được.

Hai câu kệ đó gồm tám từ nhằm giới thiệu đơn giản ưu điểm của bản hội tập này. “*Quảng hiệt tinh yếu*” nghĩa là toàn bộ những tinh hoa và phần khai thị quan trọng nhất trong năm bản dịch gốc đều thuộc trong bản hội tập này. Do vậy, chúng ta có thể nói: Bản hội tập này là bản tổng hợp hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, cụ Hạ đã thực hiện công tác này. “*Viên nhiếp chúng diệu*”, “viên” (圓) là viên mãn. Lý Sự tinh diệu nhất trong năm bản dịch gốc đều được gom vào bộ kinh này. “*Hiện thôi vi Vô Lượng Thọ kinh chi thiện bản giả dã*” (được đề cao là bản kinh Vô Lượng Thọ hoàn thiện nhất). Ai đề cao? Lão cư sĩ Hạ Liên Cư rất khiêm hư, đương nhiên cụ sẽ ngượng ngùng, chẳng tự nói. Quả thật là so với ba bản hội tập trong quá khứ, cả ba bản hội tập ấy đều có tỳ vết, còn bản này chẳng tìm được một khuyết điểm nào, khó có lắm! Người đề cao đầu tiên là lão pháp sư Huệ Minh, tức vị thầy quy y của cụ Hạ Liên Cư. Đây là một vị xuất gia, là một vị lão pháp sư thông Tông lẫn thông Giáo, Hiển Mật viên dung. Trong giới cư sĩ, người đầu tiên đề cao là đại sĩ Mai Quang Hy. Bản này truyền sang Đài Loan, cũng do một lão cư sĩ từ Sơn Đông mang sang Đài Loan. Phía trước bản này có một bài tựa rất dài (trong bản in hiện thời, bài ấy được in kèm vào phía sau kinh). Bản này vừa mới được hội tập xong, được lưu thông với số ấn bản không nhiều lắm, khoảng ba ngàn bản, số lượng không nhiều! Sau khi bản này ra đời, đương nhiên chưa

có ai viết chú giải. Về sau này, chỉ nghe nói có pháp sư Từ Châu là một vị trưởng lão bên Luật Tông. Sư là một vị đại đức trong Phật môn vào đầu thời Dân Quốc, giảng bản này một lần tại Sơn Đông, lại còn viết khoa phán. Hoàng lão cư sĩ đã photocopy bản khoa phán này tặng cho tôi một quyển; tôi dựa theo bản khoa phán của Ngài, viết một bản khoa phán tỉ mỉ hơn, tôi có bản khoa hội này. Bản này được nhiều người tôn sùng như thế. Thầy Lý giảng bộ kinh này, tự viết lời mi chú. Đọc lời mi chú của thầy, tôi có thể hiểu nội dung của kinh. Thầy phân chia kinh văn thành từng đoạn, nêu đại ý mỗi đoạn, đó chính là “khoa đề” (tiêu đề của từng khoa) nhằm nêu rõ nội dung. Vì thế, lần đầu tôi giảng bộ kinh này tại Mỹ, đã dựa theo lời mi chú của thầy. Hình như đã giảng chừng hai ba lần rồi mới gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cụ tặng tôi bản chú giải này. Khi ấy, cụ Hoàng trở về Bắc Kinh, tôi bèn nhờ người thỉnh giáo lão nhân gia xem cụ có giữ bản quyền hay không. Nếu cụ giữ bản quyền, chúng tôi rất tôn trọng cụ. Nếu không giữ bản quyền, tôi chuẩn bị in thành sách, chính thức lưu thông tại Đài Loan. Cụ phúc đáp: “Không giữ bản quyền”, lại muốn tôi viết lời tựa, muốn tôi ghi tựa cho tác phẩm này^{12[4]}. Vì thế, chúng tôi in lần đầu một mươi ngàn bộ tại Đài Loan, bản này bèn được lưu thông tại hải ngoại.

12 [4] Đây là một vinh dự. Người Hoa in sách thường nhờ một người viết chữ đẹp mà mình tôn trọng, quý mến nhất, dùng bút lông viết tên sách, chụp lại, in làm bìa. Cụ Hoàng Niệm Tổ cũng là một tay thư pháp lỗi lạc vùng Hoa Bắc, nhưng không tự đề tên sách, mà nhờ hòa thượng Tịnh Không viết tựa sách nhằm tỏ lòng kính mến sâu đậm.

Tịnh Tông Học Hội do cụ Hạ đề xướng. Phật pháp muốn hoằng dương trong xã hội hiện đại, cần phải có chính danh (danh xưng chính đáng) như câu nói: “*Danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận*” (Danh chẳng chính đáng, chẳng thể nói lọt tai). Trong quá khứ, vào thời cổ, đạo tràng nhà Phật đều gọi là “*tự viện, am, đường*”. Dùng danh xưng này; người hiện thời thấy danh xưng ấy bèn ngỡ là tôn giáo, cho là mê tín. Do vậy, cụ Hạ đề ra “*chính danh*”. “*Danh bất chánh, tắc ngôn bất thuận*” rất có lý; tôi nghe xong, hoan hỷ, hết sức tán thành. Cụ nói: Đạo tràng là nơi đại chúng cùng nhau tu hành, hãy nên gọi là Học Hội. Tịnh Độ Tông thì Tịnh Tông Học Hội, Hoa Nghiêm Tông thì gọi là Hoa Nghiêm Học Hội, [Tông Thiên Thai dùng danh xưng] Thiên Thai Học Hội dùng chữ Học Hội. Cơ cấu giáo học dùng chữ Học viện, tuyệt lắm! Người ta vừa nhìn, liền biết đây là cơ cấu giáo dục, chẳng đến nỗi dính dáng mê tín, đề nghị này hết sức hay! Nhưng sau khi đề ra, chưa từng thiết lập trong nước, chẳng chính thức thành lập. Vì thế, cụ Niệm Tổ dặn tôi hãy thành lập tại hải ngoại: “Ông giảng kinh, hoằng pháp các nơi, hy vọng ông có thể thành lập bộ môn Tịnh Tông Học Hội ở các nơi”. Tịnh Tông Học Hội đầu tiên được thành lập ở Vancouver là Gia Nã Đại Tịnh Tông Học Hội, hiện thời vẫn còn. Thứ hai là Mỹ Quốc Tịnh Tông Học Hội được thành lập tại Sunnyvale, San Jose, California, hiện vẫn còn tồn tại, do cư sĩ Dương Nhất Hoa chủ trì. Sau đấy, tại Mỹ và Gia Nã Đại, tôi thành

lập tổng cộng hơn ba mươi hội, chắc là hiện thời vẫn còn, cũng có nơi chẳng còn. Tôi nghĩ là phải có mười mấy hội tại Mỹ và Canada. Thành lập nhiều nhất là ở Malaysia. Quốc gia Malaysia không lớn, nay sợ rằng có hơn một trăm Tịnh Tông Học Hội, gần tới hai trăm hội, nơi ấy có nhiều nhất! Một nơi khác nữa là Âu Châu. Tôi biết ở Âu Châu, tại các quốc gia chủ yếu, gần như đều có [học hội], chẳng hạn như Anh, Pháp, Đức, Tây Ban Nha đều có. Tại Úc Châu hình như có mười mấy chỗ. Trên thực tế, Tịnh Tông Học Hội có tánh chất không khác gì liên xã thuở xưa, chỉ là thay đổi tên gọi. Học hội không có tổ chức, không có quyền quản trị theo hàng dọc; cho nên nhân sự, kinh tế, hành chính [của các học hội] hoàn toàn độc lập. Phạm là Tịnh Tông Học Hội, chúng ta đều là đồng đạo, đồng môn hữu nghị, quan hệ hữu nghị; các hoạt động theo quy mô lớn khi được yêu cầu, chúng ta đều góp sức, hỗ trợ hợp tác, không giống những giáo hội thông thường! Họ có tổng hội, phân hội, chúng ta không có! Chúng ta không có hội nào là tổng hội, hay hội nào là phân hội. Mỗi hội đều lớn như nhau, đều là bậc nhất, không có bậc nhì. Thuở đức Thế Tôn tại thế, dạy học bốn mươi chín năm, Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng lập một tổ chức nào, thậm chí một trường học cũng chẳng mở, cũng chẳng có lớp học nào! Tinh thần này tốt đẹp, thật sự “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chúng ta phải biết mãi mãi gìn giữ, phát dương quang đại, ngõ hầu hoàn toàn tương ứng với Tánh Đức. Đây

là nói thêm về lòng yêu thương của các vị lão nhân đối với hậu thế, chỉ dạy chúng ta nên làm như thế nào trong thời đại này.

Ấn Quang đại sư nói càng hay hơn nữa. Tổ Ấn Quang nói: Trong thời kỳ Mạt pháp, cũng là nói trong thời đại hiện tại này, đạo tràng không nên quá lớn, đồng học chớ nên quá đông. Ngài dạy chúng ta: Tốt nhất là đồng học đừng nhiều hơn hai mươi người. Đúng thế, trong xã hội hiện thời, cách này hay lắm, chi tiêu ít, hai ba vị hộ pháp khá giả sẽ có thể chiếu cố đạo tràng! Điều kiện đầu tiên của người tu hành là: Thân an ổn, đạo mới hưng thịnh. Quý vị muốn thân và tâm yên ổn, hết thảy đều phải đơn giản hóa. Nếu đơn giản, sẽ chẳng cầu cạnh ai, không sợ khổ. Đức Phật dạy chúng ta hai điều kiện. Lúc sắp viên tịch, Phật Thích Ca Mâu Ni dạy các đệ tử hai điều kiện từ nay trở đi:

- Thứ nhất là phải trì giới, lấy Giới làm thầy.
- Thứ hai là lấy khổ làm thầy.

Quý vị không thể chịu khổ, chẳng thể trì giới, sẽ chẳng đạt được gì, nếu có đạt được điều gì, đó là giả, chẳng thật! Hai câu khai thị này quan trọng hơn bất cứ điều gì khác, chúng ta có làm được hay không? Vì lẽ gì người thuở trước có thể làm được? Cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, mọi người đều có thể làm được, vì sao người hiện thời không thể làm được? Tôi suy nghĩ vấn đề này rất lâu. Tôi đã tới

rất nhiều nơi, gặp rất nhiều bạn học Phật trong nhà Phật chúng ta, kể tại gia không hành Thập Thiện Nghiệp, hàng xuất gia không hành Sa Di Luật Nghi, chúng tôi cảm thấy rất tiếc nuối. Chúng ta truy tìm nguyên nhân vì đâu? Truy tới cuối cùng, tìm ra căn nguyên: Thiếu giáo dục!

Vào cuối đời Thanh, đầu thời Dân Quốc, tức là khoảng từ năm Dân Quốc 20 (1931) trở về trước, tuy truyền thống văn hóa đã suy vi, ít người nói tới, nhưng vẫn có người nhắc tới, vẫn có người làm chuyện này, nên còn có cội rễ! Cũng có thể nói là gia giáo^{13[5]} chưa hoàn toàn đoạn tuyệt, gia giáo tại Trung Quốc là giáo dục tư thực. Quê chúng tôi là đất văn hóa thịnh vượng vào thời cổ, phái văn học Đồng Thành^{14[6]} thuộc quê hương chúng tôi, trong hai thời Minh và Thanh đã xuất hiện rất nhiều người tài năng. Tại nông thôn, trong các thôn trang, trẻ nhỏ đều đi học, gần như không có trẻ nhỏ thất học, trường học mở trong các từ đường. Do có căn

13 [5] Chữ “gia giáo” ở đây bao gồm giáo dục trong gia đình lẫn sự giáo dục truyền thống do cộng đồng, địa phương duy trì. Có thể hiểu “gia giáo” là lối giáo dục theo truyền thống cổ, chưa học theo phương Tây.

14 [6] Đồng Thành phái là một trường phái chuyên viết văn xuôi đời Thanh do Phương Bao khởi xướng; cùng với Phương Bao, Lưu Đại Khôi và Diêu Nãi được gọi là Đồng Thành Tam Tổ, tức ba người hoàn thành lý luận và tông chỉ của học phái này. Do cả ba người này đều quê ở huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy, nên trường phái này được gọi là Đồng Thành Phái. Họ chủ trương nghiên cứu những tác phẩm như *Tả Truyện*, *Sử Ký* để tìm ra ý nghĩa chân chính nhằm tu thân lập đức. Năm Khang Hy 50, vì đã viết lời tựa cho bộ *Nam Sơn Tập* của Đới Danh Thế, Phương Bao bị liên lụy, phải bị hạ ngục. Về sau, được Lý Quang Địa phát hiện, tiến cử lên Khang Hy. Vua Khang Hy hết sức ngưỡng mộ, biết ông Phương không thích làm quan, bèn mời Phương Bao dùng thân phận áo vải để làm bạn văn chương của hoàng đế, thật ra là cố vấn riêng cho nhà vua tại Nam Thư Phòng. Ông trở thành “trí nang” (cái túi kiến thức) của ba đời vua Khang Hy, Ung Chánh và Càn Long. Dưới thời Ung Chánh, nghe theo lời nhà vua thuyết phục, ông đã chấp nhận giữ chức Tả Trung Doãn của Tả Xuân Phường Chiêm Sự Phủ, thăng Nội Các Học Sĩ, rồi Lễ Bộ Thị Lang, làm tổng biên tập bộ *Đại Thanh Nhất Thống Chí* cũng như làm phó tổng biên tập bộ *Tam Lễ Thư* thời Càn Long.

bản này, nên từ nhỏ đã học biết quy củ, đọc các sách cổ, có căn bản, tức là có căn bản về Nho học, có căn bản đạo đức. “Đạo” ở đây chính Thái Thượng Cảm Ứng Thiên. Đạo tràng phổ biến nhất của Đạo gia là miếu Thành Hoàng, sự giáo dục quan trọng nhất trong ấy là Thập Vương Điện, tức điện thờ Thập Điện Diêm Vương. Dạy điều gì? Dạy nhân quả. Phụ nữ ở nông thôn mỗi năm đến miếu Thành Hoàng dâng hương cũng phải bốn năm lượt. Thuở nhỏ, tôi theo mẹ, khi đó, hãy còn rất bé, độ năm sáu tuổi, tới miếu Thành Hoàng thắp hương, cha mẹ có cơ hội giáo dục, bảo chúng tôi: “Khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm, cử chỉ đều đừng nên phạm tội. Phạm tội thì con thấy hình phạt là núi đao, vạc dầu, nói dối bị rút lưỡi”... Ấn tượng này rất sâu, suốt đời cũng không thể quên! Lớn lên, tôi khởi tâm động niệm bèn nghĩ đến miếu Thành Hoàng, có những chuyện quý vị chẳng dám làm. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên”* (Tập luyện từ nhỏ sẽ trở thành tánh tình giống như bẩm sinh, do thói quen trở thành tự nhiên). Giáo dục được dưỡng thành từ nhỏ, sanh hiệu quả rất lớn. Gặp chuyện, quý vị sẽ suy nghĩ xem chuyện này có nên làm hay không, sau này còn có nhân quả ra sao, cho nên kính sợ! Vì vậy, học Phật, Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện rất dễ tiếp nhận, rất dễ làm được! Hiện thời vì sao khó khăn dường ấy? Giáo dục cơ sở truyền thống, giáo dục đặt nền tảng căn bản đã bị vứt bỏ. Trải qua những năm chiến tranh với Nhật Bản,

sự giáo dục căn bản này bị sút giảm. Sau này, chúng tôi dần dần tiếp xúc Phật pháp, quay trở về truyền thống văn hóa, nhận biết mối quan hệ giữa Nho, Thích và Đạo hết sức mật thiết, vĩnh viễn chẳng có cách nào tách rời! Sau khi tiếp xúc bèn hiểu rõ, biết truyền thống văn hóa thật tốt đẹp này!

Họ dùng kinh điển Nho gia hay kinh Phật để viết luận án Tiến sĩ. Trong đó, có một sinh viên cho tôi biết anh ta dùng kinh *Vô Lượng Thọ* để viết luận án Tiến sĩ. Tôi nói: “Kinh *Vô Lượng Thọ* có chín phiên bản khác nhau, anh dùng bản nào?”. Anh ta dùng bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư, cùng một bản như chúng ta đang học. Nhắc tới văn hóa truyền thống của Trung Quốc, quý vị đều nghĩ tới những sách vở mang tánh chất đại biểu, không sai! *Tứ Thư, Ngũ Kinh*, mười ba kinh là đại biểu cho Nho gia. *Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Bát Nhã, Pháp Tướng* là đại biểu của Đại thừa Phật pháp. Đúng vậy, những thứ ấy là hoa quả, thật đẹp, thật ưa nhìn, hoa quả từ đâu ra? Mọc trên cành nhánh. Cành nhánh do đâu mà có? Cành nhánh có cội rễ. Cội rễ là gì? Cội rễ của Phật pháp là *Thập Thiện Nghiệp Đạo*. Kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo* chẳng dài; trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng: *Thập Thiện Nghiệp Đạo* giống như đại địa, cây cối, hoa, cỏ, đều sanh từ mặt đất. Như vậy mới là đã tìm được cội rễ. Đức Phật dùng điều này làm tỷ dụ. Pháp nhân thiên, Thanh Văn Bồ đề, Duyên Giác Bồ đề, cho đến Vô Thượng Bồ đề, đều sanh từ đại địa này, tìm được cội rễ rồi. Cội rễ của Khổng Mạnh là gì?

Cội rễ của Khổng Mạnh là Đệ Tử Quy. Cội rễ của Đạo giáo là Thái Thượng Cảm Ứng Thiên; ba thứ này không ai nghĩ đến!

Thật sự thực hành ba thứ căn bản ấy, chúng ta quy y kinh *Vô Lượng Thọ*. Quy (皈) là quay đầu, Y (依) là dựa vào, dựa vào đạo lý được giảng trong kinh *Vô Lượng Thọ*, nương theo phương pháp giảng trong kinh *Vô Lượng Thọ*, nghiêm túc tu hành, không ai chẳng sanh Tịnh Độ. Sanh vào Tịnh Độ là thành Phật trong một đời. Nói cách khác, quý vị thành Phật trong đời này, công đức viên mãn; nhưng quý vị phải ghi nhớ: Muốn thật sự viên mãn, ba món căn bản này rất trọng yếu. Có người cho tôi biết dường như người chẳng có ba căn bản này, nghe nói cũng vãng sanh. Có tình hình này hay không? Có! Nhưng ba căn bản của người ấy chẳng lộ rõ! Người ấy có hay không? Chắc chắn là có; nếu không, làm sao có thể vãng sanh, đâu có lẽ này? Nói tới một bà cụ già niệm Phật vãng sanh, suốt đời cũng chưa hề học Phật, cũng chẳng hề học Đạo, mà cũng chẳng hề học Nho, chuyện gì cũng chẳng biết. Quý vị lấy tiêu chuẩn của Đệ Tử Quy để xem xét, bà cụ có phạm một điều nào hay chẳng? Quý vị nghiêm túc kiểm tra, bà cụ chẳng phạm một điều nào, tuy chưa từng học! Thập Thiện Nghiệp chưa hề học, nhưng người này đúng là thiện nhân, trọn đủ! Quý vị quan sát cẩn thận, mới phát hiện: Người vãng sanh, người niệm Phật vãng sanh, bất luận có học hay không, biết chữ hay không, đều là người rất có đức hạnh, đều thật sự là thiện

nhân mới có thể vãng sanh. Kẻ tâm hạnh chẳng lành, lắm mưu mô, rất khó vãng sanh. Vì sao? Quý vị chẳng thể đến thế giới Cực Lạc là nơi chư thượng thiện nhân hội họp. Quý vị vẫn dấy lòng tính toán, làm sao có thể vãng sanh cho được? Quý vị khởi tâm động niệm, Phật, Bồ tát biết ngay, chư thượng thiện nhân ai nấy đều biết! Sách *Hoàn Nguyên Quán* dạy chúng ta thế này: Trong tâm của hết thảy chúng sanh vừa mới dấy một niệm, niệm ấy bèn trọn khắp pháp giới. Tốc độ quá nhanh, xúng táng, nhưng bản thân chúng ta không biết! Bất luận niệm gì, chỉ cần niệm vừa dấy lên, sẽ có ba thứ trọn khắp:

- Thứ nhất là tin tức này trọn khắp pháp giới.
- Thứ hai là xuất sanh vô tận.
- Thứ ba là chứa đựng cả Không lẫn Có.

Trong một niệm bèn có ba thứ trọn khắp. Quý vị không có cách nào tưởng tượng phạm vi trọn khắp ấy. Người Trung Quốc có hai câu nói hình dung hết sức hay: “*Kỳ đại vô ngoại, kỳ tiểu vô nội*” (không có gì lớn mà không ra ngoài, không có gì nhỏ mà chẳng lọt vào trong). Hai câu này rất nhiều người nghe đã quen tai, cũng đều có thể nói, nhưng trên thực tế, rất khó nói rõ ý nghĩa! “*Kỳ đại vô ngoại*” là không có ngăn mé, nhưng “*kỳ tiểu vô nội*” khó hiểu! Kinh *Hoa Nghiêm* đã giảng rất hay, thế nào là “*vô nội?*”. Trong một hạt vi trần có thế giới, thế giới như thế nào? To như thế giới bên ngoài! Trong vi

trần có thể giới, thế giới trọn chẳng rút nhỏ, vi trần chẳng phình to, vẫn như vậy, chẳng lớn hay nhỏ! Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới, trùng trùng vô tận, gọi là “*kỳ tiểu vô nội*”. Quý vị truy tìm đến tột cùng được chẳng? Tìm không được, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Đức Phật chẳng nói dối, vì sao? Quý vị kiến tánh sẽ thấy được, bèn hiểu rõ. Quý vị chưa kiến tánh, nghĩ cách nào cũng nghĩ không ra, đều chẳng thể tư duy được! Do vậy, gọi là chẳng thể nghĩ bàn, [tức là] chẳng thể nghĩ, chẳng thể tưởng, cũng chẳng có cách nào bàn luận. Xứng tánh mà! Thứ gì chẳng xứng tánh? Thứ nào cũng đều xứng tánh, chỉ là do chúng ta mê, nên bất giác!

Ở đây nói tới bản hay nhất, bản tiêu chuẩn tốt nhất, trong bản này không có chữ sai. Sợ nhất là sách bị sai chữ, trong bản này không có chữ sai, đó chính là bản tốt nhất. Nghĩa lý chẳng bị khiếm khuyết, lớp lang hoàn chỉnh, phương pháp tinh tế. Chiếu theo lý luận và phương pháp này tu hành, quý vị có thể đạt được lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật quan trọng nhất là: Quý vị liễu giải chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, liền khế nhập cảnh giới, đó gọi là “*liễu nghĩa rốt ráo*”. Chúng ta thường gọi khế nhập cảnh giới là “*chứng quả*” hay “*thành Phật*”, có ý nghĩa như vậy!

Chúng ta xem câu tiếp theo. “*Vô Lượng Thọ kinh nãi Tịnh Tông chi tổng cương*” (kinh Vô Lượng Thọ là tổng cương

lãnh của Tịnh Tông): “*Cương*” (綱) là cương lãnh, là tổng cương lãnh; do vậy, được gọi là “*Tịnh Tông đệ nhất kinh*”. Kinh Tịnh Tông không nhiều lắm. Trong tất cả các tông phái, chỉ có Tịnh Độ Tông là kinh điển ít nhất, chỉ có ba bộ kinh, một bộ luận, đó là nói về lúc xưa. Ba bộ kinh, thứ nhất là kinh *Vô Lượng Thọ*, thứ nhì là *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*, còn gọi là *Thập Lục Quán Kinh*, thứ ba là *A Di Đà Kinh*, phân lượng đều rất ít; một luận là *Vãng Sanh Luận* của Thiên Thân Bồ tát. Tam kinh nhất luận! Một luận chính là báo cáo tâm đắc về việc tu Tịnh Độ, vãng sanh thế giới Cực Lạc của Thiên Thân Bồ tát để chúng ta tham khảo. Hiện thời thì sao? Hiện thời là ngũ kinh nhất luận. Ngũ kinh do đâu mà có? Ba kinh là do Phật nói, ngũ kinh là trong niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh; vợ vua Hàm Phong là Từ Hy Thái Hậu mọi người đều biết, nói đến Hàm Phong thì chẳng mấy ai biết đến! Trong niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, vị lão cư sĩ này cũng rất giỏi, đem quyển cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm*, không phải là một phẩm, quyển cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm* là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát dẫn về Cực Lạc, đem quyển cuối cùng này của kinh *Hoa Nghiêm*, tức là rút ra một chương trong một phẩm này, ghép vào sau *Tịnh Độ Tam Kinh*, trở thành *Tịnh Độ Tứ Kinh*. Do vậy, nếu sau này, quý vị thấy trong Phật môn có *Tịnh Độ Tứ Kinh*, quý vị biết đó là do ông Ngụy Mặc Thâm thêm vào. Thêm hay lắm! Vì sao thêm vào rất hay?

Trong kinh *Vô Lượng Thọ*, đặc biệt là trong bản hội tập của cụ Hạ, chúng ta thấy phẩm thứ hai là Đức Tuân Phổ Hiền, một chương ấy. Quả thật kinh *Hoa Nghiêm* đến cuối cùng trở về Tịnh Độ, trở về kinh *Vô Lượng Thọ*. Do vậy, ông ta thêm thiên ấy vào hay lắm. Đó là *Tịnh Độ Tứ Kinh*.

Ngũ kinh là do Ấn Quang đại sư đề xướng, ngài thuộc thời cận đại. Ngài đem chương *Đại Thế Chí Bồ tát Niệm Phật Viên Thông Chương* trong phần Hai Mười Lăm Pháp Viên Thông của kinh *Lăng Nghiêm*, đem đoạn kinh văn ngắn này ghép vào sau *Tịnh Độ Tứ Kinh*, biến thành *Tịnh Độ Ngũ Kinh*. Cách làm này chẳng thể nghĩ bàn! Tịnh Độ có cần thêm kinh điển nào khác nữa hay không? Không cần! Đến đây là đã viên mãn. Vì sao? Hai trăm bốn mươi bốn từ, tôi đã nói với quý vị, đó là *Tâm Kinh* của Tịnh Độ Tông, mà cũng là *Tâm Kinh* của toàn bộ giáo pháp trong *Đại Tạng Kinh*. Đây cũng là như Thiệu Đạo đại sư lão nhân gia thường nói: “*Chư Phật sở dĩ xuất hiện trong thế gian chỉ vì để nói biến bốn nguyện của Phật Di Đà*”. Cách làm này của Ấn Quang đại sư đã khiến cho chúng ta hoàn toàn hiểu rõ câu nói ấy của Thiệu Đạo đại sư. Phương pháp bậc nhất của hết thầy chư Phật ứng hóa trong mười pháp giới. Phổ độ chúng sanh trong mười pháp giới của hết thầy các cõi Phật là gì? Là trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thích hợp khắp ba căn, gồm thân độn căn lẫn lợi căn, đó là pháp môn tuyệt diệu! Cực đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, ai cũng có thể tu, ai cũng đều có thể

thành tựu. Vĩnh Minh đại sư nói pháp môn này “*vạn tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai!

Vì sao người tu Tịnh Độ đông như thế, người vãng sanh ít như vậy? Có mâu thuẫn với lời nhận định của Vĩnh Minh đại sư hay không? Thưa quý vị, không! Do nguyên nhân nào? Quý vị tu hành chẳng đúng pháp, đúng lý! Lỗi tại quý vị, chẳng phải do pháp môn, không do kinh điển. Nếu quý vị tu đúng pháp, đúng lý, thật sự là “*vạn người tu, vạn người đến*” chẳng sót một ai! Kinh *Di Đà* đã dạy rất rõ ràng: “*Không thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy*”. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Nhân duyên là gì? Nay chúng ta trọn đủ nhân duyên, được làm thân người là nhân duyên, gặp Phật pháp là nhân duyên, gặp Đại thừa là nhân duyên, gặp kinh *Hoa Nghiêm*, gặp Tịnh Độ là nhân duyên phi phàm, duyên trọn đủ. Vấn đề ở đâu? Thiện căn, phước đức. Thiện căn là gì? Tín giải. Quý vị có thật sự tin tưởng hay không? Đối với pháp này, quý vị còn có vấn đề nào hay không? Nếu còn có hoài nghi, thiện căn của quý vị có vấn đề. Quý vị có hiểu rõ đạo lý Tịnh Tông hay không? Không thấu triệt, không hiểu rõ. Hiểu rõ sẽ giúp quý vị tin tưởng. Sở dĩ quý vị có hoài nghi là do chưa lý giải thấu triệt. Thật sự hiểu rõ, minh bạch, sẽ chẳng hoài nghi. Quý vị có tín giải, tín giải là thiện căn. Phước đức là gì? Thật sự hành! Người thật sự hành có phước đức. Quý vị chẳng thật sự hành, vẫn chưa buông thế gian này xuống được, còn lưu luyến, vậy

là xong luôn! Quý vị cũng rất khó thành tựu. Vì thế, kinh không có khuyết điểm, lý luận và phương pháp đều không có khuyết điểm. Khuyết điểm là do phiền não và tập khí của chính mình. Nếu buông những thứ ấy xuống, chắc chắn quý vị đạt được Tịnh Độ ngay trong một đời này!

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ trích dẫn lời ông Bành Thiệu Thăng (Bành Tế Thanh): “*Ngã quốc Thanh đại Bành Thiệu Thăng cư sĩ tán viết: Vô Lượng Thọ kinh giả, Như Lai xứng tánh chi Viên Giáo, chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi*” (vào đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Tăng của nước ta đã ca ngợi: “Kinh Vô Lượng Thọ là Viên Giáo xứng tánh của Như Lai, là cơ nghi hóa độ chúng sanh sẵn có”). Mấy câu này hết sức quan trọng! “*Như Lai*” là những vị minh tâm kiến tánh trong mười phương, đó là chư Phật Như Lai. Kinh *Vô Lượng Thọ* là lời bàn luận xứng tánh, từng câu, từng chữ đều từ tự tánh lưu lộ, từng câu, từng chữ đều viên mãn, nên gọi là Viên Giáo. Tự tánh của hết thấy chư Phật Như Lai và tự tánh của hết thấy chúng sanh là một tánh, chẳng phải hai tánh. Do vậy, trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật nói đến tự tánh thường thường dùng biển làm tỷ dụ, chẳng hạn như “*tánh hải*”. Mỗi một chúng sanh khác nhau giống như một bọt nước trong biển cả, bọt nước do đâu mà sanh ra? Từ biển sanh ra. Từng bọt nước nếu không bị vỡ tan, dường như có đối lập. Chỗ này là một bọt, chỗ kia là một bọt khác. Sau khi bọt nước vỡ tan, tất cả đều là biển cả. Người thông minh chẳng cần chờ

đến lúc bọt nước vỡ, toàn là nước biển, mỗi bọt nước đều là nước biển, nước biển là tự tánh. Do vậy, trong kinh, đức Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên*” (mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế), không có gì chẳng giống nhau. Vì sao? Quý vị chẳng là tự tánh, nói thẳng là Thật Tướng của các pháp. Chúng ta và hết thảy chúng sanh là một Thể, một tự tánh! Nhưng vì sao có sai biệt nhiều như thế? Do mê hay ngộ khác nhau! Ngộ bèn biết chúng ta là một Thể, còn thân thiết hơn người một nhà, một Thể mà! Khi mê mới chia ra ta, ra người, mới có phân biệt, mới có chấp trước, mới tạo nghiệp, mới chuốc lấy những quả báo oan uổng. Oan uổng luân hồi trong lục đạo, là cảnh giới trong mộng, chúng chẳng thật. Thật sự tham thấu thì giấc mộng ấy cũng chẳng rời khỏi tự tánh. Do vậy, y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới chẳng là tự tánh, đều do tự tánh hiện.

Do vậy, ông Bành Tế Thanh nói: “*Chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi*”, nay ta gọi “*nghi*” (儀) là phương thức hay hình thức. Nay chúng ta dạy bảo học trò, dùng hình thức như thế nào. Nay chúng ta biết: Đối với trẻ nhỏ, trẻ thơ, chúng ta lập ra vườn trẻ, mở trường Tiểu học, tùy theo độ tuổi của chúng, rồi lại mở trường Trung học, mở Đại học, rất giống phương thức ấy. Đó gọi là “*hóa nghi*”. Trừ hóa nghi ra, còn có

“*hóa pháp*”, “*pháp*” là phương pháp dạy học. Chúng sanh căn tánh khác nhau; đối với căn tánh khác nhau, dùng phương pháp gì để dạy họ? Vì thế, nhà Phật nói tới hóa nghi và hóa pháp. Phật Thích Ca Mâu Ni bốn mươi chín năm dạy học trò, xét theo phương diện hóa nghi: Trước hết, sau khi khai ngộ, Ngài giảng kinh *A Hàm* mười hai năm. *A Hàm* giống như Tiểu học của Phật giáo. Giảng điều gì? Giảng pháp nhân thiên, giảng cách làm người như thế nào, cũng như ngày nay chúng ta nói là giảng luân lý, giảng đạo đức, giảng nhân quả. Trong kinh *A Hàm*, những thứ giáo học này rất nhiều, chú trọng những điều đó. Đến thời kỳ Đại thừa, dần dần thảo luận vũ trụ và nhân sinh, nay chúng ta gọi là Triết học và khoa học, đều giảng đến viên mãn rất ráo. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn pháp từ đâu ra? Ta từ đâu đến? Giảng thật rõ ràng, minh bạch, quả thật chẳng dễ dàng! Cho tới hiện thời, bao nhiêu khoa học gia, triết học gia, tôn giáo gia trên thế giới đang nghiên cứu vấn đề này, đều chẳng tìm được câu trả lời, vẫn là có những vấn đề tồn đọng, chỉ riêng Đại thừa Phật pháp giảng rõ ràng, giảng minh bạch, chẳng có nghi hoặc!

Bởi lẽ, thuở ấy tôi học Triết học, Phương tiên sinh giảng Triết học trong kinh Phật cho tôi nghe. Cụ bảo tôi, theo cách nhìn của cụ: “*Phật Thích Ca Mâu Ni là triết gia vĩ đại nhất trên thế giới; kinh Phật là đỉnh cao nhất của Triết Học trên cả thế giới*”. Cụ bảo tôi như thế này: “*Học Phật là hưởng thụ tối cao trong đời người*”, cụ dẫn tôi tiến vào Phật môn. Lại còn

đặc biệt bảo tôi, câu nói này rất trọng yếu. Nếu không, tôi sẽ mê hoặc, sẽ hoài nghi, sẽ nhìn những kẻ học Phật học như thế nào, chân tướng có đúng như Phương tiên sinh nói hay chẳng? Vì thế, câu nói sau đây của Phương tiên sinh quan trọng lắm, cụ bảo: *“Triết học trong kinh Phật ở trong kinh điển, không ở trong chùa chiền”!* Câu này hết sức trọng yếu. Vì sao không ở trong chùa chiền? Người trong chùa chẳng học! Xưa kia, cổ đại đức trong chùa chiền thật sự rất phi phạm, vì sao? Họ học thật sự. Nay thì sao? Người xuất gia trong chùa chiền hiện thời chẳng học, biến Phật giáo thành tôn giáo. Xuất gia để làm gì? Xuất gia để giao tiếp quý thần, lo siêu độ, làm Phật sự, pháp hội. Những chuyện này có cần phải làm hay không? Cần chứ! Nhưng phải nên làm như thế nào? Vào trong quỹ đạo để làm, còn trong nhân đạo hãy lo dạy con người. Quý đạo có hay không? Có! Phật, Bồ tát ở trong quỹ đạo. Quý vị thấy Địa Tạng Vương Bồ tát thế nguyện: *“Địa ngục bất không, thế bất thành Phật”* (Địa ngục chẳng trống, thế chẳng thành Phật). Quý vị thấy làm lễ Diệm Khẩu. Tiêu Diện Đại Sĩ đối diện với Diệm Khẩu là ai? Là Quán Thế Âm Bồ tát, hiện thân quý trong quỹ đạo để độ quý đạo. Nên hiện thân gì để đắc độ, bèn hiện thân ấy. Thân đang ở trong nhân gian thì phải dạy con người, sao lại dùng thân người để dạy quý? Đâu có lẽ ấy! Dùng thân quý cũng chẳng thể dạy người.

Do vậy, Phật, Bồ tát ứng hóa chẳng thể nghĩ bàn, nên dùng thân gì để đắc độ bèn hiện thân ấy, nên dạy họ điều

gì sẽ dạy họ điều ấy! Phải biết điều này không do chính các Ngài quyết định, mà do người ấy cảm, Phật bèn ứng, tự nhiên cảm ứng đạo giao. Giống như tiến sĩ Giang Bản Thăng (Masaru Emoto) của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, chúng ta dùng thiện tâm để cảm, quý vị thấy nước đáp ứng bằng kết tinh đẹp nhất. Chúng ta dùng ác niệm để cảm, nó đáp ứng bằng hình thái rất khó coi. Chư Phật, Bồ tát đối với tất cả chúng sanh cũng như vậy! Họ dấy lên niệm gì để cảm các Ngài, các Ngài bèn ứng như thế. Chư Phật, Bồ tát ứng hóa trong thế gian, tuyệt đối chẳng có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi nào. Nếu có cách suy tưởng hay nghĩ ngợi, sẽ là phàm phu. Phàm phu mới có cách suy tưởng và nghĩ ngợi, còn Pháp Thân Bồ tát là bậc kiến tánh, chắc chắn không có. Vì sao? Kiến tánh thì điều kiện đầu tiên là đoạn trừ khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, chẳng động niệm, còn có cách suy tưởng hay cách nhìn gì nữa đây? Không có! Đó gọi là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Do vậy, chúng sanh có tâm cảm, Phật có tâm ứng, nên gọi là “xứng tánh”, tự tánh tự nhiên sẽ có ứng. Vì thế, chúng ta phải hiểu ý nghĩa hóa nghi và hóa pháp này. Nói thông thường, trong khi học tập, chúng ta cũng thường nói “hóa ác thành lành”. Nay chúng ta giúp đỡ người khác, bước đầu tiên là dạy kẻ ấy, giúp kẻ ấy sửa đổi. “Hóa” (化) ở đây là biến hóa khí chất, là giáo học nói theo mặt quả. Mục tiêu cuối cùng của giáo học là biến hóa khí chất của người được dạy. Nói cụ thể, biến hóa

ác niệm, lời nói ác và hành vi ác thành thiện niệm, thiện hạnh, tức là chúng ta dạy học thành công! Đây là bước đầu tiên. Tiến thêm bước nữa, chính là hóa mê thành ngộ, đây mới thật sự là Phật pháp. Hóa ác thành thiện là thế gian pháp, hóa mê thành ngộ mới có thể xuất thế gian, thật sự giác ngộ. Cuối cùng là hóa phàm thành thánh, tiến lên cao hơn từng bước một!

Xét về phần tài liệu, có thể nói là Hoàng lão cư sĩ rất dụng tâm, hết sức phong phú, tận tâm tận lực sưu tập. Tiếp theo đó, cụ trích dẫn lời pháp sư Đạo Ấn của Nhật Bản tán thán kinh *Vô Lượng Thọ*: “*Như Lai hưng thế chi chính thuyết*” (là chính thuyết do đức Như Lai xuất hiện trong cõi đời); “*hưng*” (興) là hưng khởi (興起), ý nghĩa tương đồng với lời Thiện Đạo đại sư. Thiện Đạo đại sư nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế*”. Chữ “*hưng*” này là “*hưng khởi*”, xuất hiện trên thế gian, “*duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (chỉ để nói biển bốn nguyện của Phật Di Đà), bốn mươi tám nguyện của Phật A Di Đà phổ độ chúng sanh. Tôi không tra tài liệu xem vị Đạo Ấn này là người thời nào, vì Tịnh Độ Tông Nhật Bản là từ Thiện Đạo đại sư truyền sang. Vào thời Đường, có nhiều cao tăng Nhật Bản sang Trung Quốc du học; lúc ấy, Thiện Đạo đại sư còn tại thế. Do vậy, tại Nhật Bản, Thiện Đạo đại sư rất nổi danh. Ngài chẳng nổi tiếng tại Trung Quốc, chứ ở Nhật Bản, Ngài rất nổi tiếng. Nhật Bản có rất nhiều ngôi chùa mang tên Thiện Đạo Tự. Quý vị thấy Thiện Đạo Tự,

biết đó là Tịnh Độ Tông. Đài Bắc còn có một ngôi Thiền Đạo Tự, được thành lập vào thời Nhật Bản thống trị Đài Loan, đây là đạo tràng Tịnh Độ Tông. Do vậy, câu nói này có lẽ phỏng theo Thiền Đạo đại sư. Sư nói: “*Như Lai hưng thế chi chính thuyết*” thì nói cách khác, hết thảy các kinh khác do đức Phật đã nói, hết thảy các kinh trong bốn mươi chín năm đều là “bàng thuyết” (nói phụ), kinh này mới là nói chính. Kinh *Vô Lượng Thọ* là chính tông, những kinh khác đều nhằm phù trợ kinh *Vô Lượng Thọ*, có ý nghĩa này, đây mới là chính thuyết. Vì thế, quả thật qua lời tựa của đại sĩ Mai Quang Hy, chúng ta thấy các vị đại đức thời Tùy - Đường đều thừa nhận: Ngay cả kinh *Pháp Hoa* và kinh *Hoa Nghiêm* đều nhằm dẫn dắt chúng ta quy hướng Tịnh Độ. Quý vị đọc phần năm mươi ba lần tham học của Thiền Tài đồng tử trong kinh *Hoa Nghiêm*, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát dẫn về Cực Lạc. Vì vậy, ông Ngụy Mặc Tâm ghép quyển cuối cùng của kinh *Hoa Nghiêm* vào cuối tam kinh, gọi là *Tịnh Độ Tứ Kinh* là có lý, chẳng phải bàn cãi gì nữa, chúng ta hai tay tán thành hành động này! Kinh *Hoa Nghiêm* quy vào kinh *Vô Lượng Thọ*. Trong kinh *Pháp Hoa*, long nữ tám tuổi thành Phật, cũng do nghe Bồ tát Văn Thù giảng kinh, Cô ta nghe hiểu rồi, cũng cầu sanh Tịnh Độ. Đây là như Ấn Quang đại sư đã nói: “*Ngàn kinh vạn luận, chỗ nào cũng chỉ quy*”. Do vậy, nói kinh này là chính thuyết, xác thực là có căn cứ.

“*Kỳ đặc tối thắng chi diệu điển*” (bộ kinh điển màu nhiệm lạ lùng, đặc biệt, thù thắng nhất). “*Kỳ đặc*”, tối thắng là thù thắng khôn sánh, hết thảy các kinh chẳng thể sánh bằng, kể cả kinh *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*, tuy hai kinh ấy đều là Đại thừa, đều là kinh *Nhất Thừa*, nhưng đâu có thù thắng như pháp môn này!

“*Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết, tốc tạt viên dung chi kim ngôn*” (Lời giảng về Nhất Thừa rất ráo đến tột bậc, là lời vàng viên dung nhanh chóng). Nói rõ chỗ lạ lùng đặc biệt ở nơi nào, thù thắng nhất ở chỗ nào. Kinh này đúng giáo pháp Nhất thừa. Giáo pháp Nhất thừa là thành Phật trong một đời, được kinh này giảng đến chỗ viên mãn rất ráo. “*Tốc tạt*” (速疾) là nhanh chóng. Trong các pháp môn, tức là các pháp môn của các tông phái thông thường, thời gian tu học đều phải rất lâu, chỉ riêng pháp môn này chẳng cần một thời gian rất dài. Trong các pháp môn khác, tu hành phải mất vô lượng kiếp mới có thể đào thải hết sạch phiền não tập khí, Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não. Quý vị chẳng đoạn hết phiền não, làm sao có thể hoàn nguyên? Hết vọng mới hoàn nguyên. Kinh *Hoa Nghiêm* gọi những phiền não ấy là “vọng tưởng, phân biệt, chấp trước”. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, chấp trước là Kiến Tư phiền não. Đào thải hết sạch, đoạn hết Kiến Tư phiền não, bèn chứng A La Hán, vượt thoát lục đạo. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới. Lục đạo là giới hạn, ở

trong lục đạo thì gọi là nội phàm, là phàm phu, nội phàm tức là phàm phu trong lục đạo. Tứ thánh pháp giới gọi là ngoại phàm, ở ngoài lục đạo, nhưng vẫn phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Phàm và thánh sai biệt ở chỗ nào? Một đằng dùng chân tâm thì là thánh nhân, [một đằng] dùng vọng tâm là phàm phu. Vọng tâm là dùng A Lại Da Thức. Phải biết: Trong tứ thánh pháp giới, ngoài A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ tát, còn có Phật, tức là trên đó còn có Phật, nhưng Phật trong tứ thánh pháp giới hoàn toàn dùng A Lại Da. Vì thế, gọi là “ngoại phàm”, tức phàm phu ở ngoài lục đạo! Tuy họ dùng vọng tâm, vọng tâm này được dùng rất chính đáng, rất giống chân tâm. Vì sao dùng rất chính đáng, rất giống chân tâm? Đều do học Phật, dung hội lý luận được giảng trong kinh Phật vào nội tâm của chính mình, tức là vào trong A Lại Da, biến [những lý luận ấy] thành những chủng tử trong A Lại Da, nên khi thực hiện, từng điều trong Giới Luật đều được thực hiện rõ rệt, đều làm rất khá, hết sức giống Phật. Do vậy, tứ thánh pháp giới được gọi là “tương tự tức”, nghĩa là rất giống, làm rất giống, nhưng chưa phải là thật sự. Vì sao chưa phải là thật sự? Chưa chuyển Thức thành Trí, chưa chuyển được! Đây chính là như kinh *Bát Nhã* đã dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà hướng phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, hướng chi phi pháp). Giáo lý giảng trong kinh quý vị làm được, làm tốt đẹp, nhưng vẫn là phàm phu, có thể ra ngoài lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới. Nếu muốn ra khỏi mười pháp

giới, phải buông những thứ này xuống. Pháp còn nên bỏ, hà huống phi pháp! Phạt pháp cũng bỏ luôn, sẽ thoát khỏi mười pháp giới, phải biết điều này!

Vì thế, chúng ta thấy kinh này tuyệt lắm! Phương pháp tu hành trong kinh này, đầu tiên là như trong tựa đề kinh này, nửa đầu là quả báo, nửa sau là tu nhân. Nửa đầu là “Đại thừa”. Đại thừa là gì? Đại thừa là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. “*Vô lượng thọ*” là đức, “*trang nghiêm*” là tướng. Kinh *Hoa Nghiêm* dạy: “*Tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, trí huệ là Đại thừa, đức là vô lượng thọ, tướng là trang nghiêm. Đây là trên mặt quả, hết thấy chúng sanh đều có. Chúng ta khôi phục chúng như thế nào? “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, đó là Tu Đức. Chúng ta tu hành là tu gì? Tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thành tựu bằng giới luật. Tâm bình đẳng thành tựu bằng Thiền Định. Giác thành tựu từ Bồ đề. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì vậy, tu “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, chứng “*Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm*”, ngay trong tựa đề kinh đã nêu ra cương lĩnh tu hành và thành tựu nơi quả địa.

Bởi lẽ đó, tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc, các tổ sư đại đức đã nói rất tuyệt, nói thật hay: “*Nhất Thừa cứu cánh chi cực thuyết, tốc tạt viên dung chi kim ngôn*” (Lời giảng về Nhất Thừa rốt ráo đến tột bậc, là lời vàng viên dung nhanh chóng). Chữ “*kim*” này được dùng rất nhiều trong kinh Phật, quý vị phải hiểu ý nghĩa. Kim có nghĩa là gì? Vàng

chẳng thay đổi. Kim loại đều bị oxide hóa, đều bị đổi màu, chỉ mình hoàng kim không thay đổi, quý ở chỗ này. Vì thế, Phật pháp dùng “kim” theo ý nghĩa “*không thay đổi*”. “*Kim thân*” vĩnh hằng bất hoại, là chân thân, dùng theo ý nghĩa này; chứ không phải là thật sự sơn thành màu vàng ròng. Hiện thời, trong chùa chiền, tượng Phật mạ vàng, nhằm biểu thị pháp. Da Phật có thật sự giống như màu vàng mạ hay không? Màu ấy cũng trợn chẳng dễ coi! Phải hiểu đó là biểu thị pháp, vĩnh hằng không thay đổi, là xứng tánh. Thân ấy có hay không có? Có! Trong cõi Thật Báo thì có, trong cõi Thật Báo của chư Phật Như Lai, cõi Thật Báo trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sinh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng của quý vị vĩnh viễn không thay đổi. Nhân dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng sanh từ bào thai, chẳng phải là từ trẻ nhỏ dần dần trưởng thành. Chẳng phải! Họ là hóa sanh, hóa sanh đến nơi ấy trong hoa sen. Hóa thân có hình dáng như thế nào? Dáng vẻ chẳng khác Phật A Di Đà cho mấy, chỗ này là pháp bình đẳng. Hiện thời, chúng ta vẽ Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẽ Phật A Di Đà đặc biệt to, vẽ Bồ tát nhỏ hơn một chút, người vãng sanh lại vẽ nhỏ hơn chút nữa. Đâu có to hay nhỏ như vậy! Thật sự có to hay nhỏ, sẽ chẳng bình đẳng! Vĩnh hằng không thay đổi, họ là hóa sanh. Do những điều này, quý vị đọc kinh giáo nhiều hơn, sẽ dần dần hiểu rõ, sẽ thấy ý nghĩa được thật sự bao hàm ở đây.

Vì sao không bị biến hóa? Vì chẳng có ý niệm, đạo lý ở chỗ này! Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ tin tưởng. Biến hóa do đâu mà có? Biến hóa là “*duy thức sở biến, duy tâm sở hiện*”. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm chỉ có duy tâm sở hiện, không có duy thức sở biến, đã chuyển Thức thành Trí, cho nên chẳng biến. Quý vị không có ý niệm, sẽ chẳng khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm sẽ biến; chẳng khởi tâm, không động niệm, làm sao biến? Sẽ chẳng biến, vĩnh hằng không thay đổi. Hoa, cỏ, cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn chẳng điêu tàn, vĩnh viễn chẳng biến chất! Cư dân nơi ấy mỗi người đều minh tâm kiến tánh. Nói “minh tâm kiến tánh” là đã đoạn vọng tưởng, vọng tưởng là khởi tâm động niệm, mọi người chẳng khởi tâm, chẳng động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, lấy đâu ra phân biệt, chấp trước?

Chúng ta muốn bất biến trong thế giới này có được hay chẳng? Được! Quý vị chẳng khởi tâm, không động niệm là được, cảnh giới như vậy đấy! Làm không được là vì ý niệm quá vi tế. Một niệm của bọn phàm phu chúng ta dấy lên, tức là trong tâm có ý niệm, một niệm của chúng ta dấy lên, trong một niệm này có bao nhiêu tế niệm hợp thành một niệm? Đức Phật hỏi mấy niệm, mấy tướng, mấy thức? Di Lặc Bồ tát trả lời “*trong khoảng khảy ngón tay*”. Chúng ta nói tới một niệm và một cái khảy ngón tay; chúng ta khảy nhanh thì ước chừng trong một giây khảy được bốn

lần. Nếu khảy rất nhanh, chắc là có thể khảy tới năm lần, trong một giây có thể khảy tới năm lần. Ngài nói trong một khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niêm. Trăm ngàn là đơn vị; một trăm ngàn là mười vạn. Ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba trăm hai mươi triệu. Quý vị thấy trong một khảy ngón tay có ba trăm hai mươi triệu; trong một giây, chúng ta khảy bốn lần, sẽ là một ngàn hai trăm tám mươi triệu. Nếu khảy năm lần sẽ là một ngàn sáu trăm triệu. Một niêm quá vi tế, làm sao chúng ta có thể cảm thấy? Di Lạc Bồ tát nói: “*Niêm niêm thành hình*”; “*hình*” (形) là vật chất, là tướng cảnh giới của A Lại Da, “*hình giai hữu thức*” (hình đều có thức), đây là Chuyển Tướng của A Lại Da.

Ở chỗ này, quý vị nhất định phải hiểu: Trong tự tánh cái gì cũng đều có, chẳng thiếu gì! Nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Niêm có thể biến, thức có thể biến. Không có thức thì nó có thể hiện, có thể sanh, có thể hiện. Thế giới Cực Lạc có thể sanh, có thể hiện, chẳng có biến, người bên ấy hoàn toàn dùng chân tâm, chẳng có vọng tâm, đều là chuyển Thức thành Trí. Do vậy, thế giới của họ vĩnh hằng không thay đổi. Vô lượng trí huệ, vô lượng thần thông, vô lượng đức năng, đều có sẵn trong tự tánh, chẳng do học được, mà là những thứ ta có sẵn từ lâu. Có phải là đã đạt đến rốt ráo hay chưa? Chưa, thật sự hoàn nguyên là cõi Thường Tịch Quang. Trong cõi Thường Tịch Quang, hiện

tượng vật chất và hiện tượng tinh thần đều không có, đấy mới gọi là “trở về tự tánh”. Làm như thế nào mới trở về tự tánh? Do trong cõi Thật Báo tuy đã đoạn vọng tưởng, nhưng tập khí vọng tưởng chưa đoạn; do có tập khí vọng tưởng, nên mới có cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tập khí vọng tưởng cũng đã đoạn, chẳng còn nữa, cõi Thật Báo cũng sẽ không có. Bởi lẽ, *“phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*, ngay cả cõi Thật Báo Trang Nghiêm cũng không phải là ngoại lệ. Trong kinh, đức Phật chẳng nói cõi Thật Báo Trang Nghiêm là ngoại lệ, không nói lời này! Cõi Thật Báo cũng chẳng phải là cảnh giới thật. Cảnh giới thật sự là Thường Tịch Quang. Huệ Năng đại sư thốt ra năm câu, năm câu ấy nói về Thường Tịch Quang. Câu cuối cùng là *“có thể sanh vạn pháp”*. Vạn pháp sanh từ Thường Tịch Quang, Thường Tịch Quang có thể sanh, có thể hiện. *“Phàm cái gì có hình tướng”* đều thuộc về cõi Thật Báo, cõi Phương Tiện, hay cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, lục đạo luân hồi là cõi Đồng Cư, chẳng có gì là chân thật. Phải hiểu: Hư không cũng là giả, chẳng thật. Thời gian và không gian đều là giả. Trong cõi Thường Tịch Quang, không có thời gian, chẳng có không gian. Chẳng có thời gian, sẽ chẳng có trước sau. Chẳng có không gian, sẽ không có khoảng cách; đấy mới là thật sự trở về tự tánh.

Do vậy, cảm ứng đạo giao cùng hết thảy chúng sanh, không chỗ nào chẳng hiện thân, không lúc nào chẳng hiện

thân. Hiện thân nhiều hay ít là do nghiệp cảm của chúng sanh. Chúng sanh vẫn còn cảm thì tướng ấy vẫn còn. Chúng sanh chẳng còn cảm, tướng ấy chẳng còn nữa! Cái thân này của chúng ta là thân nghiệp báo, cũng có tánh thời gian, tức là có thời gian tồn tại dài hay ngắn, do nghiệp báo; Phật, Bồ tát chẳng phải là nghiệp báo; Phật, Bồ tát là ứng hóa, ứng theo sự cảm của chúng sanh mà hiện thân tướng. Không chỉ là hiện thân tướng loài người, mà còn có thể hiện tướng cây cối, hoa, cỏ, có thể hiện tướng núi, sông, đại địa, tướng gì các Ngài cũng đều có thể hiện. Vì vậy, chúng ta đọc những câu chuyện xưa hay công án trong Thiền Tông, có những người tham Thiền thấy cây cối, hoa, cỏ bèn khai ngộ, thấy mưa rơi trên tàu chuối bèn hoát nhiên khai ngộ. Đó là gì? Nói như chúng ta hiện nay, đấy chính là Phật gia trì. Trong khoảnh khắc ấy, những thứ vô tình ấy là Phật, người ấy có cảm, Phật bèn ứng hiện, khiến cho người ấy do cảnh giới đó mà hoát nhiên khai ngộ. Chẳng có chuyện nào chẳng do Phật lực gia trì. Phật lực gia trì là tác dụng của tự tánh, là tự tánh khởi tác dụng. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, cũng chẳng hoài nghi tí nào! Vì thế, đối với Phật, dầu Phật hiện thân Phật đến gia trì, chúng ta cũng chẳng sanh tâm hoan hỷ, cũng chẳng bị kích động, bị kích động là hỏng rồi! Vì sao? Phật A Di Đà là tự tánh Di Đà của quý vị, do tự tánh của chính quý vị biến hiện, chẳng ở bên ngoài. Thế giới Cực Lạc là duy tâm Tịnh Độ, chỗ nào là bên ngoài? Toàn là Tánh Đức, tự tánh lưu lộ.

Quý vị hiểu đạo lý này, sẽ vĩnh viễn tâm bình, khí hòa, vĩnh viễn là như như bất động. Huệ Năng đại sư nói rất tuyệt: “*Nào ngờ tự tánh, vốn chẳng lay động*”. Quý vị vĩnh viễn giữ được “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, chẳng để cho tâm dấy lên chút sóng mòi nào trong cảnh giới; như thế là đúng.

“*Thập phương xưng tán chi thành ngôn*” (là lời khen ngợi chân thành trong mười phương), câu này dễ hiểu. Lời lẽ chân thành, chắc chắn chẳng nói dối.

“*Chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi, Nhất Thừa chi liễu nghĩa, vạn thiện chi tổng môn*” (là hóa nghi sẵn có của chúng sanh, là liễu nghĩa Nhất Thừa, là môn tổng quát của muôn điều thiện), những điều này đều đã nói trong phần trước.

“*Tịnh Độ quần kinh bách số thập bộ chi cương yếu, nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy dã*” (là cương yếu của một trăm mấy chục bộ kinh giảng về Tịnh Độ, là chỗ chỉ về của các giáo pháp trong Đại Tạng Kinh), ở đây nói đến giáo pháp trong cả Đại Tạng Kinh, xác thực là như vậy.

“*Như thượng chư hiền sở dĩ tịnh tán thứ kinh giả*” (sở dĩ, các vị hiền nhân nồng nhiệt khen ngợi kinh này như trên): Xưa nay các đại đức tán thán bộ kinh này.

“*Cái dĩ bốn kinh trì danh Niệm Phật pháp môn*” (là vì pháp môn trì danh niệm Phật trong kinh này), mấy câu tiếp theo quan trọng lắm! “*Viên mãn*”, quá khó có! Pháp môn nào có thể giảng đến viên mãn rất ráo? Viên mãn là gì? Mảy may

khiếm khuyết cũng chẳng có, pháp môn này viên mãn. Hoa Nghiêm là viên mãn, Pháp Hoa là viên mãn, nhưng quá dài, không như kinh này. Kinh này phân lượng ít dường ấy, nhưng viên mãn như Hoa Nghiêm và Pháp Hoa, hiếm có lắm! “*Trực tiếp*” (thẳng thừng, nhanh chóng), thẳng thừng, thỏa đáng. “*Phương tiện*”: Pháp môn này thuận tiện nhất trong hết thảy các pháp môn. Các pháp môn đều gọi là phương tiện, pháp môn này là pháp môn thuận tiện nhất trong các phương tiện. “*Cứu cánh*” (rốt ráo): Phương tiện nào giúp quý vị thành Phật, phương tiện ấy là rốt ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành Bồ tát, tuyệt lắm, nhưng chưa rốt ráo. Phương tiện nào giúp quý vị thành A La Hán, lại càng chẳng phải là rốt ráo! Do vậy, nay chúng tôi dạy quý vị, giúp quý vị chuyển ác thành thiện, quý vị biến thành người tốt, vẫn chưa phải là rốt ráo! Phải là thành Phật thì mới là rốt ráo; chưa thành Phật thì chưa rốt ráo. Giúp quý vị chứng Đăng Giác Bồ tát như Quán Thế Âm vẫn chưa rốt ráo, bởi lẽ, quý vị chưa thành Phật! Pháp môn này giúp chúng ta rốt ráo thành Phật. “*Nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” (hễ vượt thoát bèn vào thẳng Phật quả, viên đốn tột cùng), cực viên, cực đốn, “*đốn*” là đốn siêu.

Dùng phương pháp gì? “*Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh chi cứu cánh quả giác, tác ngã chúng sanh chi nhân tâm*” (Dùng biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu từ hồng danh nơi quả giác rốt ráo, làm cái tâm cho

lũ chúng sanh chúng ta trong khi tu nhân), đây là nói rõ ra! Cụ Hoàng nói “*nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” là nói gì vậy? Là sáu từ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”. Đơn giản như thế đó, dễ dàng như thế đó, sanh ra hiệu quả to dường ấy, ai tin tưởng? Vì thế gọi là “*phương pháp khó tin*”. Trong kinh, đức Phật nói: “*Duy Phật dữ Phật, phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rất ráo). Đẳng Giác Bồ tát đối với pháp môn này giống như nhìn trăng qua một lớp the, giống như chúng ta ngắm mặt trăng, trăng Trung Thu chẳng hạn, cách một lớp the, the rất mịn; “the” là một loại sa rất mịn. Cách một lớp the ngắm trăng, còn cách một tầng. Đẳng Giác Bồ tát đối với pháp môn này giống như cách một lớp the ngắm trăng; Phật chẳng có lớp the này, Đẳng Giác Bồ tát còn bị ngăn cách bởi một lớp the. Nhưng sự thực hành quá đơn giản, do sáu từ bèn thành công! Thật vậy! Nay tôi nói về cư sĩ Tiểu Ly ở nơi đây, quý vị thấy cư sĩ Hoàng Trung Xương làm thí nghiệm coi sáu từ [hồng danh] có hiệu quả hay không, ông ta thí nghiệm. Nghe nói cổ nhân niệm Phật ba năm có thể vãng sanh, ông ta bèn thí nghiệm. Ông ta mới ba mươi mấy tuổi, là một người rất trẻ, bế quan tại Thâm Quyển, nhờ cư sĩ Tiểu Ly hộ trì, hai năm mười tháng, ông Xương bèn biết trước lúc mất. Pháp môn dễ dàng như thế đó!

Trong quá khứ, chúng tôi nghe lão pháp sư Đàm Hư báo cáo từ bằng thân âm. Sự kể chuyện người thợ vá nồi là đồng

tham đạo hữu của Sư, là người quen, tại gia niệm Phật, một câu A Di Đà Phật thôi! Ông thợ vá nồi không biết chữ, chưa từng đi học, ngoài bốn mươi tuổi mới xuất gia, điều gì cũng chẳng biết, là bạn chơi đùa hồi nhỏ của lão hòa thượng Đế Nhàn, cùng ở trong một thôn trang. Ông ta đến tìm pháp sư Đế Nhàn, cuộc sống của ông ta thật sự khổ sở quá, thấy pháp sư Đế Nhàn làm pháp sư xuất gia cũng thoải mái lắm, rất hâm mộ, bèn muốn theo Ngài xuất gia. Lão pháp sư Đế Nhàn cũng hết sức từ bi, gặp người bạn chơi đùa thuở ấy, bảo ông ta: “Xuất gia phải học kinh giáo. Ông lớn tuổi như thế, mà cũng chẳng biết chữ, xem ra học kinh giáo chẳng thành công!”. Thuở ấy trong nhà chùa, chẳng học kinh giáo thì phải học kinh sám Phật sự. Kinh sám Phật sự là ngũ đường công khóa^{15[8]}, thấy ông ta đầu óc chậm lụt, ông học cũng chẳng thành công. Có nghĩa là “ông xuất gia làm sao được?”. Nhưng người bạn ấy cứ nhất định muốn nương cậy Ngài, cuối cùng không có cách nào, Ngài bèn nói: “Tôi có điều kiện, ông có thể chấp nhận hay không?”. Ông ta nói: “Sư cứ nói đi, hết thảy tôi đều nghe theo lời Sư”. Với điều kiện như thế, ông ta nói: “Được”, Sư bèn cho ông ta xuống tóc. Sau khi xuống tóc, Sư nói: “Ông không cần thợ giới. Nghi thức thợ giới ông cũng chẳng hiểu, ông cũng chẳng

15 [8] Theo quy chế tụng lâm, tăng chúng phải tham dự năm thời khóa tụng niệm, ba thời khóa trên Phật đường, hai thời khóa trong trai đường, nên gọi là “ngũ đường công khóa”, tức tảo khóa (khóa tụng kinh sáng), tảo xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm sáng), cúng Ngọ, ngộ xan quá đường (tụng niệm khi ăn cơm trưa), và vãn khóa (khóa tụng kinh tối). Trừ các pháp sư chuyên giảng kinh pháp, các pháp sư khác phải thuộc nghi thức và biết sử dụng pháp khí để thay phiên nhau dẫn chúng trong các khóa tụng niệm này.

thọ được”. Tại vùng quê ở Ninh Ba có một ngôi miếu nát, không ai ở, cho một mình ông ta ở nơi đó, dạy ông ta một câu “Nam-mô A Di Đà Phật”. Sư dặn dò: *“Ông ở nơi đó, niệm một câu này, niệm một bèn nghỉ. Nghỉ ngơi khỏe khoắn rồi lại niệm tiếp, sau này chắc có lợi lạc”*.

Bí quyết thành công của người này chẳng có gì khác: Thật thà, vâng lời, thật sự làm, ông ta bèn thành công! Niệm Phật ba năm bèn đứng vãng sanh. Tại vùng quê thuở ấy, giao thông chẳng thuận tiện, một bà cụ già trong thôn phát hiện: “Sư phụ đã đứng vãng sanh”. Quá sức lạ lùng, hiếm có, trước nay chưa hề thấy ai đứng mất! Còn có những vị lão cư sĩ niệm Phật báo cho mọi người đến xem; xem xong, sai người sang chùa Quán Tông báo tin, báo với lão hòa thượng Đế Nhàn. Lão hòa thượng nghe tin này, vội vã đến xem, đi về mất ba ngày. Thấy tình hình này, lão hòa thượng Đế Nhàn rất hoan hỷ, tán thán: *“Ông xuất gia chẳng uống, khá lắm, ông mất như thế đó”*. Sư tán thán: *“Đại pháp sư giảng kinh thuyết pháp chẳng bằng ông, phương trượng, chủ tịch từng lâm cũng không bằng ông! Ông đúng là giỏi lắm!”*. Niệm một câu “Nam-mô A Di Đà Phật” ba năm, thù thắng lắm!

Nhưng trong thời đại hiện tại, quý vị phải nhớ: Tịnh Tông là Đại thừa, chẳng phải là Tiểu thừa. Người Đại thừa phải giúp hết thảy chúng sanh khổ nạn, nhất là trong thời đại hiện tại. Chính quý vị thành tựu, nhưng không có duyên

phận giáo hóa chúng sanh, bèn có thể thị hiện giống như vậy. Nếu có duyên phận giáo hóa chúng sanh, quý vị còn trụ thêm mấy năm nữa. Trụ thêm mấy năm nữa, chẳng trở ngại. Do vậy, nếu muốn đến chỗ hết thảy chư Phật Như Lai, nhất là muốn đến chỗ Phật A Di Đà. Nguyện vọng của Phật A Di Đà là gì? Phổ độ hết thảy chúng sanh khổ nạn trong mười pháp giới. Chúng ta hiểu ý Phật A Di Đà, chúng ta cũng khiến cho Phật A Di Đà hoan hỷ, mang thêm nhiều người đi. Quý vị mang thêm càng nhiều càng hay, đây là chuyện tốt. Vì thế, chớ nên làm kẻ tự giải thoát cho riêng mình như trong Tiểu thừa, tức là vừa thành tựu đã ra đi ngay lập tức, chẳng đúng! Vì sao người thợ vá nồi đi ngay lập tức? Người thợ vá nồi ra đi là có lý, ông ta thị hiện, đó là Tác Chứng Chuyển. Cư sĩ Hoàng Trung Xương cũng là thị hiện, chứng minh cho người niệm Phật chúng ta. Tôi giảng kinh tại Hương Cảng, chúng tôi ở đây rất gần, ông ta mỗi ngày nghe CD của tôi. Tôi ở đây là Khuyến Chuyển, Thị Chuyển, ông ta Tác Chứng Chuyển bên ấy, chứng minh những điều kinh nói chẳng giả, mà là chuyện thật, quyết định thành tựu trong một đời! Hơn nữa, trong ba năm ngắn ngủi, quý vị có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, có thể vượt thoát mười pháp giới. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn nào có thể làm được? Chỉ có pháp môn này! Chúng ta phải hiểu rõ chuyện này, “*Viên mãn trực tiếp, phương tiện cứu cánh*” là thật, chẳng giả chút

nào! Do vậy, pháp môn này đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất, lại còn nhanh chóng nhất. Điểm mấu chốt là quý vị có thể buông những thứ vật vãnh trong thế gian xuống hay không? Những kẻ chẳng thể vãng sanh vốn là vì lý do này: Quý vị vẫn còn tham luyến thế gian này, vẫn muốn tiếp tục luân hồi trong lục đạo, vậy là hết cách! Phật A Di Đà chẳng thể lôi quý vị đi theo, vì quý vị chẳng bỏ thế gian này được! Phật A Di Đà gật đầu, bỏ đi, đợi lần sau vậy! Khi nào quý vị buông hết xuống, Phật A Di Đà sẽ đến, chúng ta chẳng thể không biết điều này!



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 4



Chúng ta đã học đến chỗ cụ Niệm Tổ giới thiệu sự tán thán của cổ đại đức đối với bộ kinh này. Cụ nói: “*Cái dĩ bốn kinh trì danh niệm Phật pháp môn*” (là vì pháp môn trì danh niệm Phật được nói trong kinh này). Chúng ta đọc từ chỗ này, “*viên mãn trực tiếp, phương tiện cứu cánh, nhất siêu trực nhập, tối cực viên đốn*” (viên mãn, thẳng thừng, nhanh chóng, phương tiện rất ráo, hễ vượt thoát bèn vào thẳng cảnh giới Phật, viên đốn tột bậc). Trong lần trước, chúng ta đã đọc đến câu này. Đây là nói vì sao pháp môn này được lắm người tán thán như thế, tôi nghĩ nó có quan hệ mật thiết với thập phương chư Phật. Có thể nói pháp môn này trọn khắp pháp giới hư không giới, không có vị Phật nào chẳng tán thán Phật A Di Đà. Trong kinh *Di Đà*, chúng ta đọc thấy sáu phương Phật ca ngợi; trong bản dịch kinh *A Di Đà* của Huyền Trang đại sư, ghi là mười phương Phật tán thán, nói rất cặn kẽ. Trong kinh *Vô Lượng Thọ* và *Quán Kinh*, đức Phật đều giới thiệu với chúng ta như vậy. Trong khi tu nhân, Phật Di Đà phát nguyện quá vĩ đại, chẳng thể nghĩ bàn! Phật Phật đạo đồng, chư Phật chứng đắc trí huệ và đức tướng chẳng sai biệt, nhưng do lúc tu nhân, phát nguyện và phát tâm thật sự có sai biệt. Phật pháp chẳng tách lìa nhân quả, đừng nói là pháp thế gian, Phật pháp cũng chẳng tách rời!

Lúc chúng tôi mới học Phật, thầy khuyến khích chúng tôi; thuở ấy, chúng tôi chưa hiểu sâu như thế. Thầy chỉ nói phải phát tâm, phải rộng kết thiện duyên, trong tương lai, pháp duyên hồng pháp lợi sanh của anh sẽ thù thắng. Nói với chúng tôi chân tướng sự thật hiện tiền này, chúng tôi nghe xong cảm thấy rất vui vẻ. Kết duyên như thế nào? Thuở ấy, chúng tôi sống khá chật vật, học trò cũng chẳng có bao nhiêu tiền bạc để kết duyên với mọi người. Thầy dạy: Anh cầm một đồng, mua một bao đậu phộng, đứng ở cửa chính, người ta đến nghe kinh, tặng mỗi người một hạt. Đó là kết duyên. Mua kẹo, tặng mỗi người một chút, dùng tâm cung kính, dùng vẻ mặt tươi cười để đón người ta, tiếp đãi đại chúng tới nghe kinh. Pháp duyên giảng kinh của thầy Lý rất tốt, đại khái là thỉnh chúng cả ba, bốn trăm người; thầy dạy tôi môn phương pháp này. Về sau, chúng tôi có sức, không chỉ dùng phương pháp này để kết duyên, mà dùng cách kết pháp duyên trọng yếu hơn. Chúng tôi bắt đầu in tặng những tấm thẻ, sau đó là kinh sách. Do khoa học kỹ thuật tiến bộ, chúng tôi tặng băng âm, băng thâu hình, hiện thời còn tặng CD. Chúng ta có truyền hình vệ tinh, có mạng Internet, đều nhằm kết pháp duyên.

Nhưng sau này, chúng tôi thâm nhập kinh tạng, hiểu rõ pháp môn này, trong lúc tu nhân, Phật A Di Đà đã phát nguyện quá lớn, Phật Phật đạo đồng. Giữa chư Phật có thể nói, tức là đúng như kinh đã nói như thế này: "*Thập phương*

tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên” (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Phật có tâm đổ ky hay chẳng? Không có! Chẳng những không có tâm đổ ky, mà Phật chẳng có ý niệm! Chúng ta thường nói là “chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, đừng chấp trước”, Phật làm được điều này. Nếu Ngài làm không được, còn khởi tâm động niệm, sẽ là Bồ tát, chưa phải là Phật. Còn có phân biệt, chấp trước, sẽ là phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Phật đâu có những đổ ky, chướng ngại này! Tuyệt đối chẳng thể có! Do Phật Di Đà phát đại nguyện này, chư Phật hoan hỷ, đối với tất cả hết thảy chúng sanh, hết thảy chư Phật Như Lai đều giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, kể cả Phật Tỳ Lô Giá Na trong hội Hoa Nghiêm cũng không ra ngoài lệ này. Vì thế, Văn Thù, Phổ Hiền dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng sang thế giới Cực Lạc quy y Phật A Di Đà, Phật Tỳ Lô Giá Na chẳng tức giận. Không chỉ chẳng tức giận, mà còn hoan hỷ. Vì sao? Tu hành thành Phật trong thế giới Hoa Tạng, kinh giảng điều này rất rõ ràng, phải mất bao lâu? Ba A-tăng-kỳ kiếp mới đoạn được tập khí vô minh từ vô thỉ trong A Lại Da Thức. Vô minh đã đoạn rồi, nhưng tập khí vô minh chưa đoạn, trong thế giới Hoa Tạng phải tốn thời gian dài như thế để đoạn. Đến thế giới Cực Lạc thì sao? Đến thế giới Cực Lạc bèn làm được, trong một ngày là xong! Phương

tiện thù thắng như thế, mười phương thế giới chẳng có, chỉ riêng Phật A Di Đà là có. Được rồi! Chỗ của Ngài có sự thù thắng này, có thể giải quyết thì mười phương chư Phật đều đưa học trò của mình, kể cả hàng Bồ tát, sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đây là biểu thị pháp cho chúng ta biết: Phật A Di Đà dạy dỗ là chư Phật Như Lai dạy dỗ. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải có tâm lượng này. Đây là gì? Tùy hỷ công đức! Kinh *Hoa Nghiêm* nói “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, đây là đạt tới rốt ráo viên mãn. Chư Phật Như Lai, quý vị hãy ngẫm xem, chẳng phải là thanh tịnh tự tại ư? Ta mong hết thấy chúng sanh thành Phật, đều tới thế giới Cực Lạc, đều thanh tịnh tự tại! Phật A Di Đà có mệt mỏi hay chẳng? Chẳng có! Làm mà không làm, không làm mà làm! Giúp hết thấy chúng sanh thành Chính Đẳng Giác, thành Vô Thượng Bồ đề, trong tâm Phật A Di Đà cũng chẳng có dấu vết. Đây gọi là “*tùy duyên diệu dụng*”, thật sự màu nhiệm, màu nhiệm đến tột bậc! Đây là biểu thị pháp cho chúng ta thấy, nói thật ra, chư Phật là như thế, Phật A Di Đà là như thế, mà mỗi người chúng ta cũng đều như thế. Chỉ là mê mất tự tánh, chẳng biết Thể, Tướng, Dụng của tự tánh rộng lớn như thế, không biết trong tự tánh vốn sẵn có, chẳng phải do bên ngoài mà có, chẳng liên quan gì với bên ngoài. Do vậy, pháp môn trì danh niệm Phật là tự tánh.

“*Viên mãn trực tiếp*”; “*viên mãn*” là chẳng khiếm khuyết, “*trực tiếp*” là không có chướng ngại; “*phương tiện cứu cánh*,

nhất siêu trực nhập". Vì vậy, pháp môn này là Đốn Giáo. Buông xuống là đốn xả. Chỉ cần quý vị có thể bỏ, buông xuống được, quý vị sẽ chứng đắc Phật quả viên mãn rất ráo ngay trong hiện tiền. Giống như Phật Thích Ca Mâu Ni thuở ấy dưới cội Bồ đề, buông xuống, chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, bèn minh tâm kiến tánh. Cảnh giới của Huệ Năng đại sư lúc canh ba nửa đêm trong phương trượng thất của Ngũ Tổ cũng là cảnh giới này, buông khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước xuống, bèn thành Phật. Cảnh giới của Huệ Năng đại sư và cảnh giới của Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội Bồ đề giống nhau, là tương đồng, "*tối cực viên đốn*". Nay chúng ta không có năng lực này! Vì sao không có năng lực này? Tập khí phiền não quá nặng, đức Phật giảng rõ ràng chân tướng sự thật, chúng ta đã hiểu rõ, nhưng không thể bỏ xuống được. Ở chỗ này, đức Phật có nói: "*Phương tiện cứu cánh*", câu này tuyệt diệu! Phương tiện là gì? Sáu từ Nam-mô A Di Đà Phật. Quý vị nắm vững sáu từ này, chấp giữ nó; do vậy, Tịnh Tông gọi trì danh niệm Phật là chấp trì danh hiệu, "chấp" (執) là nắm giữ. Quý vị chẳng giữ lấy những thứ khác, buông xuống toàn bộ những thứ chấp giữ khác, thay bằng sự chấp giữ này, đây gọi là phương tiện rất ráo. Nam-mô A Di Đà Phật là gì? Thừa quý vị, là tự tánh, là Tánh Đức của tự tánh. Hai từ "Nam-mô" là tiếng Phạn, có nghĩa là quy y, hay quy mạng. Quy (歸) là quay về, Y (依) là dựa vào, cái gì ta cũng đều buông xuống,

nay ta hoàn toàn nương cậy Phật A Di Đà . Phật A Di Đà là tự tánh, vô lượng quang, vô lượng thọ; lại trong *Hoa Nghiêm*, đức Phật nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”. Vô lượng quang là trí huệ trong tự tánh, vô lượng thọ là đức tướng của tự tánh. Do vậy, niệm câu Nam-mô A Di Đà Phật là niệm trí huệ và đức tướng của tự tánh, Tiếp theo “*Dĩ Di Đà Nhất Thừa nguyện hải, lục tự hồng danh chi cứu cánh quả giác, tác ngã chúng sanh chi nhân tâm*” (Dùng biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà, sáu từ hồng danh nơi quả giác rất ráo để làm cái tâm trong khi tu nhân của chúng ta). Vì thế, pháp môn này gọi là “*quả pháp*” (pháp môn tu nơi quả vị), chẳng phải là “*nhân pháp*” (pháp môn chú trọng tu nhân). Tám vạn bốn ngàn pháp môn là tu nhân nhằm chứng quả, pháp môn này vừa bắt đầu đã là quả, chẳng phải là pháp môn tu nhân.

Tiếp đó, cụ Niệm Tổ nói: “*Dĩ quả vi nhân, nhân quả đồng thời. Tùng quả khởi tu, tức tu, tức quả. Tâm tác, tâm thị, bất khả tư nghị*” (Lấy quả làm nhân, nhân quả đồng thời. Từ quả khởi tu, tu chính là quả, quả chính là tu, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, chẳng thể nghĩ bàn). Tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tức là nói pháp môn này khác với tám vạn bốn ngàn pháp môn. Quý vị gặp pháp môn này há dễ dàng ư? Do duyên có nào? Do thiện căn và phước đức. Trong một đời này, gặp được pháp môn này, có thể tin, có thể hiểu, lại còn chịu thật sự hành, đây chẳng phải là chuyện trong một

đời này, mà là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, từ vô lượng kiếp đến nay, quý vị đã gieo thiện căn, trong A Lại Da có thiện căn. Quý vị chẳng có thiện căn, chẳng thể vừa gặp bèn tin tưởng! Nếu thiện căn, phước đức và nhân duyên đều đầy đủ, có đủ những điều kiện ấy, chắc chắn vãng sanh trong một đời này. Vẫn chưa đủ thì sao? Chưa đủ, còn kém một chút; kém một chút bèn có cách: Trong một đời này, nếu quý vị thật sự tin tưởng, thật sự có thể lý giải, hãy dũng mãnh, tinh tấn nhằm bù đắp cho thiện căn và phước đức chưa đủ. Trong đời này, chúng ta có thể làm được, khi thật sự muốn bù đắp sẽ rất nhanh. Nếu như giải đãi, biếng nhác, tán loạn, sẽ chẳng có cách nào hết! Trong một đời này, chẳng có cách nào bù đắp thì sao? Vẫn luân hồi trong lục đạo. Lần sau gặp gỡ, sẽ tiếp tục tu. Đời đời kiếp kiếp trong quá khứ, không biết chúng ta cũng đã làm chuyện như vậy bao nhiêu lần! Đây là sự thật. Từ vô lượng kiếp trong quá khứ đến nay, không biết chúng ta đã làm bao nhiêu lần; đời này lại gặp gỡ là do thiện căn và phước đức trong đời quá khứ hiện hành. Lần này hiểu rõ rồi, quyết định hạ quyết tâm “ta phải thành tựu trong một đời này”, phải hạ quyết tâm này! Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng, quý vị thật sự có quyết tâm này, lẽ nào chẳng thành tựu? Có quyết tâm như vậy, nhất định quý vị phải giác ngộ. Quý vị buông thế duyên trong thế gian này xuống, phải thật sự hiểu rõ: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”. Ý nghĩa chân thật của câu này là gì? Đừng

nói là một đời này trong nhân gian, mà ngay cả lục đạo lẫn mười pháp giới cũng chẳng thật, đều là giả, đều chẳng đáng bận lòng, hãy nên buông xuống, chẳng lưu luyến mảy may, quý vị sẽ chẳng còn có chướng ngại nữa

Nếu có mảy may nào chẳng buông xuống được, còn vướng mắc, đối với phàm phu mà nói, nặng nhất là tình chấp, đây là mê hoặc. Buông được những thứ này, những thứ khác sẽ buông dễ dàng! Nhất định phải biết: Những thứ như tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần là họa hại, tình chấp chẳng phải là chuyện tốt. Sau khi quý vị thấy thấu suốt, tình chấp là nghiệt duyên (孽緣). Nó chướng ngại quý vị chứng quả, chướng ngại quý vị khai ngộ, chướng ngại quý vị niệm Phật vãng sanh. Trong thế gian này, chẳng lẽ cha mẹ, thân thuộc chúng ta đều từ bỏ? Điều này dường như đã trái phạm luân thường! Thật vậy! Làm thế nào để có thể làm trọn vẹn đôi bề? Quý vị có thể chuyển biến tình duyên thành pháp duyên, chuyển biến người nhà, quyến thuộc thành pháp lữ, thành đồng tham đạo hữu, cùng sanh về cõi Cực Lạc, tốt hơn nhiều! Trong một đời này, dẫu tình duyên sâu đậm đến đâu đi nữa, chết rồi là phải chia tay, còn có thể ở chung với nhau nữa hay chẳng? Nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sẽ thật sự vĩnh viễn ở cùng một chỗ. Bất luận quý vị ứng hóa trong đường nào, đều có thể thấy rõ ràng, họ cần giúp đỡ, quý vị bèn sanh trong cùng một đường với họ, giúp họ một tay. Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật trong thế gian

này, quý vị thấy các vị đệ tử gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị, đều là đồng tham đạo hữu trong đời quá khứ, còn có hàng tại gia: Quốc vương, đại thần, cư sĩ hộ pháp, toàn là pháp quyến trong quá khứ. Do vì giúp đỡ chúng sanh, nên giáo hóa chúng sanh mới được thuận lợi như vậy, phải hiểu đạo lý này, chúng ta sẽ chuyển biến thành công.

“*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật): Đức Thế Tôn đã nói câu này trong *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*. Đối với hiện thời, trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta gặp nhiều kẻ chẳng học Phật hiểu làm Phật, có thể dùng điều này để giải thích cho kẻ ấy. Phật là gì? Phật là chân tâm của quý vị. Ma là gì? Ma là vọng tâm. Nói cách khác, mê là ma, giác là Phật. Tâm thì sao? Tâm không có giác hay mê, giác hay mê là vọng tâm, chân tâm chẳng có giác hay mê. Vì vậy, đã giác ngộ, mà quý vị còn ý niệm giác ngộ, tức là quý vị vẫn chưa giác ngộ, vẫn rớt trong chấp mê và giác đối lập. Câu cuối cùng nói rất hay: “*Bất khả tư nghị*” (Chẳng thể nghĩ bàn). Chuyện này quý vị chẳng thể nghĩ nổi. Hễ vừa nghĩ liền trật, vừa nghĩ tới liền mê. Quý vị chẳng thể nói được, hễ nói thì cũng mê rồi! Thốt không nên lời! Nói không nên lời, cho nên Phật Thích Ca Mâu Ni nói suốt bốn mươi chín năm, tuy nói suốt bốn mươi chín năm, nhưng đúng như đức Phật đã nói rất hay: “Nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói”. Chúng ta nghe lời này càng nghe càng hồ đồ, lời Ngài nói là thật. Ngài nói lời giả, chúng ta nghe hiểu rõ lắm,

chẳng có vấn đề gì. Ngài nói lời thật, càng nghe càng hồ đồ! Chúng ta phải biết dụng tâm để hiểu. Do vậy, đức Phật mới bảo chúng ta: Quý vị phải biết nghe. “Biết nghe” là như Mã Minh Bồ tát đã dạy trong *Khởi Tín Luận*: “*Ly ngôn thuyết tướng*”, nghĩa là quý vị nghe, nhưng đừng chấp trước tướng nói năng. Nghe nhưng chẳng chấp trước, chẳng phân biệt sẽ là đúng. Nói cách khác, thật sự có thể chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, ai nghe như vậy? Phật nghe như vậy. Có khởi tâm, động niệm, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước, ai nghe như thế? Bồ tát nghe như thế. Nếu khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, thấy đều trọn đủ, đó là cái nghe của phàm phu. Quý vị thấy đó: Đều là nghe, nhưng khác nhau, cảnh giới lãnh hội khác nhau.

Quý vị thấy danh từ Khởi Tín trong bộ *Khởi Tín Luận* của Mã Minh Bồ tát, đó chính là nhập môn. Đại thừa nhập môn liền cho quý vị biết: Thật ra, đối với khởi tâm động niệm, nói thật ra, chúng ta chẳng có cách nào, nó quá vi tế. Di Lặc Bồ tát bảo: “*Trong một khoảnh ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, làm sao chúng ta có thể phát hiện được? Chúng ta làm sao có thể đoạn sạch niệm? Chẳng thể nào! Do chúng ta chẳng phải là bậc thượng thượng thừa, nhưng chúng ta có thể học theo bậc thượng thừa. Bậc thượng thừa là Bồ tát, Bồ tát có khởi tâm động niệm, quyết định chẳng có phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ nghe được nghĩa chân thật của

Như Lai. Có phân biệt, chấp trước, quý vị nghe xong, nói đã hiểu, thì đó là ý nghĩa của chính quý vị, chẳng phải ý nghĩa do đức Phật nói. Lại nói rõ hơn một chút, đây chẳng phải là kiến giải do Tánh Đức của quý vị, mà là kiến giải trong A Lại Da Thức. Vì sao? Vì quý vị có phân biệt, chấp trước, vẫn là A Lại Da làm chủ tể! A Lại Da là vọng tâm. Tri kiến trong vọng tâm, chẳng phải là chân tâm, còn cách chân tâm một tầng; do điều này mà biết tu hành Phật pháp là tu gì? Chính là hai chữ “buông xuống”, buông xuống là được!

Thật sự có thể đạt đến chẳng nghĩ bàn, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, điều gì cũng chẳng nói tới, người ta hỏi, quý vị bèn trả lời. Chẳng hỏi, cái gì cũng không biết; còn hễ hỏi tới, điều gì cũng biết. Không ai hỏi quý vị, tâm quý vị hoàn toàn ở trong Định. Đó là Căn Bản Trí, kinh *Bát Nhã* bảo là “*Bát Nhã vô tri*”. Lúc không có duyên, Bát Nhã vô tri, ở trong đại định, đó chính là cảnh giới Đại Niết bàn thanh tịnh, tịch diệt. Người khác có cảm, quý vị lập tức có ứng; khi ứng thì “không gì chẳng biết”, đó là gì? Căn bản trí khởi tác dụng, không gì chẳng biết. Giống như trong kinh đã kể chuyện ngài Xá Lợi Phất: Ngài Xá Lợi Phất trí huệ bậc nhất, không có vấn đề nào bắt bí Ngài được! Bao nhiêu người thỉnh giáo Xá Lợi Phất, Ngài đều đối đáp trôi chảy. Có người tới hỏi Phật Thích Ca Mâu Ni, vì sao Xá Lợi Phất có đại trí huệ như vậy? Trí huệ của Ngài do đâu mà có? Phật giơ cái trống lên. Gõ trống, đức Phật lấy cái trống làm tỷ dụ, Ngài nói: “Ông có thấy cái trống

này hay chẳng?”. “Dạ thấy”. “Bên trong cái trống có gì hay không?” “Không có, trống trơn!”. Là hai tấm da căng ra; gõ nó, gõ mạnh, kêu to, gõ nhẹ, kêu nhỏ, chẳng gõ, chẳng kêu! Đức Phật nói trí huệ trong tâm Xá Lợi Phất giống như cái trống. Nếu quý vị chẳng gõ, cái gì cũng đều không có. Nếu quý vị gõ, Ngài sẽ lập tức có phản ứng. Đó là gì? Tự tánh Bát Nhã, chẳng phải do bên ngoài mà có, bên ngoài không có. Học những thứ từ bên ngoài quá khổ sở. Cảnh giới bên ngoài là duyên, sẽ cảm. Giống như chúng ta đọc kinh, mở kinh văn ra, đối trước văn tự, văn tự là cảm, chúng ta phải ứng, do tự tánh ứng, nên sanh trí huệ. Nếu chúng ta dùng phân biệt hay chấp trước để ứng, nói theo cách người hiện thời là “*ngiên cứu*”, nghiên cứu theo kiểu nào, nghiên cứu tới, nghiên cứu lui cũng đều là phiền não, đều là tri kiến sai lầm, chẳng phải là chính tri chính kiến. Đức Phật nói “*chính tri chính kiến*”, chớ nên nghiên cứu, nghiên cứu là suy nghĩ, bàn bạc. Chớ nên nghiên cứu thì gọi là gì? Danh từ Phật học là “*tham cứu*”, không gọi là nghiên cứu. Tham cứu và nghiên cứu khác nhau ở chỗ nào? Trong nghiên cứu có phân biệt, có chấp trước; trong tham cứu không có phân biệt, chấp trước; khác nhau ở chỗ này! Tham cứu là trí huệ, nói thẳng thừng thì trong ấy chắc chắn không có hiện tượng cong vạy, chúng ta học Đại thừa chẳng thể không biết điều này!

Tiếp đó, dẫn sách *Yếu Giải* của Ngẫu Ích đại sư. Trong *Di Đà Kinh Yếu Giải* có một đoạn như thế này: “*Nhất thanh A Di Đà*

Phật, tức Thích Ca Bốn Sư u ngũ trước ác thế sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề pháp. Kim dĩ thử quả giác toàn thế thọ dữ trước ác chúng sanh, nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã” (Một tiếng A Di Đà Phật, chính là pháp để Thích Ca Bốn Sư đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác trong đời ác ngũ trước. Nay đem toàn thể quả giác này trao cho chúng sanh trước ác, đấy chính là cảnh giới do chư Phật đã hành, chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng, chẳng phải là chín giới cậy vào tự lực mà hòng tin hiểu được). Đây là nói rõ, thuyết minh đơn giản pháp môn này khó tin, khó hiểu. Vì sao khó tin, khó hiểu? Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật như thế nào? Ngẫu Ích đại sư đã vạch trần bí mật: Niệm Phật A Di Đà bèn thành Phật. Lời này ở đâu vậy? Nói ngay trong kinh *Di Đà*. Chúng ta niệm kinh *Di Đà* mỗi ngày mà chẳng nhận ra. Niệm mấy chục năm vẫn chẳng phát hiện. Phật Thích Ca Mâu Ni do niệm Phật A Di Đà mà thành Phật, thật đấy, chẳng giả tí nào! Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật đã dạy chúng ta một nguyên lý, nguyên tắc: *“Hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Nghĩ đến Phật bèn thành Phật, chúng ta hằng ngày tưởng Phật A Di Đà, quý vị quyết định thành Phật; quý vị mỗi ngày tưởng Quán Âm Bồ tát, sẽ thành Quán Âm Bồ tát. Quán Âm Bồ tát chẳng phải là một người, Phật A Di Đà cũng chẳng phải là một người, nhất định phải biết điều này. Quán Âm, Di Đà vô lượng vô biên thân, quý vị niệm các Ngài, sẽ hòa

cùng một Thể với các Ngài, Tự, Tha bất nhị! Trong *Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư*, thiền sư Trung Phong đã nói: “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”. Niệm danh hiệu này là đức hiệu của tự tánh, Quán Âm Bồ tát cũng là đức hiệu của tự tánh, một đấng được kiến lập từ quả, một đấng kiến lập từ nhân. Danh hiệu Phật là nói theo quả, danh hiệu Bồ tát là nói theo nhân, Thể đều là tự tánh, chẳng rời khỏi tự tánh.

Câu này rất quan trọng, Phật Thích Ca Mâu Ni thành Phật như thế nào? Điều này được chính đức Phật dạy rõ trong kinh. Đây là pháp để Ngài đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề, cả câu này là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán thì có thể dịch là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Do tôn trọng, nên không dịch. Trong pháp Đại thừa, quý vị tu học nhằm hướng đến mục tiêu gì? Chính là câu này! Nói cách khác, Đại thừa nhằm cầu chính điều này, chứ không có gì khác. Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác là tự tánh giác, chẳng phải điều gì khác, cũng là nói “*trở về tự tánh*”. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề sẵn có trong tự tánh, “*đắc*” là “*trở về*”. Nói theo mặt Tượng, Tịnh Độ Tông nói bốn cõi, nó tương ứng với Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang, không có hiện tượng vật chất, mà cũng chẳng có hiện tượng tinh thần, nó tồn tại, chẳng có sanh diệt. Khi Huệ Năng đại sư khai ngộ, đã nói năm câu về Thường Tịch Quang: “*Vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng lay động, có thể sanh ra vạn pháp*”. Sanh ra vạn pháp như

thế nào? Có một niệm bất giác, vạn pháp liền xuất hiện. Một niệm bất giác gọi là “*vô thí vô minh*”, quý vị phải nhớ, đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. “*Vô thí*”, là không có bắt đầu. Vì sao có một niệm bất giác? Chẳng có lý do, chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có sự gì. Nếu quý vị muốn truy cứu một niệm bất giác, vì sao có một niệm bất giác, quý vị đọa lạc ngay lập tức. Quý vị thấy quý vị có phân biệt, có chấp trước, liền từ chỗ cao nhất rớt xuống lục đạo luân hồi. Do vậy, đức Phật dùng danh từ này hay lắm, *vô thí*!

Mãi cho đến khi đọc phần đối thoại giữa đức Thế Tôn và Di Lặc Bồ tát, chúng tôi mới hơi hiểu rõ chân tướng sự thật này. Vì sao nó *vô thí*? Nó quá ngắn ngủi! Quý vị hãy nghĩ xem, nay chúng ta tính trong một giây khảy ngón tay bốn lần, một niệm là thời gian bao lâu? Một ngàn hai trăm tám mươi triệu phần của một giây, quý vị có thể nói nó bắt đầu từ đâu hay chẳng? Chúng ta nói “bắt đầu” thì chẳng biết đã trải qua bao nhiêu niệm, bởi lẽ, niệm tồn tại trong một thời gian quá ngắn ngủi, tạm bợ. Kinh thường nói là một “sát-na” là thời gian cực ngắn, nhưng ngắn đến mức nào, sẽ nói mơ hồ, chẳng rõ ràng. Di Lặc Bồ tát giảng rõ ràng chuyện này, chẳng mơ hồ tí nào: “*Một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”. Chúng ta khảy ngón tay lạ làng, có thể là tôi khảy nhanh hơn, được năm lần, nói chung khảy chừng bốn lần. Nếu khảy năm lần, sẽ là một ngàn sáu trăm triệu, tức là năm nhân với ba trăm hai mươi triệu, quý vị

thấy tốc độ lẹ như thế, làm sao có thể nói nó có sanh diệt? Vì thế, chẳng thể nói nó sanh diệt, tính không kịp! Do vậy, kinh Phật bảo là “*sanh diệt đồng thời*”. Chữ “*đồng thời*” có thể hiểu theo cách này. Bất sanh bất diệt có thể nói theo cách này. Quý vị phải thật sự hiểu ý nghĩa của cách nói này. Nếu thật sự chẳng sanh diệt, nói “*bất sanh bất diệt*” chẳng phải là nói nhảm, nói dư thừa hay sao? Xác thực có sanh diệt, nhưng sanh diệt với tốc độ quá nhanh, quý vị không có cách nào quan sát, mắt chẳng thể thấy được, ý niệm nghĩ không ra; cho nên chỉ nói sự sanh diệt ấy là bất sanh bất diệt. Trong bất sanh bất diệt có sanh diệt, sanh diệt chính là bất sanh diệt, bất sanh diệt chính là sanh diệt, quý vị mới hiểu chân tướng sự thật rõ ràng, minh bạch. Chúng ta hiểu rõ ràng, minh bạch thì nói thật ra, vẫn là phân biệt, chấp trước; chẳng dùng đến phân biệt, chấp trước, vẫn không hiểu rõ lắm, chẳng hiểu rõ rệt! Vì sao? Chưa biết dùng chân tâm, mà chính là dùng vọng tâm. Thật sự chưa hiểu rõ lắm thì quý vị đừng cố nữa, hãy cứ thành thật niệm Phật A Di Đà, về thế giới Cực Lạc sẽ chẳng hiểu rõ ràng ư? Đây là biện pháp tốt đẹp, cần gì phải chuốc lấy phiền phức? Cung kính niệm kinh Đại thừa một biến, đấy là công đức; nhưng quý vị khởi tâm động niệm suy nghĩ “kinh có ý nghĩa gì”, công đức bị phá sạch! Công đức chẳng còn nữa, biến thành phước đức. Phước đức khác công đức. Vì sao chúng ta vẫn phải niệm? Niệm nhằm tu Định, dùng phương pháp đọc kinh để nhiếp

tâm, buông tất cả vọng tưởng, chấp trước xuống. Đọc kinh cũng chẳng dấy vọng tưởng, cũng không khởi chấp trước, đọc kinh là tu Định. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, đây cũng là một pháp môn, vấn đề là chính mình có biết sử dụng hay không.

Mấy câu tiếp theo có thể nói là rất trọng yếu đối với Tịnh Tông! *“Kim dĩ thử quả giác toàn thể thọ dữ trước ác chúng sanh”* (nay đem toàn thể quả giác này trao cho chúng sanh trước ác). *“Trước”* là ngũ trước ác thế. Lúc tôi mới học Phật, vào sáu mươi năm trước, thấy kinh nói đến ngũ trước ác thế, chúng tôi thường cảm thấy Phật Thích Ca Mâu Ni nói hơi quá lỗ! Thế giới này dù trước ác, vẫn chưa trước ác đến mức ấy. Nhưng nay nhìn lại chữ này, Ngài nói đúng quá, chẳng quá lỗ tí nào! Sở dĩ thế giới hiện tại có tai nạn, tai nạn vì sao mà có? Do dính dáng đến trước ác. *“Trước”* (濁) là hỗn trước (dơ bẩn, đục ngầu), *“ác”* (惡) là Thập Ác. Quý vị thấy chúng sanh trong thế gian này khởi tâm động niệm tương ứng với Thập Ác, chẳng có Thập Thiện. Tương ứng với Thập Ác, đúng là đại tai nạn sẽ xảy ra! Nay chúng ta suy nghĩ: Thật sự có tai nạn hay không? Có rất nhiều người hỏi tôi, tôi nói “hãy nên biết là thật đấy”. Vì sao? Chúng ta nhìn từ nhân quả, thiện nhân cảm thiện quả, ác nhân cảm thọ ác quả. Trước hết, hãy nhìn từ tướng hảo của chính mình, tướng chuyển theo tâm. Tâm địa thiện lương, tướng mạo sẽ thiện lương; tâm địa thiện lương, thân sẽ khỏe mạnh.

Thầy lang Bành Hâm^{16[9]} nói rất hay: “*Bất thiện, quý vị sẽ nhiễm bệnh*”. Trong bản báo cáo, ông ta đã nói như thế. Bất nhân, “nhân” (仁) là thương yêu con người. Kẻ bất nhân dễ bị bệnh gan. Kẻ bất nghĩa, dễ mắc bệnh phổi, nó có cảm ứng với phổi. Vô lễ, dễ mắc bệnh tim. Vô trí là hồ đồ, thiếu trí huệ, dễ mắc bệnh thận. Bất tín, thiếu tín nhiệm, thường mong lừa gạt kẻ khác, dễ mắc bệnh tỳ vị (lá lách và bao tử). Phải làm như thế nào để thân thể khỏe mạnh? Phải thực hiện Ngũ Thường, tức là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, quý vị đều làm được. Ngũ Thường gần giống như Ngũ Giới trong Phật pháp. Chẳng sát sanh là Nhân, không trộm cắp là Nghĩa, chẳng tà dâm là Lễ, chẳng uống rượu là Trí, chẳng nói dối là Tín; nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Quý vị có thể giữ vẹn Ngũ Giới, nội tạng sẽ chẳng sanh bệnh. Chỗ nào bị bệnh, nhất định quý vị thiếu đạo đức, Ngũ Thường là năm đức, [do thiếu đức nào] nên quý vị mới bị bệnh ấy. Bị bệnh mà quý vị hiểu đạo lý này, ta khéo tu đức, khiến cho ngũ tạng lục phủ^{17[10]} khôi phục bình thường, chẳng còn bệnh nữa! Trung Y dùng thuốc men để chữa bệnh, hiệu quả chỉ được ba phần, sửa đổi tâm tư thái độ chiếm mất bảy phần! Nếu biết thay đổi

16 [9] Bành Hâm là Trung y sĩ (thầy thuốc Bắc) là chuyên viên nghiên cứu tại Sở Nghiên Cứu Lý luận thực thuộc Trung Quốc Trung Y Đại Học Viện, tốt nghiệp từ Bắc Kinh Trung Y Dược Đại Học, chuyên nghiên cứu châm cứu, và các lý luận ứng dụng chữa trị, chẩn đoán và phòng bệnh trong Đông Y, chủ trương đường lối dưỡng sinh bằng tu đức.

17 [10] Ngũ tạng lục phủ là danh từ phẩm chỉ tất cả cơ quan nội tạng trong thân thể con người. Tâm, can, tỳ, phế, thận (tim, gan, lá lách, phổi, thận) là Ngũ Tạng. Tiểu Trường, Đám, Vị, Đại Trường, Bàng Quang (ruột non, mật, bao tử, ruột già, bàng quang) kèm thêm Tam Tiêu thành Lục Phủ. Tam Tiêu là khoảng trống giữa ngực và bụng được chia thành ba phần gọi là Thượng Tiêu, Trung Tiêu và Hạ Tiêu.

tâm tư, thái độ, lại dùng một chút thuốc men để phụ trợ, sẽ trị bệnh hết sức hữu hiệu.

Do Phật đã chứng đắc viên mãn quả giác, tức là đã trở về tự tánh viên mãn, đem điều này giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh. Đây là “*chư Phật sở hành cảnh giới*”. Ở đây, câu này bảo rõ với chúng ta: Hết thấy chư Phật đều là niệm Phật mà thành Phật, không có ngoại lệ! Quý vị tin được không? Tôi đọc kinh *Hoa Nghiêm*, trong lần tham học thứ nhất của phần năm mươi ba lần tham học, tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy Thiện Tài đồng tử hai mươi một pháp môn Niệm Phật, tôi đã giảng rồi, nhưng suy nghĩ vẫn chưa thấu triệt. Vì sao? Lúc ấy, chưa đạt tới cảnh giới như hiện thời, nhưng tôi nói hai mươi một pháp môn Niệm Phật bao quát tất cả các pháp môn do thập phương tam thế hết thấy chư Phật, Bồ tát đã nói, hễ triển khai thì môn nào cũng đều là pháp môn Niệm Phật. Cổ đại đức nói: Đúng thế, mỗi pháp môn đều là pháp môn Niệm Phật; nhưng pháp môn niệm Phật A Di Đà là pháp môn nói thẳng thừng, ổn thỏa, thích đáng, nhanh chóng, dễ dàng, thành công cao, là quả giác rốt ráo viên mãn, “*duy Phật dữ Phật năng cứu tận*” (chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu tột cùng), “*cứu tận*” là hiểu rõ triệt để. Tánh, Tướng, Sự, Lý, nhân quả, tới khi thành Phật quý vị mới hiểu rõ. Bồ tát chưa được, đối với chuyện này, Bồ tát có thể liễu giải, nhưng trong kinh, đức Phật có nêu một tỷ dụ, tức là “*ngắm trăng qua một lớp the*”. “*The*” là gì? The là lượt là, rất mịn, the, sa,

nhiều, đoan, rất mịn, trong suốt, giống như sa, nhưng trong suốt, còn mịn hơn sa nữa! Quý vị có thể nhìn thấy bên ngoài qua lớp the, ngấm trắng qua sự ngăn cách này. Bồ tát đối với pháp này có thể lý giải nhưng vẫn chưa hoàn toàn thấy tường tận; cho nên nói: “*Phi cứu giới tự lực*” (chẳng phải do chính sức lực của chúng sanh trong chín pháp giới). Chín pháp giới đặc biệt dùng sức của chính mình, nếu được Phật gia trì, quý vị sẽ có thể tin, có thể hiểu. Chẳng có Phật lực gia trì, dựa vào sức của chính mình, chắc chắn quý vị chẳng có cách nào cả! Vả lại, nay chúng ta có thể tin, có thể hiểu pháp môn này, lại còn muốn thật sự hành; quý vị phải nghĩ chính mình đã được Phật lực gia trì. Không có Phật lực gia trì, sẽ làm không được! Nay chúng ta gặp pháp môn này là có duyên với Phật, là có cảm. Chúng ta muốn học, Phật sẽ có ứng, Phật sẽ gia trì chúng ta, giúp chúng ta có tín tâm, giúp chúng ta có thể lý giải, giúp chúng ta tu hành chứng quả. Tới lúc lâm chung, Phật đến tiếp dẫn, đó chính là Chứng. Hoàn thành “*tín, giải, hành, chứng*” trong một đời.

“*Hựu viết*” (lại nói),

“*cử thử Thế tác Di Đà danh hiệu*” (dùng toàn bộ cái Thế này để làm danh hiệu Di Đà), danh hiệu của cái Thế ấy là Phật A Di Đà).

Thế là gì? Thế là pháp giới Thế, là tự tánh. Trong sách *Hoàn Nguyên Quán* có câu: “*Tự tánh thanh tịnh viên minh*

thế” chính là nói về điều này. Câu nói này của quốc sư Hiền Thủ và câu “*tất cả chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*” trong kinh *Hoa Nghiêm* là cùng một câu nói, có cùng một ý nghĩa. “*Tự tánh, thanh tịnh, viên minh*”, nói thành ba chuyện, nhưng ba chuyện này là Pháp Thân, Bát Nhã, và Giải Thoát. Minh là trí huệ, thanh tịnh là đức hạnh, viên mãn là tướng hảo. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể. Toàn bộ Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát được bao gồm trong Tánh Đức. “*Tác Di Đà thân độ*” (làm thân và cõi nước của Di Đà), thân Di Đà được gọi là Pháp Thân, cõi nước Phật Di Đà ngự được gọi là Tịnh Độ. Pháp giới Thể là tự tánh, thân và cõi nước đều do Tánh Đức tự nhiên lưu lộ. Kinh Phật dạy: “*Pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như thế).

“*Thị cố, Di Đà danh hiệu tức chúng sanh Bốn Giác lý tánh*” (vì thế, danh hiệu Di Đà là lý tánh Bốn Giác của chúng sanh). Bốn Giác là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh. Lý là lý tánh, tác dụng của Lý là Sự, tác dụng của Tánh là Tướng. Tánh, Tướng, Sự, Lý sẵn có trong tự tánh của chúng sanh, chẳng phải do bên ngoài mà có! Đây là nói rõ mối quan hệ giữa danh hiệu Phật A Di Đà và hết thảy chúng sanh: Phật A Di Đà chẳng phải là ai khác, mà thật sự là chính mình, chớ nên hiểu lầm! Chính mình vốn là Phật! Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật nói chuyện này bao nhiêu lần. Chính mình vốn là Phật, nay niệm Phật A Di Đà tức là muốn thành Phật. Quý vị suy nghĩ coi: Có thể nào chẳng thành Phật ư? Chính

mình vốn là Phật, nay lại muốn làm Phật, niệm Phật chính là muốn làm Phật, chúng ta chẳng còn hoài nghi nữa. Đây là hai đoạn trích dẫn từ sách *Di Đà Yếu Giải*.

“*Khả kiến thử kinh thật thị đại bi từ phụ Như Lai Thế Tôn xứng tánh cực đàm*” (Có thể thấy kinh này thật là lời bàn luận xứng tánh đến tột cùng của đức đại bi từ phụ Như Lai Thế Tôn).

Kinh này quả thật là như vậy, đại từ bi phụ là Phật A Di Đà, tức vị Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như Lai Thế Tôn là nêu đại lược hai trong mười đức hiệu của Phật. Như Lai có nghĩa là gì? Kinh *Kim Cang* giảng rất khéo: “*Như Lai giả, chư pháp Như nghĩa*” (Như Lai là nghĩa Như của các pháp). Câu này giảng khéo lắm! Hết thấy các pháp đều do tự tánh biến, hết thấy các Pháp Tướng giống như Pháp Tánh. Hoặc là chúng ta nói như thế này: Hết thấy Pháp Tướng đều là tự tánh, quý vị càng dễ hiểu hơn! Tự tánh của chúng ta ở chỗ nào? Bất luận pháp nào cũng đều là tự tánh. Do vậy, đối với người đại triệt đại ngộ trong Tông Môn, tổ sư bèn khảo nghiệm, trắc nghiệm kẻ ấy: Tự tánh ở đâu? Tùy tiện lấy một pháp đều là tự tánh, pháp nào cũng đều Như, chẳng có một pháp nào chẳng Như. Phàm và thánh sai khác ở chỗ mê hay ngộ. Người ngộ rồi sẽ được gọi là Phật hay Bồ tát; kẻ mê bất giác, chẳng biết hết thấy các pháp đều là tự tánh, cho nên gọi kẻ ấy là phàm phu. Trong pháp môn Bất Nhị, phàm và thánh chẳng hai. “*Sanh Phật bất nhị*”, nghĩa là chúng sanh

và Phật là một, không hai, nhưng chúng ta chẳng thừa nhận. Vì sao ? Vì mê! Khi nào giác ngộ, tự tánh vốn ở ngay đây, vấn đề gì cũng đều được giải quyết! Vì thế, kinh này là đức Thế Tôn xứng tánh cực đàm. Cực là tốt cùng, nay chúng ta gọi là “đỉnh cao nhất” không có gì cao hơn được, viên mãn đến rốt ráo, không còn gì viên mãn hơn. Bộ kinh này đúng là như vậy, chẳng giả. “*Chư Phật bí tạng*”, chữ “bí” (祕) này chẳng phải là bí mật. Trong Phật pháp không có bí mật. Có bí mật, sẽ chẳng thể nói với người khác, trong Phật pháp không có điều ấy. “*Bí*” trong Phật pháp là nói đến sự sâu xa, kín nhiệm, Sự lẫn Lý đều quá sâu, chẳng dễ liễu giải, ẩn kín. Đây là nói thập phương tam thế hết thảy chư Phật Như Lai trong không ngần mé thế giới, trong mười pháp giới của các thế giới chư Phật, giáo hóa chúng sanh trong lục đạo, giảng kinh, thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Bốn chữ “*chư Phật bí tạng*” có ý nghĩa này.

Lại nói là “*hòa bàn thác xuất*” (和盤托出: giải bày trọn hết), chẳng giữ lại! Giống như chúng ta đãi khách, dọn thức ăn đầy mâm, toàn bộ dọn ra hết. Cái mâm (bàn tử: 盤子) ấy chính là bộ kinh này. Trong bộ kinh này có nội dung gì? Bí tạng của thập phương tam thế hết thảy chư Phật đều ở trong đây, tuyệt diệu thay! Vì thế, cổ đại đức nói: Mọi người tán thán hai bộ kinh lớn là *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa* khôn cùng, đại kinh *Nhất Thừa* mà! Cổ đại đức bảo hai kinh ấy đều nhằm dẫn đường cho kinh *Vô Lượng Thọ*. Nếu tôi chấp

nhận cách nói này, tôi tin tưởng Tịnh Độ. Quý vị thấy thầy Lý khuyên tôi như vậy, nhưng tôi chẳng tiếp nhận. Tôi tiếp nhận Tịnh Độ là do giảng kinh *Hoa Nghiêm*, phải biết cũng là giảng được bảy, tám năm rồi, có một hôm, bỗng nhiên dấy lên ý niệm: Nghĩ coi Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Giảng kinh chưa đến phần sau, tôi lật phần sau ra. Giở phần sau ra, tôi mới thấy khi kinh này sắp giảng xong, hình như là trong quyển ba mươi chín, quyển bốn mươi là chấm dứt kinh. Trong quyển thứ ba mươi chín, Bồ tát Văn Thù phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ, Phổ Hiền Bồ tát cũng phát nguyện vãng sanh Tịnh Độ. Lại xem kỹ, năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử chứng tỏ, giống như dân gian hay nói “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì tiếp xúc đầu tiên sẽ là chính yếu). Thiện Tài đồng tử tham phỏng vị thiện hữu thứ nhất là tỳ-kheo Cát Tường Vân, Ngài tu niệm Ban Châu tam-muội, chuyên tu niệm Phật, Ngài giảng cho Thiện Tài hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Tôi vừa mới nói với quý vị, hai mươi một môn này triển khai thành vô lượng vô biên pháp môn, chẳng có một pháp môn nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật, tương ứng với “*chư Phật bí tạng, hòa bàn thác xuất*”.

“*Thả thử niệm Phật pháp môn, diệt tức chúng sanh bốn cụ chi hóa nghi*” (Hơn nữa, pháp môn Niệm Phật này cũng chính là hóa nghi sẵn có của chúng sanh). Trong phần trước, chúng tôi đã từng nói: “*Hóa*” (化) là giáo hóa, “*nghi*”

(儀) là nghi thức. Đây là phương thức giáo hóa, phương thức này do đâu mà có? Chúng sanh có sẵn, cho nên nó thuộc về Tánh Đức. Chúng ta mê mất, Phật, Bồ tát lấy ra dùng điều này để giáo hóa chúng sanh, nó là cái bản thân chúng ta vốn sẵn có. Nghi thức này giống như cách chúng ta học tập trong các trường học hiện thời, Tiểu học, Trung học, Đại học, nghiên cứu sinh, chúng ta tu học cũng giống như vậy. Thời gian mê trong lục đạo quá lâu, mê quá sâu, chẳng thể quay lại ngay được, phải làm từ từ! Trước hết là buông xuống phiền não nghiêm trọng nhất, buông xuống chấp trước nghiêm trọng nhất, chẳng hề chấp trước hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Thừa quý vị, lục đạo sẽ chẳng còn nữa, chúng đều là giả. Trong kinh *Kim Cang*, đức Phật nói: “*Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, do quý vị có chấp trước, nên bèn hiện tượng này, đấy là mộng cảnh. Khi tỉnh khỏi chấp trước, tỉnh rồi, lục đạo không còn nữa, quý vị sẽ tìm không ra lục đạo! Tỉnh lại, sẽ là cảnh giới nào? Là tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, cảnh giới này xuất hiện. Cảnh giới này vẫn là một mộng cảnh; vì thế, lục đạo là “*mộng trong mộng*”. Tứ thánh do đâu có? Tứ thánh do phân biệt và vọng tưởng mà có. Có vọng tưởng, có phân biệt, sẽ có tứ thánh pháp giới. Trong tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát là phân biệt, sau khi đoạn sạch phân biệt bèn thành Phật. Phật trong tứ thánh pháp giới chưa đoạn vọng tưởng, có

khởi tâm động niệm, tức là Vô Minh phiền não chưa đoạn. Nếu đối với pháp thế gian và xuất thế gian chẳng khởi tâm, không động niệm, thật sự tỉnh, mười pháp giới sẽ không có! Do vậy, thưa với quý vị: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, là thật, chẳng giả. Đây là sau khi tỉnh lại, bèn thoát khỏi mười pháp giới, cảnh giới ấy sẽ gọi là Nhất Chân pháp giới. “Chân” là gì? “Chân” là vĩnh hằng không thay đổi! Quý vị thấy trong thế gian này, động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, khoáng vật như núi, sông, đại địa, kể cả tinh cầu, có thành, trụ, hoại, không, biến đổi trong từng sát-na, vô thường. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai đều chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, cho nên thế giới ấy không biến hóa.

Tu gì trong cảnh giới ấy? Phải đoạn trừ tập khí vô trí vô minh. Đoạn tập khí bằng cách nào? Không có cách nào hết! Không để ý tới nữa, nó sẽ đoạn, tự nhiên đoạn. Cổ nhân dùng tử dụ bình rượu để nói về tập khí, phương pháp này rất hay! Bình rượu chứa rượu, đổ sạch sành sanh rượu, chùi sạch bong, quả thật là một giọt cũng chẳng còn, nhưng vẫn ngửi thấy mùi, đó là “*tập khí*”, không có cách nào diệt trừ! Không thể làm gì khác hơn là mở toang nắp bình, bỏ ở đó, để một năm hay nửa năm, ngửi thử sẽ không thấy mùi nữa! Do vậy, sự tu hành của người ấy trong cõi ấy được gọi là “vô

công dụng đạo”, căn bản là không màng tới, mặc cho nó biến mất. Nhưng ở trong ấy, Pháp Thân Bồ tát thần thông quảng đại, chúng sanh trong mười phương thế giới có cảm, Ngài lập tức có ứng, sẽ làm những chuyện ấy. Có cảm bèn có ứng, cảm ứng hết sức rất nhanh. Đây là như sách *Hoàn Nguyên Quán* đã nói, một niệm vừa động, bèn trọn khắp pháp giới, bất luận quý vị động niệm nào! Vì thế, sau khi đọc bộ luận này, chính mình phải hiểu: Chúng ta khởi tâm động niệm, dấy lên thiện niệm, những người tâm địa thanh tịnh trọn khắp pháp giới hư không giới đều thu được, đều nhận được tin tức ấy. Giống như chúng ta đang ở trên màn hình TV, toàn bộ hoạt động của quý vị họ thấy hết. Quý vị có thể gạt gẫm được người nào hay chăng? Quý vị khởi lên ác niệm, họ cũng biết hết, chẳng thể giấu diếm mảy may nào! Đừng tưởng người ta không biết, biết toàn bộ! Quý vị chỉ có thể giấu diếm chúng sanh mê hoặc, điên đảo, họ không biết; chứ không gạt được người giác ngộ! Đây là chân tướng sự thật. Một niệm trọn khắp pháp giới, một niệm sanh ra vô tận, đó tức là nói: Nó biến huyền vô cùng, chứa đựng cả Không lẫn Có. Trong giáo pháp Đại thừa thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao trùm hư không, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát), thật đấy! Một niệm là như vậy, một hạt vi trần cũng là như vậy, bất luận là hiện tượng vật chất hay tinh thần, toàn bộ đều là như vậy. Hơn nữa, vật chất và tinh thần là một, không hai. Nếu quý vị đã học ba tế

tướng của A Lại Da Thức, quý vị sẽ biết. Trong Đại thừa Phật giáo dùng ba tế tướng của A Lại Da Thức để giải thích duyên khởi của vũ trụ. Vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Sinh mạng do đâu mà có? Ta từ đâu đến? Kinh *Đại thừa* giải thích hết sức rõ ràng. Vì sao có thể hiểu rõ như thế? Đó là cảnh giới do chính những người đó giác ngộ, chứng đắc, chẳng phải do nghiên cứu, quan sát, suy đoán như trong khoa học, chẳng phải, mà do họ đích thân thấy. Họ trở về tự tánh, thật sự hiểu rõ toàn bộ Tánh, Tướng, Sự, Lý, nhân quả trong tự tánh.

Vì sao địa cầu ngày nay biến thành tình trạng như vậy? Vì sao nhiệt độ địa cầu tăng lên? Vì sao băng ở Nam Cực và Bắc Cực tan chảy? Vì sao các nơi bị động đất nhiều như thế? Kinh Phật giảng rõ ràng! Mà cũng có biện pháp để giải quyết vấn đề này ra sao, chỉ cần quý vị tin tưởng, địa cầu sẽ có thể lập tức khôi phục bình thường. Không chỉ hữu dụng đối với địa cầu, ngay cả các tinh cầu, tinh hệ trong vũ trụ cũng sẽ vận hành theo đúng quỹ đạo bình thường, chẳng đến nỗi rối loạn, chúng ta đều có thể làm được, chứ các khoa học gia chẳng có cách nào. Vì sao có thể làm được? Vì hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng, Thái Dương Hệ sanh từ tâm tưởng, Ngân Hà Hệ sanh từ tâm tưởng, chỉ cần quý vị chẳng có quan niệm sai lầm, chúng bèn bình thường. Nếu quý vị muốn thay đổi chúng, chúng sẽ biến thành dị thường. Các nhà khoa học làm chuyện dị thường, muốn

nhân định thắng thiên, muốn sửa đổi hoàn cảnh thiên nhiên, vấn đề sẽ nảy sinh. Vì sao có những hiện tượng này? Vì chúng từ tâm tưởng của quý vị sanh ra. Hiện thời, quý vị có tâm tưởng chẳng bình thường, chúng liền biến thành bất thường, chuyện là như vậy đó! Vì sao trước kia bình thường như vậy? Không ai nghĩ đến chuyện thay đổi hoàn cảnh tự nhiên, không ai có ý niệm này, cho nên địa cầu rất bình thường. Hiện tại, các khoa học gia mỗi ngày động niệm, phá hoại môi trường sống và hoàn cảnh tự nhiên, phiền phức dấy lên. Sau khi vấn đề nảy sinh, bèn bó tay, không có cách nào giải quyết.

“Thử nhất cú Phật hiệu, chính như Yếu Giải sở thị, ký thị chúng sanh Bốn Giác Lý tánh, cố tri thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác” (Một câu Phật hiệu này, đúng như sách *Yếu Giải* đã chỉ ra, đã là Lý tánh Bốn Giác của chúng sanh, cho nên biết cái tâm niệm Phật nhỏ nhoi này chính là quả giác của Như Lai). Chúng ta phải chú tâm thấu hiểu: Câu Phật hiệu ấy là sáu từ hồng danh *“Nam-mô Phật A Di Đà”* như trong sách *Yếu Giải* của Ngẫu Ích đại sư đã giảng. Nó chính là Lý tánh Bốn Giác của chúng sanh, Lý tánh là tự tánh. Nhằm dạy học thuận tiện, đức Phật lập ra sáu từ để đại diện cho muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Tánh Tướng: Tánh có thể sanh, có thể hiện; Tướng là cái được sanh, cái được hiện. Đây là tầng cao nhất, tức duyên khởi của vũ trụ. Tầng thứ hai là Lý, Sự; Lý Sự là A Lại Da Thức, Lý là chủ thể có thể biến, Sự

là cái được biến (sở biến), y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới là cái được biến. Trong “*cái có thể biến*” (năng biến) có nhân và quả; trong sở biến cũng có nhân và quả. Quý vị thấy: Dùng sáu từ “*Tánh, Tướng, Lý, Sự, nhân, quả*” bao quát trọn hết toàn bộ. Ở đây, quan trọng nhất là phải biết: Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, nhưng chẳng biến. Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là cảnh giới này. Do vậy, nó được gọi là Nhất Chân pháp giới. Đến tầng Lý Sự, Năng Biến biến thành A Lại Da Thức, hiện tướng vô lượng vô biên ở trong ấy, chẳng phải là bất biến, mà là biến hóa khôn lường, biến đổi trong từng sát-na. Khi chúng ta học những điều này, cũng không có cách nào để diễn tả, nói không được! Do vậy, tôi đã nghĩ tới thuở nhỏ, chơi ống kính vạn hoa, đơn giản như vậy đó. Quý vị thấy kết cấu của ống kính vạn hoa là ba mảnh gương, ở giữa bỏ mấy mảnh giấy màu khác nhau. Quý vị xoay nó, sẽ thấy những thứ biến hóa bên trong. Quý vị xoay cách nào cũng chẳng tìm được một mô thức (pattern) giống nhau. Có cùng một đạo lý như vậy, A Lại Da Thức khởi tác dụng, biến thành y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới giống như ống kính vạn hoa chuyển động không ngừng. Niệm này khởi lên, niệm kia diệt mất, tiền niệm diệt, hậu niệm khởi. Vì thế, chúng ta thấy tướng được hiện là hiện tượng gì? Là một thứ gần như là tướng liên tục, chẳng phải là hai tướng giống nhau, chẳng có! Về căn bản, chẳng giống hệt nhau mà là tương tự.

Chúng ta thường nói nhân quả chẳng không. “*Nhân quả chẳng không*” là so với gì để nói? So với tương tục mà nói; nói đối với tương tương tự liên tục, trong ấy có nhân quả, bảo quý vị phải dè chừng, cẩn thận. Lên cao hơn nữa thì sao? Lên cao hơn nữa thì nhân quả cũng không. Tới Thường Tịch Quang, nhân quả chẳng có, hoàn toàn trở về tự tánh, nhân quả do đâu mà còn nữa? Trong Thường Tịch Quang, ngay cả hiện tượng vật chất lẫn hiện tượng tinh thần đều không có, nhưng có kiến văn giác tri, bởi lẽ, kiến văn giác tri là Tánh Đức. Biến thành A Lại Da Thức là khi nhất niệm vọng động, bèn biến thành A Lại Da Thức, kiến văn giác tri trong A Lại Da biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức; khi mê sẽ là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Giống như tiến sĩ Giang Bốn Thẳng dùng nước làm thí nghiệm. Nước có thể thấy, nghe, đó là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Cội nguồn của Thọ, Tưởng, Hành, Thức là gì? Cội nguồn là kiến văn giác tri. Kiến văn giác tri trong tự tánh là trí huệ và đức năng sẵn có trong tự tánh. Đức Phật nói rõ ràng như thế, nói minh bạch như thế, các nhà khoa học chẳng nói đến.

Chính báo như tóc, lông của chúng ta, y báo như vi trần, đều là tướng được hiện. Chúng ta thường nói “*sanh diệt trong từng sát-na*”, thật sự quý vị không có cách nào hiểu được khái niệm này, hiểu lời Di Lặc Bồ tát nói: “*Trong một cái khảy ngón tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, từ đây chúng ta mới có khái niệm. Bất luận là đầu lông hay vi trần,

đều thuộc về vật chất, trong hiện tượng vật chất có kiến văn giác tri. Nay chúng ta đã mê, nói cách khác, có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, trong một đầu lông đều có, hết thấy các sợi lông, hết thấy các vi trần thấy đều có. Trong Phật pháp nói vi trần, các nhà khoa học hiện thời dùng danh từ “*nguyên tử, điện tử, hạt căn bản, khoa-khắc (quark)*”, đều gọi là “*vi trần*”, là hiện tượng vật chất, có tinh thần hay không? Có! Có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trong hạt cơ bản có Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nó biến hóa, nghe theo ai chỉ huy? Ai đang biến hóa nó? Ý niệm. Chúng ta khởi tâm động niệm, nó bèn thuận theo ý niệm của chúng ta mà biến hóa. Ý niệm của chúng ta là thiện, sẽ chẳng có thứ gì bất thiện; ý niệm của chúng ta là bất thiện, sẽ chẳng có gì là thiện.

Nếu chúng ta đều là thiện niệm, thì đức Phật mong chúng ta, mong các đệ tử Phật nêu gương tốt cho hết thấy chúng sanh, thực hiện từ nơi đâu? Thực hiện từ Lục Hòa Kính. Vì thế, đoàn thể trong Phật môn được gọi là Tăng đoàn. Quý vị thấy khi chúng tôi thuyết Tam Quy Y: “*Quy y Tăng, chúng trung tôn*”, “*Chúng*” là đoàn thể. Trong Phật pháp, Chúng là nói từ bốn người trở lên, ở cùng một chỗ chung sống, tu hành chung với nhau, một đoàn thể như vậy tu Lục Hòa Kính. “*Kiến hòa đồng giải*”: Cách nhìn, cách nghĩ của ta và cách nhìn của mọi người như nhau, gọi là kiến hòa đồng giải. “*Giới hòa đồng tu*”, mọi người ở cùng một chỗ tuân thủ quy củ. Chẳng tuân thủ quy củ sẽ loạn. Giới luật là quy củ.

Sau đây là “*thân đồng trụ, khẩu vô tránh, ý đồng duyệt*” (thân cùng ở, miệng chẳng tranh cãi, cùng vui vẻ chia sẻ ý kiến), đó là vui vẻ ở cùng một chỗ. “*Lợi đồng quân*”: Đây là nói bình đẳng hưởng thụ hết thấy các thứ cúng dường, không có đặc quyền. Đây là Lục Hòa Kính. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, mọi người khát thực, tôi đi khát thực, khát thực được cúng dường kha khá, cơm và thức ăn ngon lành, người kia khát thực, nhà người ta nghèo khổ, cúng thí khác hẳn. Ngày hôm nay, chúng ta được món lợi này thì làm sao? Chẳng phải là xin xong bèn ăn ngay, không thể! Khát thực xong, quay về, trở về Tăng đoàn, đem cơm xin được trộn lẫn với nhau, rồi lại phân chia, ăn theo cách như vậy, cho nên nói “*nhất bát thiên gia phạn*” (một bát, cơm ngàn nhà. Tăng đoàn một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, ra bên ngoài khát thực, chẳng phải là cơm ngàn nhà hay sao? Trộn lẫn lại để ăn, quý vị thấy đó: Lợi hòa đồng quân (chia sẻ lợi lạc bình đẳng). Quý vị ra ngoài khát thực, khát thực chẳng được, không sao cả! Biết về nhà sẽ được ăn, được mọi người chia phần, lợi hòa đồng quân.

Trong đây, quan trọng nhất là kiến hòa đồng giải, chúng ta làm sao để có thể có cách nghĩ và cách nhìn chung? Khi chúng ta mê, bất giác, chưa đại triệt đại ngộ, chúng ta phải nương theo Phật, nương tựa thầy, nương theo kinh giáo của thầy. Lấy những thứ ấy làm căn cứ cho tư tưởng, kiến giải, tương ứng với kinh giáo là chính tri chính kiến. Trái phạm

kinh giáo là tà tri tà kiến. Chúng ta phải chuyển tà thành chánh. Chính- tà có rất nhiều tiêu chuẩn, mỗi kinh điển khác nhau; vì vậy, các tông, các phái đều khác nhau, nhưng là đại đồng tiểu dị, đều là chính tri chính kiến. Thậm chí nay chúng ta mở rộng tầm mắt, thấy trên thế giới này có nhiều tôn giáo khác nhau, chỉ cần chính phủ công nhận tôn giáo ấy là tôn giáo chính đáng, chúng ta cũng tôn trọng và thừa nhận kiến giải của họ cũng là chính tri chính kiến. Như vậy, chúng ta mới có thể chung sống hòa thuận, mới có thể đối đãi bình đẳng, mới mang lại hòa bình, yên ổn cho thế giới. Đó là trong nhân gian và trong lục đạo. Nếu là trong hàng Thanh Văn, Duyên Giác, và Bồ tát, cảnh giới ấy được nâng cao hơn, tiêu chuẩn khác hẳn. Đến địa vị Bồ tát, tiêu chuẩn là tự tánh: Tương ứng với Tánh Đức thì là chính tri chính kiến; trái nghịch Tánh Đức của tự tánh sẽ là tà tri tà kiến, khác hẳn nhân gian và lục đạo. Do vậy, tiêu chuẩn rất ráo, tiêu chuẩn tuyệt đối là tự tánh; khi quý vị minh tâm kiến tánh, quý vị sẽ chứng đắc.

Khi chưa chứng đắc, quý vị học tập những người đã chứng đắc. Người chứng đắc cho chúng ta biết: Đó là Tánh Đức. Đó là gì? Thừa quý vị, Thập Thiện Nghiệp Đạo là Tánh Đức, Tam Quy Ngũ Giới là Tánh Đức, Thái Thượng Cảm Ứng Thiên của Đạo gia là Tánh Đức, Âm Chất Văn của Văn Xương Đế Quân cũng là Tánh Đức, Đệ Tử Quy của Nho gia cũng là

Tánh Đức, giảng ngũ luân, ngũ thường, tứ duy bát đức^{18[11]} là Tánh Đức, là chứng đắc của chư Phật, Bồ tát. Chúng ta chưa chứng đắc, phải nương theo giáo huấn của các Ngài để hành, tùy thuận Tánh Đức, kiến lập chính tri chính kiến và kiến hòa đồng giải. Tu Lục Hòa Kính như thế nào? Thực hiện ba thứ căn bản của Nho, Thích, Đạo là thật sự tu Lục Hòa Kính, Lục Hòa Kính sẽ được thực hiện! Thật sự làm! Bắt đầu làm từ đâu? Làm từ chính mình, đừng đòi hỏi người khác, quý vị sẽ là đệ tử thật sự của đức Phật. Chỉ đòi hỏi chính mình, đừng đòi hỏi ai khác, kiến lập hòa hợp tăng đoàn như thế đó! Tuyệt đối chớ nên đem ni tắc của chính mình xét đoán người khác, đến mọi nơi phê bình người ta. Làm như vậy quý vị sẽ phạm lỗi to lớn quá đỗi! Phải hiểu đạo lý này! Chính quý vị làm được thì sẽ thành tựu. Quý vị thành tựu, chắc chắn sẽ cảm hóa người khác. Một người chịu làm, có thể cảm hóa cả nhà; một nhà đều làm, chắc chắn cảm hóa xóm giềng, cảm hóa thân thích, bằng hữu. Vì thế, sách *Đệ Tử Quy* có nói: “*Thế phục nhân*” (dùng uy thế khuất phục người khác), chưa chắc người ta đã tiếp nhận, “*Lý phục nhân*” (dùng lý khuất phục người khác), người ta tự nhiên bị cảm hóa. Phải làm từ chính bản thân mình mới là đúng.

Đã là Lý tánh trong Bốn Giác của chúng sanh thì là chính mình, chính mình là chúng sanh. Hai chữ “*chúng sanh*” có

18 [11] Ngũ luân là năm mối quan hệ chính yếu: Vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bè bạn. Ngũ thường là nhân, lễ, nghĩa, trí tín. Tứ duy là lễ, nghĩa, liêm, sỉ. Bát đức là trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình.

nghĩa là các duyên hòa hợp sanh ra hiện tượng thì gọi là chúng sanh. Con người chúng ta, thân thể này do các duyên hòa hợp; cái thân vật chất là Tứ Đại, đất, nước, lửa, gió. Tứ Đại là gì? Nói theo danh từ khoa học hiện thời, Tứ Đại là nguyên tử hay điện tử. Các nhà khoa học cho biết: Một nguyên tử, một điện tử, hoặc một hạt cơ bản đều có bốn đặc tánh. Thứ nhất là vật chất, nhìn bằng kính hiển vi cao cấp, quý vị có thể thấy được, nó là vật thể quá nhỏ, quý vị chẳng thể đụng tới, nhưng có thể thấy nó. Nhà Phật gọi tánh chất này là Địa Đại; Địa tượng trưng cho vật chất. Một vật thể bé như thế có mang điện tích, chứa âm điện hay dương điện. Dương điện được gọi là Hỏa Đại, âm điện là Thủy Đại. Nó có độ ẩm và nhiệt độ, độ ẩm là Thủy Đại, nhiệt độ là Hỏa Đại. Nó chuyển động, chứ không tĩnh lặng, chuyển động với tốc độ rất nhanh, sự chuyển động ấy gọi là Phong, dùng Phong để tượng trưng, nên gọi là Phong Đại. “Địa, thủy, hỏa, phong” là nói về vật chất cơ bản hay hạt căn bản. Di Lặc Bồ tát dạy chúng ta: “*Niệm niệm thành hình*”, thì “*hình*” là Tứ Đại, chúng có bốn hiện tượng này. “*Hình giai hữu thức*” (hình đều có thức), câu này quan trọng. Thức là gì? Thức là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chỉ cần là vật chất, chắc chắn có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nước là vật chất.

Vì thế, ý niệm của chúng ta có mối quan hệ với tướng mạo. Muốn đẹp đẽ, ngàn muôn phần đừng tới thăm mỹ viện. Theo như họ đã tường trình trong ngày hôm qua,

thăm mỹ viện khổ lắm! Tốn cả đồng tiền để đày đọa bản thân, chịu bao nhiêu đày đọa, gần như mất mạng, lầm lạc quá! Chỉ cần quý vị có tâm tốt, tướng mạo sẽ đẹp đẽ, tướng chuyển theo tâm. Vì sao quý vị không tin chuyện này? Tâm tốt, tướng sẽ tốt đẹp; tâm tánh tốt, thân sẽ khỏe khoắn, thân lẫn tâm khỏe mạnh. Đừng bị kẻ khác lừa gạt! Phật, Bồ tát chẳng lừa ai, luôn nói lời chân thật, mà quý vị chẳng nghe! Quý vị nghe lời chuyên viên thẩm mỹ, chẳng phải là tự chuốc khổ đó sao? Chúng ta muốn thân lẫn tâm khỏe mạnh, phải tin vào chính mình, tâm niệm phải lành, tư tưởng phải lành. Trong kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, đức Phật bảo long vương: “*Bồ tát hữu nhất pháp, năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (Bồ tát có một pháp có thể lìa hết thảy nỗi khổ trong thế gian). Pháp gì vậy? Là thiện pháp, tức là Thập Thiện nghiệp đạo. Tư tưởng của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, kiến giải của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, ngôn ngữ, hành vi của quý vị tương ứng với Thập Thiện nghiệp, chẳng có điều gì bất thiện, thân và tâm khỏe mạnh, hạnh phúc mỹ mãn sẽ thật sự đạt được! Do vậy, đừng nên cầu bên ngoài.

“*Cố tri thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác*” (cho nên biết cái tâm năng niệm nhỏ nhoi chính là quả giác của Như Lai). Như Lai quả giác là tự tánh, quả giác nơi tự tánh. Chữ “giới nhĩ” thường thấy trong kinh Phật, nhằm hình dung một niệm vô cùng vi tế. Nói thật ra, vi tế đến cùng

cực là như Di Lặc Bồ tát đã nói: “*Trong một cái khảy ngón tay, có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, đó là “*giới nhĩ*”, tức một niệm tâm, chúng ta không có cách nào phát hiện điều này. Nay chúng ta chỉ nhận biết một cái khảy ngón tay là một phần tư giây. Chúng ta có thể cảm nhận được, đó là nhất niệm của bọn phàm phu chúng ta; còn một niệm tâm ở đây thuộc về quả giác của Như Lai, là Tánh Đức, là tự tánh giác.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 5



Thử nhất cú Phật hiệu, chính như Yếu Giải sở thị, tức thị chúng sanh Bốn Giác Lý tánh, cố tri: Thử giới nhĩ năng niệm chi tâm tức thị Như Lai quả giác” (một câu Phật hiệu này, đúng như sách Yếu Giải đã dạy, chính là Lý tánh trong Bốn Giác của chúng sanh. Cho nên biết: Cái tâm niệm Phật nhỏ nhoi này chính là quả giác của Như Lai). Trong lần trước, chúng ta đã đọc tới chỗ này. Câu này vẫn phải nói rõ cặn kẽ hơn một chút, nó có quan hệ rất lớn đối với sự niệm Phật của chúng ta. Cái “giới nhĩ năng niệm chi tâm” này là chân tâm, mà cũng là vọng tâm; trong các thứ vọng tâm, nó gần với chân tâm nhất. Vì sao? Chẳng khởi tâm, chẳng động niệm nó là chân tâm. Hễ khởi tâm động niệm, nó là vọng tâm, chỉ là cái tâm bé nhỏ này vừa mới dấy lên ý niệm. Nhìn từ phía chân và vọng, cái tâm này khó có; dùng cái tâm này để niệm Phật thì cái tâm ấy chính là “Như Lai quả giác” được nói đến ở đây. Người ấy chẳng mê, chẳng có Hoặc (phiền não), tức là chẳng mê hoặc. Khi một niệm tâm khởi lên, bèn thấy Phật A Di Đà; niệm Phật phải niệm theo cách như vậy. Nay chúng ta là phàm phu, là lục đạo phàm phu chính cống; nếu trong kinh Đại thừa, đức Phật không nói ra, chúng ta sẽ vĩnh viễn không nhận biết một niệm tâm này. Nó quá vi tế, “giới nhĩ” có nghĩa là “vi tế” (nhỏ nhiệm), cực kỳ vi tế, chúng ta không có cách nào nghĩ tưởng được!

Chúng ta vừa mới dấy lên một niệm suy tưởng, Di Lặc Bồ tát đã bảo: Trong một niệm tưởng, có “*ba mươi hai ức trăm ngàn niệm*”, đấy là “*giới nhĩ năng niệm chi tâm*” (cái tâm có thể niệm nhỏ nhoi này). Chúng ta vừa mới tưởng, trong cái ý niệm vừa dấy động ấy, bèn có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Di Lặc Bồ tát đã cho chúng ta biết: Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm chỉ là trong khoảng khảy ngón tay, cho nên không có cách nào thấu hiểu điều này được! Trong kinh, đức Phật cũng nói rất rõ khi nào quý vị mới có thể quan sát, nhận biết những niệm vi tế này tồn tại: Phải là khi đã đạt đến Bát Địa Bồ tát, tức Bát Địa Bồ tát trong Viên Giáo như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói. Từ Thất Địa trở về trước, đều không có cách nào cảm nhận được! Bát Địa Bồ tát có công phu định lực như vậy, chúng ta gọi công phu ấy là “*thanh tịnh tâm*”. Cái tâm thanh tịnh ấy đạt đến mức độ tinh thuần như vậy, nên Ngài mới cảm nhận được. Cao hơn nữa là Cửu Địa, Thập Địa, Thập Nhất Địa (Đẳng Giác), trên nữa là Diệu Giác, đó chính là viên mãn, tức quả Phật rốt ráo viên mãn! Nay chúng ta nên học như thế nào? Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày. Chúng ta có thể học theo bí quyết về phương pháp huấn luyện trong cuộc sống thường ngày của Ấn Quang đại sư. Chính là chữ Tử trong “*sinh tử*”, thường nghĩ đến lúc phải đối diện cái chết. Đừng sợ chết! Quý vị phải biết: Chết là thân có sinh tử, chứ linh hồn (thần thức) không có sinh tử! Nếu sau khi chết, cái gì cũng đều không

có, linh hồn cũng chẳng có; nói chung, chúng ta cũng chẳng cần phải học Phật, cũng chẳng cần phải tu hành, giống như phàm nhân thường nói “*người chết như ngọn đèn đã tắt*”. Chết rồi, cái gì cũng đều chẳng có! Không phải vậy! Thân chết, linh hồn không chết; linh hồn lại đi đầu thai, tức là nói “luân hồi trong lục đạo”, chuyện này phiền phức lắm! Chúng ta phải thật sự hiểu rõ, minh bạch chân tướng sự thật này: Thần thức chẳng thể chết được! Trong quá khứ, khi giảng kinh, tôi đã nói rất nhiều lần, chết là phiền lắm! Phiền phức quá lớn! Nhất định phải vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này, vãng sanh Tịnh Độ là thành Phật!

Có thể làm được hay không? Ai cũng có thể làm được! Chỉ cần quý vị hiểu lời khái thị này của pháp sư Ấn Quang, thường nghĩ thọ mạng của mình chỉ là một ngày hôm nay, đừng nghĩ sẽ có ngày mai, chỉ có ngày hôm nay thôi, quý vị còn có gì mà không buông xuống được? Chỉ có một ngày hôm nay, ngày hôm nay là ngày cuối cùng, ta phải nên làm chuyện gì? Thật thà niệm Phật, chẳng phải là đã thành công rồi hay sao? Cách niệm như thế nào? Mỗi tế bào trên thân thể ta đều là Phật A Di Đà, mỗi sợi lông đều là Phật A Di Đà. Ta lại mở banh mắt nhìn ra thế giới bên ngoài, nghe âm thanh bên ngoài, những điều mà sáu căn tiếp xúc, chẳng có điều nào không phải là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà trọn khắp pháp giới; đấy là niệm Phật. Trong kinh Đại thừa, đức Phật đã giảng rất hay: Hết thảy chúng sanh, “*chúng sanh*” ở đây

hiểu theo nghĩa rộng, không theo nghĩa hẹp, do các duyên hòa hợp sanh ra hiện tượng thì gọi là chúng sanh, có hiện tượng nào chẳng phải do các duyên hòa hợp? Cái thân động vật của chúng ta do các duyên hòa hợp, gọi theo danh từ Phật học là Tứ Đại, Ngũ Uẩn. Tứ Đại là vật chất, Ngũ Uẩn trong đó Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tinh thần. Tứ Đại và Ngũ Uẩn hợp thành thân thể này. Hoa, cỏ, cây cối thì sao? Hoa, cỏ, cây cối cũng vậy, cũng do các duyên hòa hợp mà sanh. Chúng ta thấy thân tướng của chúng là hiện tượng vật chất; chúng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức hay không? Có chứ! Không rõ ràng như động vật, trì độn hơn động vật nhiều lắm, nhưng chúng có Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nếu không có, làm sao chúng ta có thể khởi cảm ứng đạo giao với chúng?

Mười năm gần đây nhất, tôi di dân sang Úc, lập một đạo tràng tại Úc. Đất ở Úc rẻ, tiền xây cất đạo tràng rất thấp, đất đai đặc biệt rẻ. Hoàn cảnh sống của tôi ở Úc là ở vùng nông thôn, cách thành phố mười hai cây số, lái xe vào thành phố mất mười lăm phút. Phía ngoài căn nhà tôi ở là sân. Sân to chừng nào? Cỡ một trăm bảy mươi mẫu Trung Quốc^{19[1]}, sân to như vậy đó! Phía ngoài dùng dây kẽm rào lại, đi vòng quanh hàng rào ấy phải mất một giờ. Vì thế, tôi trồng rất nhiều rau, rất nhiều cây cối, hoa cỏ. Cây cối, hoa, cỏ có linh khí, rau có linh khí, thực vật có linh tánh, chúng có khả năng thấy, nghe, hay, biết. Chúng ta dùng thiện tâm chăm sóc, đối

19 [1] Một mẫu (畝) Trung Hoa bằng 666.67 mét vuông.

đãi chúng, chúng sẽ báo đáp tốt đẹp: Hoa nở đặc biệt thơm, kết quả đặc biệt ngọt, chúng đền đáp đầy! Thân thể của động vật là Ngũ Uẩn, nhưng thực vật và khoáng vật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chẳng lìa Ngũ Uẩn, chỉ là mức độ mẫn cảm khác nhau. Động vật mẫn cảm nhất, rõ ràng nhất, thực vật kém hơn, khoáng vật kém hơn nữa, nhưng vẫn có linh tánh. Do điều này, chúng ta mới thật sự hiểu một hạt vi trần có là Phật A Di Đà hay không? Đúng vậy! Một sợi lông có phải là Phật A Di Đà hay không? Phải! Phật A Di Đà ở đâu? khắp pháp giới hư không giới, không chỗ nào chẳng phải là Phật A Di Đà! Phật A Di Đà là tự tánh, là Tánh Đức của chúng ta. Một niệm của chúng ta vừa dấy lên, bèn tương ứng viên mãn với Tánh Đức, đó gọi là niệm Phật. “*Giới nhĩ năng niệm chi tâm*” chính là quả giác của Như Lai.

“*Thị cố, Quán Kinh vân*” (Do vậy, *Quán Kinh* nói). *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh* là một trong ba kinh *Tịnh Độ*, bộ kinh này giảng về lý luận và phương pháp tu hành; còn kinh *Vô Lượng Thọ* là Tịnh Tông khái luận, giới thiệu toàn thể y báo và chính báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. *Quán Kinh* chuyên giảng về hai bộ phận lý luận và phương pháp. Kinh *A Di Đà* là lược bốn (bản rút gọn) của kinh *Vô Lượng Thọ*, tức là một phiên bản (version) tinh giản, thuận tiện cho quý vị học tập trong khóa sáng và khóa tối. Trong kinh ấy, có bốn lần khuyên dạy, chẳng dễ có, rất miêng, buốt lòng khuyên bảo chúng ta hãy tin tưởng, hãy phát nguyện,

phải cầu sanh Tịnh Độ, làm như thế là đúng. Đây là chư Phật Như Lai bi tâm vô tận, mong cho chúng ta thành tựu trong một đời. Trong các kinh điển khác, đức Phật chẳng khuyên chúng ta nhiều như thế, nhưng trong kinh *Di Đà* khuyên tới bốn lần; cũng có nghĩa là pháp môn này đảm bảo quý vị sẽ thành tựu trong một đời. Chỉ cần thật sự làm được, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, sẽ thành công. Đại Thế Chí Bồ tát đã làm gương cho chúng ta thấy. Trong *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh*, có hai câu như sau: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật); đây là nguyên văn hai câu trong kinh ấy. “*Tâm này là Phật*”, do tâm biến ra. Tất cả tế bào trên thân tôi đều là Phật, các tế bào trên thân quý vị có là Phật hay không? Là! Ngay cả cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa đều là! Từ chỗ này, quý vị sẽ giác ngộ: Chẳng có một pháp nào chẳng phải là Phật A Di Đà! Hễ giác ngộ, pháp nào cũng đều như thế. Do vậy, kinh Phật được mở đầu bằng câu “*nư thị ngã văn*”. “*Nư thị*” là gì vậy? Như là Chân Như. “*Tướng giống như Tánh, Tánh giống như Tướng, Tánh và Tướng bất nhị*”. Tánh là Phật, lẽ nào Tướng chẳng phải là Phật! Đâu có lẽ ấy! Tâm này là Phật, có chuyện gì chẳng phải là Phật! Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này. Phật là gì? Phật là tâm, là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Cái tâm có thể sanh, có thể hiện. Cái tâm có thể biến chính là thức tâm, tức A Lại Da Thức, chuyển các tướng “có thể hiện, có thể sanh” thành y báo và chính báo trang nghiêm trong

mười pháp giới, hay chuyển biến thành lục đạo luân hồi. Đó là chuyện thực hiện bởi thức tâm. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Thức thức sáu, tức Ý Thức, phân biệt; thức thức bảy chấp trước, Mạt Na chấp trước. Thức thức sáu phân biệt, thiên biến vạn hóa. Sách *Hoàn Nguyên Quán* nói có ba thứ “*châu biến*” (trộn khắp), “*xuất sanh vô tận*” (sanh ra vô tận) chính là nói về ý nghĩa này. Tâm này là Phật, không gì chẳng phải Phật, dùng tâm này để trì danh, niệm Phật.

“*Tâm này làm Phật*”, làm Phật như thế nào? Niệm Phật là làm Phật, niệm Bồ tát là làm Bồ tát, niệm A La Hán là làm A La Hán. Người trong thế gian hiện nay niệm gì? Đầu óc nghĩ tới tiền, nghĩ nhớ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, nghĩ tới những thứ này. Niệm những điều này sẽ biến thành những điều này, niệm gì sẽ biến ra đó, giống như ống kính vạn hoa vậy, nhìn cái gì sẽ biến ra cái đó. Niệm ngũ dục sẽ không phải là Phật. Tài sắc là gì? Thừa quý vị, tài sắc là ngọc quý, địa ngục. Vì sao? Quý vị nổi tâm tham. Tâm tham là ngọc quý, sân khuể là địa ngục, ngu si là súc sanh. Ngu si là chẳng liễu giải chân tướng sự thật, nên gọi là ngu si. Trong thế gian hiện thời, mấy ai hiểu rõ chân tướng sự thật? Nếu chúng ta không học kinh giáo Đại thừa, sẽ chẳng có cách nào thoát khỏi ngu si; chỉ có những kinh điển Phật pháp Đại thừa mới giúp chúng ta phá mê khai ngộ. “Ngộ” ở đây chẳng phải là chứng ngộ, mà là giải ngộ, chúng ta đã hiểu rõ. Vì sao chưa chứng đắc? Chưa buông xuống! Thật sự buông xuống

là cảnh giới nào? Khi thật sự buông xuống, niệm niệm đều là Phật A Di Đà, chẳng phải là thô niệm, mà là tế niệm, niệm niệm thật sự giác ngộ. Trong cảnh giới ấy chẳng có lục đạo, chẳng có mười pháp giới, cảnh giới ấy là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Chúng ta gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới, “nhất” là thật, “nhị” là giả. Đoạn thứ nhất trong *Hoàn Nguyên Quán*, tức bài văn của Hiền Thủ đại sư, Ngài đã giảng về Nhất Chân, cảnh giới đó là thật: “*Tự tánh thanh tịnh viên minh thể*”. Tự tánh thanh tịnh viên minh thể là tâm, là Phật, chẳng hai; tâm và Phật là một, chẳng hai. Khởi lên nhị dụng thì sao? Khởi lên nhị dụng sẽ biến đổi! Nhị dụng là gì? Vũ trụ xuất hiện, vạn vật xuất hiện, ta xuất hiện! Ta là chính báo; trừ chính báo ra, tất cả hết thảy hoàn cảnh đều là y báo. Trong y báo, có y báo nhân sự, tức là quan hệ giữa con người với nhau, và y báo hoàn cảnh vật chất. Hễ ý niệm vừa dấy lên, y báo và chính báo trang nghiêm đều xuất hiện. Khi nó xuất hiện, nó chưa biến, đều do tự tánh hiện; do vậy, có thể hiện, có thể sanh, nhưng chẳng biến hóa. Đây gọi là Nhất Chân pháp giới.

Nhưng nếu khởi phân biệt, cảnh giới sẽ biến đổi. Chư vị phải hiểu: Tâm phân biệt dấy lên, sẽ chẳng thấy cõi Thật Báo nữa lúc đó xuất hiện cảnh giới gì? Tứ thánh pháp giới, tức là bốn tầng trên trong mười pháp giới, có phân biệt, nhưng không chấp trước. Nếu hơi có một chút chấp trước, thì chấp trước gì vậy? Ta mong không chế nó, toan chiếm hữu nó; hễ

có ý niệm như thế, tứ thánh pháp giới chẳng còn nữa, không thấy nữa, lại xuất hiện gì? Lục đạo luân hồi xuất hiện. Lục đạo do đâu mà có? Do chấp trước! Do vậy, trong lục đạo, toàn bộ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều có. Trong tứ thánh pháp giới, có vọng tưởng, có phân biệt, nhưng chẳng có chấp trước. Trong Nhất Chân pháp giới của các cõi Phật, có vọng tưởng, nhưng không có phân biệt và chấp trước. Chấp trước hại chết người! Vì sao quý vị sống trong thế gian khổ sở như thế? Do chấp trước. Chấp trước chẳng còn nữa, trong thế gian này, quý vị sẽ sung sướng, chẳng khổ sở, lìa khổ, được sướng. Câu tiếp theo là “*tâm này làm Phật*” quá quan trọng! Vì sao quý vị chẳng niệm Phật? Niệm Phật được tự tại, niệm Phật được tương ứng, càng niệm càng hoan hỷ, càng niệm càng sung sướng, biết vạn sự vạn pháp trong khắp pháp giới hư không giới và chính mình là nhất thể; quý vị bèn chứng đắc hai câu “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*”, đó chính là cảnh giới của quý vị. Người ấy vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối với bốn cõi, sẽ sanh trong cõi nào? Sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa nở, thấy Phật, chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, đó là gì? Là một vị A Duy Việt Trí Bồ tát thật sự. Nếu chưa nhập cảnh giới này, vẫn có thể vãng sanh, thường gọi là “*đới nghiệp vãng sanh*”, pháp môn này thù thắng khôn sánh! Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng có đới nghiệp, chỉ có pháp môn này cho phép quý vị đới nghiệp vãng sanh, sanh về cõi Phương Tiện hay

cõi Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Trong thế giới của chúng ta, cõi Đồng Cư là lục đạo, cõi Phương Tiện là tứ thánh pháp giới.

Nhưng cõi Đồng Cư và Phương Tiện trong thế giới Tây Phương không giống với thế giới của chúng ta. Ở nơi thế giới Sa Bà, chúng ta có chướng ngại; thứ bậc khác nhau sẽ chẳng thấy được cảnh giới của các cõi Tịnh Độ khác. Tây Phương Cực Lạc thế giới là thế giới bình đẳng, không có chướng ngại. Điều này giống như gì? Chúng ta học tập trong nhà trường, Tiểu học và Trung học chẳng ở chung trong một trường, học trò Tiểu học chẳng thể đến trường Trung học; mà học trò Trung học cũng chẳng thể đến học trong trường Tiểu học. Trong Tiểu học, còn có các lớp khác nhau; những trò cùng một lớp sẽ học chung với nhau. Nếu khác lớp, tuy là bạn đồng học, chẳng thường gặp mặt, chẳng cùng lên lớp với nhau. Thế giới Cực Lạc rất đặc biệt, Tiểu học, Trung học, Đại học cùng nghe giảng trong một phòng học; cho nên gặp mặt mỗi ngày, thật sự là đồng học. Học trò lớp Một, lớp Hai Tiểu học cùng học với các đàn anh sinh viên Đại học năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc thuộc hệ nghiên cứu sinh, gọi nhau là huynh đệ hay đồng học, gặp mặt mỗi ngày. Đây là chỗ chẳng thể nghĩ bàn của thế giới Cực Lạc. Mười phương thế giới không có trạng huống và tình hình này, thù thắng lắm! Do vậy, thế giới Cực Lạc là “*sinh vào một, là sanh hết thảy*”. Quý vị sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, gần như cũng đồng thời sanh vào cõi

Phương Tiện và cõi Thật Báo. Đây là lý do vì sao Thích Ca, Di Đà khuyên chúng ta vãng sanh, chư Phật trong mười phương thế giới cũng khuyên chúng ta vãng sanh. Đạo lý ở chỗ này, nếu trong một đời này, chúng ta chẳng thể vãng sanh, làm sao xứng với Phật Thích Ca? Làm sao xứng với Phật Di Đà? Làm sao xứng với mười phương chư Phật? Những câu này, câu nào cũng đều là lời chân thật. Vì thế, hai câu nói “*tâm này là Phật, tâm này làm Phật*” đã nói trọn hết những nghĩa lý tinh vi của pháp môn Tịnh Độ.

Tiếp đó, cụ Hoàng Niệm Tổ viết: “*Bốn lai thị Phật, hiện hựu tác Phật. Thị cố, đương hạ tức Phật*” (Vốn sẵn là Phật, nay lại làm Phật; cho nên, ngay lập tức là Phật). Câu này chẳng phải nhằm khuyến khích, cổ vũ chúng ta, mà là sự thật, vấn đề ở chỗ nào? Vấn đề là bản thân chúng ta không dám gánh vác, bản thân chúng ta chẳng dám thừa nhận! Không dám gánh vác, không dám thừa nhận là đúng, như thế nào là đúng? Vốn là Phật! Chẳng cần nói năng chi nữa, lời này là đúng! Nay lại làm Phật, quý vị hữu danh vô thực! Niệm Phật A Di Đà để mong thành Phật, nhưng có rất nhiều nghi vấn đối với câu Phật hiệu ấy, thật hay chẳng? Có rất nhiều câu hỏi trong đó! Niệm một câu Phật hiệu này, có rất nhiều xen tạp; nhưng xen tạp những gì, chính quý vị cũng chẳng biết! Vì sao không biết? Do quý vị ngu si, tham, sân, si. Nếu chẳng ngu si, sẽ biết điều gì xen tạp. Do ngu si, nên xen tạp mà chẳng biết; vì thế, công sức chẳng thuần. Niệm

Phật lập tức thật sự là Phật, nhưng vì quý vị công phu chẳng thuần, chẳng đạt tiêu chuẩn, cứ hướng theo phương hướng đó thì sẽ chẳng sai, nhưng chưa đạt được mục tiêu này. Làm sao để chẳng hoài nghi? Phải thấy thấu suốt. Khi tôi mới học Phật, thầy dạy tôi “*thấy thấu suốt, buông xuống*”. Thấy thấu suốt là hiểu rõ minh bạch chân tướng sự thật. Kẻ căn tánh trung hạ như chúng ta chỉ có thể từ từ hiểu rõ kinh giáo. Vì sao phải buông xuống? Vì phiền não, mê hoặc, chấp trước, phân biệt, vọng tưởng vốn đều là giả! Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng, vạn pháp đều Không.

“*Trực tiếp liễu đáng, phương tiện cứu cánh, kỳ đặc thù thắng, bất khả tư nghị*” (Thẳng nhanh ổn thỏa, thích đáng, phương tiện rất ráo, đặc biệt lạ lùng thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn). Mấy câu này là lời tán thán bộ kinh này và pháp môn này, thù thắng khôn sánh. Chúng ta có thể gặp gỡ, tức là có nhiều phước báo.

“*Dĩ phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm vi Tông, dĩ Di Đà thập niệm tất sanh chi đại nguyện vi bản*” (Lấy phát Bồ đề tâm, một bề chuyên niệm làm Tông, lấy đại nguyện “mười niệm ắt sanh” của Phật Di Đà làm gốc). Hai câu này rất quan trọng! Phẩm *Tam Bối Vãng Sanh* trong kinh này đã giảng rất rõ ràng ý nghĩa “*phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. Phẩm *Tam Bối Vãng Sanh* gồm bốn đoạn kinh văn: Thượng bối vãng sanh, trung bối vãng sanh, hạ bối vãng sanh; đoạn cuối cùng là tu học Đại thừa Phật pháp, bất luận tu học pháp

môn nào, đem công đức đã tu hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, sẽ đều có thể vãng sanh. Quý vị thấy pháp môn Tịnh Độ này lớn như thế đó! Trong khoa phán, pháp sư Từ Châu đã đặt đề mục cho đoạn này là Nhất Tâm Tam Bối, đặt hay lắm, đã gồm thâu toàn bộ Phật pháp. Phát Bồ đề tâm, Bồ đề tâm là gì? Điều này thường được nói tới. *Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh* giảng Bồ đề tâm là “*chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm*”. Trong *Đại thừa Khởi Tín Luận*, Bồ đề tâm được giảng là “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”. Gộp chung kinh và luận lại để xem, ý nghĩa rất rõ rệt. Thể của Bồ đề tâm, cũng là chân tâm trong Bồ đề tâm, Thể của chân tâm là gì? Là chân thành. Chân thành đến chỗ cùng cực thì gọi là chí thành, tức chí thành tâm. Trực tâm như *Khởi Tín Luận* đã nói: Chẳng có mảy may cong vạy nào, đó chính là chân thành. Chúng ta chiếu theo kinh luận để hiểu ý nghĩa. “*Thâm tâm*” chẳng dễ giải thích. Cổ đại đức giải thích thâm tâm là ưa thiện, chuộng đức, giải thích thâm tâm như thế. Thâm tâm là tự thụ dụng, dành cho chính mình. Đại bi tâm là đối người khác, từ bi đối người khác. Do vậy, trong hơn hai mươi năm trước, tôi giảng kinh này, dùng ngay những từ ngữ trong tựa đề kinh *Vô Lượng Thọ* “*thanh tịnh, bình đẳng, chính giác*”, đó là thâm tâm. Chân thành tâm như đã nói trong phần trên chính là cái Thể của Bồ đề tâm. “*Thanh tịnh, bình đẳng, chính giác*” là Tự Thụ Dụng, từ bi là Tha Thụ Dụng. Nói cách khác, dùng tâm gì đối với chính mình?

“Thanh tịnh, bình đẳng, giác”. Dùng tâm gì đối với người khác? Đại từ đại bi. Đây gọi là “*phát Bồ đề tâm*”.

Chúng ta tu hành là tu điều gì? Tu tâm. Tâm chúng ta có thanh tịnh hay không? Bình đẳng hay bất bình đẳng? Tâm thanh tịnh là giới luật, tâm bình đẳng là Thiền Định, tâm Chính Giác là trí huệ, Giới - Định - Huệ. Chúng ta học Giới - Định - Huệ như thế nào, quý vị phải hiểu rõ: Nếu trì giới mà tâm chẳng thanh tịnh, quý vị đã uổng công trì giới! Tu Định mà chẳng khai trí huệ, cũng uổng công tu Định! Nhân Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Vì thế, trì giới là phương tiện, không phải là mục đích, trì giới nhằm muốn đạt tới Thiền Định, đạt tới bình đẳng. Bình đẳng mới là Định. Nếu chúng ta thật sự đạt được cái tâm thanh tịnh, thừa quý vị, Thủy Tai trong Tam Tai chẳng còn nữa. Tâm bình đẳng hiện tiền, động đất chẳng còn nữa. Hôm nay, có một đồng học đưa cho tôi xem một tài liệu, gần như chưa đầy một tháng, động đất cấp sáu^{20[2]} trở lên đã xảy ra mười mấy lần tại các nơi trên toàn thế giới, liên tiếp xảy ra như thế là do nguyên nhân gì? Từ cấp sáu trở lên đã đáng sợ lắm, có trường hợp động đất đến cấp tám. Sau khi giác ngộ, Phong Tai chẳng còn nữa. Ngu si cảm Phong Tai. Nếu chúng đắc tâm bình đẳng, nhiệt độ của địa cầu sẽ chẳng tăng

20 [2] “Cấp sáu” nói ở đây chính là dựa theo cách đánh giá theo tiêu chuẩn Richter. Quy định này được Charles Francis Richter và Beto Gutenberg đưa ra vào năm 1935 nhằm đánh giá mức độ chấn động của các trận động đất. Tuy báo chí vẫn viết là “một trận động đất mấy độ Richter”, nhưng thật ra thang đo hiện thời được sử dụng là MMS (moment magnitude scale, thường dịch là Cự Chấn Cấp) căn cứ trên mức năng lượng do một trận địa chấn phóng thích. Nói chung, một trận động đất cấp sáu sẽ phóng thích một năng lượng bằng 15 kilotons, có sức tiêu hủy trong vòng bán kính 160 km. Cấp tám là rất mạnh, có thể tàn phá hàng trăm km.

lên, khôi phục bình thường. Vì thế, đức Phật chỉ dạy chúng ta: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham sân si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si). Cảm ứng của tham, sân, si là tai nạn, là bất thường. Giới, Định, Huệ là bình thường. Do vậy, phải phát Bồ đề tâm, một mục chuyên niệm, một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, một nguyện vọng là thân cận Phật A Di Đà, chúng ta sẽ thành công trong một đời này, những thứ khác đều là giả.

Học rộng nghe nhiều khá lắm, nhưng tai ương, vô thường xảy đến, trở tay chẳng kịp! Do vậy, tôi thường khuyên các đồng học: Học rộng nghe nhiều tốt lắm, nhưng sang thế giới Cực Lạc hãy làm. Vì sao? Sang bên đó, điều đầu tiên mà chúng ta đạt được là Vô Lượng Thọ, dẫu học nhiều thứ vẫn được! Ta có thời gian mà! Ở nơi đây, sanh mạng quá ngắn ngủi, chúng ta chớ nên lãng phí thời gian, đừng lãng phí! Hơn nữa, trong thế gian này, trí huệ chưa khai, học gì cũng chẳng viên mãn, hiểu biết nửa vời, lại còn phạm rất nhiều sai lầm, có gì cứ phải như thế? Do vậy, phải thật thà, phải nghe lời! Đức Phật dạy chúng ta một mục chuyên niệm, đức Phật dạy như thế trong kinh văn của kinh *Vô Lượng Thọ*. Tông (宗) là tôn chỉ, là điều quan trọng nhất. Đây là nói về phương pháp tu học. Tông là phương pháp tu học quan trọng nhất, là phương pháp đáng tôn sùng nhất, thập phương chư Phật đều tán thán. Phương pháp tu học chủ yếu của Tịnh Tông là “*nhất hướng chuyên niệm*”. Chữ “*Tông*” có ba ý nghĩa ấy.

“*Dĩ Di Đà thập niệm tất sanh chi đại nguyện vi bốn*” (lấy đại nguyện “*mười niệm ắt sanh*” của Phật Di Đà làm gốc). Đây là nguyện thứ mười tám; “*phát Bồ đề tâm*” là nguyện thứ mười chín. Đây là hai nguyện trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện. Cổ đại đức nói nguyện nào trọng yếu nhất trong bốn mươi tám nguyện? Mọi người đều nói là nguyện thứ mười tám. Nguyện thứ mười tám là “*mười niệm hay một niệm, đều có thể vãng sanh*”. Điều kiện là gì? Điều kiện là trọn đủ tín nguyện. Một niệm hay mười niệm là nói về lúc nào? Là nói khi quý vị vãng sanh, lúc quý vị rời khỏi thế gian, niệm cuối cùng trong lúc ấy. Niệm cuối cùng là Phật A Di Đà, do niệm ấy bèn vãng sanh. Do vậy, lúc lâm chung, nếu một niệm vẫn là nghĩ tới tài sản trong nhà sẽ đi vào quỷ đạo! Nếu nghĩ tới kẻ nào khiến ta bị oan uổng, ta vẫn còn hận hấn, sẽ sanh vào địa ngục! Một niệm cuối cùng quyết định quý vị từ nơi này rồi cuộc sẽ sanh về đâu, mấu chốt ở một niệm ấy; vì thế, một niệm rất trọng yếu! Điều quan trọng nhất trong việc đưa người khác đi vãng sanh (trợ niệm) là giúp cho người ấy trong một niệm cuối cùng đừng quên mất Phật A Di Đà. Chúng ta vây quanh người ấy, niệm niệm đều là Phật A Di Đà, nhắc nhở người ấy, công đức vô lượng, bảo người ấy không nên có ý niệm nào khác. Cổ đại đức đã làm rất tốt, không cho phép người nhà, quyến thuộc gần gũi người sắp mất. Khi người ấy sắp tắt hơi, người nhà, quyến thuộc lánh đi để người ấy chẳng khởi lên tình chấp. Hễ tình chấp dấy lên, ngay lập tức người sắp

mất ấy bị đọa lạc, sanh trong tam ác đạo. Người nhà, quyến thuộc rời khỏi, các đồng tham đạo hữu giúp đỡ; đấy là chính xác. Dẫu người nhà, quyến thuộc học Phật, tốt nhất là cũng nên rời khỏi, kéo người sắp mất thấy con cháu sẽ dấy động tình cảm, khi ấy, sẽ là vấn đề nghiêm trọng. Vì thế, người nhà, quyến thuộc rời khỏi người chết là chuyện hết sức hợp lý.

“*Thâm minh tam bối vãng sanh chi nhân*” (Nêu tỏ sâu xa cái nhân của ba bậc vãng sanh). Trong kinh, đức Phật đã nói rất rõ ràng, trong hai chương *Tam Bối Vãng Sanh* và *Vãng Sanh Chính Nhân* đã nói rõ ràng, minh bạch.

“*Quảng nhiếp cứu giới thánh phàm chi chúng*” (rộng nhiếp các bậc thánh phàm trong chín pháp giới): Pháp môn này quá lớn, có năng lực nhiếp thọ chúng sanh trong chín pháp giới. Trong chín pháp giới, ba pháp giới phía trên là Bồ tát, Duyên Giác, Thanh Văn, chúng ta gọi họ là thánh nhân. Trong lục đạo đều là phàm phu, phàm chúng. Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là đi làm Phật, ai nấy đều có phần, quý thần cũng có phần, trời, người cũng có phần, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát cũng có phần, vấn đề là quý vị có phước báo và duyên phận gặp gỡ hay không? Đã gặp, quý vị bèn tin tưởng, phát nguyện vãng sanh thì sẽ thành. Nói theo Lý, đáng lẽ Bồ tát, A La Hán do có phước đức và nhân duyên nên dễ tu pháp môn này hơn chúng ta. Vì sao kinh nói “trong mười pháp giới, nhân gian vãng sanh thuận tiện nhất”, do nguyên nhân nào? Trong *Tứ Thập Nhị Chương Kinh* có tỷ dụ:

“*Phú quý học đạo nan*”; người phú quý hưởng phước, quên tuốt, coi thường chuyện học Phật. Bần cùng học đạo cũng khó! Kẻ bần cùng cuộc sống quá khổ, ba bữa còn chưa đủ ăn, bận bịu kiếm sống, chẳng có thời gian để học Phật. Còn kẻ khác thì sao? Chẳng thể coi là rất giàu có, nhưng cũng là chẳng thanh bần, thuộc loại thường thường bậc trung, dễ giác ngộ, dễ tu hành. Thuận tiện ở chỗ này! Chúng ta có thể hiểu được! Cuộc sống của chư thiên nhân tốt đẹp hơn chúng ta, phước báo to lớn; còn tam ác đạo thì sao? Quá khổ sở! Vì thế, nên khó tu.

Hiện thời, dường như tình hình có biến hóa đôi chút. Tôi nghe không ít tin tức, ngay cả ngạ quỷ, địa ngục niệm Phật vãng sanh cũng không ít; ngược lại, con người chẳng tin! Người niệm Phật đến cuối cùng đều niệm đến nỗi sanh vào quỷ đạo hay địa ngục, chuyện này là như thế nào? Đối với chuyện này, nếu chư vị đọc bộ *Đại Thế Chí Viên Thông Chương Số Sao* của pháp sư Từ Vân Quán Đảnh. *Đại Thế Chí Viên Thông Chương* rất ngắn, hai trăm bốn mươi bốn từ, mà bản chú giải của Ngài là một quyển dày như thế. Bản tôi đọc chính là loại sách đóng gáy bằng cách khâu chỉ, là một quyển dày như thế đó! Nơi trang cuối, thuở ấy, tôi đọc mà không hiểu, Ngài nói một trăm thứ quả báo của người niệm Phật; câu đầu tiên là người niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục, đọa ngạ quỷ, đọa súc sanh. Tôi đọc xong, hết sức nghi hoặc. Cầm cuốn sách ấy đến hỏi thầy, tôi học kinh giáo với lão cư

sĩ Lý Bình Nam. Tôi hỏi: “Thưa thầy, niệm Phật là chuyện tốt, nhưng niệm Phật như thế nào mà đọa địa ngục?”. Thầy xem rồi bảo: “Đây là một vấn đề lớn, quan trọng lắm, tôi chẳng nói với một mình anh! Khi giảng kinh tôi sẽ giảng giải đạo lý này cùng mọi người”. Thật ra, quý vị dùng cái tâm gì để niệm Phật? Quý vị niệm Phật, nhưng chẳng đoạn tham, sân, si. Tham, sân, si, mạn, nghi gọi là Ngũ Độc. Quý vị dùng tâm Ngũ Độc này để niệm Phật thì vẫn đọa địa ngục; do vậy, chẳng thể không hiểu nhân quả. Vậy thì niệm Phật có uổng công hay không? Chẳng phí công niệm Phật! Trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử Phật. Trước hết, quý vị gánh chịu quả báo do các tội nghiệp đã tạo tác, đợi cho đến khi quý vị thoát khỏi địa ngục, chẳng biết tới đời nào đó, lại được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, quý vị lại tu tiếp. Vì thế, chỉ có thể nói là trong A Lại Da Thức đã gieo chủng tử niệm Phật, chủng tử ấy vĩnh viễn bất hoại, sau này nhất định sẽ khởi tác dụng. Lợi ích ấy cũng rất thù thắng, nhưng luân hồi trong lục đạo, quý vị vẫn phải chịu hết các nỗi khổ sở. Do vậy, niệm Phật phải dùng Bồ đề tâm để niệm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi. Quý vị dùng tâm này để niệm, sẽ hoàn toàn tương ứng; đúng là *“nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”*.

“Chính hiển trì danh niệm Phật chi pháp, trực chỉ vãng sanh quy nguyên chi lộ. Thị cố, thử kinh xưng vi Tịnh Tông đệ

nhất kinh dã” (Chỉ rõ ràng phương pháp Trì Danh Niệm Phật, chỉ thẳng con đường vãng sanh trở về nguồn. Vì thế, kinh này được gọi là kinh bậc nhất của Tịnh Tông). Quả thật tổ sư đại đức đã chỉ rõ phương pháp Trì Danh Niệm Phật; đấy là chỉ thẳng, không đi đường vòng, chỉ thẳng thừng một con đường gần nhất, con đường thẳng ấy không ngoằn ngoèo. Dẫn đến đâu? Vãng sanh quy nguyên! “*Quy nguyên*” là trở về nguyên thủy. Nguyên thủy là gì? Tự tánh. Y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới từ tự tánh biến hiện. Tự tánh có thể sanh, có thể hiện, A Lại Da có thể biến; đấy là y báo và chính báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Chúng ta gặp Phật, Bồ tát; Phật, Bồ tát cũng ở trong mười pháp giới, cũng có cùng một hoàn cảnh bị khổ, chịu nạn như chúng ta, nhưng các Ngài giác ngộ, quy nguyên, trở về tự tánh. Chúng ta thường nói các Ngài “thành Phật, thành Bồ tát”, trở về tự tánh. Các Ngài hiểu rõ, minh bạch, nên các Ngài đến chỉ dạy, giáo hóa chúng ta làm thế nào thoát ly biển khổ. Lục đạo là biển khổ. Trong biển khổ sâu thẳm, tứ thánh pháp giới là chỗ ven bờ, chỗ biển cạn, lên được bờ mới tính là thoát ly. Bờ ấy được gọi là “*bỉ ngạn*” (bờ bên kia), là “*Niết bàn bỉ ngạn*”. Niết bàn là bất sanh, bất diệt, công đức viên mãn. Bỉ ngạn là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đức Phật giáo hóa, giúp đỡ hết thảy chúng sanh đạt đến Niết bàn mới được coi là viên mãn. Do vậy, kinh này là kinh bậc nhất của Tịnh Tông, Tịnh Tông đồng học chẳng thể không học.

“Đản thử thù thắng đệ nhất chi Tịnh Tông bảo điển, cánh tại ngã quốc Đại Tạng trung trần phong nhất thiên dư niên” (Nhưng kinh điển quý báu bậc nhất của Tịnh Tông này bị bụi phủ trong Đại Tạng Kinh nước ta đã hơn một ngàn năm). Kinh *Vô Lượng Thọ* được truyền sang Trung Quốc sớm nhất, vào thời đại Đông Hán. Vào thời Hậu Hán, ngài An Thế Cao đến Trung Quốc, kinh *Vô Lượng Thọ* liền được truyền sang Trung Quốc, cho nên cũng là kinh được phiên dịch sớm nhất. Thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư lập Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, nay là Đông Lâm Tự, là đạo tràng cho các đồng học chuyên tu Tịnh Độ, trong ấy người tại gia lẫn xuất gia, tổng cộng một trăm hai mươi ba người. Một trăm hai mươi ba người cùng nhau niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Thưa cùng quý vị, kinh điển để làm căn cứ là kinh *Vô Lượng Thọ*, vì khi đó, kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật* và kinh *A Di Đà* đều chưa truyền sang Trung Quốc, kinh điển Tịnh Tông chỉ có một bộ này. Vì thế, cả nhóm người của vị tổ sư đời thứ nhất là Huệ Viễn đại sư dựa theo kinh *Vô Lượng Thọ*, không dễ dàng! Đối với bộ kinh này mà có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể thật sự hành, há dễ dàng ư? Chúng ta xem truyện ký của Huệ Viễn đại sư trong *Cao Tăng Truyện*, quý vị có thể thấy được tình hình tu hành nồng nhiệt thuở ấy. Họ kết giới an cư, phía trước đạo tràng có một con suối nhỏ, tên là Hồ Khê. Chúng tôi suy đoán, chắc là khi ấy trên

núi có cạp, nên mới gọi là Hồ Khê. Hồ Khê là giới tuyến của họ, người tu hành nhất định chẳng rời khỏi giới tuyến này. Tại Trung Quốc, Nho, Thích, Đạo là một nhà, nên cũng có một câu chuyện về Viễn Công được gọi là Hồ Khê Tam Tiểu. Có hai người bạn thân đến thăm, Đào Uyên Minh (Đào Tiềm) là Nho gia, Lục đạo trưởng tu Đạo, tới Đông Lâm thăm Viễn Công, nói chuyện rất cao hứng. Lúc chia tay, Viễn Công đưa tiễn, vô tình vượt qua Hồ Khê. Bước qua chiếc cầu bắc ngang Hồ Khê, sau khi bước qua khỏi, ba người cười ha hả. Đó là giới tuyến, chẳng thể vượt qua, mà ngẫm nhiên đi quá lối. Vì thế, truyền thống văn hóa Trung Quốc chẳng tách rời Nho, Thích, Đạo, vững vàng như cái đỉnh có đủ ba chân.

Viễn Công nương theo bộ kinh này tu hành; nhưng người đời sau không sốt sắng dốc công nơi kinh này, là vì không lâu sau đó, ước chừng chưa đầy năm mươi năm, kinh *Di Đà* và *Quán Kinh* được dịch ra. Quả thật, vào thời kỳ đầu của Tịnh Tông, điển tịch Phật vẫn được truyền sang Trung Quốc, người ta thường dốc công nhiều nhất nơi kinh *Di Đà*, chú sớ kinh *Di Đà* cũng nhiều nhất. Hơn một ngàn năm qua, kinh *Vô Lượng Thọ* này không được Tịnh Tông chú trọng vì nguyên nhân gì?

Sách viết tiếp: “*Khảo kỳ nguyên nhân, cái do thứ kinh ngũ chủng nguyên dịch, hễ hữu tường lược, xuất nhập thậm cự*” (xét đến nguyên nhân là do năm bản dịch gốc của kinh

này, có bản chi tiết, có bản đại lược, sai biệt quá lớn), phải biết nguyên nhân là như vậy. Năm bản dịch gốc được nói đến ở đây hiện thời được bảo lưu trong *Đại Tạng Kinh*, kinh *Vô Lượng Thọ* có năm bản dịch. Theo *Dịch Kinh Mục Lục*, từ triều Hán tới triều Tống, có mười hai bản dịch, quá nhiều, rốt cuộc nên tuân theo bản nào? Trong các bản dịch này, sai biệt rất lớn, ở đây, cụ Hoàng nêu một ví dụ, “*lệ như Di Đà đại nguyện*” (chẳng hạn như đại nguyện của Phật Di Đà). Chúng ta thường nói bốn mươi tám nguyện thì bốn mươi tám nguyện là dựa theo bản dịch đời Ngụy và đời Đường, hai bản này chép bốn mươi tám nguyện. Trong bản dịch đời Hán và Đông Ngô thời Tam Quốc, do Chi Khiêm phiên dịch, thì là hai mươi bốn nguyện. Trong bản dịch đời Tống là ba mươi sáu nguyện, sai biệt quá lớn! Nếu chỉ có một bản gốc bằng tiếng Phạn, bất luận là ai dịch, đương nhiên văn tự sẽ không giống nhau, nhưng ý nghĩa nhất định như nhau, chẳng hạn các điều trong lời nguyện nhất định sẽ giống nhau, chẳng thể nào có sai biệt lớn như vậy. Do đó, cổ nhân phán đoán: Phật Thích Ca Mâu Ni thuở còn tại thế đã nhiều lần tuyên giảng kinh này, nên mới có tình hình này xuất hiện. Đức Thế Tôn giảng kinh từ trước tới nay, chưa hề giảng kinh nào hai lần, chỉ giảng một lần, chẳng giảng hai lần, chỉ riêng kinh *Vô Lượng Thọ* được tuyên giảng nhiều lần, chứng tỏ tầm quan trọng của bộ kinh này và tầm quan trọng của pháp môn này. Tổ sư đại đức đã chỉ ra như vậy!

“*Toại sử sơ tâm học giả, chuyên trì nhất dịch, nan minh thâm chỉ, biến độc ngũ chủng, hựu cảm gian nan*” (Khiến cho người mới học chuyên trì một bản dịch sẽ khó thấu hiểu tông chỉ sâu xa; nếu đọc trọn năm bản dịch, sẽ cảm thấy khó khăn). Thật khó! Quý vị thấy vào đời Tống, cư sĩ Vương Long Thư là một vị đại đức lỗi lạc, nhưng không thể đọc cả năm bản dịch gốc, chỉ được thấy bốn bản. Vì thế, bản hội tập của ông căn cứ trên bốn bản dịch gốc. Bản dịch đời Đường chính là hội Vô Lượng Thọ trong kinh *Đại Bảo Tích*, ông Vương Long Thư chưa được đọc bản dịch này! Trong bản này, có rất nhiều khai thị tuyệt diệu, mà bốn bản dịch kia không nhắc tới. Vì thế, bản hội tập này chưa hoàn mỹ. Quý vị hãy suy nghĩ: Có địa vị, giàu có như Vương Long Thư, mà còn chẳng có cách nào sưu tập hoàn toàn năm bản dịch gốc, vẫn thiếu mất một loại, tìm không ra! Xưa kia, tìm một bản kinh là chuyện hết sức khó khăn! Vì thế, cổ đại đức dạy chúng ta: Kinh điển phải bảo tồn rất cẩn thận, khi đọc phải cẩn thận. Trên kinh bốn, quyết định không thể đánh dấu hay viết chữ, chớ nên gây hư hại. Vì sao? Nhằm lưu truyền cho hậu thế, để người đời sau có kinh để đọc. Không như hiện thời, thuật ấn loát phát triển, thuận tiện như thế. Vì lẽ đó, có người hỏi tôi: “*Chúng con có thể viết chữ hay đánh dấu trên cuốn kinh được hay không?*” Tôi bảo: “Được chứ!”. Vì sao? Quá nhiều! Chẳng bị thất truyền! Trước kia quá ít, sợ bị thất truyền. Từ đời Tống trở về trước, kinh điển toàn là chép bằng tay,

kỹ thuật ấn loát mới được phát minh vào đời Tống, nhưng dùng bản khắc gỗ để in, suy cho cùng vẫn là hữu hạn, hết sức hữu hạn. Ấn loát phát triển cũng chỉ trong năm mươi năm gần đây, chứ năm mươi năm trước đó, sắp chữ đúc bằng kim loại vẫn khá phiền phức. Hiện thời quá thuận tiện, chúng ta phải hiểu điều này. Đối với bản in hiện thời, nếu quý vị cảm thấy chỗ nào rất quan trọng, có thể đánh dấu, có thể gạch một vạch đỏ, như Hoằng Nhất đại sư đọc sách, dùng các màu khác nhau để đánh dấu; kinh bốn nhiều, có thể làm theo cách này!

“U thị, đa xả thử kinh, nhi chuyên công A Di Đà kinh hỹ” (do vậy, đa số bỏ kinh này để dốc sức nơi kinh *A Di Đà*). Đây là lý do vì sao từ xưa tới nay, ít người giảng kinh này, người chú giải kinh này cũng ít, nhưng đối với kinh *A Di Đà*, chú giải đông, giảng giải nhiều. Do vậy, Tịnh Tông gần như coi kinh *A Di Đà* là bộ kinh quan trọng nhất.

“Thanh sơ, Bành Thiệu Thặng cư sĩ viết” (đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Thiệu Thặng nói), Bành Thiệu Thặng là Bành Tế Thanh, *“thử kinh xiển dương giả thiếu, thật dĩ vô thiện bốn cố”* (kinh này ít người xiển dương, thật ra là vì chưa có bản hoàn thiện). Lời này rất hợp lý! Chưa có bản nào tận thiện! Quý vị nhìn vào năm bản dịch gốc sẽ biết liền!

“Thành tai thị ngôn! Thị dĩ, Tống Vương Nhật Hưu, Thanh Bành Thiệu Thặng, Ngụy Thừa Quán đẳng đại cư sĩ, quân

vị hoằng dương thủ kinh, tiên hậu nhi hữu hội bốn dữ tiết bốn chi tác” (Lời ấy đúng thay! Do vậy, các vị đại cư sĩ như ông Vương Nhật Hưu đời Tống, Bành Thiệu Thăng và Ngụy Thừa Quán đời Thanh, vì hoằng dương kinh này mà trước sau đã có các bản hội tập và bản trích lục, phân chia chương đoạn). Đời Tống, cư sĩ Vương Nhật Hưu tức là Vương Long Thư, từng viết cuốn *Long Thư Tịnh Độ Văn*. Long Thư là địa danh, cũng chính là Thư Thành ở tỉnh An Huy quê tôi, cách nơi tôi sanh ra rất gần. Cuốn *Tịnh Độ Văn* của ông Vương viết hết sức hay, nhiều người do đọc cuốn sách này mà tu Tịnh Độ, tiếp dẫn rất nhiều người. Ngụy Thừa Quán là Ngụy Mặc Tâm, là người thuộc niên hiệu Hàm Phong nhà Thanh. Những vị này đều là đại đức cư sĩ, Bành Thiệu Thăng sống vào thời Càn Long. Vương cư sĩ và Ngụy cư sĩ đều có bản hội tập kinh *Vô Lượng Thọ*, họ soạn bản hội tập, còn Bành Thiệu Thăng soạn tiết bốn, tức là ông ta chỉ lấy một bản, tức bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, đem chỉnh lý, san đính^{21[3]} một lần nữa. Nay chúng ta nói “*san đính*” tức là gạt bỏ những phần khó hiểu, chẳng dễ đọc, tạo thành bản trích lược, trở thành dễ đọc hơn. Vì thế mới có một tiết bốn và hai loại bản hội tập.

21 [3] San đính (刪訂): Nói gọn của “san cải, tu đính” tức là gạt bỏ những chỗ rườm rà, trùng lặp, sửa những chữ bị chép lầm. San đính khác với “san định” (刪定). Khổng Tử san định *Ngũ Kinh* của Nho gia chính là hệ thống hóa, gạt bỏ thẳng thừng những phần được coi là không đúng với tư tưởng Nho gia, đồng thời sắp đặt, chỉnh lý, thay đổi kết cấu của cả một bộ kinh; trong khi san đính chỉ nhằm mục đích làm cho một văn bản trở nên mạch lạc, rõ ràng, sửa những chữ sai, lược bỏ những đoạn văn trùng lặp thường thấy trong tiếng Phạn, hay những phần khó hiểu, rườm rà, không ảnh hưởng đến ý nghĩa chính yếu của cả bản kinh.

“*Tổng đại, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu, tặng soạn Long Thư Tịnh Độ Văn, tứ hải xưng dự, truyền tụng chí kim*” (đời Tống, đại cư sĩ Vương Nhật Hưu từng viết *Long Thư Tịnh Độ Văn*, được bốn biển khen ngợi, truyền tụng đến nay). Các đồng học tu Tịnh Độ, hình như rất ít ai chưa đọc *Long Thư Tịnh Độ Văn*. Khi chúng tôi mới học Phật, cũng hết sức ưa thích bộ sách này. Viết hay lắm, có thể coi như sách để học Quốc Văn.

“*Vương thị lâm chung, đoan lập vãng sanh*” (Họ Vương lúc lâm chung, đứng thẳng vãng sanh). Cư sĩ Vương Long Thư đứng vãng sanh, biết trước lúc mất, chẳng ngã bệnh. Trong *Cư Sĩ Truyện*, trong *Đại Tạng Kinh* có bộ *Cư Sĩ Truyện* và *Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*, đều có ghi chép.

“*Khả chứng cư sĩ thật vi ngã quốc Tịnh Tông giải hạnh câu ưu, thù thắng hy hữu chi tại gia đại đức*” (Đủ chứng tỏ Vương cư sĩ là bậc tại gia đại đức thù thắng hiếm có, hạnh lẫn giải đều tốt đẹp trong Tịnh Tông nước ta). Chúng ta thấy ông ta vãng sanh, cách ông ta biểu diễn, chúng ta liền biết ông ta vãng sanh chẳng giả chút nào.

“*Vương thị thâm khái bảo điển chi trần phong, ư thị nãi hội tập Vô Lượng Thọ kinh, Hán, Ngụy, Ngô, Tống tứ chủng nguyên dịch, tạo thành nhất bản, danh vi Đại A Di Đà Kinh*” (Họ Vương rất tiếc nuôi bảo điển bị phủ bụi, bèn hội tập bốn bản dịch gốc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, tạo thành

một bản riêng, đặt tên là *Đại A Di Đà Kinh*). Trong *Long Tạng (Càn Long Đại Tạng Kinh)* có bản này, hình như *Nhật Bản Đại Chính Tạng*^{22[4]} cũng có, *Đại Chính Tạng* cũng thu nhập bản này. Có thể đưa vào *Đại Tạng Kinh* tức là bản này được lịch đại cao tăng đại đức công nhận, nên mới có thể “nhập Tạng” (đưa vào *Đại Tạng Kinh*). Vì lẽ đó, *Đại Tạng Kinh* là tiêu chuẩn thật sự. Nếu chúng ta muốn học kinh điển, nhưng kinh điển nguy tạo rất nhiều, rốt cuộc kinh nào là thật, bộ kinh nào đáng tin cậy? Vào thời cổ, khi quý vị xem *Đại Tạng*, hễ kinh nào có trong *Mục Lục* của *Đại Tạng* sẽ là đáng tin cậy, kinh nào không có, chẳng đáng tin cậy! Đây là lập một tiêu chuẩn cho người đời sau. Nhưng tốt nhất là nếu quý vị có được một bản, đối chiếu với *Đại Tạng Kinh*, thấy có bản kinh ấy sẽ càng yên tâm. Quý vị thấy ông Vương chỉ dùng bốn bản dịch gốc thuộc các đời Hán, Ngụy, Ngô, Tống, thiếu bản dịch đời Đường, chỉ có bốn bản!

22 [4] *Long Tạng* là tên gọi tắt của *Càn Long Đại Tạng Kinh*, còn gọi là *Càn Long Tạng*, hoặc *Thanh Tạng*, là *Đại Tạng Kinh* được triều đình Thanh chủ trì khắc in. Công trình này được khởi xướng từ năm Ung Chính 11 (1733), do Hòa Thạc Thân Vương Doãn Lộc chủ trì, Hòa Thạc Thân Vương Hoàng Trú và Trụ Trì chùa Hiền Lương Siêu Thánh phụ tá. Chính thức tiến hành khắc in vào năm Ung Chính 13 (1735) đến năm Càn Long thứ ba (1738) mới hoàn thành, gồm 79.036 tấm ván in, chia thành 724 hòm, dùng những chữ trong bài *Thiên Tự Văn* để đánh số thứ tự (tập một là Thiên, tập hai là Địa, tập ba là Huyền v.v...) gồm 1.669 bộ kinh sách, 7.168 quyển, trình bày giống như bộ *Vĩnh Lạc Bắc Tạng (Đại Tạng Kinh đời Minh)*.

Đại Chính Tạng gọi đủ là *Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh (Taishō Shinshū Daizōkyō)*, tức là *Đại Tạng Kinh Nhật Bản* được đề xướng từ năm Đại Chính 13 (1922). *Đại Chính (Taishō)* là niên hiệu của hoàng đế Yoshihito (Gia Nhân thiên hoàng, tức ông nội của Nhật Hoàng Akihito (Minh Nhân Thiên Hoàng) hiện thời). Công trình này do hai ông Cao Nam Thuận Thứ Lang (Takakusu Junjirō) và Độ Biên Hải Húc (Watanabe Umiakira) biên tập, nhóm các ông Tiểu Dã Huyền Diệu (Ono Genmyō) v.v... giáo chánh, ấn hành năm 1934. Sách được chia thành 100 tập, chia thành *Chính Tạng* 55 tập, *Tục Tạng* 33 tập, *Biệt Quyển* 15 tập (gồm *Đồ Họa*, *Chiêu Hòa Pháp Bảo Tổng Mục Lục* v.v..)

“*Vương bốn xuất thế, hải nội xưng tiện, tùng lâm phụng vi khóa bốn*” (bản của ông Vương ra đời được trong nước khen là tiện lợi, chốn tùng lâm dùng làm kinh nhật tụng). “*Tùng lâm*” là Phật môn đạo tràng, nhà Phật gọi là tùng lâm, còn hiện tại thì sao? Hiện thời là đại học. Nói thật ra, tùng lâm là đại học Phật giáo, có chế độ chính thức, được chế độ hóa. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh giáo học, giống như trường tư thục do tư nhân quản lý, không có chế độ, giống như thuở Khổng lão phu tử còn tại thế dạy học, không có trường học nào theo hệ thống, quy chế chính quy, không có! Tại Trung Quốc, đến thời Tùy - Đường, trường học mới chính thức đi vào khuôn khổ. Vì thế, đây là một điểm đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc. Thuở đó, thầy Phương bảo tôi: “*Tùng lâm là một sáng kiến mang tính cách mạng của Phật giáo Trung Quốc, chính thức biến tu viện thành trường học*”. Người đứng đầu tùng lâm được gọi là Chủ tịch, còn gọi là Phương Trượng Trụ trì. Đó là gì? Hiệu trưởng! Trụ trì là chức vị Hiệu trưởng. Thủ tọa Hòa thượng là Giáo Vụ trưởng. Duy Na là Huấn Đạo trưởng. Giám Viện là Tổng Vụ trưởng. Phân công những người chịu trách nhiệm hoàn toàn giống như cách tổ chức của một trường đại học hiện thời; danh xưng khác nhau, nhưng trên thực tế, Duy Na đúng là Huấn Đạo trưởng, phụ trách giáo huấn, chỉ đạo. Điện, đường là phòng học, “chia ra nơi chốn để giảng kinh”. Quý vị thích học khoa mục nào, sẽ có thầy chỉ dạy, có giảng đường nhất định,

giống như trong nhà trường. Vì vậy, quý vị phải hiểu Phật giáo truyền tới Trung Quốc là giáo dục, chẳng phải là tôn giáo, mãi cho tới niên hiệu Càn Long nhà Thanh vẫn chưa bị biến chất, luôn là giáo dục. Tùng lâm là đại học, ngoài ra còn có những ngôi chùa nhỏ. Chùa nhỏ là trường chuyên khoa, chỉ học một thứ. Tịnh Tông đạo tràng tu tập năm kinh Tịnh Độ, chẳng có “phân tòa giảng kinh” (chia thành nhiều pháp môn để giảng kinh chuyên biệt), là trường chuyên khoa, chuyên dốc sức vào một môn, hoặc là cũng học các kinh luận có liên quan đến môn này.

Hiện thời, Phật giáo suy vi, do đâu mà suy? Vứt bỏ giáo học. Sau khi vứt bỏ giáo học, kinh sám Phật sự trở thành hưng vượng, biến Phật giáo thành tôn giáo, thật sự trở thành tôn giáo, chúng ta cũng chẳng thể không thừa nhận, nó quả thật biến thành tôn giáo, đã quên mất gốc, Phật giáo vốn chẳng phải là tôn giáo! Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, quý vị kiểm trong kinh điển, đức Phật chẳng làm Phật sự một ngày nào. Nếu làm Phật sự một bữa nào, kinh điển phải ghi chép tường tận, nhưng chẳng thấy! Trong *Đại Tạng Kinh* có nhiều tài liệu về kinh sám, Phật sự. Những thứ ấy do người đời sau, tức các vị tổ sư đại đức đời sau biên soạn, chẳng phải do Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra. Vì vậy, chẳng thể không biết vì sao Phật giáo trở thành nông nổi này, suy vi đến tình trạng này, nhất định phải hiểu rõ ràng. Tiên sinh Phương Đông Mỹ đã nhiều lần nhắc nhở tôi: “*Phật giáo Trung Quốc muốn*

phục hưng, nhất định phải thực hiện bằng cách khôi phục chế độ tòng lâm". Đó chính là mở trường đại học, phải thực hiện giáo dục. Vào thời đầu Dân Quốc, có mấy vị [đã làm chuyện này], nhưng thời gian rất ngắn, đều chẳng còn nữa! Hình như có một vị pháp sư mở Hoa Nghiêm Đại Học, pháp sư Thái Hư mở Phật học viện tại Hạ Môn. Pháp sư Viên Anh mở Lăng Nghiêm Chuyên Tông Học Viện tại Thượng Hải. Có mấy vị làm, nhưng thời gian cũng không dài, sau này đều chẳng còn nữa. Pháp sư Đế Nhàn giống như Phật Thích Ca Mâu Ni, suốt đời giảng kinh, dạy học. Ngài thuộc tông Thiên Thai, đào tạo không ít nhân tài. Ở Mỹ, tôi còn gặp môn hạ của Ngài. Hội dịch, hội tập là chuyện có lý, ông Vương Long Thư hội tập đầu tiên, được tòng lâm tôn trọng, dùng bản ấy làm kinh nhật tụng. "*Ngã quốc Long Tạng*" (Long Tạng nước ta) chính là *Đại Tạng kinh* được biên tập dưới thời vua Càn Long, "*cập Nhật Bản Đại Chính Tạng diệc quân thái nhập Vương bốn*" (và *Đại Chính Tạng* của Nhật Bản cũng đều chọn bản của ông Vương để nhập tạng), dùng bản của ông Vương Long Thư, tức là bản hội tập của ông Vương Nhật Hư.

"*Liên Trì đại sư viết*" (Liên Trì đại sư nói). Liên Trì đại sư sống vào cuối đời Minh, lúc tại thế, Ngài đã phục hưng Tịnh Độ Tông. Đạo tràng của Ngài ở Hàng Châu. Ngài nói: "*Vương thị sở hội, giáo chi ngữ dịch, giản dị minh hiển, lưu thông kim thế, lợi ích thậm đại*" (bản hội tập của họ Vương, so với năm bản dịch gốc, đơn giản, dễ hiểu, rõ ràng, được

lưu thông trong đời hiện tại, lợi ích rất lớn). Đây là lời tán thán của vị tổ sư đời thứ tám của Tịnh Độ Tông là Liên Trì đại sư đối với ông Vương Long Thư. “*Hựu viết: Dĩ Vương bốn thế sở thông hành, nhân tập kiến cố*” (Lại nói: Do bản của ông Vương được lưu hành rộng rãi trong cõi đời, người ta quen thấy), do được lưu thông rất rộng, người đọc tụng rất nhiều. “*Cố ư sở trước Di Đà Sớ Sao trung, phàm dẫn chứng Vô Lượng Thọ Kinh chi xứ, đa thủ Vương văn, gián thái nguyên dịch*” (Vì thế, đối với tác phẩm *Di Đà Sớ Sao* của tôi, hễ chỗ nào dẫn chứng kinh *Vô Lượng Thọ*, phần lớn trích theo bản của ông Vương, chỉ đôi khi dẫn theo bản dịch gốc). Hình như tôi đã giảng *A Di Đà Kinh Sớ Sao* đôi ba lần, quả thật là một tác phẩm hết sức hay! Do trong thời đại đó, chúng ta nhìn vào nội dung sách *Sớ Sao*, giống như chúng ta nhìn vào toa thuốc, sẽ biết những người ấy đang bị bệnh gì. Trong thời đại đó, trên lãnh thổ Trung Quốc, Phật giáo Thiên Tông hết sức hưng thịnh, nhiều kẻ coi rẻ, xem thường Tịnh Độ. Do vậy, trong *Sớ Sao*, Liên Trì đại sư đã dùng gì để chú giải kinh *A Di Đà*? Dùng *Hoa Nghiêm*, nâng kinh *Di Đà* lên ngang tầm vóc kinh *Hoa Nghiêm*, khiến mọi người tôn trọng! Rất tuyệt vời! Quả thật lời của cư sĩ Bành Tế Thanh đã nói. Cư sĩ Bành Tế Thanh nói kinh *Vô Lượng Thọ* là *Hoa Nghiêm trung bản*. Nói cách khác, kinh *Hoa Nghiêm* là *Đại Vô Lượng Thọ Kinh*. Hoặc nói cách khác, kinh *A Di Đà* là *Tiểu Hoa Nghiêm Kinh*. Kinh *Hoa Nghiêm*, kinh *Vô Lượng*

Thọ, kinh *Di Đà* một mà ba, ba mà một. Liên Trì đại sư đề xướng điều này, được các bậc cao tăng đại đức trong Phật môn công nhận, tán đồng, Tịnh Độ lại được hưng vượng, nên Ngài được xưng tụng là tổ sư đời thứ tám.

Tổ sư của Tịnh Độ Tông không giống như trong các tông phái khác, các tông phái khác là “*đại đại tương truyền*”, tức là từ một đời này truyền lại cho đời sau, trong Tịnh Độ Tông không có thể lệ ấy. Tịnh Độ Tông chẳng phải là “*đại đại tương truyền*”, mà là sau khi vị đại đức ấy đã vãng sanh, người đời sau khẳng định vị ấy đối với Tịnh Độ Tông có cống hiến đặc thù, bèn tôn vị ấy làm tổ sư. Vì thế, tổ sư Tịnh Độ Tông là do mọi người tuyển chọn, chẳng phải đời này truyền sang đời kia. Giống như thời cận đại, Ấn Quang đại sư đối với Tịnh Độ Tông có cống hiến rất lớn, mọi người công nhận Ngài xứng đáng là vị tổ sư đời thứ mười ba. Nếu là tổ tổ tương truyền tổ sư này truyền cho tổ sư kia, phải biết là sẽ có tới sáu bảy mươi đời, nhưng Tịnh Độ Tông mới có mười ba đời. Nếu như đời này không có người như vậy, sẽ không ai được chọn. Thật sự có cống hiến đặc thù đối với sự tu trì và hoằng dương Tịnh Tông, người ấy sẽ được người đời sau tôn xưng là “*nhất đại tổ sư*” (tổ sư trong một đời). Chư Tổ của Tịnh Tông được gọi là “*đại sư*” cũng là do đặc biệt tôn trọng, bởi lẽ, đây cũng là một kiến thức thông thường quý vị cần biết. Chữ “*đại sư*” chẳng thể tùy tiện xưng hô! Danh xưng “*đại sư*” trong Phật môn chuyên dùng

để gọi Thích Ca Mâu Ni. Quý vị thấy đó: Trước kia, thầy của hoàng đế gọi là Quốc Sư; người phiên dịch kinh điển được gọi là Tam Tạng Pháp Sư, bậc đại đức trong Thiền môn gọi là Thiền Sư, vị nào chuyên dốc sức nơi Luật thì gọi là Luật Sư, nghiên cứu luận điển thành công bèn gọi là Luận Sư, không ai xưng là đại sư! Chỉ có Tịnh Độ tông xưng là đại sư. Vì sao? Các vị ấy chẳng khác gì Phật, có thể chỉ dạy chúng sanh niệm Phật vãng sanh, hễ vãng sanh bèn thành Phật. Quý vị xem: Phật độ chúng sanh chẳng phải [chỉ dạy, giúp họ] thành Phật đó sao? Những vị đại đức độ chúng sanh dùng pháp môn này, cũng dạy họ thành Phật trong một đời, có khác gì Phật? [Cho nên] đều gọi là đại sư. Vì thế, chỉ có tổ sư Tịnh Tông được gọi là đại sư, phải biết kiến thức thông thường này! Nay chúng ta là kẻ tầm thường mà xưng là đại sư tức là quá lỗ, không thể được!

Tiếp theo đó là: “*Hựu U Khê đại sư cánh hữu tịnh yên*” (hơn nữa, U Khê đại sư càng dùng rộng rãi hơn), đây là một vị cùng thời đại với Liên Trì đại sư, cũng là một vị đại đức trong Tịnh Tông. Ngài có trước tác bộ *Di Đà Viên Trung Sao*. Khi chúng tôi mới vừa tiếp xúc Tịnh Tông, thầy có trao cho tôi ba bản chú giải, ba bản chú giải ấy là ba tác phẩm chú giải kinh *Di Đà* có uy tín nhất, người tu Tịnh Độ chẳng thể không đọc. Thứ nhất là *A Di Đà Kinh Sớ Sao* của Liên Trì đại sư, thứ hai là *Yếu Giải* của Ngẫu Ích đại sư trong bộ *Tịnh Độ Thập Yếu*; thứ ba là *Viên Trung Sao* của U

Khê đại sư. Ba bản chú giải này là tác phẩm chú giải kinh *Di Đà* có uy tín nhất. Trong *Viên Trung Sao*, hễ trích dẫn kinh văn của kinh *Vô Lượng Thọ* bèn hoàn toàn dùng bản hội tập của ông Vương Long Thư. Trong bộ *Sớ Sao* của Liên Trì đại sư, đại khái là trích dẫn bản hội tập của ông Vương Long Thư hơn phân nửa một chút, phần còn lại vẫn trích dẫn từ các bản dịch gốc. “*Cận đại, Ấn Quang đại sư ư sở soạn Trùng Khắc Viên Trung Sao Tự trung, diệc tán Vương bốn văn nghĩa tường tất, cử thế lưu thông*” (gần đây, trong bài Tựa Tái Bản Bộ Viên Trung Sao do Ấn Quang đại sư viết, Ngài cũng khen ngợi bản của ông Vương văn lần nghĩa tường tận, đầy đủ, lưu thông rộng rãi trên cõi đời). Cận đại, trong *Ấn Quang Văn Sao* có bài này, đây là một thiên văn chương của Ngài. Trong bài *Trùng Khắc A Di Đà Kinh Viên Trung Sao Tự*, Ngài đã tán thán như vậy, chứng tỏ việc hội tập là chính xác, là chuyện phải có người đứng ra làm. Vậy mà trong thời cận đại có người phê bình hội tập là sai lầm, lời này nói chẳng xuôi tai!

Có rất nhiều người đến hỏi tôi, đối với bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, ở trong nước lẫn Đài Loan đều có những vị đại đức trong Phật môn phản đối “đừng nên làm chuyện này”. Họ đem chuyện ấy tới hỏi tôi. Tôi nói: Nếu chúng ta chẳng thừa nhận việc hội tập, cho là không đúng pháp, sẽ có rất nhiều vấn đề! Hiện thời, trong nhà chùa, khóa tụng sáng tối chẳng phải do Phật Thích Ca Mâu Ni

đã nói, kinh văn và nghi quy trong ấy đều là hội tập, cũng chẳng thể dùng những khóa bản ấy! Bình thường, quý vị làm Phật sự, như *Từ Bi Tam Muội Thủy Sám, Đại Bi Sám, Diệm Khẩu, Thủy Lục*, những bản ấy toàn là hội tập, thấy đều chẳng thể dùng. Khóa tụng sáng tối trong nhà chùa phải đọc nguyên văn mới đúng, vậy thì rất nhiều thứ trong nhà chùa đều trở thành có vấn đề, đều chẳng đúng pháp! Quý vị thấy trong Phật môn có bao nhiêu thứ là hội tập của tổ sư đại đức từ xưa đến nay. Vì thế, phải hiểu đạo lý này, chẳng thể không nói theo lý. Sau khi quý vị đều hiểu rõ, sẽ biết hội tập là cần thiết, nhất là thuở ấy, đức Thế Tôn đã chỉ dạy chúng ta: “*Y pháp, bất y nhân; y nghĩa, bất y ngữ; y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa; y trí, bất y thức*”. Hơn nữa, kinh *Đại thừa* thường dạy: “*Phật vô hữu định pháp khả thuyết*” (Phật không có pháp nhất định nào để nói), “*pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp), nói rành mạch, triệt để như vậy! Vì thế, chúng ta nhất định phải hiểu pháp do đâu mà có? Do con người mà hưng khởi. Người ta mắc bệnh gì, đức Phật bèn kê toa thuốc đó; người không có bệnh, sẽ chẳng có toa thuốc! Đó là chữa bệnh. Do vậy, nhất định phải hiểu đạo lý này. Đây là nói rõ hội tập là chuyện phải nên làm!

Tiếp đó là nói đến những vấn đề trong hai bản hội tập: “*Vương thị hội kinh, tuy đại hữu công ư Tịnh Tông, đản sở hội chi bốn phá đa suyễn ngộ*” (Ông Vương hội tập kinh,

tuy có công lớn đối với Tịnh Tông, nhưng trong bản hội tập có khá nhiều sai lầm). Cho nên cũng phải nhận biết rõ ràng những khuyết điểm ấy! Cụ Hoàng nêu tỷ dụ: “*Bạch khuê chi hà, hiền giả tích chi*” (Bạch khuê có vết, người hiền tiếc nuối). Bạch khuê^{23[5]} là ngọc, ngọc có tỳ vết, tỷ dụ bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư có khuyết điểm, khiến người hiền tiếc nuối! “*Liên Trì đại sư vị kỳ: Sao tiền trước hậu, khử thủ vị tận*” (Liên Trì đại sư nói: “Trích dẫn kinh văn trong phần trước, ghép lời văn do mình sáng tác vào phần sau, lấy bỏ chẳng trọn hết”), điều này sẽ được giải thích trong phần sau. “*Bành Thiệu Thẳng cư sĩ xích chi vi: Lãng loạn quai suyễn, bất hợp viên chi*” (Cư sĩ Bành Thiệu Thẳng chê trách: “Rối ren, sai sót, chẳng hợp ý chỉ viên dung”). Những lời phê bình này cũng đều có căn cứ. Nếu như chúng ta đem năm bản dịch gốc đối chiếu, quý vị sẽ hiểu ngay. Hiện thời có mấy vị cư sĩ đã làm chuyện so sánh này, tôi thấy họ đã đối chiếu sự bất đồng giữa hai bản hội tập với năm bản dịch gốc, làm kỹ lắm, rất tốn công. Sau khi quý vị đã xem xong, mới biết bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ hay lắm, hội tập quá khéo! Đúng là hay hơn mấy bản hội tập trước đó! Do vậy, hiện thời có tổng cộng chín bản, gồm: Ba bản hội tập, một bản tiết lục, năm bản dịch gốc, tôi in cả

23 [5] Khuê (圭) còn gọi là ngọc khuê, vốn là một vật dụng tượng trưng cho quyền lực vào thời cổ, thường làm bằng ngọc quý, nhất là loại ngọc trắng, tạc thành hình thuôn dài, đẹp, trên đầu khắc thành hình tam giác, phía dưới cắt thẳng. Quý tộc thường cầm ngọc khuê khi vào chầu vua, dự tiệc, cúng tế, hoặc trong tang lễ. Tùy theo địa vị mà kích thước, chất liệu được quy định chặt chẽ, loại quý nhất là bạch khuê, nên về sau chữ “bạch khuê” được dùng với ý nghĩa “trân quý”.

chín bản này thành một cuốn. Khi ấy, tôi giảng bản hội tập của Hạ lão cư sĩ ở nước ngoài, sợ có kẻ đến kiếm chuyện, cho nên tôi in chung cả chín loại để quý vị tự xem. Kẻ nào thắc mắc, có nghi vấn, tôi đưa sách cho kẻ ấy xem, “ông hãy tự xem đi!”, tôi chẳng cần phải trả lời. Chín bản đều có, nhưng đều đọc hết thì thật là khó!



**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**



TẬP 6



Trong phần trước, tôi đã giới thiệu các phiên bản kinh *Vô Lượng Thọ* hiện đang được lưu hành, ngoài năm bản dịch gốc ra, còn có bốn bản nữa: Ba bản là bản hội tập, một bản là bản tiết lục. Nhân tiện, tôi giới thiệu ở đây. “*Vương thị*” (họ Vương) là Vương Long Thu, hay Vương Nhật Hưu, hội tập kinh *Vô Lượng Thọ* sớm nhất. Có thể thấy là từ rất sớm đã có người chú ý tới vấn đề này. Các phiên bản nhiều lắm, mà nội dung sai biệt rất lớn. Nếu bảo năm bản đều cùng đọc, quả thật rất phiền; đọc một loại, sẽ chẳng thấy những điều được nói trong bốn bản kia, trong bốn bản kia có rất nhiều kinh văn không có trong bản này, rất đáng tiếc! Vì thế, đó là một nhân tố quan trọng khiến cho những bản này được lưu hành rất ít. Cư sĩ Vương Long Thu là người đời Tống, trước tác rất phong phú, niệm Phật thật sự có công phu, khi vãng sanh là đứng mất. Bộ *Tịnh Độ Văn* của ông ta vô cùng hay, cũng có thể dùng để học Quốc Văn. Trong phần trước, tôi đã từng giới thiệu với quý vị, *Trúc Song Tùy Bút* của Liên Trì đại sư, *Linh Phong Tông Luận* của Ngẫu Ích đại sư, và *Tịnh Độ Văn* của cư sĩ Vương Long Thu cũng hết sức hay, văn tự hết sức khá, đều là những tác phẩm văn chương hay của các bậc đại đức trong Tịnh Tông. Chúng ta học văn chương Văn Ngôn, coi những tác phẩm ấy như sách để học Quốc Văn, rất tốt!

Sau khi bản hội tập của ông ta ra đời, được lưu thông rất rộng. Quý vị thấy *Đại Chính Tạng* của Nhật Bản và *Long Tạng* được biên tập dưới đời vua Càn Long đều nhập tạng bản này. Có thể đưa vào *Đại Tạng Kinh* tức là được các vị đại đức thuở ấy chấp nhận. Thế nhưng bản của ông ta vẫn có sai lầm, dù Liên Trì đại sư cũng hết sức bội phục ông Vương. Trong bộ *Di Đà Kinh Sớ Sao*, đây là một tác phẩm rất to lớn, kinh văn kinh *Vô Lượng Thọ* được trích dẫn trong ấy, quá nửa là trích từ bản hội tập của cư sĩ Long Thư, đây cũng là khẳng định giá trị của bản hội tập ấy. Đương nhiên, bản ấy chẳng thể tận thiện, tận mỹ, nên Liên Trì đại sư cũng phê bình, bảo bản này của họ Vương “*sao chép kinh văn trong phần trước, ghép phần trước tác của chính mình vào phần sau, lấy bỏ chưa trọn vẹn*”. Hai câu này trong phần sau đều có giải thích. Bành Thiệu Thăng có tiết bốn, chẳng phải là hội tập, chỉ lấy bản của ngài Khang Tăng Khải. Bản dịch của ngài Khang Tăng Khải cũng chẳng dễ đọc cho lắm, ông Bành đem chỉnh lý một lần nữa, soạn thành bản mới, gạt bỏ những chỗ trúc trắc, thiếu trôi chảy, cho nên bản dịch này đọc lên rất lưu loát, coi như là một bản kinh hay, nhưng chẳng thể coi là bản hội tập, mà coi là tiết bốn (bản rút gọn, trích yếu, có phân chương đoạn). Ông ta cũng phê bình bản hội tập của cư sĩ Long Thư, bảo là “*lãng loạn quai suyễn, bất hợp viên chi*” (rối ren sai lầm, chẳng hợp ý chỉ viên dung), cũng là nói bản hội tập của ông ta chưa hoàn mỹ. Chẳng thể bảo ông

Vương không có công lao gì! Quả thật là công lao cũng chẳng thể xóa sạch, nhưng chưa phải là bản hoàn mỹ. Đây là một chuyện rất đáng tiếc!

Tiếp đó là lời giải thích của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ: “*Kim bút giả*” (nay người viết), nói về người cầm bút viết bản chú giải này, tức là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, “*ngưỡng thừa cổ đức chư thuyết*” (kính vâng theo các nhận định của cổ đức), nói theo cách hiện thời là “căn cứ trên cách nói của cổ đại đức”, “*thiết kê Vương thị chi thất*” (trộm kể ra những khuyết điểm của họ Vương). “*Thiết kê*” (竊計) là theo cách so sánh, cách nghĩ của riêng tôi, bản hội tập của cư sĩ Long Thư tối thiểu có ba chỗ sai sót.

Thứ nhất là: “*Vương thị hội tập, căn cứ tứ chủng, vị cập Đường dịch. Đường dịch danh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, xuất tự Đại Bảo Tích Kinh, nãi Bồ đề Lưu Chí đại sư sở dịch, đa áo diệu tinh yếu chi văn, vi tha dịch sở vô*” (Bản hội tập của họ Vương chỉ dựa trên bốn bản dịch, chưa có bản dịch đời Đường. Bản dịch đời Đường có tên là *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, trích từ kinh *Đại Bảo Tích* do Bồ đề Lưu Chí đại sư dịch, kinh văn có nhiều chỗ uyên áo, huyền diệu, tinh tường, trọng yếu mà những bản dịch khác không có). “*Tha dịch*” là bốn bản dịch gốc kia, trong ấy không có những điều được nói trong bản Đường dịch; quả thật cư sĩ Long Thư cả đời chưa thấy bản *Như Lai Hội* trong kinh *Đại Bảo Tích*. Từ chỗ này, chúng ta mới hiểu vào thời cổ, có được kinh sách đâu

phải dễ! Thuở ấy, kinh sách đều vẫn phải chép bằng tay. Vì thế, trong kinh sách cổ truyền có chữ sai là chuyện khó tránh. Một bộ kinh phân lượng to như vậy, khó tránh khỏi chép thiếu, hoặc chép sai một chữ, hết sức khó tránh chuyện này! Bản này tức bản Đường dịch, như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã nói: Có nhiều đoạn văn tự “áo diệu tinh yếu” (sâu xa, huyền nhiệm, tinh tế, quan trọng) chẳng thấy có trong bốn bản dịch kia, đương nhiên đây là điều sai sót. Đây là chỗ chẳng viên mãn thứ nhất, tức là ông Vương chưa đọc trọn năm bản dịch gốc. Đó là điều thứ nhất.

Thứ hai, “*khử thủ vị tận*” (lấy, bỏ chưa trọn hết). Đây là lời Liên Trì đại sư phê bình, chê lão nhân gia (ông Vương Nhật Hưu) chọn và bỏ chưa trọn vẹn, tức là nói “*thủ phần di yếu, cải tâm vi thiếu*” (lấy chỗ rườm rà, bỏ chỗ quan trọng; sửa chỗ sâu thành cạn), ông ta mắc phải khuyết điểm này! Những chỗ rườm rà đáng nên tinh giản, ông ta vẫn cứ chép vào bản hội tập; những thứ quan trọng bị bỏ sót, vì sơ ý mà bỏ sót. Nêu ra thí dụ nhằm chứng tỏ lời phê phán này chẳng phải là nói tùy tiện: “*Lệ như Liên Trì đại sư sở trách: Như tam bối vãng sanh*” (Chẳng hạn như Liên Trì đại sư đã trách: Như trong phần ba bậc vãng sanh), trong đoạn kinh văn này, “*Ngụy dịch giai viết phát Bồ đề tâm*” (bản dịch đời Ngụy ghi cả ba bậc đều phát Bồ đề tâm), chữ “*Ngụy*” chỉ bản dịch của ngài Khang Tăng Khải. Trong bản dịch của ngài Khang Tăng Khải, ba bậc vãng sanh đều phát Bồ đề tâm, nhưng trong bản hội tập của

Vương Long Thư, chỉ có bậc trung là phát Bồ đề tâm, bậc hạ chẳng phát, chẳng hề phát Bồ đề tâm, trong bậc thượng cũng chẳng nói, không đề cập. “*Tắc cao hạ thất thứ, cố vân vị tận*” (tức là thứ bậc cao thấp bị mất, cho nên bảo là “*chưa trọn hết*”), đây là nói “*khử thủ vị tận*”. Lòi Ngài nói có căn cứ, Ngài bảo: “*Do thượng lệ khả kiến, thượng cánh bất ngôn*” (Do dựa theo điều này (bậc trung đã phát Bồ đề tâm), có thể thấy bậc thượng phải phát Bồ đề tâm, nhưng trong bản hội tập, bậc thượng hoàn toàn chẳng nói phát Bồ đề tâm, đó là điều vô lý), “*thượng*” là thượng bối vãng sanh, bản hội tập của ông Vương chẳng nói tới phát Bồ đề tâm. Bồ đề tâm quan trọng lắm! Đây là “*di yếu*”, nghĩa là bỏ sót điều quan trọng! Đối với bậc Hạ, chính kinh cũng nói là phát Bồ đề tâm, nhưng ông ta viết là “*chẳng phát*”, tức là bậc Hạ có thể chẳng cần phát Bồ đề tâm, đó là “*cải thâm vi thiếu*” (sửa sâu thành cạn). Đây là những chỗ Liên Trì đại sư và Bành cư sĩ chê trách ông Vương, thật sự có căn cứ, chẳng phải là nói tùy tiện!

Thứ ba, “*suất ý tăng văn, nghiêm nhược tự trước*” (tùy tiện tăng thêm văn tự, nghiêm nhiên tự soạn thêm), “*suất ý*” (率意) là tùy ý, tăng thêm văn tự, giống như chính mình sáng tác, điều này không thể chấp nhận! Phiên dịch thì được! Nếu quý vị dịch từ tiếng Phạn sang tiếng Hán thì chấp nhận được, vì quý vị phải chăm chú dùng câu chữ nào cho lời văn gãy gọn, dễ hiểu, nhưng không sai ý! Hội tập thì không thể, hội tập nhất định phải dùng nguyên văn từ các bản dịch

gốc, chẳng thể thay đổi văn tự. Ấn Quang đại sư hết sức coi trọng chuyện này. Bởi lẽ, tùy tiện sửa đổi văn tự, tôi nghĩ dùng câu chữ theo kiểu này mới hay, tôi bèn sửa; quý vị cho rằng hành văn theo kiểu kia mới hay, quý vị lại sửa. Sửa tới, sửa lui, đến cuối cùng chẳng còn cách nào đọc nguyên dạng kinh Phật nữa! Do vậy, phải tôn trọng lời dịch gốc, nhất định chớ nên sửa đổi. Dẫu nhận thấy câu văn hay đoạn văn ấy có vấn đề, có thể ghi chú bên cạnh, chẳng thể sửa chữ của người ta, đây là quy củ. Do vậy, chỗ này là sơ sót. “*Cố Liên Trì đại sư trách viết*” (Vì thế, Liên Trì đại sư trách rằng), quở trách ông Vương: “*Sao tiền trước hậu, vị thuận dịch pháp*” (sao chép kinh văn trong phần trước, ghép thêm lời văn của chính mình sáng tác vào sau đó, chưa tuân thủ cách dịch). Ngay sau đó, cụ Hoàng giảng rõ: “*Cái trách kỳ sao dẫn kinh văn ư tiền*” (ấy là chê trách ông Vương đã sao lục kinh văn trong phần trước), đó là “*sao tiền*”, “*phục hựu tự trước cú tự ư hậu*” (lại đem những câu chữ do mình đặt ra, ghép vào phía sau), ghép ý kiến của chính mình vào sau kinh văn, cũng giống như chính mình dịch vậy, sai lầm rồi! Phía sau mỗi đoạn kinh, nếu có kiến giải, có thể dùng chữ nhỏ ghi chú bên cạnh, nhất định chẳng ghi lẫn lộn vào kinh văn. Đây là một điều kỵ húy rất lớn. Đó gọi là “*sao tiền, trước hậu, vị thuận dịch pháp*”. Dịch kinh có quy củ dịch kinh; ở đây là đã vi phạm quy củ dịch kinh, ông ta cũng chẳng phải là phiên dịch, mà là hội tập.

Tiếp đó, cụ Hoàng giảng: “*Cái thị hội tập, tất tu y cứ nguyên kinh, vạn vạn bất khả ư nguyên dịch ngoại thiện tăng văn cú*” (Đã là hội tập, cần phải dựa theo nguyên văn của bản dịch, muôn vàn chẳng thể tự tiện thêm câu văn do chính mình đặt ra). Cư sĩ Long Thư phạm quy củ này: Ông hội tập, chẳng phải là phiên dịch! Anh phiên dịch thì được, chính ông châm chước nên dùng chữ gì, dùng từ gì để dịch ý nghĩa tiếng Phạn này, được phép làm như thế! Nhưng hội tập thì không được! Bởi lẽ, ông chẳng dựa trên nguyên văn bằng tiếng Phạn, mà dùng bản dịch do người khác đã dịch sang tiếng Hán. Ông nhất định phải tôn trọng, phải tuân theo nguyên văn, chẳng thể thay đổi, động chạm chữ nào. Đây là quy củ hội tập. Vậy thì cư sĩ Long Thư đã sửa đổi, sửa có khéo hay không? Sửa thật khéo! Tuy sửa thật khéo, nhưng đã phá hoại quy củ, chẳng thể tạo ra tiền lệ này! Quý vị chẳng thể phá hoại quy củ, chẳng thể tạo ra tiền lệ này! Quý vị đã sửa được, người khác cũng có thể sửa. Đối với quý vị thì không có vấn đề gì, đối với kinh Phật, sự tu dưỡng của quý vị đã đạt tới tiêu chuẩn, công phu và cảnh giới tu trì cũng đạt tới, quý vị có sửa cũng chẳng sao, nhưng hễ tạo nên tiền lệ này, người đời sau sẽ như thế nào? Người đời sau tuy chưa có trình độ như quý vị mà cũng sửa chữa: Cư sĩ Vương Long Thư đã có thể sửa, lẽ nào ta chẳng thể sửa? Hễ tiền lệ này được lập ra, sau này, những tệ đoan sẽ xuất hiện.

Nói thật ra, bản hội tập của Vương Long Thư có vấn đề, bản của Ngụy Mặc Thâm cũng có vấn đề. Chúng ta xem kỹ,

ông ta sửa có khéo hay không? Sửa đúng là khéo lắm, nhưng nếu quý vị nghĩ tới những tác hại về sau, đáng sợ lắm! Không thể tạo nên tiền lệ này! Chẳng phải là nói ông ta sửa không hay, mà là nói chẳng thể lập ra tiền lệ. Phải như thế nào mới trọn vẹn đôi bề? Tôi vừa mới nói đấy thôi, dùng chữ nhỏ ghi chú bên cạnh thì được, cách này có thể tận thiện tận mỹ. Do vậy, đây là: “*Cố trách Vương thị vị thuận dịch pháp. Do thượng khả kiến Vương thị chi thất*” (vì thế, mới trách là ông Vương chưa tuân theo cách dịch. Do những điều trên đây, có thể thấy khuyết điểm của họ Vương). Do ông ta có những chỗ thiếu sót, bản hội tập này có những chỗ sai sót, “*phi thị bất ưng hội tập, nhi tại ư hội bốn chi đa tỳ dã*” (chẳng phải là không nên hội tập, mà do trong bản hội tập có nhiều tỳ vết). Đó là tỳ vết. Do có những tỳ vết, nên chẳng thể gọi là “tận thiện tận mỹ”. Đây là kiến thức thông thường, nhưng là một kiến thức thông thường rất quan trọng: Chúng ta học Phật, cần phải tôn trọng kinh điển. Chẳng thể tùy tiện sửa đổi nguyên văn kinh điển, mà đối với chú giải của cổ đại đức cũng chớ nên tùy tiện thêm bớt văn tự. Cổ đức có thể chú giải bộ kinh này, bản chú giải ấy có thể lưu truyền cho tới hiện thời, nói chung là mấy trăm năm, trong mấy trăm năm ấy, người đọc tác phẩm ấy rất nhiều. Quý vị thấy cổ nhân đều tôn trọng, có sao chúng ta có thể tùy ý sửa đổi văn tự? Đây là chuyện rất thiếu đạo đức. Chúng ta có ý kiến, có thể thêm ghi chú vào bên cạnh, làm như vậy thì được!

Chúng ta lại đọc đoạn tiếp theo: “*Bành Thiệu Thăng cư sĩ háms ư Vương bốn chi thất*” (cư sĩ Bành Thiệu Thăng tiếc nuôi trước những khuyết điểm trong bản hội tập của họ Vương). Đây là nói: Rất đáng tiếc! Cảm thấy bản của ông Vương là một bản hay, nhưng hết sức đáng tiếc là có chút tỳ vết này, chưa hoàn mỹ. “*Nãi thủ Ngụy dịch bốn nhi san tiết chi*” (bèn lấy bản Ngụy dịch mà gạn lọc, trích lược), ông ta chỉ lấy một bản. Chẳng thể coi việc làm này của ông ta là hội tập, do chỉ lấy bản dịch của ngài Khang Tăng Khải đời Tào Ngụy. Vào thời đại Tam Quốc, Tào Tháo cầm quyền, nên vương triều thời đó gọi là Tào Ngụy. Ngài Khang Tăng Khải là người thuở đó. Trong thời đại Tam Quốc, Phật pháp đã khá hưng thịnh, trong lãnh thổ của các vương triều Ngụy, Thục, Ngô đều có Phật giáo, các địa phương đều có đạo tràng Phật giáo. “*Thị Vô Lượng Thọ kinh chi đệ thất chủng*” (là phiên bản thứ bảy của kinh *Vô Lượng Thọ*), bản của ông Vương Long Thư vừa nói trong phần trên là loại thứ sáu. Năm loại trước là bản dịch gốc, loại thứ sáu là bản hội tập của Vương Long Thư, bản của Bành Thiệu Thăng là loại thứ bảy. Loại thứ bảy là tiết bốn, cũng được lưu thông, người ta cũng thích đọc. “*Đản thủ căn vi Ngụy dịch nhất chủng chi tiết bốn, nhi phi chư dịch chi hội bốn*” (Chỉ là một bản trích lược của bản Ngụy dịch, chưa phải là bản hội tập của các bản dịch).

Trong thời đại hiện tại nay, bản tiết bốn này là gì? Được gọi là “kiến thức bùng nổ”. Quý vị thấy số lượng sách so với

xưa kia nhiều hơn bao nhiêu? Trước đây, in ra một quyển sách chẳng dễ dàng; hiện thời, nhất là do computer quá tiến bộ, xuất bản một quyển sách là chuyện dễ dàng! Chúng ta vào tiệm sách mà xem, trước kia, vào tiệm sách, từ trường hết sức tốt đẹp, bước vào thư viện hay tiệm sách, từ trường đặc biệt tốt. Nay thì không còn nữa, hiện thời thỉnh thoảng, tôi đến tiệm sách tìm mấy cuốn sách, vừa bước vào tiệm, [cảm nhận] từ trường hết sức xấu, vì nguyên nhân gì? Chính luận chẳng còn nữa, đều là tà tri tà kiến, nên tạo thành cảm giác hết sức lớn, hết sức rõ rệt. Lúc tôi còn trẻ, thường la cà tiệm sách, quả thật là tối thiểu những sách vở của cổ nhân chiếm phân nửa, một nửa là của người thời nay. Hiện thời, tác phẩm của cổ nhân ít ỏi. Chúng ta tới tiệm sách, sẽ thấy chỉ là một góc nhỏ, những tác phẩm khác đều của con người hiện thời. Vì thế, từ trường rất bất hảo. Kiểm một nơi có từ trường thanh tịnh thoải mái, gần như hiện nay tìm không ra. Do nguyên nhân gì? Tôi nghĩ mọi người chúng ta đều biết: Ai phá hoại từ trường? Khoa học kỹ thuật! Những thứ vừa mới được phát minh đã phá hoại từ trường của cả địa cầu!

Chúng ta hãy quan sát cẩn thận cuộc sống của chúng ta. Những thứ người bình thường ăn, đúng như kinh *Vô Lượng Thọ* đã nói: “*Ấm khổ thực độc*” (ăn khổ, nuốt độc), toàn ăn thứ độc địa. Thịt các động vật, nếu là sáu mươi năm trước, chẳng nói xa xôi, so với sáu mươi năm trước, người bảy, tám mươi tuổi có thể nhớ lại, những món thịt quý vị đã ăn

lúc nhỏ có mùi vị giống với thịt mình ăn trong hiện tại hay không? Tôi từng hỏi sư mẫu của tôi, tức phu nhân của tiên sinh Phương Đông Mỹ, tôi nêu ra câu hỏi: “Các bà ăn thịt heo, thịt gà, so với lúc tuổi thơ, tuổi thiếu niên, thấy có cùng mùi vị hay chẳng?”. Bà ta suy nghĩ ba bốn phút, rồi cho biết: “Khác hẳn!”. Chúng ta là người ăn chay, hãy suy nghĩ cẩn thận. Nay chúng ta ăn rau, những thứ rau thường ăn, cải bẹ trắng cũng vậy, rau dền cũng thế, củ cải cũng thế, đặc biệt là các loại nấm, có giống như sáu mươi năm trước hay không? Quá khác biệt! Sáu mươi năm trước, vị nấm đông cô ngon hơn nhiều, tuyệt hơn nhiều! Hiện thời chẳng có mùi vị gì! Thấy chúng rất lớn, hình dáng rất dễ ưa, nhưng chẳng có vị gì hết! Rau dưa cũng chẳng tươi ngon như trước, đều chẳng còn nữa, do nguyên nhân gì? Thuốc trừ sâu và phân hóa học đã phá hoại rồi! Do vậy, đất đai hiện thời có chất độc, quý vị trồng thứ gì cũng đều có độc, đây chẳng phải là “*thực độc*” (ăn chất độc) ư? Đúng vậy! Chẳng giả tí nào! Vì thế, người sống trong thế gian này, càng sống càng vô vị, cuộc sống càng ngày càng khổ sở. Khoa học hiện thời nói tới gì? Cơ nhân (genes)! Phá hoại toàn bộ cơ nhân, phá hoại hoàn cảnh thiên nhiên, phá hoại cuộc sống của chúng ta.

Tiếp theo: “*U thị, vãn Thanh Ngụy Thừa Quán tự Mặc Thâm cư sĩ*” (Do vậy, vào cuối đời Thanh, cư sĩ Ngụy Thừa Quán, tên tự là Mặc Thâm), chúng ta thường gọi ông này là

Ngụy Mặc Thâm, đáng ra phải gọi là Ngụy Nguyên^{24[6]}. Ngụy cư sĩ là người đời Thanh. Nói “*văn Thanh*” vì ông ta sống vào thời Hàm Phong. Chúng ta biết Từ Hy Thái Hậu là phi tử của hoàng đế Hàm Phong^{25[7]}.

“*Vị cứu Long Thư chi thất, thủ ngữ chủng nguyên dịch, lánh hành hội tập, biệt thành nhất thư, sơ nhưng danh Vô Lượng Thọ Kinh, hậu kinh Chính Định Vương Canh Tâm thị cải danh vi Ma Ha A Di Đà kinh*” (Nhằm cứu chữa khuyết điểm của ông Long Thư, bèn lấy năm bản dịch gốc, tiến hành hội tập lần nữa, soạn thành một bản khác, thoát đầu vẫn gọi là *Vô Lượng Thọ Kinh*; về sau, được ông Chính Định Vương Canh Tâm đổi tên thành *Ma Ha A Di Đà Kinh*). Bản này hiện thời không được lưu hành, nhưng trong *Đại Tạng kinh* thì có. Đây là bản thứ tám của kinh *Vô Lượng Thọ*.

“*Ngụy bốn văn tự giản khiết, tinh đáng, viễn quá Vương bốn*” (bản của ông Ngụy văn tự đơn giản, trong sáng, tinh vi, thỏa đáng, vượt xa bản của ông Vương), hội tập khá lắm, tiến bộ hơn bản của ông Vương Long Thư.

24 [6] Ngụy Nguyên (1794-1857) vốn có tên là Ngụy Viễn Đạt, sau đổi thành Ngụy Nguyên, tên tự là Mặc Thâm, hoặc Mặc Sanh, hiệu Lương Đồ, pháp danh là Thừa Quán, người huyện Thiệu Dương, tỉnh Hồ Nam, là bạn thân của Lâm Tắc Từ. Ông ta được coi là một nhà tư tưởng lỗi lạc cuối đời Thanh. Khi ông ta thi Cử nhân, bài thi đã được vua Đạo Quang rất tán thưởng, nhưng khi vào thi Hội liền bị rớt. Chủ khảo Lưu Phùng Lộc rất nuối tiếc. Mãi cho đến năm Đạo Quang 25 (1845), ông ta mới đỗ Tiến sĩ, đỗ hạng ba mươi chín, làm quan tới chức Tri Châu. Tuổi già, chuyên tâm nghiên cứu Phật giáo, ẩn cư tại Hàng Châu. Ngoài bản hội tập kinh *Vô Lượng Thọ* ra, ông còn có những tác phẩm biên khảo nổi tiếng như *Hải Quốc Đồ Chí*, *Thánh Vũ Ký*, *Hoàng Triều Kinh Thế Văn Biên*. Những trước tác khác của ông được môn sinh biên tập thành *Ngụy Nguyên Toàn Tập*.

25 [7] Sau Hàm Phong chỉ còn ba đời vua là Đồng Trị, Quang Tự và Phổ Nghi, nhà Thanh bị lật đổ dưới thời vua Phổ Nghi. Vì thế, sống vào thời Hàm Phong là sống vào những năm cuối cùng của nhà Thanh nên mới nói là “*văn Thanh*”.

“Đản suất tự tăng văn chi bệnh, vị năng tận miễn, cố Ngụy bốn diệc vị tận thiện dã” (Khuyết điểm tự tiện thêm lời văn vào vẫn chưa thể hoàn toàn tránh khỏi, cho nên bản của ông Ngụy cũng chưa phải là hoàn thiện). Trong *Văn Sao*, Ấn Quang đại sư phê bình ông Ngụy đã tùy tiện dựa theo ý mình, sửa chữa văn tự trong kinh văn. Chuyện này, lúc chúng tôi mới học kinh giáo với thầy Lý tại Đài Trung, thầy có nêu lên vấn đề này. Ông ta sửa có khéo hay không? Sửa thật khéo lắm, nhưng cũng là tạo ra tiền lệ. Quý vị thấy Vương Long Thư đã lập ra tiền lệ này, Ngụy Mặc Thâm lại noi theo lệ ấy, đáng sợ quá! Sợ là sẽ tạo thành tiền lệ cho những kẻ chưa đạt trình độ như vậy, chưa có cảnh giới này, sẽ mặc sức sửa kinh. Vấn đề này nghiêm trọng lắm!

Tiết bốn như chúng tôi vừa mới nói, đối với xã hội hiện tại rất cần thiết, vì người trong xã hội hiện tại chuộng đơn giản. Quý vị có một quyển kinh sách kích thước to như thế, người ta chẳng muốn đọc, mà cũng chẳng có thời gian đọc. Càng đơn giản càng hay, người ta càng ưa thích, đặc biệt là đối với phần tử tri thức. Do vậy, tôi cũng soạn tiết bốn, biên soạn tiết bốn cho kinh *Thập Thiện Nghiệp Đạo*; đối với *Đệ Tử Quy*, tôi cũng soạn tiết bốn. Tiết bốn *Thập Thiện Nghiệp Đạo* của tôi đại khái chỉ có sáu trăm từ, thuận tiện, mọi người đọc sẽ vui vẻ, lưu thông dễ dàng. Tôi còn có một tiết bốn nữa. Đó là tiết bốn cuốn *Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa* của cư sĩ Giang Vị Nông. Cuốn *Giảng Nghĩa* phân lượng rất lớn, tôi trích lấy

những điều trọng yếu. Tôi đã từng giảng kinh *Kim Cang* một lần, hình như là giảng *Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa Tiết Yếu*, dùng cuốn tiết bốn này để giảng. Tiết bốn này cũng được lưu hành, có thể nói là rất thuận tiện cho người mới học. Quý vị muốn thâm nhập hãy đọc nguyên bản. Trong thời đại hiện tại có nhu cầu này!

Tiếp theo đó là nói đến bản hội tập này, giới thiệu nhân duyên khiến cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập. “*Tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ*”, thầy của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã qua đời, nên gọi là “*tiên sư*” lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Trước hết, giới thiệu giản lược đức hạnh của lão cư sĩ. “*Bi trí song vận*”, cụ thật sự có lòng từ bi, có trí huệ. Chữ “*song*” (雙) chỉ từ bi và trí huệ, tự hành, hóa tha, “*vận*” (運) là vận dụng để tự hành, dạy người. Điều này khá khó khăn! Có những người sẵn lòng từ bi nhưng thiếu trí huệ; có kẻ có trí huệ lại thiếu lòng từ bi, không chịu dạy người khác, đều chẳng hoàn bị. Có trí huệ lại chịu dạy người khác, Bồ tát đấy! “*Tông Thuyết câu thông*”, Tông (宗) là Thiền Tông, Thuyết (說) là Giáo Hạ. Nói đến Đại thừa Phật pháp của Trung Quốc thì chính là Tông Môn và Giáo Hạ. Do vậy, bản thân Phật giáo được gọi là Tông, Giáo, chẳng liên quan gì đến từ ngữ “tôn giáo” như chúng ta nói trong hiện thời, nhất định phải biết điều này. Phật pháp tự xưng là Tông Giáo, Tông ở đây là Thiền Tông, còn gọi là Tông Môn, chín tông phái ngoài Thiền Tông đều gọi là Giáo Hạ. Vì sao nói như thế? Phương thức giáo học khác nhau! Thiền

Tông là “*ngộ hậu khởi tu*” (sau khi đã ngộ, sẽ tu). Khi chưa khai ngộ, chẳng xem kinh giáo, chẳng đọc kinh điển. Sau khi khai ngộ rồi mới xem kinh điển; còn Giáo Hạ dốc sức nơi kinh điển trước, đến cuối cùng là khai ngộ. Vì thế, đây là hai con đường khác nhau.

Như vậy thì Thiền Tông thích ứng với căn tánh nào? Bậc thượng thượng căn, đó là đối tượng của Thiền, người thường không tu được, chúng ta phải hiểu điều này. Người tầm thường không tu Thiền được. Bởi lẽ, chẳng phải là bậc thượng thượng căn, nếu quý vị tham Thiền, tham suốt đời, vẫn gọi là tham uống công. Quý vị chẳng khai ngộ! Nếu quý vị chẳng thể khai ngộ, sẽ chẳng thể liễu sanh tử. Nói cách khác, đáng luân hồi như thế nào thì vẫn luân hồi như thế ấy. Do vậy, lúc tôi mới học Phật, ba vị thầy đều cảnh cáo tôi đừng nên học Thiền Tông, quyết định không thể học theo Lục Tổ Đàn Kinh, chẳng thể học đòi ngài Huệ Năng. Họ thẳng thừng bảo tôi: “Anh không hội đủ điều kiện!”. Thầy Phương giới thiệu *Pháp Tướng Duy Thức* và *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*. Thầy Lý giới thiệu *Tịnh Độ* và *Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm*, đó là Giáo Hạ. Đối tượng của Giáo Hạ là ba căn thượng, trung, hạ, dốc sức nơi kinh điển, theo thứ tự tiến lên dần dần, giống như đi học, quý vị học từ Tiểu học, Trung học, Đại học, đến nghiên cứu sinh, từ từ tiến lên. Đối tượng của Thiền Tông là đứa trẻ thiên tài; nó chẳng cần đến Tiểu học, Trung học, Đại học, chẳng hề cần, có thể vào ngay

ban nghiên cứu sinh, có bản lãnh này! Vì thế, thiếu bản lãnh này, chẳng thể học theo họ được! Đúng là chẳng thể tùy tiện học tập được!

Vì thế, trong Phật pháp, giữa Thiền và Mật, Mật hay hơn Thiền một chút; đúng là nếu chẳng phải là bậc thượng thượng căn, sẽ chẳng đạt lợi ích nơi Thiền Tông. Mật cũng như vậy, nhưng Mật còn có thứ tự, trước hết học Hiển Giáo, Hiển Giáo có trình độ nhất định. Hiển Giáo là Giáo Hạ, có trình độ nhất định, phải tham gia khảo thí. Cũng có nghĩa là chưa đại triệt đại ngộ trong Hiển Giáo sẽ chẳng thể học Mật; đại triệt đại ngộ kiến tánh rồi, so ra, mức độ đại triệt đại ngộ thấp nhất phải là đại ngộ. Có tiểu ngộ, có đại ngộ. Nói cách khác, người muốn tu Mật phải đạt được tâm thanh tịnh. Đối với đại triệt đại ngộ, chúng ta dùng ngay tiêu chuẩn trong tiêu đề kinh này: “*Thanh tịnh bình đẳng giác*”. Giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đó là điều kiện của Thiền Tông, điều kiện của Tông Môn. Trong Giáo Hạ, quý vị đắc thanh tịnh tâm là buông Kiến Tư phiền não xuống, chẳng còn chấp trước nữa, đương nhiên trí huệ mở mang, tâm thanh tịnh sanh trí huệ, đó gọi là “*khai ngộ*”. Vẫn chưa phải là đại ngộ, nhưng nếu đã thật sự đắc thanh tịnh tâm, đoạn hết Kiến Tư phiền não, có thể học Mật được hay không? Có thể được! Nhưng vẫn chưa phải là học sinh chính thức của Mật Tông! Đệ tử chính thức của Mật Tông còn phải nâng cảnh giới lên cao hơn một tầng nữa là đại ngộ, chưa phải là triệt ngộ, mà

là đại ngộ. Đại ngộ là gì? Vẫn phải buông Trần Sa phiền não xuống, đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, đó là đệ tử chính thức của Mật Tông. Được vậy, quý vị mới có tư cách học tập, chẳng dễ dàng đâu nhé! Người ấy đã đại ngộ, nhưng vẫn chưa triệt ngộ. Vì sao? Vẫn còn khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm tức là chưa phá vô minh phiền não.

Chúng ta chọn lựa pháp môn, chính mình hiểu rõ ràng căn tánh của chính mình. Chọn sai là quý vị đã uống lầm thuốc! Bị mắc bệnh mà uống lầm thuốc, không chỉ chẳng trị hết bệnh, mà không chừng bệnh còn nặng hơn. Quý vị nói có phiền lắm không? Phật pháp là thuốc. Tám vạn bốn ngàn pháp môn giống như vào tiệm thuốc, thấy các món thuốc bày la liệt nhiều ngàn ấy, quý vị có thể uống hết hay chẳng? Có dám uống hay chẳng? Chúng ta biết: Không có bác sĩ kê toa, chẳng dám uống, sợ uống vô là rồi đời! Vậy mà Phật pháp quý vị tùy tiện tu, chẳng sợ hay sao? Vì thế, trong kinh *Đại thừa*, trong kinh *Hoa Nghiêm* có nói: “*Phật pháp không có ai nói, dầu là người trí cũng chẳng thể hiểu*”. Những vị tổ sư đại đức từ xưa giống như bác sĩ, hay giống như y tá, họ thông hiểu. Chúng ta muốn học Phật, hãy kiếm những người ấy. Họ thấy chúng ta thuộc căn tánh nào, sẽ giới thiệu cho chúng ta kinh điển nào; đấy là chuyện tất yếu, chính mình chớ nên tùy tiện mò mẫm. Do vậy, quý vị thấy: Trong sự học Phật, thầy là mấu chốt quyết định sự thành bại đối với sự

tu học của quý vị trong một đời này. Nếu quý vị thật sự gặp được thiện tri thức hay một vị thầy thật sự tốt đẹp, quý vị sẽ chiếm tiện nghi rất lớn. Vì sao? Không đi theo đường vòng! Chính mình mắc bệnh, hãy tìm một bác sĩ giỏi, bác sĩ khám bệnh, kê toa, quý vị uống thuốc ấy vào, sẽ khỏi bệnh. Vì thế, thiện hữu trong Phật môn khó gặp gỡ! Chúng ta đến nơi đâu để cầu? Bất quá, trong hiện tại cũng chẳng có ai cầu! Vì sao? Ngay cả đối với cha mẹ mà cũng không hiếu thảo, chẳng cần đến họ, còn nói gì đến tôn trọng thầy?

Phật pháp là giáo dục của thánh hiền, là giáo dục của bậc đại thánh đại hiền. Nếu quý vị không biết tôn sư trọng đạo, đến nơi đâu để cầu? Chẳng có chỗ nào để cầu! Nhà Phật thường nói: *“Phật độ hữu duyên nhân”*, Phật độ người có duyên. Ai là người có duyên? Hiếu thuận phụ mẫu, tôn sư trọng đạo, kẻ ấy có duyên. Bất hiếu phụ mẫu, bất kính tôn trưởng, không coi trọng thánh đạo, vô duyên! Có gặp bậc thiện tri thức chân chính cũng vô dụng. Vì sao? Quý vị chẳng thể tiếp nhận! Quý vị đọc kinh chẳng hiểu, hiểu lệch lạc ý nghĩa, chính mình suy tưởng kinh có ý nghĩa gì, nghe kinh cũng không hiểu. Vì thế, bài *Khai Kinh Kệ* đã nói rất hay: *“Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa”*. Quý vị thiếu tâm tôn kính, thiếu tâm thành kính, nghe rồi sẽ hiểu vắn vẹo ý nghĩa, dùng phiền não tập khí của chính mình, dùng tri kiến bất chính để giải thích kinh Phật, giải thích hoàn toàn sai bét. Học được mấy chục năm, cuối cùng bảo kinh Phật chẳng

linh, lại còn hủy báng. Vì thế, thiện tri thức chân chính suốt đời mong kiếm được truyền nhân. Thầy truyền dạy Phật pháp cho ta, ta phải truyền cho ai? Nếu không có truyền nhân, quý vị phải soạn sách, đem sở học và sở ngộ của ta viết thành sách, hòng lưu truyền sách ấy cho hậu thế, hòng truyền cho người hữu duyên trong đời sau. Thật chẳng dễ dàng! Quá khó khăn!

Thầy Lý bảo tôi: Học trò kiếm thầy đã khó, mà thầy kiếm được một học trò để truyền pháp càng khó hơn. Đến đâu để tìm? Chẳng thể nói học trò của thầy Lý không đông! Đông lắm! Tính toán dè dặt nhất cũng phải hơn năm mươi vạn người! Trong số đó, có mấy ai có thể truyền pháp của cụ? Người vãng sanh thì có, người vãng sanh không ít, niệm Phật vãng sanh; kẻ thật sự truyền pháp ít lắm! Khó quá! Người thật sự truyền pháp phải hội đủ điều kiện như Ấn Quang đại sư đã dạy: Đối với thầy, một phần thành kính, được một phần lợi ích; hai phần thành kính, được hai phần lợi ích; mười phần thành kính, quý vị được mười phần lợi ích. Chẳng thành kính, quý vị nghe suốt một trăm năm ở nơi đó cũng chẳng có lợi ích, mấu chốt ở chỗ này. Thành kính do đâu mà có? Thành kính là Tánh Đức, từ hiếu dưỡng phụ mẫu sanh ra. Dùng tâm hiếu dưỡng cha mẹ để đối đãi thầy, đó là tôn sư trọng đạo. Nếu đối với cha mẹ cũng chẳng hiếu thuận, vậy là xong luôn! Học Phật suốt đời này, chẳng có lợi ích gì, chỉ là gieo chủng tử Phật pháp trong A Lại Da Thức,

chẳng thể thành tựu trong một đời này. Chúng ta nghe lời này, rất kinh sợ, chẳng thể thành tựu thì làm thế nào đây? Khéo sao có duyên phận đặc biệt với pháp môn Tịnh Tông! Quý vị phải thật sự học, sám trừ nghiệp chướng, khi còn có một hơi thở, tới cuối cùng một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh. Đây là chỗ thù thắng trong Tịnh Tông. Do vậy, tại Đài Trung Liên Xã, chúng tôi thấy quả thật có không ít Liên hữu vãng sanh. Tính toán dè dặt nhất thì thầy Lý giảng kinh, dạy học tại Đài Trung ba mươi tám năm, người theo cụ niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thế giới, thật sự vãng sanh, tôi phỏng đoán phải hơn năm trăm người! Công đức này thù thắng, thật sự khó có .

Do vậy, Phật pháp là sư đạo. Sư đạo nhất định lấy hiếu đạo làm cơ sở. Quý vị thấy *Tịnh Nghiệp Tam Phước* đã nói rất rõ ràng! Câu đầu tiên là “*hiếu dưỡng phụ mẫu*”, câu thứ hai là “*phụng sự sư trưởng*”, “*từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”, đây là điều kiện cơ bản để vào Phật môn. Quý vị phải thực hiện bốn câu này thì mới có thể trở thành một đệ tử Phật thật sự. Nói cách khác, đối với kinh Phật, quý vị có thể tin, có thể hiểu, đó là thiện căn của quý vị. Quý vị có thể y giáo phụng hành, đó là phước đức. Quý vị có thể hành, có thể chứng, vãng sanh là chứng quả, bất luận ba bậc chín phẩm, dầu là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị cũng chứng đắc Phật quả viên mãn rất ráo. Vì sao? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không một ai

chẳng viên thành Phật đạo trong một đời. Chúng ta nghiệp chướng nặng nề, sám trừ như thế nào? “*Sám trừ*” là sửa đổi. Kinh điển là tiêu chuẩn để biện định thị phi, thiện ác, bắt đầu học từ chỗ nào? Đức Thế Tôn chỉ dạy chúng ta, bắt đầu bằng Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ngẫu Ích đại sư có soạn tiết bốn cho *Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh*, dài hơn tiết bốn của tôi, hãy dùng kinh này để sửa lỗi, đổi mới, rất thực dụng!

Cụ Hạ “*Tông Thuyết câu thông*” tức là Tông Môn lẫn Giáo Hạ đều thông, chữ “*thông*” này chẳng dễ dàng! Trong câu trước, “*bi trí song vận*” là nói đến đức hạnh của cụ, “*Tông Thuyết câu thông*” là nói về học vấn của cụ.

“*Viên dung hiển mật, Thiền Tịnh u nhất tâm*” (viên dung Hiển Mật, Thiền Tịnh trong một tâm) là nói về công phu và cảnh giới của cụ. Hiển Giáo, Mật Giáo, Thiền Tông, Tịnh Độ, bốn điều này bao quát hết thấy những pháp do Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong bốn mươi chín năm, chẳng sót thứ gì, viên dung trong nhất tâm. Tuy là như thế, lão nhân gia “*chuyên hoằng Trì Danh Niệm Phật nhiếp vạn đức*” (chuyên hoằng dương pháp môn Trì Danh Niệm Phật nhiếp thấu muôn đức), đây là nói cụ phát đại Bồ đề tâm phổ độ hết thấy chúng sanh. Dùng phương pháp gì? Dùng Tịnh Độ, dùng phương pháp Trì Danh Niệm Phật trong Tịnh Độ. Phương pháp này từ đâu ra? Từ kinh *Vô Lượng Thọ*, từ kinh *Di Đà*, từ phép Quán thứ mười sáu trong kinh *Thập Lục Quán*. Phép Quán thứ mười sáu là trì danh niệm Phật.

Những cách khác gồm có Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, đến cuối cùng là nói Trì Danh Niệm Phật, Trì Danh là phương tiện rất ráo. Đây là Hạ lão cư sĩ từ bi đến tột cùng, cụ dùng pháp môn này để nhiếp vạn đức. Vạn đức là trí huệ và đức tướng xứng tánh nơi quả địa Như Lai.

“Vị hoằng Tịnh Tông, cố nguyện thử Tịnh Tông đệ nhất chi kinh, phá trần sanh quang” (vì hoằng dương Tịnh Tông, nên nguyện khiến cho bộ kinh đệ nhất trong Tịnh Tông này được tan bụi, tỏa sáng). *“Phá trần sanh quang”* là tỷ dụ, do mong muốn bộ kinh bậc nhất của Tịnh Tông nhất định phải có bản tốt nhất, có một bản tiêu chuẩn, cho nên phải hội tập lần nữa. Hai lần hội tập trước kia đều có tỳ vết, có sai lầm, dấu hay nhưng chưa viên mãn. Đó là điều đáng tiếc nuối, cho nên lão nhân gia phát tâm hội tập lần nữa.

“Ký thử vô thượng chi điển, nhiều ích đương lai” (mong cho cuốn kinh vô thượng này lợi lạc mai sau). Trong tương lai, hãy còn có chín ngàn năm nữa, thời Mạt pháp là một vạn năm. Kẻ học Phật chúng ta chẳng thể không biết pháp vận của đức Phật, rất nhiều người nói tới ngày tận thế, trong Phật pháp không có cách nói này. Pháp vận của Phật hãy còn chín ngàn năm nữa. Những năm qua, tôi đã lớn tuổi, trí nhớ chẳng tốt lắm; trước kia, tôi nhớ rất rõ ràng, các vị trẻ tuổi hãy kiểm xem, theo ghi chép của người Trung Quốc, từ các trước tác của cổ nhân sẽ có thể tra ra, từ lúc Phật Thích Ca

Mâu Ni diệt độ cho đến hiện tại, tôi nhớ hình như là ba ngàn ba mươi mấy năm, cụ thể là ba mươi mấy năm thì các vị hãy kiểm xem. Trong Niên Phổ của lão hòa thượng Hư Vân có nói ba ngàn ba mươi mấy năm. Pháp vận của Phật: Chính Pháp là một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, hiện thời đã qua hai ngàn năm, sau đó, còn có Mạt pháp một vạn năm. Một vạn năm mới trải qua một ngàn lẻ ba mươi mấy năm, cho nên thời gian về sau vẫn còn dài, lẽ nào có ngày diệt vong? Trong thời kỳ Mạt pháp dài như thế, Phật pháp có hưng, có suy, xưa kia Chương Gia đại sư đã bảo với tôi chuyện này. Ngài bảo tôi: Hiện tại Phật pháp đã suy đến chỗ cùng cực, nhưng chớ sợ, sẽ hưng khởi, Phật pháp sẽ lại hưng khởi, có hưng, suy, nhưng chẳng diệt. Tới khi nào sẽ diệt? Chín ngàn năm sau, Phật pháp thật sự diệt. Chúng ta tin đức Phật chẳng vọng ngữ, Như Lai là đấng chân ngữ, đấng thật ngữ, đấng như ngữ, đấng không nói dối, chúng ta tin tưởng Ngài. Vì thế, cụ Hạ mong bộ kinh này có được một bản tiêu chuẩn hoàn thiện vô cùng tốt đẹp. Bản này sẽ lợi lạc tương lai trong khắp chín ngàn năm sau.

Pháp môn nào, kinh điển nào kế cơ nhất? Phải là bộ kinh này. Trong bộ kinh này, từng câu, từng chữ đều do đức Phật nói, chẳng giả tí nào. Bản dịch gốc được dịch từ tiếng Phạn, trong bản tiếng Phạn có rất nhiều chỗ khác nhau, cho thấy Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng phải chỉ tuyên giảng kinh này một lần, mà là tuyên giảng nhiều lần. Nhìn từ năm bản

dịch gốc, tối thiểu là ba lần tuyên giảng. Chúng ta bị thất truyền bảy bản, chẳng thấy nữa. Nếu cả bảy bản ấy hãy còn, có phải là còn có những chỗ chẳng giống nhau hay không? Quý vị có thể tìm thấy bằng có chứng tỏ kinh này đã được giảng hơn ba lần. Đây là đức Thế Tôn vô tận từ bi, chúng ta có hiểu rõ mới có thể sanh tâm cảm ơn.

Liễu giải chân tướng sự thật này. Quý vị biết con người có chết hay không? Không chết, mà là luân hồi trong lục đạo. Cái thân xác thịt sanh tử, nhục thân có sanh diệt, đây là một hiện tượng bình thường, linh hồn (thần thức) bất diệt. Thưa quý vị, linh hồn là mê, khi mê gọi là linh hồn; hể giác ngộ chẳng gọi là linh hồn, mà gọi là "*linh tánh*", linh tánh bất diệt. Chưa thoát khỏi lục đạo thì gọi là linh hồn, vượt thoát lục đạo bèn gọi là linh tánh. Đó là ai? Từ bậc A La Hán trở lên. Chỉ cần quý vị thoát khỏi lục đạo luân hồi, bèn là A La Hán. A La Hán được gọi là linh tánh, chẳng mê; cho nên A La Hán đắc Chính Giác. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề là mục tiêu chung và duy nhất của người học Phật chúng ta, học Phật để mong đạt được gì? Đạt được điều này. Dịch sang nghĩa tiếng Hán, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. A La Hán đắc Chính Giác, Bồ tát đắc cao hơn, Chính Đẳng Chính Giác. Sở đắc của Phật có thêm Vô Thượng, tức là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác vượt thoát mười pháp giới, trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư

Phật Như Lai, chúng ta cũng thường gọi cảnh giới ấy là Nhất Chân pháp giới. Bồ tát vẫn thuộc trong tứ thánh pháp giới của mười pháp giới.

Đây là nói rõ với chúng ta: Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni hãy còn chín ngàn năm nữa. Chín ngàn năm sau, khi thế gian này không còn Phật pháp, thật là khổ! Phật, Bồ tát chẳng bỏ chúng sanh khổ nạn, cho đến lúc này, dù Phật, Bồ tát chẳng hiện, vẫn có một vị đại diện. Tôi nghĩ vị này chư vị đều biết: Địa Tạng Vương Bồ tát! Ngài thay Phật hóa độ chúng sanh, đại diện cho Phật, mãi cho đến khi đức Phật kế tiếp xuất thế. Đức Phật kế tiếp là Di Lặc Bồ tát. Hiện thời có rất nhiều lời đồn đại Di Lặc Bồ tát đã giáng hạ, chẳng thể tin tưởng được! Di Lặc Bồ tát ứng hóa trong thế gian này là chuyện bình thường, chẳng hiếm lạ tí nào! Trong các truyện ký của Phật môn Trung Quốc đã ghi chép rất rõ ràng, Bồ Đại Hòa Thượng là Di Lặc Bồ tát hóa thân vào thời Tống. Nay chúng ta thờ tượng Bồ Đại Hòa Thượng chính là thờ hóa thân của Di Lặc Bồ tát. Chúng ta thấy Di Lặc Bồ tát ở Tây Tạng, hoặc thấy tượng Di Lặc Bồ tát của Phật Giáo Nam Truyền (Phật Giáo Nam Tông, Theravada), Ngài có hình dáng giống như Quán Thế Âm Bồ tát, gầy nhom, chẳng phải là dáng vẻ mập mạp này. Do Ngài thị hiện tại Trung Quốc dùng hình dạng Bồ Đại Hòa Thượng, nên dùng hình dáng ấy để tạc tượng. Theo truyện ký ghi chép, một hóa thân khác là Phó Đại Sĩ vào đời Đường, hiện thân cư sĩ, đó là Di Lặc Bồ

tát tái lai. Phật, Bồ tát thường đến ứng hóa trong thế gian, nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy. Nói Di Lặc Bồ tát chưởng quản thiên bàn^{26[8]}, hay Di Lặc Bồ tát giáng hạ nhân gian làm Phật, đều là giả. Di Lặc Bồ tát sẽ giáng sanh cõi nhân gian làm Phật vào lúc nào? Trong *Di Lặc Hạ Sanh Kinh*^{27[9]} đã nói rất rõ ràng: Năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau. Trong thời gian không có Phật xuất thế, Địa Tạng Bồ tát thay mặt. Chúng ta nhất định phải căn cứ trên những điều kinh điển đã ghi chép, đó là thật, chẳng phải giả.

Do Phật pháp còn có thời gian tồn tại dài như thế, trong thời kỳ Mạt pháp, pháp môn này sẽ dần dần biến thành pháp môn chính yếu. Vì sao? Các pháp môn khác tuy hay, nhưng chẳng hợp căn tánh, quý vị nương theo những pháp môn khác tu học hết sức khó khăn, rất khó thành tựu, nên Tịnh Tông biến thành chủ yếu. Trở thành chủ yếu mà nếu không có một kinh điển tiêu chuẩn để chúng ta nương theo, đúng là rất đáng tiếc. Do vậy, mới có “cảm”, cũng có nghĩa là nói do

26 [8] “Chưởng quản thiên bàn” là nắm quyền cai quản thiên đình, giáng phước phạt tội, quyết định ai sẽ được cứu. Đây là một quan điểm rất phổ biến của các tà phái, chẳng hạn tà giáo Nhất Quán Đạo của Trung Hoa bịa chuyện lịch sử con người được chia làm ba thời kỳ: Thanh Dương, Hồng Dương và Bạch Dương. Trong mỗi thời kỳ, Minh Minh Lão Mẫu (Thượng Đế) sẽ cử một người xét đoán tội phước của nhân gian, giáng tai họa, khuyến thiện, cứu vớt những người nào thật sự tin theo Nhất Quán Đạo. Vị đó được gọi là Chưởng Quản Thiên Bàn, cụ thể là ba vị chưởng quản Thiên Bàn cho ba thời kỳ theo thứ tự là Phật Nhiên Đăng, Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật Di Lặc. Theo họ, thế giới đang thuộc vào thời kỳ Bạch Dương và Di Lặc Bồ tát đã giáng thế, chưởng quản thiên bàn. Quan điểm này cũng có thể thấy rất rõ trong các tà phái Minh Lý, Long Hoa Trai Hội, Minh Sư Đạo v.v..

27 [9] *Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sanh Kinh* do ngài Trúc Pháp Hộ người xứ Nhục Chi dịch vào đời Tây Tấn, một quyển. Theo kinh này, trong tương lai, cõi đất đẹp đẽ, bằng phẳng, sản vật dồi dào, tại đại thành Sí Đầu, lúc ấy pháp vương Thương Khư xuất hiện, dùng chính pháp giáo hóa dân chúng. Vua có một vị đại thần tên Tu Đạt Ma, vợ là Phạm Ma Việt, đoan chánh, xinh đẹp như vợ Thiên Đế. Di Lặc Bồ tát bèn giáng sanh làm con họ, thị hiện thành Phật dưới cội Long Hoa, ba lượt chuyển pháp luân.

người tu hành trong chín ngàn năm của thời Mạt pháp có nhu cầu, nhu cầu ấy là cảm, nên Phật, Bồ tát có ứng. Sự “ứng” ấy chính là cư sĩ Hạ Liên Cư xuất hiện trên thế gian. Do chúng sanh có cảm, Ngài tới ứng hóa. Ngài tới thế gian này để làm chuyện gì? Để làm chuyện này! Chúng ta hiểu rất rõ ràng. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ biết, nhưng tôi không biết, tôi thỉnh giáo cụ, tôi hỏi: “Rốt cuộc cụ Hạ là vị nào tái lai?”. Cụ Hoàng mỉm cười: “Hiện thời phải giữ kín, hiện thời chẳng thể nói được!”. Chẳng thể nói, hiện thời cụ cũng đã khuất bóng rồi, tôi chẳng hỏi ai được! Chắc chắn cụ Hạ chẳng phải là phàm nhân. Quý vị hãy nghĩ xem: Vương Long Thư có phải là phàm nhân hay không? Ngụy Mặc Thâm có phải là phàm nhân hay không? Phàm nhân không thể làm được! Cụ Hạ Liên Cư hội tập một bản viên mãn như vậy, chúng tôi suy đoán: Nếu cụ chẳng phải là Phật A Di Đà tái lai, nhất định là Quán Thế Âm Bồ tát tái lai, mới có trí huệ, mới có đức năng để làm chuyện to lớn này! Điều này cũng giống như thầy Lý thường nói với chúng tôi: Nói theo Lý thì thông suốt, nhưng trên mặt Sự chưa có chứng cứ, nhưng nói theo Lý thì hợp lý.

Lợi lạc tương lai, “*nãi kế tiền hiền, trùng hành hội tập*” (bền kế tục tiền hiền, hội tập lần nữa). “*Tiền hiền*” là ba vị trước đó, trên thực tế là hai vị, tức Vương Long Thư và Ngụy Mặc Thâm, hội tập lần thứ ba. Đây là phiên bản thứ chín. Đoạn tiếp theo nói rõ tâm thái và những điều từng trải khi cụ Hạ hội tập lần nữa, cụ dùng tâm tư thái độ như thế nào?

“*Bình khí vạn duyên*” (Ngăn bỏ muôn duyên), chúng ta thường nói là “buông xuống vạn duyên”, điều gì cũng đều buông xuống.

“*Yếm quan tam tái*”, nghĩa là bế quan trong thời gian ba năm, dùng cách thức này để buông xuống hết thảy những thứ quấy nhiễu. Một mình, vì trong phần sau, cụ Hoàng có viết một câu: “Minh tâm cô nghệ” (lặng lẽ tiến hành một mình), đây là chỉ có một người, không có đồng bạn.

“*Tịnh đàn kết giới*” là cụ chân thành thực hiện công tác hội tập. Ba năm sau, hoàn thành bản thảo. Sau khi đã hoàn thành, “*cảo kinh thập dịch*”, nghĩa là trải qua mười lần sửa chữa, “*phương khánh kinh thành*” (mới mừng kinh đã được hội tập xong), kinh này mới thành tựu. Chẳng phải là ba năm bèn thành tựu, ba năm mới hoàn thành bản thảo đầu tiên, mất mười năm mới hoàn thành bản hoàn thiện này. Quý vị thấy Ngài rất nghiêm túc, đã biểu thị cho chúng ta thấy, biểu thị ý nghĩa gì vậy? Mười phần thành kính, bèn được mười phần lợi ích. Kinh này công đức viên mãn, chẳng thể có mảy may khinh mạn nào. Dùng cái tâm khinh mạn, chắc chắn quý vị chẳng thể làm thành công, chắc chắn có tỳ vết! Cụ Hạ hội tập chân thành như vậy, nay chúng ta thọ trì, cũng phải dùng tấm lòng chân thành như cụ Hạ để thọ trì mới đạt được lợi ích. Nếu chẳng có lòng chân thành như thế, quyển kinh bày ra trước mặt quý vị, đọc tụng mỗi ngày, chẳng có lợi ích! Chúng ta nhất định phải hiểu điều này!

Vì sao chúng ta học Phật học lâu năm như thế mà vẫn cứ hời hợt, bộp chộp? Trong tâm lý vẫn đầy ắp tham, sân, si, mạn, nghi? Học Phật đã lâu năm như thế mà Ngũ Độc có giảm được vài phần hay chẳng? Không có! Giống hệt như chẳng học Phật thì kể ra vẫn còn chưa sao, sợ nhất điều gì? Bản thân ta mỗi năm mỗi lớn tuổi, càng phiền toái hơn, phiền não tập khí càng ngày càng nặng! Nếu là tình huống như vậy, chính mình phải hiểu rõ: Chẳng tránh khỏi luân hồi. Luân hồi vào đâu? Đời sau ta còn có thể được làm thân người hay không? Vậy là phải hỏi quý vị, quý vị tu Thập Thiện Nghiệp ra sao? Trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta, Trung Phẩm Thập Thiện sẽ được làm thân người, đời sau vẫn được làm người. Quý vị hãy tự suy nghĩ: Hãy dựa vào lương tâm của quý vị để chấm điểm Thập Thiện Nghiệp Đạo của bản thân, có được bảy mươi hay tám mươi điểm hay không? Có thể chấm đến bảy mươi, tám mươi điểm, đời sau quý vị chẳng mất thân người. Nếu nói ta chỉ được năm mươi điểm, chẳng chắc ăn! Cơ duyên đọa lạc vô cùng nhiều! Nếu đạt điểm trọn vẹn, sẽ là Dục Giới Thiên, đại đa số sanh về đâu? Lên trời Đạo Lợi. Trời Đạo Lợi thì phải được trọn điểm. Thực hiện Thập Thiện Nghiệp bằng cách nào? Đệ Tử Quy! Đệ Tử Quy là bước đầu thực hiện Thập Thiện Nghiệp. Một trăm mười ba điều của Đệ Tử Quy, quý vị có làm được hay không? Từ chỗ này mà suy nghĩ, quý vị sẽ run sợ, vì sao? Nếu chẳng thể vãng sanh, vẫn phải tiếp tục luân hồi, cơ duyên tam ác

đạo quá nhiều! Duyên trong ba thiện đạo quá mỏng, làm thế nào đây? Đáng sợ hay chẳng? Đáng sợ! Có thể sửa đổi hay không? Vẫn chẳng thay đổi thì có sợ cũng vô dụng!

So với pháp sư Oánh Kha đòi Tống, chúng ta kém xa! Người ta quả thật là kẻ xuất gia, phá giới, hủy phạm Thanh Quy, tự biết do khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi của chính mình chắc chắn sẽ đọa địa ngục. Sư sợ, biết địa ngục khổ não, hỏi đồng tham đạo hữu có phương pháp nào cứu giúp hay không? Bạn đồng học cũng tuyệt lắm, tặng Sư một quyển *Vãng Sanh Truyện*, bảo Sư tự xem. Sư đọc bèn cảm động, cứ xem một bài, lại đau đớn khóc ròng, tâm sám hối nảy sanh, hạ quyết tâm bố quan niệm Phật, ba ngày ba đêm chẳng ngủ, chẳng ăn, chẳng nghỉ ngơi, một câu Phật hiệu chân thành niệm đến cùng. Vì lẽ gì? Sợ nỗi khổ địa ngục! Cầu cứu mạng nên thật sự thực hiện. Ba ngày ba đêm niệm được Phật A Di Đà hiện đến. Phật A Di Đà thật sự từ bi, quý vị thật sự tu, Ngài sẽ thật sự quan tâm chăm sóc quý vị. Phật A Di Đà hiện đến bảo Sư: “Ông còn thọ mười năm nữa, hãy gắng niệm Phật. Chờ tới khi ông đã hết tuổi thọ, ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Oánh Kha nghe xong bèn xin với Phật A Di Đà, Sư nói: “Con chẳng cần mười năm thọ mạng. Nếu con sống thêm mười năm nữa, bản thân con không chống nổi dụ dỗ, mê hoặc, chẳng biết sẽ tạo bao nhiêu tội nghiệp, con chẳng cần mười năm thọ mạng, nay con đi theo Ngài”. Phật A Di Đà thông tình đạt lý, bảo Sư: “Được! Ba ngày sau ta đến đón

ông”. Sư vui sướng, mở toang cửa phòng, bảo đại chúng: “Tôi niệm Phật A Di Đà ba ngày, cảm Phật hiện đến. Ba ngày nữa Phật A Di Đà sẽ tiếp dẫn tôi vãng sanh”. Đồng tham đạo hữu trong chùa ai nấy đều cảm thấy rất ngạc nhiên: “Thời gian ba ngày coi bộ chẳng dài, xem người ba ngày sau có vãng sanh hay không?”. Nhưng nghe ra lời lẽ của ông ta chẳng giống như gạt người, dường như là thật sự có chuyện như vậy. Tới ngày thứ ba, Sư yêu cầu đại chúng niệm Phật đưa Sư vãng sanh; đương nhiên đại chúng vui vẻ, được rồi, đều niệm Phật hồi hướng cho ông ta. Niệm Phật chưa đầy một khắc, Sư bảo mọi người: “Phật A Di Đà tới rồi, tôi thấy Ngài đón tôi đi” liền tịch, thật sự đi. Kinh *Di Đà* có nói: “*Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày*”, là thật, chẳng giả. Pháp sư Oánh Kha biểu diễn cho chúng ta xem, thật sự sợ khổ địa ngục, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, lập tức vãng sanh. Thọ mạng bao nhiêu cũng chẳng cần, ở trong thế gian này đều là tạo nghiệp! Chỉ cần bản thân chúng ta buông xuống, vứt bỏ muôn duyên, thật sự làm!

Ba năm trước, có một vị cư sĩ ở Thâm Quyển, là một người còn trẻ, ba mươi mấy tuổi, tức ông Hoàng Trung Xương, nghe trong *Vãng Sanh Truyện* có nói: “Niệm Phật ba năm bèn có thể vãng sanh”, ông ta bế quan coi thử ba năm có thể thành tựu hay không? Ở trong quan phòng hai năm mười tháng, còn thiếu hai tháng nữa mới mãn thời hạn, ông ta liền biết trước lúc mất, vãng sanh, cũng không sanh bệnh. Sau khi

hỏa táng, lưu lại xá-lợi, nay đang được thờ trong một tiểu đạo tràng tại Thâm Quyển, chứng minh cho chúng ta thấy ba năm thành tựu là thật, chẳng giả! Ba năm trong quan phòng, mỗi ngày ông ta niệm kinh *Vô Lượng Thọ* một lần, ngoài ra, Phật hiệu chẳng gián đoạn. Phương pháp tôi đã dạy ông ta là phương pháp do pháp sư Đế Nhàn đã dạy người đồ đệ làm thợ vá nôi: Niệm một bèn nghỉ ngơi, chẳng phân biệt ngày hay đêm. Tỉnh dậy sẽ niệm tiếp, thật sự làm được “tâm vô nhị niệm”, chỉ một câu Phật A Di Đà. Ông ta khác với người thợ vá nôi ở chỗ mỗi ngày niệm kinh *Vô Lượng Thọ* một lần, thêm vào một bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, nhưng Phật hiệu chẳng gián đoạn, bèn thành công. Vãng sanh khó hay không? Chẳng khó! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không, mấu chốt ở chỗ này! Vứt bỏ vạn duyên là câu mấu chốt, chỉ cần làm được câu này là được rồi!

Vì thế, ở đây, bằng sáu câu, mỗi câu gồm bốn chữ, giới thiệu tâm thái và sự từng trải trong hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Sau khi kinh này được sửa chữa lần thứ mười là bản hoàn thành, “*thủ môn Tông Giáo câu triệt chi Huệ Minh lão pháp sư thủ trì hội bốn nhiếp ảnh ư Phật tiền, vị tác chứng minh*” (trước hết, được lão pháp sư Huệ Minh là một vị thông triệt Tông lẫn Giáo, cầm bản hội tập chụp ảnh trước Phật đài để chứng minh). Lão hòa thượng Huệ Minh là một vị đại đức trong Phật môn thuở ấy. Trong bản in này không có bức hình ấy; khi tôi in cuốn chú giải của cụ Hoàng lần

đầu, phía trước có bức ảnh lão pháp sư Huệ Minh tay nâng cuốn sách này chụp hình trước Phật đài để chứng minh. Bức hình này rất dễ tìm, chúng tôi in ra với số lượng khá nhiều.

“*Luật Tông đại đức Từ Châu lão pháp sư kế chi, chuyên giảng thử kinh ư Tế Nam, tịnh thân vi khoa phán*” (Tiếp đó, bậc đại đức trong Luật Tông là lão pháp sư Từ Châu chuyên giảng kinh này ở Tế Nam, lại còn đích thân viết khoa phán). Khoa phán là phân định kết cấu, đề cương, và những chủ điểm trong một bộ kinh, nay chúng ta nói là phân đoạn, chia thành tầng lớp rõ ràng để giải thích bộ kinh này. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ có tặng tôi bản khoa phán này của lão pháp sư Từ Châu, chẳng phải là tặng bản gốc, mà là bản sao chụp, tôi cất giữ tại Úc. Đọc khoa phán, ta thấy: Thuở ấy, pháp sư Từ Châu giảng kinh này tại Tế Nam chẳng phải là giảng bằng bản hiện thời. Bản hiện tại là bản hoàn thiện đã được hiệu đính trong lần tu chỉnh thứ mười, bản do ngài Từ Châu sử dụng chính là bản trước của bản hiện tại. Vì sao? Chúng ta xem bản hiện thời, cụ Hạ chia ra chương tiết, nhà Phật gọi là phẩm, [bản hiện thời] có bốn mươi tám phẩm, còn bản do pháp sư Từ Châu đã dùng thuở ấy gồm ba mươi bảy phẩm, tức là toàn bộ bản kinh được chia thành ba mươi bảy phẩm. Vì vậy, cũng biết đấy chẳng phải là bản cuối cùng. Tôi dựa theo bản khoa phán của Ngài, lấy nó làm gốc để soạn một bản khoa phán rất tỉ mỉ, bản ấy đã được chỉnh lý hoàn thiện, tức là bản [khoa phán dựa trên bản hội tập kinh *Vô Lượng*

Thọ gồm] bốn mươi tám phẩm. Chúng ta có cuốn Khoa Hội được lưu hành rất rộng. Sau khi tôi viết xong, đã tặng một quyển cho lão cư sĩ Triệu Phác Sơ. Cụ Triệu trông thấy, hết sức vui vẻ, bảo kinh *Vô Lượng Thọ* nói chung đã được hoàn thiện. Quý vị thấy: Có bản hội tập, có chú giải của cụ Hoàng Niệm Tổ, tôi có giảng ký, vì trong quá khứ, tôi đã giảng mười lần. Có giảng ký, lại có khoa phán tử mĩ như vậy, cụ nói bộ kinh này điều gì cũng đều trọn vẹn, vui vẻ vô hạn!

Chúng ta đọc tiếp: “*Tiên cứu phụ Mai lão cư sĩ*” (người cậu đã khuất của tôi là Mai lão cư sĩ), tức lão cư sĩ Mai Quang Hy. Mai lão cư sĩ là thầy của thầy Lý Bình Nam, chúng tôi gọi cụ là “*sư ông*”. Cụ Lý Bình Nam học Phật pháp với Mai lão cư sĩ, có quan hệ thầy trò.

“*Tại trung ương quảng bá điện đài, bá giảng thử kinh, xưng chi vi tối thiện chi bản*” (truyền giảng kinh này trên đài phát thanh Trung Ương, gọi bản này là bản hoàn thiện nhất). So với hai bản hội tập trước kia, bản này là hoàn thiện. Nói cách khác, trong bản này, không tìm được tỳ vết nào.

“*Hậu phục ư kinh tự trung tán viết*” (sau đấy, trong phần lời tựa của kinh này, cụ lại ca ngợi rằng), cụ Mai có viết một bài tựa rất dài để giới thiệu bộ kinh này với đại chúng. Bài tựa này hay vô cùng, trong ấy có những câu như thế này: “*Tinh đáng minh xác, tạc nhiên hữu cứ*” (tinh yếu, thỏa đáng, rõ ràng, xác thực, rành rành là có căn cứ). “*Tinh*” là tinh yếu,

“*đáng*” là thỏa đáng, “*minh*” là minh bạch, “*xác*” là xác thực. Sau khi quý vị đọc [lời tựa và bản kinh này], từng câu, từng chữ đều khẳng định, quý vị sẽ không nghi hoặc. “*Tạc nhiên hữu cú*” là dựa theo năm bản dịch gốc, không hề sửa đổi mảy may, ngay cả tên kinh cũng chẳng sửa đổi. Tiêu đề của kinh cũng là hội tập.

“*Vô nhất nghĩa bất tại nguyên dịch chi trung, vô nhất cú dật xuất bốn kinh chi ngoại*” (không nghĩa nào chẳng có trong bản dịch gốc, không một câu nào vượt ngoài nguyên văn), hai câu này cho thấy bản hội này đã sửa trừ khuyết điểm trong hai bản hội tập trước đó, quả thật đã tùy thuận cách dịch, tự mình chẳng dùng ý kiến của chính mình để sửa đổi một chữ nào.

“*Gian sát trầm hối*” (khó khăn, trúc trắc, nặng nề, tối nghĩa), đây là nói về những chỗ trong bản dịch gốc, “*gian*” (艱) là gian nan, rất khó đọc, “*sát*” (澀) là khó hiểu, “*trầm*” (沉) là quá sâu, “*hối*” (晦) cũng là không dễ gì hiểu rõ, trong các bản dịch gốc có những khuyết điểm này. Đây là lý do vì sao kinh này chẳng được lưu hành rộng rãi; đó là vì khi phiên dịch đã dùng những văn tự như thế, quả thật cụ Hoàng đã miêu tả khá chính xác, “*gian sát trầm hối*”. Quý vị đọc các bản dịch gốc sẽ nhận thấy khó hiểu lắm! Còn bản của cụ Hạ thì sao? “*Sử chi sảng lãng*” (khiến cho trôi chảy, rõ ràng), cụ Hạ gạt bỏ những chỗ “*gian, sát, trầm, hối*” này! Đây là “*thủ, xả*” (lấy hay bỏ, tức là chọn phần nào để giữ lại trong bản hội tập, phần

nào bỏ đi), là sự chọn lựa, cân nhắc trong khi hội tập. Phàm những chỗ nào khó khăn, tối nghĩa, trúc trắc, cụ không dùng, cụ chọn lấy những chỗ rất sáng sủa, trôi chảy, khiến quý vị đọc sẽ thấy rất thoải mái. Như trong hiện tại, chúng ta đọc bản này, quý vị đọc thấy thoải mái lắm, không cảm thấy kinh văn quá sâu, mà cũng chẳng khó hiểu, ý nghĩa đều rất rõ rệt, không có chỗ nào tối nghĩa. Điều này khó có lắm! Trong toàn bộ *Đại Tạng kinh*, những chỗ “*gian sát trầm hối, phiền phức trầm mạn*” (khó hiểu, trúc trắc, nặng nề, tối nghĩa, rườm rà, trùng lặp, lan man) được nhắc đến ở đây đúng là rất nhiều! Bản hội tập của cụ Hạ “*quy u giản khiết*” (biến đổi những chỗ nặng nề ấy trở nên đơn giản, rõ ràng), “*Lãng loạn tở thành chỉnh nghiêm*”, tức là cụ Hạ đã điều chỉnh, rút gọn những chỗ luộm thuộm, rườm rà. “*Khuyết sơ tất linh viên mãn*” (khiến cho những chỗ thiếu sót được viên mãn): Những chỗ khiếm khuyết, cụ bèn sắp xếp, bổ sung ý nghĩa, khiến cho [độc giả] đọc đến sẽ thấy ý nghĩa viên mãn. Công việc này chẳng dễ thực hiện, lão nhân gia làm suốt mười năm, chẳng phải là hội tập cầu thả, hời hợt, mà suốt mười năm, mỗi ngày đều nghiên cứu và tu đính.

“*Tất kỳ hữu mỹ giai bị, vô đế bất thâm... Tuy dực bất vị chi thiện bốn, bất khả đắc dã*” (Ất mong cho mọi điều đẹp đẽ đều được hoàn bị, không điều chân thật nào chẳng bao gồm... Dù chẳng muốn bảo là bản văn chẳng hoàn thiện cũng không thể được). Đây là lời đại sĩ Mai Quang Hy đánh giá

bản hội tập này. Cụ Hạ hội tập quá khéo, quả thật là do năm bản dịch gốc ghép lại; quý vị thấy bản này hay lắm, mà nay còn có kẻ hoài nghi. Đó là gì? Đó là nghiệp chướng, kẻ ấy có chướng ngại, phiền não, tập khí, chẳng liễu giải bi trí hoàng nguyện của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Người ta đến thế gian này để làm gì? Đến để thị hiện: Tồn thời gian suốt mười năm nơi bộ kinh này, để làm chuyện hội tập này. Cụ biết pháp môn này, bộ kinh này, trong thời gian dài sau này, sẽ khiến cho vô số chúng sanh do pháp môn này mà đắc độ. Đây là bản kinh tiêu chuẩn. Cụ vì chúng ta làm chuyện này, khó có ngàn ấy, hy hữu dường ấy, chúng ta đã biết thì phải tri ân. Có tri ân, quý vị mới biết báo ân. Chúng ta dùng gì để báo ân? Y giáo phụng hành, trong một đời này, quyết định vãng sanh Tịnh Độ, đến thế giới Cực Lạc gặp cụ Hạ Liên Cư, đó là báo ân cụ đã tiếp dẫn chúng ta.

“Ư thị, tiên sư hội bốn vấn thế dĩ lai, bất hĩnh nhi tẩu” (do vậy, từ khi bản hội tập của tiên sư ra đời, không chân mà đi khắp chốn). “*Hĩnh*” (脛) là bấp chân (phần từ đầu gối xuống đến bàn chân). Không có chân mà đi được, có nghĩa là được truyền bá rất nhanh. Thật ra, cũng chẳng phải là chuyện đơn giản như thế. Hoàng lão cư sĩ bảo tôi: “Thầy tôi là cụ Hạ Liên Cư bảo trong tương lai, bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền vào trong nước”. Trong lúc đó, mọi người bọn họ đều cảm thấy chẳng biết nói sao, làm sao có thể như thế được? Sau này gặp tôi, thật sự là từ hải ngoại truyền

vào trong nước! Chúng tôi là người đầu tiên hoằng dương tại hải ngoại, chỉ có hai ba bản đưa về Đài Loan. Thầy tôi là lão cư sĩ Lý Bình Nam nhận được, đọc lời tựa do thầy mình là cụ Mai Quang Hy viết dài như vậy ở đầu sách, cho nên hết sức nghiêm túc học tập. Do vậy, cụ bắt đầu giảng kinh này tại Đài Trung, giảng bằng bản này, cụ có viết lời mi chú. Khi lão nhân gia bắt đầu giảng bản này tại Đài Trung, tôi vẫn chưa học Phật; sau này, tôi đã học Phật, tới Đài Trung quen biết cụ, cụ tặng cho tôi bản ấy. Tôi đọc xong, hết sức hoan hỷ, thật đấy! Vì lời chú giải của cụ rất rõ ràng, phân đoạn rất rõ rệt, tôi đã toan giảng kinh này, nhưng cụ bảo thời tiết nhân duyên chưa chín muồi đó vậy.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 7



“**U**thi, tiên sư hội bốn vấn thế dĩ lai, bất hĩnh nhi tấu” (do vậy, từ khi bản hội tập của tiên sư được ra đời đến nay, không chân mà đi khắp nơi), xem từ câu này. Cụ Hoàng nói bản hội tập này của cụ Hạ, sau khi in ra, bèn được lưu thông rất nhanh, cho nên không có chân mà đi khắp nơi. “Hĩnh” (脛) là bắp chân (phần từ đầu gối đến bàn chân). “Bất hĩnh”: Mặc dù nó không có chân, nhưng đi rất nhanh, truyền bá rất nhanh chóng. Vì thế, Hạ lão cư sĩ bảo cụ Hoàng Niệm Tổ: “*Trong tương lai, bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền về Trung Quốc*”. Cụ Hạ nói những lời này, các đồng học nghe xong, đều chẳng nghĩ là đúng, cảm thấy rất kỳ quái. Mãi sau này, mấy chục năm sau, quả nhiên như thế. Do vậy biết: Pháp vận hưng hay suy, lão nhân gia đã thấy hết sức rõ ràng. Thuở ấy, lúc ban đầu in ra không nhiều lắm. Lần trước tôi đã nói, pháp sư Từ Châu tại Tế Nam đã giảng bản hội tập này. Trong lần trước, tôi đã thưa cùng quý vị, lúc ấy bản hội tập này nói chung chưa có phiên bản cố định, lão nhân gia (cụ Hạ Liên Cư) đã sửa chữa cả mười lần. Bản mà pháp sư Từ Châu đã dùng chưa phải là bản tu đính cuối cùng, chưa phải là bản hoàn chỉnh cuối cùng. Vì từ bản khoa phán của Ngài, tôi thấy: Bản hội tập mà lão nhân đã dùng, toàn bộ kinh văn được chia thành ba mươi bảy phẩm, có lẽ là dùng ý nghĩa Ba Mươi Bảy Đạo Phẩm. Tôi có một quyển

khoa phán gồm ba mươi bảy phẩm này. Bản khoa phán ấy chẳng dựa trên bản hiện thời chúng ta đang dùng. Bản hiện tại là bản hoàn chỉnh cuối cùng, tổng cộng gồm bốn mươi tám phẩm; nhưng đối với *Đại Kinh*, pháp sư Từ Châu được coi như là người đã lập ra tiền lệ đầu tiên, đem phần khoa phán ghép thêm vào cuối kinh. Tôi dựa theo bản khoa phán của lão nhân gia, nhưng dùng chính kinh theo bản hội tập hiện tại, để viết khoa phán tỉ mỉ hơn, chia đoạn rất chi tiết. Chúng ta có Khoa Hội, tức là khoa phán và kinh được xếp chung một chỗ. Bản khoa hội này cũng được lưu hành với số lượng rất lớn. Phải biết là ở nơi đây chúng ta không có triệp điệp bản, mà có trang đính bản^{28[2]}, có khoa hội. Còn có một bản in chung kinh văn và lời mi chú của cụ Lý, khoa hội và mi chú được in chung thành một bản. Bản này cũng in rất nhiều, có thể giúp học nhân học tập, nghiên cứu *Đại Kinh*.

“Phật giới tôn túc đa dĩ hội bốn văn giản, nghĩa phong” (Các bậc tôn túc trong giới Phật giáo đa số công nhận bản hội tập văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú). Quả thật, so với các bản dịch gốc và hai bản hội tập trong quá khứ, văn tự của bản hội tập này đơn giản và dễ hơn rất nhiều, ý nghĩa lại còn hết sức viên mãn. Những điều thiếu sót trong hai bản hội tập trước đã được cụ Hạ bổ sung toàn bộ, điều này rất khó có. *“Từ sương, Lý viên”* (Từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn):

28 [2] Triệp điệp (摺疊) là in các trang thành một tờ giấy dài, rồi xếp lại thành sách, không đóng gáy, chỉ dán bìa cứng vào trang đầu và trang cuối. Trang đính (裝訂) bản là in thành sách như ta thường thấy, thường có bìa cứng.

Lý viên mãi chẳng khiếm khuyết, văn tự hết sức trôi chảy, khiến người đọc rất thoải mái. “Giảng, thuyết, tán dương, lưu bá trung ngoại” (giảng, nói, tán dương, lưu truyền trong ngoài nước), dùng bản này để giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, giảng thuật, tán thán, tuyên dương, lưu truyền trong ngoài nước. Chúng tôi rất nỗ lực thực hiện công tác này, bắt đầu từ lúc nào? Sau khi cụ Lý Bình Nam vãng sanh. Khi lão nhân gia còn sống, chúng tôi muốn làm, nhưng thầy không đồng ý, nói bản này có những điều bị tranh luận, quả thật có những điều bị chướng ngại trong Phật môn. Khi ấy, tôi muốn giảng kinh này, thầy nói: “Chưa được! Tuổi anh quá trẻ, chưa đủ uy tín. Nếu giảng kinh này, người khác phê bình, anh sẽ chống đỡ không nổi”. Vì thế, khi tôi đem bản này in một ngàn cuốn. Tôi nhớ là vào dịp sinh nhật năm mươi tuổi của Hàn Quán Trưởng, chúng tôi muốn giảng kinh này để chúc thọ bà ta, thầy Lý không đồng ý, chúng tôi bèn đổi thành giảng kinh *Lãng Nghiêm*, mọi người sẽ chẳng bàn ra nói vào nữa! Những thứ tranh luận, dị nghị kinh này quá nửa đều do ganh ghét, chướng ngại, từ xưa tới nay không thể nào tránh được chuyện này. Nay chúng ta sanh nhằm thời kỳ mạt pháp, bất luận đức hạnh hay trí huệ đều kém cổ nhân, ngay cả cổ nhân cũng gặp khó khăn nhiều dường ấy. Vì thế, chúng ta biết cụ Hoàng Niệm Tổ chú giải bản kinh này chẳng dễ dàng, vô cùng gian nan. Chúng ta phải hiểu chân tướng sự thật này.

“*Kiến giả, văn giả, hoan hỷ tín thọ, trì tụng, ấn hành, lạc dịch bất tuyệt*” (Người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận, trì tụng, ấn hành liên tục chẳng dứt). Câu này là sự thật. Sau khi cụ Lý Bình Nam vãng sanh, khi đó tôi đang ở Mỹ, xướng suất in bộ kinh điển này tại Mỹ. Do thầy Lý chỉ có một bản hội tập này, khi giảng giải, cụ đã tự tay viết lời mi chú bằng bút lông, viết theo lối Tiểu Khải và Hành Thư^{29[3]}, viết hết sức hay. Lão nhân gia cho tôi bản này, tôi gìn giữ đã nhiều năm như thế, chưa có người nào khác đọc. Cụ vãng sanh, tôi lấy bản này ra, phát tâm in một vạn bộ để lưu thông, nhằm kỷ niệm ngày thầy vãng sanh. Sau khi mọi người đọc bản này, thật sự, giống như cụ Hoàng đã nói ở đây: “*Kiến giả, văn giả, hoan hỷ, tín thọ*” (người thấy, kẻ nghe, ưa thích, tin nhận), trì, tụng, ấn hành liên tiếp. Vì thế, hiện thời bản này lưu hành trên cả thế giới với số lượng rất lớn; trong quá khứ, chúng tôi đã giảng mười lần, CD/DVD cũng được lưu hành rất rộng.

“*Cận thả mônng hải ngoại Phật học giới thân nhập tân ấn chi Tục Tạng*” (Gần đây, lại còn được giới Phật học ở hải ngoại đưa bản này vào bản in mới của *Tục Tạng Kinh*). Có

29 [3] Khải Thư (楷書) còn gọi là Chánh Khải, Khải Thể, Chánh Thư, hoặc Chân Thư là lối viết chữ mực thước, ngay ngắn, cân đối, đầy đủ nét, không hoa dạng, bay bướm. Chữ Khải có nghĩa gốc là “khuôn mẫu, mực thước”. Tiểu Khải là loại chữ Khải nhỏ từ 5cm trở xuống, lớn hơn 5cm sẽ gọi là Đại Khải. Bốn nhân vật viết chữ Khải đẹp nhất được xưng tụng từ trước đến giờ là Âu Dương Tuân, Nhan Chân Khanh, Liễu Công Quyền (ba người này sống vào đời Đường) và Triệu Mạnh Phủ (đời Nguyên) hình thành bốn phong cách viết chữ Khải riêng biệt, thường được gọi là Âu Thể, Nhan Thể v.v..

Hành Thư (行書) còn gọi là Hành Khải, được hình thành vào cuối đời Hậu Hán. Hành Thư thường được dùng để viết cho nhanh, nét viết mềm mại, tròn trịa hơn Khải Thư, chủ yếu dùng trong thư tín hay ghi chép cho nhanh, có thể ghi tắt vài nét, nhưng không quá phóng túng, tung hoành như lối chữ Thảo. Những người nổi tiếng về thư pháp theo kiểu Hành Thư là Vương Hy Chi, Phùng Thừa Tố..

ý nghĩ này, nhưng mãi cho đến hiện thời vẫn chưa thể thực hiện. Tại hải ngoại, đã qua nhiều năm như thế, họ đã in *Đại Tạng Kinh* không ít lần, nhưng chưa đưa bộ kinh này vào *Tục Tạng*, chuyện này đợi chúng ta trong tương lai nỗ lực, nhất định sẽ làm được.

“*Hành kiến đại kinh quang minh, thường chiếu thế gian*” (khiến cho quang minh của Đại Kinh thường chiếu trong thế gian), những điều này đều là thật.

“*Tích hiền hội tập chi thắng nguyện, hạnh cáo viên thành*” (Ý nguyện hội tập thù thắng của bậc hiền nhân thuở xưa may sao đã được thành tựu viên mãn). Trong quá khứ, đã có nhiều người mong hoàn thành một bản hội tập cho kinh *Vô Lượng Thọ*, muốn làm thành một bản tiêu chuẩn để lưu hành. Vương Long Thư đã làm, Ngụy Mặc Thâm cũng làm, nhưng đều có những chỗ đáng tiếc nuối, đều có khuyết điểm. Vì vậy, cụ Hạ thực hiện công tác này lần thứ ba, đối với những thiếu sót của người đi trước cụ đều có thể sửa chữa viên mãn, trở thành một bản đúng như cụ Hoàng Niệm Tổ đã nói: “*Văn giản, nghĩa phong, từ sướng, Lý viên*” (văn từ giản dị, nghĩa lý phong phú, từ ngữ lưu loát, Lý viên mãn), giống như cư sĩ Mai Quang Hy đã nói: “*Tuy dục bất vị chi thiện bốn, bất khả đắc dã*” (Tuy muốn bảo chẳng phải là bản tốt nhất cũng không thể được), nhân duyên hy hữu khó gặp! Ở đây, cụ Hoàng viết: “*Vô Lượng Thọ Kinh chi thiện bốn*”, tức là bản hoàn mỹ nhất, “*ư tư khánh hiện, thử thật*

vi hy hữu nan phùng chi đại sự nhân duyên dã” (nay mừng được xuất hiện, đây thật sự là một đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp vậy). Chớ nên xem thường, chúng ta phải có sự nhận thức này!

Nay chúng ta may mắn gặp được bản hội tập này, cũng là đại sự nhân duyên hiếm có, khó gặp mà chúng ta đã được gặp! Trong quá khứ, tôi đã giảng giải mười lần, mấy lần trước, tôi không đọc bản chú giải này, mà dựa theo lời mi chú của thầy Lý để giảng giải bộ kinh này. Tôi nhớ lần đầu tiên giảng giải là ở Tân Gia Ba (Singapore), lần thứ hai cũng tại Tân Gia Ba, hoặc là lần đầu tiên tại Mỹ, lần thứ hai tại Tân Gia Ba, thời gian đã dùng để giảng là sáu mươi tiếng đồng hồ; vì tôi đến Tân Gia Ba giảng kinh một tháng, mỗi ngày giảng hai tiếng, giảng một tháng bèn viên mãn. Băng thâu âm được lưu hành rất nhanh, phạm vi lưu hành lại còn hết sức rộng, ai trông thấy cũng đều ưa thích.

“Niệm Tổ nãi cụ phước hạ phàm” (Niệm Tổ là phàm phu hạ căn đầy đầy triền phước), đây là lão nhân gia khiêm hư.

“Mậu mộng tiên sư dĩ chú giải hoằng dương thử kinh chi đại sự tương chúc” (được tiên sư làm lần giao phó đại sự chú giải, hoằng dương kinh này), ở đây toàn là lời lẽ khiêm tốn: Thầy đã làm yêu thương ta, ta không có năng lực, mà thầy mong mỏi ta làm. Chuyện này quả thật chẳng dễ dàng, kinh đã được hội tập, nhất định phải chú giải. Không có chú

giải, dấu có nghĩa lý huyền áo rất sâu trong ấy, kẻ mới học chẳng dễ gì nhận ra! Vì thế, chú giải là chuyện tất yếu; trong lời tựa ở đầu bản chú giải này, tôi cũng nhắc đến chuyện ấy. Hoằng dương kinh này thì dùng chú giải để hoằng dương. Nay chúng ta dùng phương thức diễn nghĩa để hoằng dương bản chú giải này, cũng đều là đại sự chẳng thể nghĩ bàn. Cụ Hoàng chú giải kinh là do nhận lãnh lời phó thác của thầy, đấy cũng là mệnh lệnh của thầy, thầy căn dặn đó là chuyện cụ phải làm trong một đời này. Đời cụ Hạ đã hoàn thành công tác hội tập kinh, cụ Hoàng Niệm Tổ nối tiếp, soạn một bản chú giải cho *Đại Kinh*.

“Dư tuy sơ phát đại tâm, đản dĩ chướng thâm huệ thiểu, thừa thử trọng mạng, thật thâm hoảng cụ” (Tôi thoát đầu tuy phát đại tâm, nhưng vì chướng sâu, huệ cạn, vâng lãnh sứ mạng nặng nề này, thật sợ hãi sâu xa). Sứ mạng này quá nặng nề! Ở chỗ này, chúng ta thấy lão nhân gia khiêm hư, có thể là quá khiêm hư. Lão nhân gia đã hoàn thành nhiệm vụ này, chẳng cô phụ lời thầy phó chúc, chúng ta phải cảm ơn cụ.

Tiếp đó, cụ tường thuật nhân duyên: *“Sở hạnh tăng tham tiên sư giảng tịch, thân văn thử kinh toàn bộ”* (may là đã từng được nghe tiên sư giảng giải, đích thân nghe giảng toàn bộ kinh này). Sau khi hội tập, cụ Hạ đã đích thân giảng bộ kinh này. Cụ Hoàng Niệm Tổ có duyên phận ấy, đích thân nghe thầy giảng toàn bộ kinh này, chẳng thiếu một buổi giảng nào.

“*Thả ư nhập tải tùy thị chi trung*” (lại còn theo hầu thầy suốt hai mươi năm). Đây là nói cụ đã theo thầy hai mươi năm, chẳng phải trong thời gian ngắn ngủi, hai mươi năm không rời thầy.

“*Đắc linh Thiên, Tịnh, Mật các tông huyền áo, thô hiểu tiên sư hội tập đại kinh chi thâm tâm*” (được nghe những điều huyền diệu, sâu xa trong các tông Thiên, Tịnh, Mật, hiểu sơ lược thâm tâm hội tập *Đại Kinh* của tiên sư). Theo thầy hai mươi năm, mỗi ngày nghe thầy giảng kinh, thuyết pháp. Cụ Hạ Liên Cư thông Tông, thông Giáo, Hiểu Mật viên dung, tuy là tại gia, nhưng thật sự là một vị đại đức trong Phật môn thuở ấy. Có trí huệ, năng lực, từ bi như vậy thì mới có thể thực hiện viên mãn chuyện này để truyền cho những kẻ hữu duyên trong chín ngàn năm sau trong thời mạt pháp. Gặp được kinh này chính là kẻ hữu duyên, gặp kinh này sẽ có cơ hội đắc độ, rất khó có! Đây là nói rõ nhân duyên vì sao cụ được thầy phó chúc làm đại sự này. Đương nhiên, thầy hiểu rõ trò. Theo thầy suốt hai mươi năm, trò có trí huệ hay không, có tâm từ bi hay không, có thể đảm nhiệm sứ mạng này hay không, đương nhiên thầy hiểu rất rõ ràng, chọn trúng cụ Hoàng Niệm Tổ. Do vậy, tôi thường nói: Vừa nghe đến tên họ của lão nhân gia, tôi liền bảo mọi người, vị này là truyền nhân của cụ Hạ, khích lệ, cổ vũ mọi người hãy thân cận cụ cho nhiều. Duyên phận và phước phần này đều chẳng thể nghĩ bàn!

“*Lục thập niên đại sơ*” (đầu thập niên sáu mươi), “*lục thập niên đại*” là năm 1960, vào đầu năm 1960.

“*Tăng thí tả thử kinh huyền nghĩa chi đề cương nhất sách, trình sư giám hạch, hạnh môn ấn khả*” (từng thử viết một bản đề cương cho kinh này, trình lên thầy giám định, may mắn được thầy ấn khả). Cụ chuẩn bị công tác sơ bộ, viết đề cương; đề cương là gì? Là phần *Khái Luận* mà chúng ta nay đang học tập, cụ gọi phần này là *Khái Yếu*. Trong quá khứ, khi tôi giảng kinh đã dùng phần tài liệu này của cụ để viết đại cương, có lẽ các đồng học đã đọc, trong quá khứ tôi đã giảng nhiều lần. Tôi lấy phần *Khái Yếu*, trích lục những điểm tinh yếu trong đó, làm như vậy, trong các buổi giảng sẽ có thể rút ngắn thời gian. Tuy đã rút ngắn, đại khái cũng phải giảng mất mười mấy giờ, nhằm giới thiệu ý nghĩa trọng yếu của cả bản kinh với đại chúng. Cụ Hoàng viết đề cương phần *Huyền Nghĩa* đưa cho cụ Hạ xem, được đồng ý, chấp nhận.

“*Đản kinh Văn Cách họa kiếp, thử cảo dĩ đặng nhiên vô dư*” (nhưng trải qua cơn kiếp nạn Cách Mạng Văn Hóa to lớn, bản thảo ấy đã mất sạch chẳng còn). Khi ấy, cụ cũng gặp nạn Cách Mạng Văn Hóa, cũng bị lôi ra “*phê đấu*” (phê bình, đấu tố), nhà cửa cũng bị lục soát, tịch biên, những thứ đã viết lách đều bị thiêu sạch, trải qua cơn kiếp nạn to lớn ấy.

“*Hiện dư niên du cổ hy*” (nay tuổi đã ngoài bảy mươi), cổ nhân gọi bảy mươi tuổi là “*cổ hy*”. Câu “*nhân sanh thất thập*

cổ lai hy” (xưa nay, hiếm người sống đến bảy mươi tuổi) là do Đỗ Phủ đời Đường đã nói. Vì vậy, bảy mươi tuổi được gọi là *“cổ hy chi niên”*, Khi tôi gặp lão nhân gia, cụ đã ngoài bảy mươi tuổi.

“Phục đa túc tật” (lại lắm bệnh cũ), tuổi già thân chẳng khỏe, rất nhiều bệnh tật.

“Quý tâm ân chi vị báo, cụ vô thường chi tương chí” (thẹn ơn sâu chưa báo, sợ vô thường xảy tới), đây là lời thật. Sứ mạng thầy đã giao phó chưa hoàn thành, làm sao xứng với thầy? Tuổi già, lắm bệnh, sợ lắm, sợ thọ mạng không đủ để hoàn thành việc này, thường nặng lòng vì chuyện này.

“Ư thị, phẩn lão bệnh chi tàn thân, kế truyền đặng chi hoẵng thệ” (Do vậy, gắng gượng tám thân tàn già bệnh, kế tục hoẵng thệ truyền đặng). Chúng tôi đích thân thấy chuyện này, đêm nối tiếp ngày, cụ làm chuyện này chẳng nghỉ ngơi để viết bản chú giải này.

Viết chú giải cũng chẳng dễ dàng! Sau khi viết xong, không vừa ý lại sửa chữa, đến cuối cùng khi đã sửa chữa hoàn chỉnh, tôi đã kể với quý vị, lúc ấy cuốn sách này chỉ được in bằng ronéo. Tôi tin bản do cụ đem sang Mỹ tặng cho tôi, phải là bản in ronéo rõ ràng nhất, tốt nhất, cụ tặng cho tôi một quyển. Sau khi tôi đọc xong một lượt, hết sức vui thích, vô cùng bội phục, rốt cuộc kinh *Vô Lượng Thọ* có một bản chú giải hay như thế, đúng là khó có! Tôi bèn thỉnh

giáo lão nhân gia: “Cụ có giữ bản quyền hay không?” Cụ bảo: “Không giữ bản quyền!”. Không giữ bản quyền thì tôi bèn in lại. Do vậy, tại Đài Loan, tôi in lần đầu một vạn cuốn, in thành một quyển đóng bìa cứng. Bản của cụ vốn là bốn cuốn, in thành bốn cuốn, chúng tôi đổi thành một cuốn đóng bìa cứng, chính là bản hiện thời quý vị đang cầm trên tay. Bản này đã được in mấy lượt; bản gốc chúng tôi dùng để in một vạn cuốn nay vẫn rất dễ tìm thấy, nguyên bản ở phía trước có rất nhiều ảnh chụp, có hình lão pháp sư Huệ Minh chứng minh cho cụ Hạ Liên Cư, tôi đều đem in ở đầu sách. Tinh thần ấy khó có lắm!

“Dĩ thử thân tâm, cúng dường Tam Bảo, bố thí khách, toàn lực chú kinh” (Đem thân tâm này cúng dường Tam Bảo, đóng cửa, không tiếp khách, dốc toàn lực chú giải kinh), không gặp ai, đem hết thầy tinh lực, thời gian, tinh thần dồn vào việc chú giải kinh. Chú giải kinh phải sưu tập tài liệu tham khảo, khó có lắm! Tôi cho rằng cụ được Phật, Bồ tát che chở, gia trì; hễ cụ nghĩ phải cần những tài liệu nào, đều có người tặng cho. Tôi từng xem những tài liệu trong thư phòng của cụ, tôi cũng phải than là quá tuyệt diệu, đúng là chẳng dễ dàng, từ đâu mà tìm được nhiều thứ như thế? Âm thầm được oai thần gia trì, những tài liệu cụ cần đều có thể tìm được.

“Ký báo tiên sư kỳ thập phương tam thế thượng sư Tam Bảo, dĩ pháp giới chúng sanh chi tâm ân ư vạn nhất” (mong

báo một phần trong muôn phần ơn sâu của tiên sư, mười phương ba đời thượng sư, Tam Bảo và pháp giới chúng sanh). Chân thành, thanh tịnh, từ bi, tâm báo ân, trên báo ơn Phật, báo ơn thầy, dưới báo đáp ơn của hết thầy chúng sanh và pháp giới chúng sanh. Đọc đến chỗ này, chúng ta phải biết cảm ơn, cụ viết bộ sách này khổ cực quá! Vì ai mà viết? Nay chúng ta có được quyển sách này thì cụ vì tôi mà viết, quý vị có được một quyển sách này tức là cụ đã vì quý vị mà viết, thật đấy, chẳng giả đâu! Quý vị đã có, có thể đọc hiểu bản chú giải này, đoạn nghi hoặc, buông xuống tạp niệm, nhất tâm niệm Phật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ai tiếp dẫn? Hoàng lão cư sĩ tiếp dẫn, quý vị mới hiểu công đức to lớn này!

Chúng tôi thiếu trí huệ, không có năng lực này, viết không được, bèn phát tâm; hiện thời ấn hành lưu hành thuận tiện lắm. Đây chính là chúng ta báo đáp một phần trong muôn phần ân đức của lão nhân gia, tuyên truyền bản chú giải của cụ. Trên thế giới này, càng có nhiều bản này càng tốt. Vì sao? Trong kinh này, đức Phật đã nói, trong tương lai, đến lúc Phật pháp bị diệt, tức là vào chín ngàn năm sau, Phật pháp bị diệt trên thế gian này, kinh *Vô Lượng Thọ* bị diệt cuối cùng. Sau khi hết thầy các kinh bị diệt, kinh *Vô Lượng Thọ* còn tồn tại trên thế gian này một trăm năm. Một trăm năm sau đó, kinh *Vô Lượng Thọ* cũng chẳng còn, hãy còn một câu “Nam-mô Phật A Di Đà”. Gặp được

danh hiệu này cũng là có duyên phận đặc biệt, có thể đặc độ. Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn! Đức Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng chẳng thể nghĩ bàn, phiên dịch chẳng thể nghĩ bàn, hội tập chẳng thể nghĩ bàn, chú giải cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta y giáo phụng hành, chính mình được lợi ích; bản thân ta được lợi ích, mà cũng sẽ ảnh hưởng tới người khác, người ta thấy quý vị như thế sẽ bị cảm động, tự nhiên học theo quý vị. Do vậy, quý vị tự hành là hóa tha. Huống chi, nếu quý vị có thể giảng giải, diễn nói cho người khác, đây là tài liệu tham khảo để quý vị diễn thuyết, quý vị có thể in và phát hành rộng rãi.

Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta học Phật cũng phải vận dụng linh hoạt. Quý vị đem một quyển sách to như vậy tặng cho người khác, người ta vừa nhìn thấy: “Dày quá! Tôi không có thời gian đọc!”. Tuyên dương Tịnh Tông, quả thật là trong thời đại hiện tại, so với bất cứ tông nào khác cũng dường như thuận lợi, hưng vượng hơn, do nguyên nhân nào? Đặc lực nhờ công cụ khoa học kỹ thuật! Chúng ta học tập ở đây, mười lần giảng diễn trong quá khứ, chúng ta có CD/DVD, có vệ tinh, có Internet, có nhiều thứ thuận tiện như thế, cho nên tiếp dẫn nhiều người hơn. Trong quá khứ không có, trong quá khứ phải nhờ vào sách, số lượng sách ít ỏi, lại còn phải phụ thuộc vào người đọc, người ta không đọc thì làm gì được nữa? Đĩa CD/DVD lưu hành với số lượng lớn. Hiện thời, khoa học ngày càng tiến bộ, lúc ban đầu chúng tôi

giảng kinh, một đĩa CD chỉ thâu được một giờ. Lần giảng tại Tân Gia Ba, được lưu hành tại Trung Quốc Đại Lục là sáu mươi đĩa CD, chẳng ít! Hiện tại thì sao? Hiện thời chừng hai đĩa, từ sáu mươi đĩa biến thành hai đĩa, ngày càng tiến bộ. Tôi tin là sau đôi ba năm nữa, một đĩa sẽ thâu được sáu mươi giờ, đối với mọi người, học tập quá thuận tiện. Tôi còn đề xướng đọc tụng kinh *Vô Lượng Thọ*, quý vị không muốn đọc bản này, bèn mở TV sẽ có tiết mục đọc tụng. Trong phần đọc tụng ấy có kinh văn, có âm thanh, nhưng không có hình ảnh ai cả! Có kinh văn, có âm thanh đọc tụng, giúp đỡ quý vị! Đây là nói về nhân duyên lão cư sĩ chú giải kinh.

Tiếp theo đó là giới thiệu kinh này kế lý, kế cơ, khó có nhất. “*Phục dĩ bốn kinh chi thù thắng tại u kế lý, kế cơ*” (lại nữa, kinh này vốn thù thắng ở chỗ kế lý, kế cơ). Lý là gì? Lý là tự tánh. Huệ Năng đại sư là người Trung Quốc, chúng ta nói tới Ngài là một nhân vật đặc biệt thân thiết, nhất là đối với người Quảng Đông, chúng ta đang ở địa bàn tỉnh Quảng Đông, đặc biệt thân thiết! Lão nhân gia khai ngộ khi chưa tròn hai mươi bốn tuổi. Chúng ta gọi Ngài là “*lão nhân gia*”, vì Ngài có đức hạnh; thật ra, Ngài chưa già, hai mươi bốn tuổi mà! Khi khai ngộ, Ngài đã nói năm câu, hai mươi từ: “*Hà kỳ tự tánh*”, nghĩa là không ngờ tự tánh, tự tánh như thế nào? “*Bốn tự thanh tịnh*” (vốn tự thanh tịnh), đây là câu đầu tiên; “*bốn bất sanh diệt*” là câu thứ hai, “*bốn tự cụ túc*” (vốn tự đầy đủ). “*Cụ túc*” là như Phật Thích Ca Mâu Ni đã

nói trong kinh *Hoa Nghiêm*: “*Hết thảy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, vốn tự trọn đủ, “*cụ túc*” là trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, đấy là những thứ có trong tự tánh. “*Bổn vô dao động, năng sanh vạn pháp*” (vốn chẳng lay động, có thể sanh ra vạn pháp). Có thể sanh ra vạn pháp là có thể hiện vũ trụ, có thể hiện vạn vật. Ta do đâu mà có? Do tự tánh biến hiện! Vì thế, [tự tánh] có thể sanh, có thể hiện, có thể biến; hết thảy vạn pháp là cái được sanh, cái được hiện, cái được biến. Cái có thể sanh là Lý, cái được sanh chính là Sự; Khế Lý! Tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã, tự tánh vốn sẵn có đức năng, đấy là Lý. “*Cơ*” (機) là nói về chúng sanh, về đối tượng, tức đối tượng của bộ kinh này, nghĩa là ai có thể học? Bất cứ ai cũng đều có thể học, thích hợp khắp ba căn thượng, trung, hạ, lợi căn lẫn độn căn đều thâm tóm toàn bộ. Hai đoạn tiếp theo đây sẽ nói về vấn đề này.

Trước hết, nói về Lý, “*Lý giả, Thật Tế Lý Thể, diệc tức Chân Như Thật Tướng, chân thật chi bốn tế dã*” (Lý là Thật Tế Lý Thể, cũng tức là Chân Như Thật Tướng, là gốc rễ chân thật). Câu này giảng về Lý. Lý là gì? Tôi vừa mới trình bày một cách dễ hiểu cùng quý vị, [những ý nghĩa ấy] hoàn toàn giống với ba câu nói [của cụ Hoàng] ở nơi đây. “*Thật*” (實) là chân thật, “*Thật Tế*” (實際) là quyết định chẳng giả, nó là Lý Thể, còn gọi là Tự Tánh, tức là cái được gọi là Năng Sanh, Năng Hiện, Năng Biến (cái có thể sanh, hiện, biến). Lý ở nơi

đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Nó chẳng phải là tinh thần, mà cũng chẳng phải là vật chất, nó không có hình tướng, sáu căn chẳng thể tiếp xúc được, chúng ta không thể tưởng tượng được. Hễ quý vị suy tưởng là trật mất rồi! Đến khi quý vị điều gì cũng không suy tưởng nữa, nó bèn hiện tiền. Vì vậy, trong kinh Phật thường gọi chuyện này là “*chẳng thể nghĩ bàn*”, nghĩa là quý vị chẳng thể tưởng, mà cũng chẳng thể nói, nói không được! Nó còn được gọi là Chân Như Thật Tướng. Thật Tướng là chân tướng, Chân Thật Bản Thể, nói theo cách bây giờ, trong Triết học gọi bản thể chân thật là Bản Thể Luận (Ontology). Trong Triết học, cho đến hiện thời vẫn chưa thể giảng rõ khái niệm “bản thể” (noumenon) này, chưa thể luận định chắc chắn, nhưng trong Phật pháp đã giảng rõ ràng, minh bạch, chẳng có mấy may nào mơ hồ. Vì sao? Nhiều người đã chứng đắc. Phật Thích Ca Mâu Ni chứng đắc đầu tiên dưới cội Bồ đề. Trong số các học trò [của Ngài], cũng có nhiều vị chứng đắc, chứng đắc bèn gọi là “*thành Phật*”. Tại Trung Quốc, lịch đại tổ sư đại đức thật sự chứng đắc cảnh giới này có đến mấy ngàn vị. Trong *Truyền Đăng Lục* của Thiền Tông, có một ngàn bảy trăm công án, đấy chính là có tới một ngàn bảy trăm người chứng đắc, chẳng phải là một người. Ngoài ra, còn có Giáo Hạ, “*đại khai viên giải*” cũng là cảnh giới này. Tịnh Độ Tông niệm đến Lý nhất tâm bất loạn cũng là cảnh giới này. Lý nhất tâm bất loạn là minh

tâm kiến tánh. Vì thế, chuyện này chẳng giả. Sau khi chứng đắc, quý vị để các Ngài trình bày, tức là để cho mỗi một vị đã chứng đắc giải thích [cảnh giới chứng đắc, sẽ thấy] ý nghĩa tương đồng, đại đồng tiểu dị, tuy lời lẽ không hoàn toàn giống, nhưng ý nghĩa hoàn toàn như nhau. Chuyện này chẳng phải giả, mà là hội đủ tinh thần khoa học trong ấy. Họ không cần tới các dụng cụ khoa học để cầu chứng đắc, họ dùng công phu Thiền định. Thiền định là gì? Buông xuống! Buông vọng tưởng xuống, buông phân biệt xuống, buông chấp trước xuống, bèn chứng đắc.

Trên thực tế, chúng ta và hết thầy chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau. Vì thế, trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn thường nói: “*Hết thầy chúng sanh vốn là Phật*”, lời này là thật, chẳng giả tí nào! Nay vì sao biến thành như vậy? Mê rồi, mê mất tự tánh, trọn chẳng phải là tự tánh không có, tự tánh vẫn tồn tại, nhưng quý vị đã mê rồi! Trong kinh *Lăng Nghiêm* có một tỷ dụ rất hay: “*Diễn Nhã Đạt Đa, mê đầu nhận ảnh*” (chàng Diễn Nhã Đạt Đa soi gương, thấy đầu mình chiếu trong gương bèn mê cuồng), đức Phật đã kể chuyện này. Nói rõ điều gì? Nói rõ phàm phu chúng ta mê mất nơi hình dáng của Tự Tánh. Ngôn từ là bề ngoài, là văn tự, danh tướng, quý vị học những thứ này, không có cách nào nhận biết đạo lý chân thật. Tâm quý vị càng thanh tịnh, càng hiểu sâu; đến khi tâm bình đẳng hiển hiện, gần như là chưa khai ngộ thì cũng mấp mé khai ngộ! Thanh tịnh là Kiến

Tư thiền nào mỏng nhẹ. Đoạn Kiến Tư thiền nào, tâm thanh tịnh thật sự hiện tiền; Trần Sa thiền nào đoạn rồi, tâm bình đẳng hiện tiền. Tâm chúng ta bất bình đẳng thì làm gì được? Vì sao chẳng bình đẳng? Có Ngã! Có Ngã sẽ chẳng bình đẳng; nói chung, sẽ nghĩ ta giỏi hơn người khác một chút, đó là ngạo mạn. Chư vị phải biết: Hễ có Ngã, bèn có ngạo mạn, quý vị chẳng thừa nhận cũng không được! Đức Phật nói rất hay, vì sao? Quý vị có Ngã là có Mạt Na Thức, bốn đại phiền não thường phụ thuộc Mạt Na Thức. Bắt đầu có từ khi nào? Trong pháp *Đại thừa*, có một câu mà hết thầy mọi người đều biết: “*Phụ mẫu vị sanh tiền bản lai diện mục*” (diện mạo vốn có trước khi được cha mẹ sanh ra). Đó chính là Ngã, chẳng phải là được cha mẹ sanh ra rồi mới có Ngã. Trước khi được cha mẹ sanh ra đã có Ngã. Người bình thường chúng ta gọi Ngã là “*linh hồn*”. Nói theo Phật pháp, không gọi là linh hồn, mà gọi là “*linh tánh*”. Kẻ ấy có Ngã Chấp hay không? Có! Có Ngã Chấp thì gọi là “*linh hồn*”, không có Ngã Chấp sẽ gọi là “*linh tánh*”. Vì sao? Không gian hoạt động của kẻ ấy không ra khỏi lục đạo luân hồi, kẻ ấy chuyển vần trong lục đạo, không thoát ra được. Vì sao? Mê rồi! Nếu kẻ ấy giác ngộ, sẽ vượt thoát lục đạo; chẳng gọi là “*linh hồn*” nữa, mà gọi là “*linh tánh*”, hoạt động trong không gian lớn hơn, không gian hoạt động của kẻ ấy là mười pháp giới. Vì sao kẻ ấy vẫn chưa vượt thoát mười pháp giới? Còn có khởi tâm động niệm, do chưa phá vô minh. Sau khi phá vô minh, danh từ “*linh tánh*”

cũng chẳng còn, mà gọi là “*tự tánh*”, đã trở về nguồn, tức là trở về tự tánh. Khi ấy gọi là gì? Gọi là Phật, chân Phật, chẳng phải giả Phật. Một thứ mà có tới ba danh từ (linh hồn, linh tánh, tự tánh), một mà ba, ba mà một!

Như vậy thì chúng ta chỉ cần một niệm bị mê, hể mê thì tự tánh của chúng ta biến thành A Lại Da Thức. Trong ba tế tướng của A Lại Da Thức, Chuyển Tướng chính là Mạt Na Thức. Cái đầu tiên trong Mạt Na Thức là Ngã Kiến. Ngã Kiến là chấp trước có Ngã. Lấy gì làm Ngã? Chấp trước một phần của A Lại Da Thức, nói theo kiểu bây giờ sẽ là “một phần năng lượng”, mọi người dễ hiểu hơn. Nói theo danh từ hiện tại là một phần vật chất, có lẽ chúng ta không nói “năng lượng”, mà nói rõ ràng hơn một chút là “một phần thông tin”. Mạt Na là thông tin^{30[5]}, A Lại Da là năng lượng, tướng cảnh giới là vật chất. Theo khoa học hiện đại, trong vũ trụ chỉ có ba thứ là năng lượng, vật chất, và thông tin. Ba tế tướng của A Lại Da (chuyển tướng, vô minh nghiệp tướng và cảnh giới tướng) có cùng một ý nghĩa [với năng lượng, vật chất và thông tin trong cách diễn giải của khoa học], nhưng họ (các khoa học gia) giảng không rõ ràng lắm. Vật chất do đâu mà có? Thông tin do đâu mà có? Năng lượng do đâu mà có? Họ chẳng nói được!

30 [5] Nguyên văn “tín tức” (信息). Đây là cách người Hoa dịch chữ Information. Theo *Wikipedia*, Information hiểu theo nghĩa hạn chế nhất sẽ là tập hợp các thông điệp chứa đựng các ký hiệu được sắp xếp theo một trình tự nhất định, có thể thu nhận hoặc chuyển tải. Theo nghĩa rộng, Information là bất cứ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến trạng thái của một hệ thống. Nó có thể bao gồm tất cả những ý nghĩa như dữ liệu, điều kiện hạn chế, kiến thức, những hướng dẫn, nhân tố kích thích tinh thần, mô thức, sự tiếp nhận v.v... Chúng tôi tạm dịch Information thành “thông tin” theo cách dịch phổ biến hiện thời, tuy vẫn không cảm thấy thỏa đáng lắm.

Trong Phật pháp nói đến Nhất Thể, đó chính là Tự Tánh. Khi chẳng mê là nhất thể, quý vị chẳng thể chia ra phần nào là năng lượng, phần nào là vật chất, phần nào là thông tin, chia không được! Đây chính là [ý nghĩa của] câu nói thứ ba của Huệ Năng đại sư: “*Hà kỳ tự tánh, bốn tự cụ túc*” (nào ngờ tự tánh vốn tự trọn đủ), nó có, nhưng chẳng hiện. Khi nó hiển hiện, tức là có duyên phận, tức là một niệm vọng động, khởi lên một niệm, nó bèn hiện, có thể sanh vạn pháp. Có thể sanh vạn pháp thì ta là chính báo, hoàn cảnh là y báo. Y báo và chính báo đồng thời khởi lên, không có trước sau. Trong sách *Hoàn Nguyên Quán* đã giảng chuyện này rất rõ ràng, từ nhất thể khởi ra nhị dụng. Nhị dụng gồm:

- Một là chính báo của chúng ta, Ngã xuất hiện.
- Thứ kia là hoàn cảnh sống xuất hiện; đó là vũ trụ.

Trong kinh Phật từ hơn hai ngàn năm trước đã giảng rõ ràng dường ấy! Vì sao nói quý vị có phiền não? Mạt Na Thức có Ngã Kiến, dính dáng Ngã Ái. Ngã Ái là tham, ngã mạn. Ngã mạn là sân khuể, ngã mạn và sân khuể dính liền, ta bèn si. Do vậy, Ngã Kiến, Ngã Ái, ngã mạn, và ngu si, bốn đại phiền não thường nương theo [Mạt Na Thức]. Lẽ nào quý vị chẳng ngạo mạn? Ngạo mạn là bấp sinh, tự nhiên có! Một niệm bất giác bèn mê, mê rồi bèn sanh ra hiện tượng này, chứ trong Thật Tế Lý Thể không có hiện tượng này. Thật Tế Lý Thể hiện ra những hình tướng nào? Trí huệ, đức năng, tướng

hảo. Một niệm dấy lên sẽ mê, biến thành tham, sân, si; thông tin ấy bèn phát sanh.

Thật Tướng Lý Thể còn gọi là Chân Như Thật Tướng, “*Chân*” là nói về Thể, có thể sanh, có thể hiện. “*Như*” là nói về tướng, tức hiện tướng (tướng được biến hiện). Hiện tướng là tướng được biến hiện từ bản thể. Hiện tướng và Thể chẳng tách rời; cho nên nói “*Tánh Tướng bất nhị*”. Điều này cũng chẳng dễ hiểu. Xưa nay, tổ sư đại đức, trong kinh Phật cũng có nói, thường dùng vàng và các vật chế bằng vàng để làm tỷ dụ, đem vàng ví với Thể. Đúng vậy! Vàng làm thành các món đồ; đó gọi là Như. Vì sao gọi là Như? Nó là vàng. Quý vị nói xem: Đem vàng ròng làm thành tràng hạt. Tràng hạt ấy có phải là vàng hay không? Là vàng! Đem vàng làm thành nhẫn, làm vòng đeo tay, làm thành chén trà, đều có thể làm được. Do vậy nói: “*Tướng cũng như Tánh, Tánh cũng như Tướng, Tánh và Tướng chẳng hai*”. Từ Tướng, quý vị thấy được vàng, tức là quý vị thật sự biết giá trị. Nếu quý vị chẳng biết giá trị, sẽ tách rời vàng và những món đồ này. Tôi để cho quý vị chọn lấy vàng, quý vị nhìn vào hết thấy những món đồ này: “Không có, ở đây không có vàng!”. Vòng đeo tay có phải là vàng hay không? Cái chén có phải là vàng hay không? Cái tô có phải là vàng hay không? Toàn là vàng làm thành. Bảo quý vị lấy vàng ra, quý vị tìm không được, đó là gì? Mê rồi! Mê mất tự tánh. Hể ngộ, bảo quý vị lấy vàng ra, bèn thuận tay cầm lấy, thứ gì cũng đều là vàng! Do vậy, Tánh - Tướng

chẳng hai! Tánh không có hình tượng được biến hiện (hiện tướng), tuy nó hiện ra hình tượng, nhưng Tướng là huyền tướng, chẳng thật! Vì thế, trong giáo pháp Đại thừa thường nói: “*Vạn pháp đều là không, trọn chẳng thể được*”. Kinh Kim Cang nói: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyền, bọt, bóng*”

Thật Tướng là chân tướng. Quý vị phải nhận biết chân tướng. Chân tướng là gì? Trong Tướng có Tánh, Tánh và Tướng không tách rời, thật đấy! Tánh không thể được, mà Tướng cũng không thể được. Nếu Tánh đã là không thể được, làm sao có thể đạt được Tướng? Do vậy, trong một bộ *Đại Bát Nhã* sáu trăm quyển, đức Phật giảng điều gì? Chính là giảng “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, không thể được). Hiện tại, phiền não của chúng ta từ đâu mà sanh? Đã là “chẳng thể được” mà cứ nhất định muốn đạt được, chẳng phải là quý vị đã tự chuốc phiền đó sao? Khổ não không có bờ mé. Hễ giác ngộ, khổ não bèn chẳng còn nữa; đã hiểu rõ chân tướng, chẳng còn chấp trước, chẳng còn dấy vọng tướng. Thọ, Tướng, Hành, Thức đều không thể được, đều là giả. Thọ, Tướng, Hành, Thức do đâu mà có? Do tự tánh mà có. Tự tánh có bốn tịnh đức “*thấy, nghe, hay, biết*”, chúng là thật. Sau khi mê, từ “*thấy, nghe, hay, biết*” sẽ biến thành Thọ, Tướng, Hành, Thức. Chúng ta gọi Thọ, Tướng, Hành, Thức là “*tâm lý*”. Tâm lý là giả, chẳng thật. Chân tâm là thanh tịnh;

“*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Đó là chân tâm. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhất định là vọng tâm.

Trong kinh nói “*huệ dĩ chân thật chi lợi*”; “*huệ*” (惠) là ban tặng. Chư Phật Như Lai, Bốn Sư Phật Thích Ca Mâu Ni trong bộ kinh này đã ban cho chúng ta lợi ích chân thật, cho nên là thuần nhất chân thật. Bộ kinh này “*trụ chân thật huệ, khai hóa hiển thị chân thật chi tế, huệ dĩ chân thật chi lợi, thuần nhất chân thật dã*” (trụ trong chân thật huệ, khai hóa, hiển thị Chân Thật Tế, ban cho lợi ích chân thật, thuần nhất chân thật). Đây là nói kinh này khế Lý; không chỉ khế Lý, mà còn khế Lý viên mãn. “*Hựu bốn kinh xưng vi trung bốn Hoa Nghiêm Kinh*” (kinh này còn được gọi là kinh *Hoa Nghiêm* bản trung). Câu này do Bành Tế Thanh nói. Ông ta là người sống trong thời Càn Long nhà Thanh trước kia, là một vị đại đức trong Phật môn, thông Tông, thông Giáo, Hiển Mật viên dung, rất lỗi lạc. Ông ta nói: Kinh *Vô Lượng Thọ* chính là trung bốn *Hoa Nghiêm*. Nói cách khác, *A Di Đà Kinh* là tiểu bốn *Hoa Nghiêm*, *Hoa Nghiêm Kinh* là đại bốn *A Di Đà Kinh*. Một mà ba, ba nhưng một, kinh *Hoa Nghiêm* giảng tỉ mỉ, kinh *A Di Đà* nói vắn tắt, thuận tiện cho khóa tụng. Vì thế, thuở trước, tôi giảng kinh thường khuyên những đồng học trẻ tuổi: Nếu thật sự muốn giảng giải thấu triệt Tịnh Độ ngũ kinh nhất luận, nhất định phải học *Hoa Nghiêm*. *Hoa Nghiêm* là chú giải tỉ mỉ của ngũ kinh nhất luận, là một, không hai.

Ở đây, cụ Niệm Tổ dẫn câu nói này, cụ bảo: “*Kinh trung sở thuyên*”, tức là những điều được trình bày trong kinh này, “*nhất thiết Sự Lý, tức Hoa Nghiêm chi Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại chi Nhất Chân pháp giới*” (hết thảy Sự Lý chính là Nhất Chân pháp giới Sự Lý vô ngại, Sự Sự vô ngại trong kinh *Hoa Nghiêm*). Đây là nói rõ: Nội dung của kinh *Vô Lượng Thọ* và kinh *Hoa Nghiêm* chẳng khác nhau. Kinh *Hoa Nghiêm* nói tỉ mỉ, còn ở đây (tức kinh *Vô Lượng Thọ*) nói những điều giản yếu, tức là nói đơn giản, chú trọng những chỗ quan trọng, mấu chốt.

Hai năm gần đây nhất, chúng ta làm Tam Thời Hệ Niệm Phật sự, tôi đề xướng làm bốn mươi chín ngày. Đang khi bắt đầu, trong hôm thứ nhất hay hôm thứ hai, trong đạo tràng có một đồng tu bị quỷ thần dựa thân, đến tìm tôi. Tôi hỏi: “Chuyện gì?”. Người ấy nói: “Thầy không biết đâu! Hiện thời, tai nạn rất nghiêm trọng sẽ xảy ra trong một thời gian rất dài”, báo cho tôi biết mức độ nghiêm trọng. Tôi nói: “Ước chừng bao lâu?”. Người ấy nói: “Đại khái là từ ba năm đến năm năm”, thời gian dài như thế đó! Người ấy nói: “Phật sự bốn mươi chín ngày không đạt hiệu quả”. Tôi hỏi: “Làm sao mới có thể đạt được hiệu quả?”. Người ấy đề nghị một trăm thất, tức là phải làm Hệ Niệm Phật sự bảy trăm ngày! Sau khi tôi nghe xong, tôi nói: “Được rồi! Người hãy đi đi”. Sau đấy,

tôi tìm lão hòa thượng Mãn Thành ở Thật Tế Thiền Tự^{31[6]} Tôi và Ngài thương lượng. Tôi hỏi: “Ý lão hòa thượng như thế nào?”. Lão hòa thượng đáp ứng ngay. Vì thế, tại Thật Tế Thiền Tự, lần đầu tiên làm một trăm thất, làm Hệ Niệm Phật Sự bảy trăm ngày là do quỷ thần nhập thân yêu cầu. Pháp hội này đến ngày Hai Mươi Lăm tháng Ba mới viên mãn, bảy trăm ngày!

Hiện thời, tai nạn ngày càng nhiều, khi ấy, tôi ở Đài Loan để chữa răng, tôi bị bệnh nha chu^{32[7]}, tôi bảo pháp sư Ngô Đạo, đạo tràng của thầy ấy ở Đài Bắc: “Sau khi thầy trở về, hãy tổ chức Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Bắc”. Pháp sư Ngô Hạnh ở Đài Nam, tôi bảo: “Ông cũng làm Phật sự bảy trăm ngày tại Đài Nam. Tôi phối hợp với các ông bắt đầu giảng kinh *Vô Lượng Thọ*”. Bọn họ đều hoan hỷ. Tôi nói: “Chúng ta giảng bộ kinh này cõi âm lẫn dương gian đều được lợi, hy vọng đem công đức giảng kinh này hồi hướng cho hư không pháp giới, mong hóa giải tai nạn. Dầu chẳng thể hóa giải, cũng khiến cho tai nạn giảm nhẹ, chậm xảy ra, chúng ta có thể tin tưởng điều này”. Đây là nhân duyên chúng tôi giảng kinh lần này. Chúng tôi mong muốn đem bộ kinh này do cụ Hạ đã tốn thời gian mười năm hội tập thành một bản tiêu

31 [6] Thật Tế Thiền Tự thuộc huyện Lô Giang, tỉnh An Huy, nằm ở phía Đông Bắc rặng núi Dã Phụ. Chùa do thiền sư Phục Hồ khai sơn vào đời Đường. Chùa nhiều lần hưng thịnh rồi suy vong, có lúc bỏ hoang. Chùa được xây dựng lại vào năm 1993.

32 [7] Nha chu gọi đầy đủ là nha chu viêm (periodontitis) là một bệnh viêm (inflammation) các mô quanh nướu và chân răng, khiến răng lỏng lẻo và rụng dần. Nếu không chữa trị, người bệnh sẽ không còn cái răng nào.

chuẩn hoàn mỹ như vậy. Cụ Hoàng Niệm Tổ không nề hà tuổi già, lắm bệnh, suốt ngày đêm không nghỉ ngơi để hoàn thành trước tác này, nếu chúng ta không nghiêm túc nỗ lực học tập kỹ càng, làm sao xứng với hai vị lão nhân ấy?

Do vậy, tôi bảo các đồng học, mọi người chúng ta hãy phát tâm. Thật sự muốn cứu vớt tai nạn này, có thể cứu vớt hay không? Nếu trên thế giới này, thật sự có một đạo tràng đúng pháp xuất hiện, trên cả địa cầu sẽ chẳng còn tai nạn! Đạo tràng gì vậy? Tăng đoàn. Tăng là gì? Tăng có nghĩa là Lục Hòa Kính, trong ấy có sáu điều kiện. Sáu chuyện ấy đều làm được thì gọi là Tăng. Bốn người trở lên ở cùng một chỗ tu hành thì gọi là Chúng; đây là một đoàn thể tuân thủ giáo huấn của đức Phật. Thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, trong Tăng đoàn của Ngài có sáu quy củ đơn giản như thế. Tăng đoàn của Phật rất lớn, một ngàn hai trăm năm mươi lăm người; trong kinh chúng ta thường thấy: Người người đều tuân thủ sáu điều này. Nay có thể xuất hiện một Tăng đoàn như thế, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: Hết thấy chư Phật hộ niệm, hết thấy thiên long thiện thần ủng hộ, nơi ấy sẽ không có tai nạn; nhưng Tăng đoàn như vậy kiếm không ra. Ba mươi năm trước, lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977, đã gặp pháp sư Tảo Trần, chúng tôi hết sức hợp duyên, nói chuyện rất hợp. Sư cũng là một trong các vị lãnh tụ của Phật giáo Hương Cảng, Sư cũng vãng sanh từ mấy năm trước rồi! Tôi và Sư nói tới vấn đề này, tôi

nói: “Chúng ta có thể phát tâm hay không? Tìm năm người xuất gia chí đồng đạo hợp, năm vị tỳ-kheo, chúng ta thi hành Lục Hòa Kính, thành lập Tăng đoàn này?”. Sư nghe xong rất hoan hỷ. Tôi ở Đài Loan, Sư ở Hương Cảng. Bàn bạc rất vui vẻ, nhưng không có cách nào thực hiện, chẳng dễ dàng! Đạo tràng hiện thời, hai người ở chung một chỗ thường cãi nhau, còn làm gì được nữa? Thật sự có thể xuất hiện Tăng đoàn này, thì nơi ấy, tai nạn sẽ bị hóa giải. Có ai thật sự chịu làm hay không?

Làm thế nào mới có thể thực hiện? Đạt đến vô ngã sẽ thực hiện được! Khởi tâm động niệm nghĩ đến người khác. Nếu khởi tâm động niệm, ý niệm thứ nhất bèn nghĩ đến chính mình, sẽ không thể thực hiện được! Vào Phật môn, ải thứ nhất là phá Ngã Chấp. Trong Kiến Tư phiền não có năm món Kiến Hoặc, món đầu tiên là Thân Kiến, chấp chặt cái thân này là ta. Hết thấy đều vì cái thân ta mà suy nghĩ, hồng rồi! Tự tư, tự lợi, tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, toàn bộ dấy lên, làm sao có thể hòa hợp với người khác? Vì thế, đừng chấp trước thân này là ta nữa, đừng đối lập với người khác nữa. Không chỉ chẳng đối lập với người khác, mà trong hết thấy mọi sự đều chẳng đối lập, chẳng đối lập với vạn vật trong trời đất. Đó là phá Biên Kiến. Sau đấy, lại phá Thành Kiến. Chúng ta nói người nào đó thành kiến rất sâu, ta nghĩ như vậy. Ta cho là như vậy thì sẽ không thể tu tùy hỷ công đức, sẽ không thể hằng thuận

chúng sanh. Phải buông thành kiến xuống, quý vị mới có thể tu tùy hỷ công đức, mới có thể tu hằng thuận chúng sanh. Đây mới là bước đầu để nhập Phật môn. Trong Tiểu thừa là Tu Đà Hoàn, trong Đại thừa là địa vị Sơ Tín Bồ tát trong kinh *Hoa Nghiêm*. Tuy mới nhập môn, nhưng công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn, cho nên được hết thủy chư Phật hộ niệm, quý vị thật sự là đệ tử của Phật, lẽ nào Phật chẳng quan tâm đến quý vị? Trời, rồng ủng hộ, quý thần tôn kính. Một Tăng đoàn như vậy xuất hiện, nơi ấy thật có phước! Có bốn năm người thật sự chịu làm như vậy hay chẳng? Bỏ mình vì người, khởi tâm động niệm đều mong cho chính pháp của Thích Ca Như Lai được tồn tại lâu dài, khởi tâm động niệm luôn vì hết thủy chúng sanh khổ nạn trong thế gian này, đừng nghĩ tới chính mình, quên đi bản thân thì mới có thể thực hiện Lục Hòa Kính.

Hiện thời, tai nạn hiện tiền, tôi đã nói với mọi người. Cư sĩ Lưu Tố Vân cũng đã báo cáo với quý vị, rất khó có! Chúng ta phải có cách nhìn như thế nào? Phải giống như Ấn Quang đại sư đã nói: Dem một chữ Chết dán trên trán! Tôi đã đến viếng quan phòng (nơi bế quan) của Ấn Quang đại sư tại Linh Nham Sơn Tự, Tô Châu. Trong quan phòng có một Phật đường nhỏ, chẳng lớn, đại khái chỉ lớn bằng nửa phòng thâu hình của chúng ta. Sau tượng Phật có viết một chữ, do chính lão nhân gia đã viết chữ “Tử” ấy. Hằng ngày nghĩ đến, cái chết ở trước mặt, còn có cái gì mà quý vị không thể buông xuống

được? Do vậy tôi nói với mọi người, chúng ta phải coi ngày hôm nay như ngày cuối cùng trên cuộc đời. Sáng mai thức dậy, ta lại coi như là ngày cuối. Mỗi ngày đều là ngày cuối cùng, điều gì quý vị cũng buông xuống mới hòng đạt được tâm thanh tịnh! Đến thế gian này với hai bàn tay trống trơn, khi đi, vẫn trống trơn ra đi, cái gì cũng không mang theo được! Nhất tâm tưởng Phật, trong tâm điều gì cũng chẳng màng tới, chỉ có Phật A Di Đà, một phương hướng, một mục tiêu. Một phương hướng là Tây Phương Cực Lạc thế giới, một mục tiêu là đến Cực Lạc thế giới thân cận Phật A Di Đà. Chỉ có một niệm này, trừ một niệm này ra, không có niệm thứ hai, quý vị mới thật sự buông xuống vạn duyên. Tai nạn xảy đến có sợ hay không? Không sợ. Ta mỗi ngày tưởng Phật A Di Đà, mỗi ngày tưởng thế giới Cực Lạc, rốt cuộc đến dịp, ta bèn ra đi, chẳng có mấy may sợ hãi gì! Mỗi ngày đều chờ đợi, mỗi ngày đều hướng về, đó là đúng. Đây chẳng phải là tiêu cực, mà là tích cực. Ngày hôm nay là ngày cuối cùng của ta, ắt phải đoạn ác tu thiện, ắt phải tích công lũy đức, vì sao? Phải biết nâng cao phẩm vị của chính mình. Chúng sanh khổ nạn, ta có được một ngày, sống một ngày thì phải toàn tâm toàn lực giúp mọi người một ngày. Ta giúp mọi người một ngày nhưng tâm địa trong sạch, tam luân thế không, trọn chẳng chấp tướng, niệm niệm chẳng xả Phật A Di Đà. Có được bốn năm người thật sự có thể quán như thế, thật sự làm, Tăng đoàn hòa hợp sẽ thành lập, ở nơi đâu? Ngay trong

tiểu đạo tràng này, tiểu đạo tràng này chiếu sáng đại thiên. Chúng ta là người đã học bộ *Vọng Tân Hoàn Nguyên Quán*, đều biết: Niệm vừa dấy lên, lập tức trọn khắp pháp giới. Đây là nói thông tin linh thông, chẳng bị chướng ngại mảy may. Tốc độ lan truyền ấy nhanh hơn tốc độ ánh sáng, nhanh hơn tốc độ của sóng điện từ (electromagnetic wave). Ý niệm vừa khởi, bèn trọn khắp pháp giới, chư Phật, Bồ tát biết, thiên long quỷ thần cũng biết. Trong cuộc đời này, phải có lòng tin kiên định, quyết định thành Phật trong một đời này. Nay chúng ta học bộ kinh này, bộ kinh này hướng dẫn chúng ta thâm nhập một môn, trường thời huân tu, thành tựu viên mãn Bồ đề trong một đời.

Vì thế, kinh *Hoa Nghiêm* có nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Cảnh giới vô chướng ngại là Nhất Chân pháp giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới. “*Hoa Nghiêm bí áo chi Lý Thể, chính tại bốn kinh, cố vân Khế Lý*” (Lý Thể ẩn kín, nhiệm màu của kinh *Hoa Nghiêm* ở ngay trong kinh này, nên nói là Khế Lý). Những điều được nói trong kinh này và kinh *Hoa Nghiêm* hoàn toàn tương đồng.

“*Chí ư kế cơ, tắc cánh thị bốn kinh chi độ thắng*” (Còn về phần kế hợp căn cơ, bản kinh này lại càng thù thắng độc đáo). Câu này viết hay quá! Độc thắng! Hết thảy các kinh do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm, nếu luận về phương diện kế cơ, đều thua bộ kinh này. Sở dĩ đức Thế

Tôn thuở tại thế đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, vì lẽ nào? Kinh này kế cơ! Phương pháp này bất luận là ai cũng đều có thể học, đơn giản, dễ dàng, ổn thỏa, thích đáng, thành tựu lại đặc biệt thù thắng, tìm đâu ra một pháp môn nào khác giống như vậy?

“*Kinh trung chi trì danh pháp môn, phổ bị tam căn, tề thâm phàm thánh*” (pháp môn trì danh trong kinh thích hợp khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn). Đây là chỗ độc thắng. Dùng phương pháp nào? Dùng phương pháp Niệm Phật, niệm danh hiệu Phật. Quý vị niệm bốn từ Phật A Di Đà cũng được; mà niệm sáu từ cũng được, Nam-mô Phật A Di Đà. Sáu chữ này là dịch âm tiếng Phạn. “*Nam-mô*” có nghĩa là “*quy y, quy mạng, tôn kính*”, có những ý nghĩa này, đó là ý nghĩa của chữ Nam-mô. Chữ “*A*” có thể dịch sang chữ Hán, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác, Vô Lượng Giác! Vô Lượng Giác là gì? Là tự tánh. Vì thế, danh hiệu này là chính chúng ta, là danh hiệu tự tánh của đương nhân. Trong *Hệ Niệm Pháp Sư*, thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: Phật A Di Đà là tự tánh Di Đà, Tây Phương Cực Lạc thế giới là duy tâm Tịnh Độ, chẳng ở bên ngoài! Hết thấy các pháp chẳng là tự tánh, Di Đà và thế giới Cực Lạc cũng chẳng là tự tánh. Nói cách khác, do tự tánh biến, tự tánh Di Đà! Nói rõ hơn một chút: Chính mình niệm chính mình, ta chẳng niệm tham, sân, si, mạn, ta chẳng niệm tự tư, tự lợi, ta chẳng niệm tiếng tăm, lợi dưỡng, ta niệm tự tánh, tự

tánh là Vô Lượng Giác. Trong kinh *Đại thừa* thường giảng, chúng ta đã nghe rất nhiều rồi, học nhiều lắm rồi: “*Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng*”. Quý vị tưởng gì, bèn hiện ra cảnh giới ấy. Nay ta tưởng Phật A Di Đà, ta nghĩ tới Tánh Đức trong tự tánh của ta, lẽ nào chẳng thành tựu? Minh tâm kiến tánh là vọng tận hoàn nguyên, dùng phương pháp này thù thắng khôn sánh!

“*Phổ bị tam căn*”, tam căn là thượng, trung, hạ; các căn tánh bất đồng đều có thể học.

“*Tề thâm phàm thánh*”: Phàm phu có thể học, có thể thành công; thánh nhân cũng có thể học, cũng có thể thành công.

“*Thượng thượng căn giả, chính hảo toàn thể thừa đương*” (người thượng thượng căn rất thích hợp để gánh vác toàn thể). Bậc thượng thượng căn là ai? Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền Bồ tát, Quán Âm, Thế Chí, những vị thánh nhân là bậc thượng thượng căn. Đúng vậy! Trong kinh *Hoa Nghiêm*, chúng ta thấy Văn Thù và Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tôi đã từng thưa với các vị đồng học, khi tôi còn trẻ, vốn tưởng Phật giáo là mê tín, là tôn giáo, không muốn tiếp xúc, mà cũng chẳng muốn gần gũi. Về sau, theo học Triết học với tiên sinh Phương Đông Mỹ, từ sách giáo khoa, cụ giảng Triết học trong kinh Phật cho tôi. Tôi thỉnh giáo cụ. Tôi nói: “Phật giáo là mê tín,

đa thần giáo, phiếm thần giáo^{33[8]}, là tôn giáo cấp thấp, làm sao có triết học cho được?”. Cụ dạy tôi: *“Anh còn trẻ, chưa biết, Phật Thích Ca Mâu Ni là bậc triết gia vĩ đại nhất trên cả thế giới”*. Tôi chưa từng nghe ai nói như thế! *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong toàn bộ Triết học thế giới. Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong cuộc đời”*. Tôi mới sửa đổi quan niệm sai lầm trong quá khứ. Lời dạy sau đây của cụ hết sức quan trọng: *“Phật pháp ở trong kinh điển, không ở chốn chùa chiền”*. Lời hướng dẫn này hết sức quan trọng. Nếu chúng tôi đến tìm Phật pháp trong chùa chiền sẽ chẳng thấy, thấy toàn là mê tín, lời thầy nói chẳng phải là giả hay sao?

Sau đấy không lâu, tôi quen biết Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư dạy tôi hãy học tập Phật Thích Ca Mâu Ni, dạy tôi đọc sách. Sách Phật tôi đọc sớm nhất là *Thích Ca Phổ* và *Thích Ca Phương Chí*, đó là truyện ký về Phật Thích Ca Mâu Ni. Sư nói: *“Nếu anh muốn học Phật, trước hết, phải nhận biết Phật Thích Ca Mâu Ni”*. Đọc rồi mới biết: Phật Thích Ca Mâu Ni vốn chẳng dính dáng tới tôn giáo. Nhìn theo quan

33 [8] Phiếm thần giáo (Pantheism), đúng ra phải dịch là Phiếm Thần Luận, là quan điểm cho rằng vũ trụ và thiên nhiên cùng thần (Chúa, Thượng Đế, thần linh v.v...) đồng nhất. Để nhận thức Thượng Đế, tốt nhất là quan sát từ thiên nhiên. Theo đó, vũ trụ là biểu hiện hoàn mỹ thánh khiết của thánh linh. Để nhận biết chân thiện mỹ thật sự, con người phải hòa nhập với thiên nhiên, cảm nhận sự hiện diện của Thượng Đế trong từng sự vật của vũ trụ. Quan điểm này đã có từ thời cổ Hy Lạp bắt nguồn từ luận thuyết của triết gia Heraclitus, Zeno v.v..., được kế thừa bởi những nhà tư tưởng sau này như Giordano Bruno, Baruch Spinoza, John Toland, Hegel, Watl Whitman, Ralph Waldo Emerson, Henry David Thoreau, Albert Einstein, Arnold Toynbee... Do Đại Thừa Phật giáo thường nhấn mạnh Tánh và Tướng bất nhị, từ Tướng phải thấy được Tánh, Tánh lại được thường diễn tả bằng danh từ Chân Như, Như Lai Tạng v.v... nên các triết gia Tây phương thường hiểu lầm Phật giáo là Phiếm Thần Luận.

điểm hiện thời, Phật là gì? Ngài giữ chức trách của một vị thầy, suốt đời dạy học. Sau khi đã khai ngộ vào năm ba mươi tuổi, đức Phật bèn bắt đầu dạy học; bảy mươi chín tuổi vãng sanh, dạy học suốt bốn mươi chín năm, vui thích sự nghiệp này, chẳng mệt mỏi, giống như Khổng lão phu tử, dạy dỗ không phân biệt, người đến chẳng cự tuyệt, kẻ đi không giữ lại. Suốt đời làm công tác dạy học, chẳng lập đạo tràng! Rừng núi, cội cây, các đệ tử thường theo hầu không ít người, hơn một ngàn người. Còn có những người chẳng thường theo học, ngẫu nhiên đến tham dự, tôi phỏng đoán nơi Ngài dạy học chắc phải có chừng hai ba ngàn người, phải là như vậy, kể cả những người ngẫu nhiên đến dự, phải có quy mô to lớn như thế. Điều này khiến cho chúng ta suy tưởng: Thuở ấy, chẳng có máy khuếch âm (amplifier), Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, âm thanh giảng kinh có thể phủ trọn, có thể nhiếp thọ một nơi to lớn như vậy, người bình thường sẽ chẳng thể làm được! Huống hồ còn *“nhất âm thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải”* (một âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu). Chúng ta biết: Người từ bốn phương tám hướng tới dự, ngôn ngữ khác nhau, nhưng Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh, thuyết pháp, họ đều có thể nghe hiểu. Đây cũng chẳng phải là chuyện dễ! Đều có thể nghe hiểu, tiếp nhận, đúng là một vị thầy giỏi!

Phật giáo biến thành tôn giáo, biến thành tình trạng như hiện thời, chúng ta phải biết là đã xảy ra rất trễ, đại khái

tôi nghĩ phải xảy ra sau thời Gia Khánh. Vào thời Càn Long, chúng ta thấy Phật giáo vẫn là giáo học. Trong chùa chiền, cao tăng đại đức mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày đều dạy học. Sau Càn Long là Gia Khánh, sau Gia Khánh là Đạo Quang, nói chung là dần dần biến chất trong thời gian này. Tôi nghĩ thật sự biến chất trên bình diện lớn phải là vào thời Từ Hy Thái Hậu. Từ Hy Thái Hậu mê tín, nhiều chuyện chẳng theo gương các vị đế vương khi trước hướng về cao tăng đại đức thính giáo. Trong cung đình của Từ Hy Thái Hậu không hề giảng kinh. Trong cung đình nhà Thanh trước thời Từ Hy, thường không ngừng mời cao nhân Nho, Thích, Đạo dạy học. Từ Hy Thái Hậu phế trừ chế độ này, trong cung đình chẳng còn giảng học nữa. Bà ta thích lên đồng, cầu cơ, Chương Gia đại sư kể cho tôi nghe chuyện này. Quốc gia đại sự đều thính ý thần, cầu cơ để hỏi thần, cho nên vong quốc! Tôi nghĩ chuyện này có ảnh hưởng hết sức lớn, người trên làm, kẻ dưới bắt chước theo, cho nên Phật giáo biến thành tôn giáo. Hiện thời, nói Phật giáo là tôn giáo, chúng ta chẳng thể phủ định, nhưng thầy tôi là Chương Gia đại sư và tiên sinh Phương Đông Mỹ đều dạy tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta học tập kinh điển, trong kinh điển có những món báu, có những thứ tốt đẹp, có thể giúp chúng ta quay đầu, giúp chúng ta minh tâm kiến tánh. Vì thế, bậc thượng thượng căn mới có thể đảm nhiệm toàn thể, hoàn toàn tiếp nhận.

“*Hạ hạ căn giả, diệt khả y chi đắc độ*” (kẻ hạ hạ căn cũng có thể noi theo mà đắc độ): Quý vị nương theo lý luận và phương pháp do kinh điển đã giảng, nghiêm túc thực hiện, sẽ có thể vãng sanh.

“*Thượng tặc Văn Thù, Phổ Hiền Pháp Thân đại sĩ, diệt quân phát nguyện cầu sanh*” (trên thì Văn Thù, Phổ Hiền, Pháp Thân đại sĩ cũng đều phát nguyện cầu sanh), đây là nói về bậc thượng thượng căn; “*hạ chí Ngũ Nghịch, Thập Ác*” (dưới là đến phường Ngũ Nghịch, Thập Ác), những kẻ không việc ác nào chẳng làm, “*lâm chung niệm Phật*” cũng có thể “*tùy nguyện đắc sanh*”, hết sức phi phàm!



**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA**



TẬP 8



Nói đến kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác. Ngũ Nghịch là gì? Là kẻ tạo tác tội nghiệp cực nặng. Trong kinh nói, tội Ngũ Nghịch, Thập Ác nhất định đọa địa ngục A Tỳ, vào rất dễ, thoát ra rất tốn sức, quá khó khăn!

Ngũ Nghịch: Thứ nhất là “giết cha”, thứ hai là “giết mẹ”. Ân đức cha mẹ to lớn, trong kinh Phật có một bộ kinh chuyên giảng về điều này là *Phụ Mẫu Ân Trọng Nan Báo Kinh*. Trong *Đại Tạng Kinh*, kinh này có hai bản dịch, thứ nhất là bản dịch của ngài An Thế Cao, bản này chắc chắn không phải là ngụy kinh; vì trong *Dịch Kinh Mục Lục* có bản này. Bản thứ hai do ngài Cưu Ma La Thập dịch, bản này không đáng tin, vì trong mục lục các kinh do La Thập đại sư phiên dịch không thấy bộ này, rất có thể là do người đời sau ngụy tạo, mạo nhận tên La Thập đại sư; nhưng những điều được giảng trong ấy cũng khá lắm, chúng ta có thể coi như một loại sách khuyến thiện, nên *Đại Tạng Kinh* cũng thu nhận. Được thu nhận là vì có những thứ quả thật là ngụy tạo, nhưng do nội dung cũng rất tốt, cổ đại đức cũng đưa vào Đại Tạng, chúng ta học tập kinh giáo chớ nên không biết. Những loại này có thể dùng làm tài liệu tham khảo. Nếu muốn học, muốn giảng giải bên ngoài, tốt nhất là dùng bản của ngài An Thế Cao, có căn cứ!

Thứ ba là “giết A La Hán”. A La Hán giống như thầy; trong thế gian này, A La Hán giáo hóa một phương, công đức cũng hết sức thù thắng, quý vị giết hại Ngài, duyên nghe pháp của cả vùng này bị đoạn, kết tội từ chỗ này! Nếu Ngài dạy học rất rộng, thời gian rất lâu, tội của quý vị cũng rất sâu, rất nặng, đó gọi là tội Đẳng Lưu, vẫn là đọa trong địa ngục A Tỳ.

Thứ tư là “làm thân Phật chảy máu”. Phật phước báo to lớn, không ai có thể hại chết Phật, nhưng có thể khiến Phật chảy một chút máu. Chuyện này xuất phát từ Đề Bà Đạt Đa. Đề Bà Đạt Đa muốn hại Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu nay chúng ta muốn làm thân Phật chảy máu, nhưng Phật lại không ở trên đời, cho nên đây là chuyện không thể được; nhưng có chuyện giống như thế, tội nặng bằng, đó là gì? Chính là khởi ác niệm muốn hủy diệt hình tượng Phật, điều này cũng giống như làm thân Phật chảy máu!

Do vậy, công đức tạo tượng chẳng thể nghĩ bàn! Một pho tượng được đắp tại một nơi nào đó, bao nhiêu người trông thấy bức tượng Phật ấy, gieo một chủng tử Phật vào A Lại Da Thức, họ bèn có duyên với Phật. Trong một đời này, chủng tử ấy chưa thể nảy mầm, chưa thể trưởng thành, chẳng sao cả! Đời kế tiếp hoặc đời sau nữa, gặp duyên, chủng tử này bèn khởi hiện hành, sẽ khởi tác dụng. Bởi lẽ, kẻ được Phật hóa độ chính là những chúng sanh căn cơ đã chín muồi; Phật nhất định giúp cho kẻ ấy thành Phật trong đời này. Chúng sanh căn cơ đã chín muồi là do đời đời kiếp kiếp trong quá khứ

đã tích lũy các công đức, đến đời này công đức tu học bèn chín muồi. Trong Thiền Tông, bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật chính là chúng sanh căn cơ chín muồi; nếu luận về căn tánh sẽ được gọi là bậc thượng thượng căn, họ đều thuộc về hạng thượng thượng căn. Trong Giáo Hạ, bậc được gọi là “*đại khai viên giải*”, thật sự triệt ngộ sẽ có cảnh giới giống như bậc minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông. Trong pháp môn Niệm Phật, họ được gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*”. Quý vị thấy danh xưng khác nhau, Tịnh Tông là Lý nhất tâm bất loạn, Giáo Hạ là đại khai viên giải, Tông Môn là đại triệt đại ngộ, nhưng đều là minh tâm kiến tánh. Quý vị phải biết: Mục tiêu chung cực (cuối cùng, rốt ráo) của niệm Phật vẫn là minh tâm kiến tánh. Cho nên đức Phật mới nói, như kinh *Kim Cang* đã chép: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Vì sao bình đẳng? Đạt tới mục tiêu giống nhau là minh tâm kiến tánh. Minh tâm kiến tánh trong Niệm Phật là Lý nhất tâm bất loạn; chứ Sự nhất tâm bất loạn vẫn chưa đạt đến [minh tâm kiến tánh]. Trong mười pháp giới, tứ thánh pháp giới là Sự nhất tâm bất loạn, công phu ấy coi như khá lắm, vượt thoát lục đạo luân hồi. Nếu chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, công phu niệm Phật ấy là công phu thành phẫn. Công phu thành phẫn cũng có chín phẩm, vì trong cõi trời từ Tứ Vương Thiên cho đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên là hai mươi tám tầng, mỗi tầng khác nhau! Đây là kiến thức Phật học thông thường, chúng ta

phải biết. Trong Sự nhất tâm bất loạn có tứ thánh pháp giới, trong Tiểu thừa là Tứ Quả, Tứ Hướng. Nhưng trong tứ thánh pháp giới, trên A La Hán còn có Bích Chi Phật, còn có Bồ tát, còn có Phật, thấy đều thuộc về Sự nhất tâm bất loạn. Nếu chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn, sẽ vượt thoát, không còn thuộc trong mười pháp giới, đã thành Phật, đạt đến Nhất Chân pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đây là chúng sanh hữu duyên với Phật.

Sự thù thắng trong Tịnh Độ Tông, nói thật ra, vô cùng thù thắng. Vì sao? Tịnh Độ Tông chẳng đoạn một phẩm phiền não. Đoạn phiền não đúng là chẳng dễ dàng! Đoạn được một phẩm phiền não sẽ là thánh nhân, chẳng phải là phàm nhân. Quý vị đoạn được một phẩm Kiến Tư phiền não, sẽ chứng đắc quả Tu Đà Hoàn trong Tiểu thừa, còn trong Đại thừa, nói theo kinh *Hoa Nghiêm*, sẽ là địa vị Sơ Tín trong Thập Tín. Tuy địa vị chẳng cao, mới là bậc thánh nhân nhỏ tí, [điều này] giống như một trường học trong Phật giáo: Học lớp Một Tiểu học, quý vị đã bước vào trường. Sơ Tín Vị Bồ tát là học sinh lớp Một Tiểu học, thật sự là đệ tử Phật. Công phu đoạn phiền não bình đẳng và giống như Tu Đà Hoàn; cho nên vị ấy thật sự là tiểu thánh, chưa rời khỏi lục đạo. Tuy chưa rời khỏi lục đạo, vị ấy chắc chắn chẳng đọa trong tam ác đạo. Do vậy, chứng đắc gì? Vị Bất Thoái trong ba món Bất Thoái. Vĩnh viễn chẳng đọa làm phàm phu, chẳng ở trong ác đạo. Dù không có Phật xuất thế, [nhằm lúc] thế gian không có Phật pháp, vị ấy vẫn có thể

[thành tựu], trong lục đạo có thọ mạng nhất định, sanh trong nhân gian hoặc cõi trời, từ nhân gian chết bèn sanh lên trời, thọ mạng trong cõi trời đã hết bèn sanh xuống nhân gian, bảy lần qua lại trong nhân gian và cõi trời, sẽ thành Độc Giác. Đó là khi không có thầy, vị ấy là Độc Giác. Vì sao có thể thành Độc Giác? Độc Giác không ai dạy. Chúng ta có thể suy ra Ngài là bậc thiện căn sâu dày. Phật, Bồ tát vẫn chiếu cố vị ấy, tuy chiếu cố, nhưng không lộ rõ. Chúng ta là người bình thường không cảm nhận được, nhưng vị ấy có cảm nhận, thấy sắc, nghe tiếng đều có lãnh ngộ. Điều kiện cơ bản để lãnh ngộ là tâm địa thanh tịnh, điều này rất trọng yếu. Trong Phật pháp nói “đắc tam-muội”, tâm địa thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Nếu gặp Phật, Bồ tát giáo hóa chúng sanh trong thế gian này, vị ấy sẽ trở thành Thanh Văn, nghe Phật, Bồ tát giảng kinh, thuyết pháp bèn khai ngộ. Không gặp Phật, Bồ tát giảng kinh, thuyết pháp, vẫn có thể khai ngộ, tuy thời gian lâu hơn một chút, khổ cực hơn một chút, nhưng năng lực lãnh ngộ của vị ấy rất mạnh. Nếu chúng ta hỏi: Vị tiểu thánh như vậy, nếu xét theo điều kiện trong hiện tại là Thập Tín vị Đại thừa của Phật, để được vào học lớp Một Tiểu học, phải có đủ những điều kiện nào? Kinh điển thuộc giáo pháp Đại thừa thường nói: Quý vị phải đoạn hết năm thứ Kiến Hoặc. Đối với Kiến Tư phiền não, Kiến là gì? Chúng ta gọi nó là “cách nhìn”. Có năm cách nhìn sai lầm to lớn, quý vị hãy bỏ sạch mới là đúng. Trên nữa là Tư Hoặc, tức là tư tưởng sai lầm, hay cách nghĩ sai lầm. Cách

nghĩ sai lầm là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi. Quý vị phải biết: Trong tự tánh không có những thứ ấy, những thứ ấy chẳng thật! Trong tự tánh không có, nhưng nay quý vị đang có. Hiện tại, do quý vị có những thứ này bèn có lục đạo luân hồi, sai lầm nơi tư tưởng!

Sai lầm nơi kiến giải: Thứ nhất là Thân Kiến, chấp trước thân là ta, ta ở đâu? Nhất định là ở đây, đây là ta. Phiền phức to! Quý vị vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi lục đạo. Chúng ta học Phật, học đã lâu năm như thế, tuy chưa khế nhập cảnh giới, nhưng đức Phật đã giảng quá nhiều, chúng ta cũng nghe và hiểu rõ, biết thân chẳng phải là ta, thân là gì? Thân là ngã sở, tức là cái mà ta có. Quần áo ta mặc trên người do ta sở hữu, nhưng y phục của ta chẳng phải là ta. Chư vị phải biết, cái mà ta sở hữu sẽ có sanh diệt, nhưng Ngã bất sanh bất diệt. Thân thể có thể bất sanh bất diệt hay không? Chẳng thể! Thân có sanh diệt, nhưng Ngã không có sanh diệt. Các triết gia ngoại quốc cũng rất thông minh, họ nói Ngã là gì? Họ không nói tới thân, họ nói: *“Tôi tư duy, nên tôi tồn tại”* (Cogito ergo sum)^{34[9]}, cao minh hơn người bình thường một chút. Ta có thể suy nghĩ, cái “có thể suy nghĩ” là ta, cái thân xác thịt này chẳng thể suy nghĩ, nó là vật chất; cũng có nghĩa là họ nói: Trong thân thể này, phần tinh thần là ta. Vật chất có sanh diệt, tinh thần chẳng sanh diệt, quan điểm

34 [9] Đây là một câu nói nổi tiếng của triết gia René Descartes của Pháp. Câu nói này được tìm thấy trong hai tác phẩm *Discourse of Method* và *Principles of Philosophy* của ông.

này cao hơn cách nhìn của người bình thường một chút. Phương Đông chúng ta thường gọi “tinh thần” là “linh hồn”, linh hồn là ta, chấp trước điều này. Tuy chúng ta chấp trước điều này, nhưng linh hồn tuy bất diệt, nó vẫn bỏ thân trong lục đạo để đầu thai. Chuyện này là thật, tuyệt đối chẳng phải giả. Hiện thời, được coi như có chứng cứ khoa học rõ ràng là trong thuật thôi miên của phương Tây. Rất nhiều người đã xem báo cáo bác sĩ Ngụy Tư (Brian L. Weiss)^{35[10]} của Hoa Kỳ; thật ra, theo các đồng học bên Mỹ đã bảo tôi, còn có rất nhiều người cao minh hơn ông ta, nhưng họ chưa in sách. Sau khi sách của ông Weiss ra đời, đã được dịch thành hơn ba mươi thứ tiếng khác nhau lưu hành trên cả thế giới, ông ta bèn nổi danh. Đương nhiên cũng kể như là rất khá, ông ta là một người rất thành công trong lãnh vực thôi miên. Mấy bữa gần đây, hình như ông ta đang ở Úc, các đồng học bên Úc cho biết ông ta đang ở Úc, tôi vốn muốn mời ông ta đến báo cáo, nhưng ông ta cũng hết sức bận rộn, các nơi đều mời ông ta. Qua thôi miên, biết con người có đời quá khứ, quá khứ không chỉ là một đời. Có người được thôi miên đã nói ra mười mấy đời, hai mươi mấy đời. Tôi đọc báo cáo của ông Weiss, đã có một người gần như là nhớ mấy chục đời, tính ngược lại gần như là hơn bốn ngàn năm trước, nhằm

35 [10] Brian Leslie Weiss (sinh năm 1944) là một bác sĩ tâm lý, tốt nghiệp Tiến sĩ Y Khoa từ Đại học Yale. Ông làm chủ nhiệm khoa Tâm Lý tại Mount Sinai Medical Center ở Miami, Florida. Năm 1980, khi thực hiện thôi miên một nữ bệnh nhân, ông đã kinh ngạc khi nghe bà ta kể chuyện đời quá khứ, và những dữ kiện này được kiểm chứng khi tra cứu các hồ sơ lưu trữ tại các nơi đã được bệnh nhân nhắc đến.

thời thượng cổ, bọn họ không có nhà ở, sống trong hang hốc, sống trong thời đại như thế đó! Đây là linh hồn chuyển thế.

Lục đạo là thật, chẳng giả. Tại cổ Ấn Độ, trong thời Phật Thích Ca Mâu Ni, Ấn Độ là đất nước tôn giáo, các tín đồ tôn giáo đều có công phu Thiền Định, trong giới học thuật đều biết tu Thiền Định. Trong Thiền định có thể đột phá chiều không gian, cũng có nghĩa là trong lục đạo mà họ có thể đột phá chiều không gian, nhờ Tứ Thiền Bát Định, có thể thấy được Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, phía dưới có thể thấy địa ngục A Tỳ. Chuyện này chẳng giả, ai đắc Định đều có thể thấy. Quý vị hỏi những người đắc Định, thưa hỏi về trạng huống địa ngục và thiên đường mà họ đã thấy, họ sẽ nói cho quý vị nghe, mọi người đều nói như nhau, chẳng giả! Họ chẳng dùng dụng cụ khoa học, mà dùng công phu Thiền định để đột phá chiều không gian. Hiện thời, khoa học biết quả thật có các chiều không gian tồn tại, nhưng vẫn không biết dùng phương pháp nào để đột phá, chưa tìm ra phương pháp. Tại cổ Ấn Độ, những vị đại đức trong giới tôn giáo, học thuật từ mấy ngàn năm trước, nếu nói theo Ấn Độ Giáo, các trưởng lão Ấn Độ Giáo bảo tôi, họ đã có lịch sử lâu tới một vạn năm, nhưng hiện thời, giới học thuật trên thế giới thừa nhận [lịch sử nhân loại] là tám ngàn năm trăm năm, sớm hơn Phật giáo năm ngàn năm. Họ (các trưởng lão Ấn Độ Giáo) tự nói [lịch sử] lâu đến một vạn năm, tôi tin tưởng. Họ không chú trọng ghi chép lịch sử mà là đời đời truyền cho nhau.

Đột phá chiều không gian là chuyện khác hẳn, cảnh giới hoàn toàn khác nhau, nhưng đều không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Nói thật ra, đối với linh hồn, tôi nghĩ thánh nhân Trung Quốc cũng biết chuyện này, biết nhưng không nói. Vì sao không nói? Chẳng phải là cảnh giới của quần chúng thể tục. Không nói tốt hơn! Nói ra sẽ nhiễu loạn tâm tư của họ, khiến họ suy nghĩ lung tung, chẳng thà không nói, [đại chúng] chưa đạt đến trình độ mà! Vì thế, phu tử giảng về nhân đạo và thiên đạo, rất ít nói tới quỷ thần. Đây là nói “*cơ cảm bất đồng*”, cho nên phương pháp giáo học khác hẳn. Khi Lục Tổ Huệ Năng đại sư khai ngộ đã nói Ngã là gì? Tụ tánh là Ngã. Đây là nói theo Phật pháp, tụ tánh là Ngã. Nếu nói theo thể tục, sẽ không thể gọi là linh hồn, mà gọi là linh tánh. Hồn chẳng linh. Nếu hồn là linh, quý vị đến đầu thai trong thế gian, nhất định có thể chọn gia đình đại phú đại quý, cuộc sống thoải mái hơn! Nếu quý vị đến đầu thai trong nhà bần cùng, chẳng phải là lầm lạc hay sao? Mê, chẳng ngộ, bất giác. Vì thế, phu tử nói rất hay. Trong kinh *Dịch*, Ngài đã giảng trong phần Hệ Từ Truyện: “*Du hồn vi biến, tinh khí vi vật*”^{36[11]}, hai câu này nói rất hay! Quý hồn có tốc độ rất nhanh, dao động không ngừng, chẳng thể ở yên, dao động

36 [11] Hai câu này đã được cư sĩ Từ Tĩnh Dân giảng trong tác phẩm *Độc Dịch Giản Thuyết* như sau: “*Sinh mạng chúng ta do âm dương của cha mẹ giao hội mà sinh thành, thần hồn của chính mình nhập vào thai mẹ, nhờ vào tinh khí của cha mẹ mà thành thân thể, đó là ý nghĩa của câu ‘tinh khí vi vật’. Đó gọi là sanh. Thân mạng của ta rất cuộc già suy, âm dương tách lìa nhau; do vậy, thần hồn mất nơi nương cậy, đó gọi là chết. Thần hồn đã mất nơi nương tựa nên gọi là Du Hồn (hồn lang thang), cho đến khi gặp âm dương giao hợp, cảm lấy tướng khí phận để nương vào, lại bắt đầu một cuộc sống mới, nên nói ‘du hồn vi biến’.*”

với tốc độ rất nhanh, đúng là “*du hồn*”, thuyết này rất có lý. Trong Phật pháp nói đến “*mê hồn*”, nó đã mê rồi, mê mà chẳng giác, không biết đó là chính mình; nói thật ra, thần hồn, mê hồn, hay du hồn chính là A Lại Da Thức như trong nhà Phật đã nói. A Lại Da Thức là mê. Hễ giác sẽ không gọi là A Lại Da Thức, mà gọi là tự tánh, gọi là pháp tánh. Cùng một chuyện, nhưng do mê hay ngộ mà có danh hiệu khác nhau!

Phàm phu chúng ta và Phật có cùng một tánh, một tự tánh, một linh tánh, chẳng có mảy may sai biệt nào! Qua bộ *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán* của Hiền Thủ quốc sư, chúng ta đã biết thông tin này. Lão nhân gia đã giảng rất tỉ mỉ, giảng vô cùng tinh vi tuyệt diệu. Sau khi chúng ta học xong, tuy chẳng chứng ngộ, nhưng có giải ngộ, chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này. Chắc chắn Phật, Bồ tát, tổ sư chẳng lừa gạt chúng ta, chúng ta phải có lòng tin kiên định. Chúng ta học Phật chẳng có gì khác, chính là nhằm tìm lại diện mục của chính mình. Vì thế, đề mục bài luận văn của Ngài (Hiền Thủ quốc sư) là *Vọng Tận Hoàn Nguyên*, “*hoàn nguyên*” là tìm lại, kiếm lại cái Ngã thật sự. Thân là giả ngã, ngộ thân là Ngã, quý vị đã sai mất rồi! Về trật nhà rồi! Vì thế, trước hết, phải giác ngộ thân chẳng phải là Ngã, thân là ngã sở hữu (cái mà ta có). Thật sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, đã thật sự thấu hiểu. Quý vị có sợ chết nữa không? Không sợ! Vì sao? Không có sanh tử, quý vị sợ cái gì! Bỏ thân mạng giống như thay quần áo. Cởi bỏ quần áo dơ, vứt bỏ nó để thay một bộ

mới. A Lại Da Thức là như vậy, Phật pháp gọi A Lại Da Thức là “thần thức”. Thân thể này già rồi, chẳng tiện sử dụng nữa, bèn đổi sang cái mới, nhưng có người càng đổi càng tốt, có kẻ càng đổi càng tệ. Mỗi quan hệ này lớn lắm. Trong lục đạo, nhân thiên là tốt đẹp, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục rất tệ, quý vị đổi lấy cái thân nào? Ở đây, nói tới nghiệp nhân quả báo, quý vị tâm thiện, hạnh thiện, tiêu chuẩn thiện ác là gì? Là tự tánh, Tánh Đức trong tự tánh. Cốt lõi của Tánh Đức trong tự tánh, nói theo Phật pháp gọi là “từ bi”, cổ nhân Trung Quốc gọi là “nhân nghĩa”. Quả thật, sau khi kiến tánh, lòng từ bi trong tự tánh sẽ tự nhiên lưu lộ, chắc chắn chẳng phân biệt, quyết định chẳng chấp trước, trọn khắp vũ trụ, khắp pháp giới, giống như ánh sáng, như sóng điện từ, trọn pháp giới hư không giới thủy đều cảm nhận được.

Hiện thời, trong ý niệm của chúng ta, khởi tâm động niệm rất phi phạm, bất luận là thiện niệm, hay ác niệm, vừa dấy động sẽ trọn khắp pháp giới, nhưng chính chúng ta không biết. Vì sao? Sách *Hoàn Nguyên Quán* bảo chúng ta: Bất luận là hiện tượng vật chất hay hiện tượng tinh thần, các vật chất cũng có hiện tượng dao động, bất luận vật chất nào cũng đều có hiện tượng dao động. Do vậy, các khoa học gia hiện thời bảo vũ trụ trong tình trạng dao động, trên thực tế điều gì cũng không có, vật chất do dao động mà hình thành, tinh thần cũng do dao động mà hình thành. Nếu không có dao động, tinh thần và vật chất cũng chẳng tồn tại. Cách nói này

cũng rất gần với cách Phật pháp giảng về căn nguyên của vạn vật trong vũ trụ. Trong kinh Phật có nói: “*Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh*”, nghĩa là từ nhất niệm bất giác mà sanh khởi vạn vật, nhất niệm là dao động. Thế nhưng khoa học gia không giảng nhất niệm rõ ràng, còn kinh Phật giảng rõ ràng. Chúng ta xem cuộc đối thoại giữa Phật và Di Lặc Bồ tát trong *Bồ tát Xử Thai Kinh*³⁷[12]; trong bộ kinh này có một đoạn đối thoại như vậy. Đức Phật hỏi Di Lặc Bồ tát: “*Tâm hữu sở niệm*”, nghĩa là bọn phàm phu chúng ta, tức phàm phu trong lục đạo, trong tâm khởi lên một niệm, Đức Phật hỏi: “Trong một niệm ấy có bao nhiêu niệm?”. Chúng ta nghĩ không ra, trong một niệm lại còn có mấy niệm nữa ư? Ai có thể nghĩ đến vấn đề này? Tôi nghĩ khoa học gia thông minh nhất trong hiện tại cũng không nghĩ đến. Trong một niệm có mấy niệm? Nói cách khác, nhất niệm này do bao nhiêu tế niệm hợp thành? Câu hỏi này mới có ý nghĩa, có bao nhiêu niệm? Tiếp đó, lại hỏi: Có mấy tướng? Có mấy thức? Tướng là hiện tượng vật chất, thức là hiện tượng tinh thần. Đức Phật nêu câu hỏi như thế!

Di Lặc Bồ tát là một nhà tâm lý học trong Phật giáo; nếu coi Phật giáo như giáo dục thì Ngài chuyên môn dạy tâm lý học. Ngài đáp lời đức Thế Tôn, trên thực tế, hai vị đàm thoại

37 [12] *Bồ Tát Xử Thai Kinh* do ngài Trúc Phật Niệm dịch vào thời Diêu Tần, gồm năm quyển, chia thành ba mươi sáu phẩm, nội dung vô cùng phong phú, giảng về hạnh đức, tánh đức của Phật trước khi giáng sanh thị hiện thành Phật. Đức Phật giảng kinh này tại Sa La Song Thọ Lâm trước khi nhập Niết Bàn.

để bọn chúng ta nghe, chẳng phải là không biết. Di Lặc Bồ tát nói một khảy ngón tay, thời gian khảy ngón tay rất ngắn, người trong thế gian này khởi lên một niệm ước chừng bằng thời gian khảy ngón tay. Trong khoảng khảy ngón tay, có bao nhiêu tế niệm? Ba mươi hai ức trăm ngàn niệm. Đơn vị là trăm ngàn, một trăm ngàn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân với mười vạn thành ba mươi hai ức trăm ngàn niệm; người Trung Quốc nói là ba trăm hai mươi triệu, một cái khảy ngón tay đó nghe! Một cái khảy ngón tay là ba trăm hai mươi triệu. Trong kinh Phật đã nói như thế, còn các khoa học gia chưa nói! Di Lặc Bồ tát nói: “*Niệm niệm thành hình*”, “hình” (形) là vật chất, Phật gọi nó là tướng, tức Tướng Phần, Tướng Phần của A Lại Da Thức. “Hình giai hữu thức”, mỗi hình đều có thức. Đây là nói vật chất và tinh thần đồng thời sanh ra, không có trước sau. Trong vật chất nhất định có tinh thần, trong tinh thần nhất định có vật chất. Đối với vật chất, trong kinh Phật có một danh từ là Vô Biểu Sắc. Những vật chất mà chúng ta có thể thấy bằng mắt thường là Hữu Biểu, đây là hiện tượng vật chất. Chúng ta không thể thấy Vô Biểu Sắc, nhưng nó thật sự tồn tại. Có thể cảm nhận nó hay không? Có thể!

Vô Biểu Sắc là gì? Chúng ta đã từng thấy. Giữa Hương Cảng và Cửu Long là biển^{38[13]}, là nước biển, chẳng phải là

38 [13] Hương Cảng (Hong Kong) gồm ba khu vực chính: Cửu Long (Kowloon, nằm trên đất liền, thuộc tỉnh Quảng Đông), đảo Hương Cảng và đảo Lạn Đầu (Lantau, Đại Dục Sơn). Lãnh thổ Hương Cảng có hơn 200 hòn đảo lớn nhỏ. Ở đây, hòa thượng Tịnh Không nói đến cái eo biển thường gọi là vịnh Victoria nằm giữa bán đảo Cửu Long và đảo Hương Cảng.

nước ngọt, mà là nước biển, chúng ta đều thấy. Nay chúng ta ngồi trong nhà, chúng ta nghĩ tới nước trong biển, có thể có khái niệm rõ ràng hay không? Hỏi quý vị có sắc hay không? Có! Chính quý vị cảm nhận rất rõ ràng, nhưng người khác không thấy. Đó là vật chất, điều này cho thấy trong tinh thần có vật chất. Tinh thần là gì? Tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Thọ, Tưởng, Hành, Thức do đâu mà có? Từ “thấy, nghe, hay, biết” vốn sẵn có trong tự tánh. Thấy, nghe, hay, biết là Tánh Đức. Hễ giác ngộ thì Thọ, Tưởng, Hành, Thức không còn nữa, chúng chuyển biến thành thấy, nghe, hay, biết. Nếu mê thì thấy, nghe, hay, biết biến thành Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chuyện là vậy đó, biến chất rồi! Thọ, Tưởng, Hành, Thức là năm thứ cảm nhận^{39[14]} của phàm phu trong lục đạo, chẳng thật! Do vậy, trong kinh đức Phật đã nói: Thân chúng ta do Ngũ uẩn hòa hợp, tạo thành thân thể này. Các duyên hòa hợp [gọi là] chúng sanh. Mỗi cá nhân được gọi là chúng sanh, vì do các duyên hòa hợp mà sanh. Trong ấy có sắc pháp; sắc pháp là vật chất, là hình; có Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tâm pháp. Thọ là năm thức đầu (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức), Tưởng là thức thứ sáu (ý thức), Hành là thức thứ bảy (Mạt Na, còn gọi là Ý Căn), thức cuối cùng là A Lại Da, đó là hiện tượng tinh thần.

39 [14] Vì sao nói Thọ, Tưởng, Hành, Thức là năm thứ cảm nhận? Năm thứ cảm nhận chính là khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Năm thứ cảm nhận này do quá trình tâm lý Thọ, Tưởng, Hành, Thức sanh khởi.

Vì thế, chúng ta nói duy vật hay duy tâm đều trật! Tâm và vật có cùng một nguồn, là một chuyện, quyết định chẳng tách rời. Chúng ta là động vật có Thọ, Tướng, Hành, Thức rất rõ ràng; thực vật có hay không? Có! Khoáng vật có hay không? Có! Tiến sĩ Giang Bồn Thăng của Nhật Bản rất hiếm có! Nước là khoáng vật, ông ta quan sát nước cẩn thận, nhận thấy nước có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ của con người, nó có thấy, nghe, hay, biết. Đó là khoáng vật có thấy, nghe, hay, biết! Tôi bảo ông ta: “Không riêng mình nước có thấy, nghe, hay, biết; tất cả khoáng vật đều có thấy, nghe, hay, biết. Hiện thời, ông chỉ thấy được sắc của nó, thấy được sắc tướng, nhưng nó còn có thanh, hương, vị, ba thứ này, ông vẫn chưa phát hiện được. Ông hãy gắng tiếp tục nỗ lực, trong bất luận vật chất nào cũng có hương, ông có thể ngửi được, nó có vị, có âm thanh, nay ông chỉ thấy được sắc tướng của nó”. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã nói rõ như thế, nay ông ta làm thí nghiệm mới thấy được một điều, ông ta bội phục. Vốn nghĩ Phật giáo là mê tín, không dám tiếp xúc, nay ông ta đã hiểu rõ, tin tưởng. Chúng tôi giảng kèm thêm một đoạn đông dài vào phần “*làm thân Phật ra máu*” như thế, những điều này đều thuộc loại kiến thức Phật học thông thường.

Điều cuối cùng trong Ngũ Nghịch là “*phá hòa hợp Tăng*”, cũng đọa địa ngục A Tỳ. Thuở tôi còn trẻ, giảng kinh tại Đài Bắc, tôi nhớ lúc đó đã bốn mươi mấy tuổi, có một vị lão cư

sĩ là bạn cũ của lão cư sĩ Lý Bình Nam, thầy chúng tôi. Vị này tuổi nhỏ hơn thầy Lý một chút, khi ấy, cụ cũng ngoài sáu mươi tuổi, tôi mới vừa bốn mươi mấy tuổi, cụ hơn tôi nhiều lắm là hai mươi tuổi. Có một hôm cụ mời tôi dùng cơm, cạnh trạm xe lửa có một tiệm cơm chay tên là Công Đức Lâm, thuộc thành phố Đài Bắc. Tôi tới Công Đức Lâm thì cụ đã đến rồi, đến nơi thấy chỉ có hai người chúng tôi, cụ chẳng mời ai khác, chỉ mời một mình tôi! Chọn món ăn xong, khi đang ăn, cụ hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không, thầy có biết vì sao hôm nay tôi mời thầy dùng cơm hay không?”. Tôi nói: “Tôi không biết”. Cụ bảo: “Có một chuyện tôi muốn hỏi ý thầy”. Tôi hỏi: “Chuyện gì vậy?”. Cụ nói: “Chuyện này nghiêm trọng lắm! Trong Ngũ Nghịch, tội giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, rất ư là ít!”. Khi ấy, đúng là ít, chứ nay thì chẳng ít! Quý vị đọc báo, đọc tạp chí, sẽ thấy giết cha, giết mẹ, anh em giết nhau, giết thầy, giết bạn học là chuyện thường nghe nói tới. Thừa quý vị, năm mươi năm trước không có hiện tượng này, rất ít thấy chuyện này xảy ra, “chỉ có một điều là phá hòa hợp Tăng, điều này nghiêm trọng lắm”. Tôi hiểu ý cụ, các đồng học học Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, ganh ghét, chướng ngại, hủy báng lẫn nhau là phá hòa hợp Tăng. Cụ nói chuyện này nghiêm trọng, tạo tội này sẽ đọa địa ngục A Tỳ. Tôi cười nói: “Chúng ta hãy ăn cơm, không có chuyện gì đâu!” Cụ thấy tôi rất thông dong, cảm thấy rất lạ, sao lại không có chuyện gì? Tôi hỏi ngược

lại: “Thưa lão cư sĩ! Cụ học Phật sớm hơn tôi”. Cụ học Phật với Ấn Quang đại sư, là bạn học của thầy Lý, lúc đó, tôi học Phật đại khái cũng được mười mấy năm. Tôi nói: “Tôi không chỉ chưa được thấy hòa hợp Tăng, mà còn chưa hề nghe nói tới, cụ thấy ở đâu có Tăng đoàn hòa hợp?”. Tôi vừa hỏi, cụ cũng cười theo. Hai người xuất gia ở cùng một chỗ luôn cãi nhau, Tăng đoàn hòa hợp từ đâu mà có? Chưa hề thấy! Cụ bận lòng chuyện này làm gì? Hiện thời không có Tăng đoàn hòa hợp, chúng ta dùng cơm là được rồi. Thật đấy!

Kinh nói rất hay, nếu ở nơi đây xuất hiện một Tăng đoàn hòa hợp, bốn người trở lên ở cùng một chỗ cộng tu, thật sự thực hiện Lục Hòa Kính, kiến hòa đồng giải, giới hòa đồng tu, thân hòa đồng trụ, khẩu hòa vô tránh, ý hòa đồng duyệt, lợi hòa đồng quân, làm được sáu điều này, sẽ thật sự là đạo tràng của Phật Thích Ca Mâu Ni, nhất định cảm hết thầy chú Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, nơi này sẽ không có tai nạn. Thật đấy, chẳng giả đâu! Trong đời này, từ lúc tôi bắt đầu học Phật, biết chuyện này, bèn lưu ý, mong có được một Tăng đoàn hòa hợp như thế xuất hiện, nhưng tìm không ra.

Ba mươi năm trước, tức năm 1977, tôi đến Hương Cảng lần đầu tiên để giảng kinh, bên Hương Cảng các đại đức pháp sư không ít, từ các nơi trong đại lục vân tập về cuộc đất ấy. Trong số đó, cũng có một pháp sư trẻ tuổi, đại khái chừng bốn mươi mấy tuổi, tuổi tác chẳng chênh lệch với

tôi cho mấy, lớn hơn tôi mấy tuổi là pháp sư Tẩy Trần. Ở Hương Cảng, mọi người đều biết pháp sư Giác Quang và pháp sư Tẩy Trần, hai vị này là lãnh tụ của giới Phật giáo Hương Cảng. Sư Tẩy Trần là người Đông Bắc, sư Giác Quang cũng là người Đông Bắc, chúng tôi nói chuyện rất hợp ý. Đặc biệt là pháp sư Tẩy Trần, tôi đã từng thỉnh cầu Sư vài lần, tôi nói: “Thầy có thể tìm năm người xuất gia hay không? Tôi sẽ tham gia. Tôi ghi danh, thầy là người đứng đầu. Năm người chúng ta thi hành Lục Hòa Kính. Chúng ta thành lập Tăng đoàn này”. Lần đầu tiên tôi đến Hương Cảng giảng kinh suốt bốn tháng, giảng kinh *Lãng Nghiêm*. Giảng xong đã hết thời gian lưu trú, tôi trở về Đài Loan, tôi nói thầy hãy tiếp tục nỗ lực để chúng ta cùng làm, Sư cũng rất hoan hỷ

Phải thực hiện Lục Hòa Kính ra sao? Thừa quý vị, thực hiện ba căn bản của Nho, Thích, Đạo thì Lục Hòa Kính sẽ thực hiện được! Quý vị nghĩ coi có đúng hay không? *Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp, Sa Di Luật Nghi* của người xuất gia, chỉ cần làm được một trăm phần trăm bốn món căn bản này, đoàn thể ấy sẽ là Lục Hòa Kính, là một Tăng đoàn danh phù hợp thực chất. Chẳng tu Lục Hòa Kính, chẳng đạt được tiêu chuẩn Lục Hòa Kính, chẳng thể xưng là Tăng đoàn! Khi chúng ta niệm Tam Quy Y, “*quy y Tăng, chúng trung tôn*”; “*Chúng*” là đoàn thể, là tổ chức xã hội. Trong tất cả các đoàn thể xã hội, đoàn thể của đệ tử Phật tôn quý nhất. Vì sao? Vì hòa thuận. Trong đoàn thể ấy,

chắc chắn chẳng thấy có tranh chấp, chắc chắn chẳng thấy nổi nóng. Hiện thời, chúng ta có thể thấy hay không? Đi tìm khắp nơi vẫn chẳng thấy! Vì sao Phật pháp suy? Không có Tăng đoàn! Tăng đoàn hình thức thì có, Tăng đoàn thực chất không có! Hiện thời phiền phức lắm! Tai nạn nhiều quá, làm thế nào để hóa giải tai nạn? Có một Tăng đoàn xuất hiện trong thế gian này, địa cầu sẽ được cứu, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, tai nạn gì cũng đều không có. Có ai chịu phát tâm hay không? Không ai hết. Vì sao? Tự tư, tự lợi không buông xuống được, tiếng tăm, lợi dưỡng không buông xuống được, hưởng thụ ngũ dục lục trần không buông xuống được. Vậy là không có cách nào cả! Cùng nhau chịu nạn, không có đường nào để đi được nữa! Vì thế, quý vị có chịu buông xuống, bỏ mình vì người khác hay không? Nói thật ra, vì người khác thật ra là vì chính mình; vì chính mình thì thật ra là tự mình hại mình.

Phật, Bồ tát, thánh hiền biết chuyện này, nhưng phàm phu mê hoặc, điên đảo không biết, trước mắt niệm niệm đều mong chiếm được một chút tiện nghi. Có tiện nghi chiếm được, nhưng cũng có những điều chẳng chiếm được, vì sao chiếm được? Do trong mạng có, nên quý vị mới chiếm được, quý vị nói xem có phải là oan uổng hay không? Trong mạng có, bèn đạt được! Trong mạng không có, dùng cách nào cũng đều chiếm không được. Mạng do đâu mà có? Mạng là do quý vị tạo nghiệp trong đời trước. Trong đời quá khứ

tạo thiện nghiệp, quý vị đến thế giới này để hưởng phước, trong mạng quý vị có phước báo ấy. Trong đời quá khứ tạo tác nghiệp bất thiện, quý vị hứng chịu khổ báo, chẳng do người khác ban cho, tự làm, tự chịu! Nhất định phải hiểu đạo lý này, quyết định chớ nên oán trời, hờn người! Oán trời hờn người là tội lại chồng thêm tội. Đây là chân tướng sự thật. Trước khi chúng ta chưa học Phật, chưa tiếp xúc Phật pháp thì không biết. Sau khi tiếp xúc Phật pháp, vui thích học tập, càng ngày càng hiểu rõ, càng ngày càng minh bạch, tai họa vì sao mà có? Hạnh phúc vì sao mà có? Rõ ràng, rành rẽ. Đoạn ác, tu thiện, sám trừ nghiệp chướng, tích công lũy đức, hạnh phúc sẽ đưa đến. Hạnh phúc thật sự là gì? Phước báo thế gian là giả, chẳng thật, giống như hoa Đàm thoáng hiện! Phước báo cõi trời cũng chẳng thật, tuy thời gian dài hơn nhân gian một chút, nhưng vẫn là hữu hạn. Nay chúng ta biết, với thân phận của chúng ta, với trình độ của chúng ta, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là đệ nhất phước, đệ nhất đức, có thể hay không? Thật sự có thể!

Nếu đã xác định một phương hướng, một mục tiêu như vậy, quý vị sẽ dám buông xuống, buông tự tư tự lợi xuống, buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục lục trần xuống, buông tham, sân, si, mạn xuống, Tăng đoàn hòa hợp sẽ xuất hiện chẳng khó. Cổ nhân có thể làm được, nhưng người thời nay không làm được. Vì sao cổ nhân có thể làm được? Giác ngộ sẽ làm được! Vì sao người thời nay không

làm được? Chẳng giác ngộ, bị tiếng tăm, lợi dưỡng dụ dỗ, mê hoặc, đọa lạc trong ấy, không thể tự dẹp trừ, cho nên làm không được. Làm không được là do chưa giác ngộ, hễ giác ngộ bèn làm được. Do vậy, khi tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư thường bảo tôi: “*Phật pháp là chuyện biết khó, hành dễ*”. Đúng vậy! Hành rất dễ, mê hay ngộ đúng là trong một niệm, chẳng khó, nhưng biết chuyển mê thành ngộ, khó lắm! Quý vị thật sự nhận rõ cái gì là thật, cái gì là giả, khó lắm, chẳng dễ dàng! Đúng là cần phải giống như Phật, Bồ tát nhận biết như thế này: Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng! Xa lìa hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần chẳng phải là chuyện khó, vấn đề là quý vị có thật sự hiểu rõ hay không?

Chúng ta đã hiểu rõ Ngũ Nghịch, năm thứ này hoàn toàn trái nghịch Tánh Đức, chẳng phải do ai khác trừng phạt quý vị, địa ngục cũng do chính quý vị biến hiện, chẳng do người khác tạo, đó là đọa địa ngục A Tỳ. Thập Ác là trái nghịch với Thập Thiện, tạo tác sát sanh, tà dâm, trộm cắp. Giết, trộm, dâm là thân nghiệp. Giết, trộm, dâm là gì? Kẻ bình thường chúng ta chỉ thấy thô tướng, không biết đến [tướng] vi tế, kinh Phật giảng rất tỉ mỉ, chẳng thể không biết. Sát là giết hại, ta không giết, nhưng ta tổn hại chúng sanh, đó là một phần của Sát! Bất cứ khi nào, hễ có thể được, nhất định đừng tổn hại một chúng sanh nào thì quý vị mới thực hiện viên mãn điều này. Hễ quý vị còn có ý niệm và hành vi tổn hại chúng

sanh, tức là quý vị chưa làm được điều này. Đúng vậy, chẳng dùng dao giết chúng sanh, nhưng lời lẽ gây tổn thương, khởi tâm động niệm gây tổn thương, đều tính là sát! Đối với trộm cắp thì trộm cắp vi tế là gì? Chiếm tiện nghi. Chiếm một chút ít tiện nghi từ người khác là nghiệp trộm, giới “chẳng trộm cắp” sẽ chẳng tinh sạch! Chiếm tiện nghi nơi người khác, chiếm tiện nghi của quốc gia, làm thế nào để nạp thuế cho quốc gia ít hơn một chút, tìm kẽ hở trong luật lệ. Hoàn toàn hợp pháp, nhưng quý vị có ý niệm: Nay ta tìm được điều này trong luật pháp, có thể đóng thuế ít hơn một chút, đó là cái tâm trộm cắp, tâm trộm cắp chưa dứt! Lại mở rộng ra, đối hoa, cỏ, cây cối, có tâm trộm cắp, đối với núi, sông, đại địa cũng có tâm trộm cắp. Cứ nghĩ chiếm một chút tiện nghi, luôn mong hưởng thụ khá hơn người khác một chút, hễ có ý niệm này tức là tâm trộm cắp chưa đoạn, rất vi tế!

Do mười điều này tương phản với Thập Thiện nên gọi là Thập Ác. Triển khai ra, trong Tiểu thừa sẽ biến thành ba ngàn điều, từ mười điều biến thành ba ngàn điều. Nói như thế nào? Thí dụ như sát sanh. Trong điều sát sanh này, có chứa đựng chín điều kia, mười nhân với mười thành một trăm; mỗi điều trong một trăm điều ấy lại có mười điều, bèn biến thành một ngàn; trong mỗi điều của một ngàn điều lại có mười điều, càng nói càng vi tế, ba ngàn oai nghi của Tiểu thừa do đây mà ra. Đại thừa lại càng nhiều! Đại thừa Bồ tát đem Thập Thiện Nghiệp triển khai thành tám vạn bốn ngàn

oai nghi, tám vạn bốn ngàn điều! Vì thế, Thập Thiện Nghiệp đạo viên mãn, tám vạn bốn ngàn cũng không phạm một điều nào, người ấy bèn thành Phật. Chúng ta chẳng phạm mười điều này, mười điều rất thô, sẽ là người lương thiện, là người tốt. “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” trong kinh Phật được dùng theo tiêu chuẩn này. Thập Thiện chưa làm được, sẽ chẳng phải là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Làm được Thập Thiện mới gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Mở kinh điển ra, quý vị thấy “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, ta có thuộc trong số đó hay không? Ta có thể được coi là thiện nam tử, thiện nữ nhân hay không? Tiêu chuẩn là có làm được mười điều này hay không? Lấy chuyện này làm tiêu chuẩn, chẳng phải là nói tùy tiện!

Đối nghịch của Thập Thiện là Thập Ác. Chúng ta quan sát cẩn thận xã hội hiện tại, chẳng phải là xã hội Thập Thiện, mà là xã hội Thập Ác. Quý vị thấy ba nghiệp nơi thân là sát sanh, trộm cắp, tà dâm, miệng nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt; ý tham, sân, si, ai nấy đều trọn đủ, xã hội này phiền quá, chắc chắn có tai nạn. Nếu chúng ta vẫn tiếp tục tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, tai nạn sẽ diễn ra giống như trong phim. Vì thế, có rất nhiều người hỏi tôi về cách nhìn này, tôi nói: Chúng tôi nhìn từ nhân quả. Hiện thời, cư dân trên địa cầu nghĩ gì, nói gì, làm gì? Quý vị triển khai tiêu chuẩn Thập Thiện để xét, liền biết toàn bộ là Thập Ác, chẳng có một điều thiện nào! Tai nạn là thật, chẳng giả chút nào. Có thể cứu

vấn tai nạn hay không? Câu trả lời là khẳng định! Chỉ cần cư dân trên địa cầu hồi tâm chuyển ý: “Ta hiểu rõ rồi, ta biết làm như vậy thì sau này, quả địa cầu sẽ chẳng còn nữa! Tất cả tai nạn sẽ đều xuất hiện”.

Trong kinh *Lăng Nghiêm*, đức Phật bảo chúng ta: Tâm tham cảm Thủy Tai, trong tương lai nước biển dâng lên nhấn chìm toàn bộ lục địa là do tâm tham cảm ứng. Cái gì cũng đều tham, ngay cả học Phật cũng tham. Học Phật còn phải đốt một nén hương, đấy là tâm tham. Phật bảo chúng ta buông xuống tâm tham, chẳng phải là thay đổi đối tượng tham! Phải diệt trừ tâm tham, phải hiểu đạo lý này. Sân khuể cảm ứng Hỏa Tai. Hiện thời, nhiệt độ địa cầu tăng lên, chuyện này thuộc về sân khuể. Do vậy, chính chúng ta phải có cảnh giác cao độ! Gặp chuyện chẳng vừa ý, trong tâm cảm thấy khó chịu, phẫn hận, chính là quý vị đã thêm dầu vào lửa khiến cho nhiệt độ địa cầu tăng cao hơn, quý vị có trách nhiệm! Ngu si cảm Phong Tai, ngạo mạn cảm động đất. Các tai nạn đều có nhân: Khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác cảm vờn những tai nạn ấy. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta một câu về bí quyết tiêu tai miễn nạn, đó chính là: *Siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si*, tai nạn sẽ bị hóa giải. Chúng ta yêu cầu mọi người trên toàn thế giới thực hiện bí quyết trên đây sẽ là chuyện không thể xảy ra được, làm không được, chúng ta chỉ có thể yêu cầu Phật môn đệ tử. Người học Phật chúng ta có chung một vị thầy là Phật Thích

Ca Mâu Ni, chúng ta đều là đệ tử của Phật Thích Ca Mâu Ni, hãy nên tiếp nhận lời giáo huấn của Phật Thích Ca Mâu Ni, nghiêm túc tu hành, đoạn ác, tu thiện, sám hối, sửa lỗi. Nếu đệ tử Phật trên toàn thế giới đều có thể làm như vậy, có cứu được quả địa cầu này hay không?

Trong kinh, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, chúng sanh tạo nghiệp có cộng nghiệp và biệt nghiệp. Đối với các đệ tử chúng ta, điều này là một sự cố vũ hết sức to lớn, trong cộng nghiệp có biệt nghiệp, phải nhớ câu này! Cộng nghiệp bất thiện, chúng ta chuyên tu thiện nghiệp, do vậy, đòi hỏi chính mình phải nghiêm túc thi hành viên mãn ba món căn bản, người xuất gia còn phải thực hiện *Sa Di Luật Nghi*. Người xuất gia có ba món căn bản ấy kể ra cũng khá lắm, nhưng thiếu *Sa Di Luật Nghi* thì không được. Vì sao? Có lỗi với Phật, Bồ tát! Nếu quý vị xuất gia thì phải thật sự thực hiện. Không xuất gia thì còn được, tu tốt đẹp Thập Thiện Nghiệp đạo là được rồi, Phật cũng thừa nhận quý vị là đệ tử Phật. Trên thực tế, trọn đủ ba món căn bản thì mới có thể trọn đủ điều kiện học Phật. Trong *Tịnh Nghiệp Tam Phước* đã nói rõ ràng, quý vị mới có thể tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới. Bởi lẽ, Tam Quy Ngũ Giới chẳng phải là vô điều kiện, phải có điều kiện nào mới có thể tiếp nhận Tam Quy Ngũ Giới? Thiện nam tử, thiện nữ nhân mới có thể tiếp nhận phép “rửa tội” này! Thiện nam tử, thiện nữ nhân ắt phải làm được điều đầu tiên trong *Tịnh Nghiệp Tam Phước*: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ*

tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp". Thi hành "hiếu thân, tôn sư" (hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy) bằng Đệ Tử Quy; bởi lẽ, làm được Đệ Tử Quy thì "hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng" sẽ làm được. Thi hành Thái Thượng Cảm Ứng Thiên thì "từ tâm chẳng giết" sẽ làm được. Cuối cùng là Thập Thiện Nghiệp Đạo thì mới có thể trở thành Phật môn đệ tử. Ngày nay Phật pháp suy vi. Vì sao suy? Chúng ta coi nhẹ cơ sở giáo dục này, cho nên Phật pháp suy đồi. Vấn đề không xuất phát từ Phật pháp, mà xuất phát từ bản thân các đồng học học Phật chúng ta trong một đời này, chúng ta chẳng học nghiêm túc! Phật Thích Ca Mâu Ni đã không còn trụ thế, bản thân chúng ta tuyên bố là đệ tử của Ngài, nhưng lão nhân gia có thừa nhận hay không, chúng ta không biết, tự cho là đã được Ngài thừa nhận; thật ra, chẳng phải!

Kinh này giảng rất hay, dẫu trót tạo nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác, nhất định đọa địa ngục A Tỳ, gặp pháp môn này cũng được cứu, "*lâm chung niệm Phật, diệt tất tùy nguyện đắc sanh*" (lâm chung niệm Phật, ắt cũng được vãng sanh theo ý nguyện). Tạo tội nghiệp nặng nề dường ấy có cứu được hay không? Cứu được! Trong giáo pháp Đại thừa, đức Phật thường nói: "*Hết thấy chúng sanh vốn là Phật*", những kẻ tạo tác Ngũ Nghịch Thập Ác có là Phật hay không? Họ vốn là Phật. Yêu ma quỷ quái có là Phật hay không? Vốn là Phật. Không ai chẳng phải là Phật, Phật thấy toàn bộ hết thấy chúng sanh đều là chư Phật Như Lai. Nhưng trong lục đạo, những vị Phật

này có vị mê, có vị ngộ, có vị mê rất sâu, có vị mê cạn hơn một chút, căn tánh mỗi người khác nhau, thiện căn, phước đức, nhân duyên không giống nhau.

Nếu quý vị thật sự giác ngộ, tiếp xúc pháp môn này, thật sự có thể tin tưởng, lý giải, thật sự làm, khó lắm, đáng quý thay! Pháp môn này gọi là “pháp khó tin”, mọi người quý vị vừa tiếp xúc bèn tin tưởng, tôi rất bội phục, tôi chẳng bằng quý vị. Phải mất một thời gian dài mười mấy năm, tôi mới thật sự tiếp nhận pháp môn này. Thuở còn trẻ, đi học trong trường chịu ảnh hưởng của giáo viên, chịu ảnh hưởng giáo dục của đạo Tin Lành, nghĩ các tôn giáo khác đều là mê tín, Phật giáo là mê tín nhất, các tôn giáo khác chỉ thờ một vị thần, một vị chân thần duy nhất, đó là tôn giáo cao cấp, Phật giáo thần nào cũng đều thờ, là đa thần giáo, phiếm thần giáo, là tôn giáo thuộc cấp thấp, làm sao có thể tiếp nhận Phật giáo được? Cũng may là thuở trẻ tôi rất ưa thích Triết học, tìm được một vị thầy là tiên sinh Phương Đông Mỹ, theo học Triết học với cụ. Trong khóa học khái luận Triết học cuối cùng, cụ giới thiệu Triết học trong kinh Phật, tôi được nhập môn như thế. Trong kinh điển Phật giáo, lão nhân gia đặc biệt ưa thích kinh *Hoa Nghiêm*, bảo tôi: Đây là “khái luận của Triết học trong kinh Phật”. Cụ dùng danh từ này để giới thiệu kinh *Hoa Nghiêm*. Cụ nói trong kinh ấy có lý luận hoàn mỹ, có phương pháp tinh tế, cuối cùng lại còn kèm theo biểu diễn. Tìm không ra một bộ sách giáo khoa thứ hai nào giống như vậy trên khắp thế

giới. Đó là thật, chẳng giả. Có kèm theo biểu diễn, phần sau là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài để biểu diễn cho quý vị xem. Do vậy, tôi cũng đặc biệt yêu thích bộ kinh này, hết sức hữu duyên, nhưng đối với Tịnh Tông đúng là có bài xích, thoát đầu cho rằng: Nói chung, pháp môn này do Phật Thích Ca Mâu Ni giảng cho các bà già, chẳng dành cho phần tử tri thức. Pháp sư Sám Vân^{40[15]} giúp đỡ tôi, tôi ở thảo am của Ngài nửa năm, làm công quả tại thảo am. Thời gian rảnh rỗi, Ngài muốn tôi đọc *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao*, đọc *Di Đà Kinh Yếu Giải*, *Sớ Sao*, *Viên Trung Sao*. Do vậy, tôi có ấn tượng rất sâu đối với ba bản này, cũng hết sức ưa thích, không phản đối Tịnh Độ Tông, cũng rất tôn trọng, nhưng không muốn học, có hứng thú rất sâu đối với kinh điển Đại thừa. Thầy Lý khuyên tôi tu Tịnh Độ, tôi theo cụ học Giáo, đương nhiên chẳng thể phản đối, nhưng chẳng phải là thật tâm học, tu cho có lệ, thầy cũng nhìn thấy điều này!

Khi nào mới thật sự nhận thức Tịnh Độ? Giảng kinh *Hoa Nghiêm*, lúc ấy tôi ở Đài Loan. Tôi nhớ là năm tôi hai mươi

40 [15] Pháp sư Sám Vân (1915-2009), họ Tào, pháp danh Thành Không. Sư được sinh ra tại một tiểu trấn bên bờ sông Áp Lục, thuộc địa phận tỉnh An Đông, gần biên giới Đại Hàn. Sư từng sang Nhật du học về ngành Mỹ thuật. Năm hai mươi bốn tuổi bắt đầu học Phật, thọ Cụ Túc Giới năm ba mươi tuổi tại chùa Quảng Tế, Bắc Kinh, từng theo học tại Bắc Bình Phật Giáo Học Viện. Năm 1948, Sư đến Phước Châu theo học với pháp sư Từ Châu. Năm 1949, Sư rời Hoa Lục sang Đài Loan. Năm 1956, Sư lập Ấn Hoàng Mao Bồng (thảo am Ấn Hoàng) tại núi Quán Âm, thuộc trấn Bồ Lý, huyện Nam Đầu, Đài Loan. Ngôi chùa này bị thủy tai phá hủy vào ngày Bẩy tháng Tám năm 1959. Năm 1963, Sư dựng chùa Liên Nhân tại làng Thủy Lý huyện Nam Đầu. Năm 1966, sáng lập Đại Chuyên Thanh Niên Trai Giới Học Hội. Pháp sư Sám Vân giữ luật rất nghiêm, không ăn quá Ngọ, mỗi ngày sau bốn giờ chiều, nữ chúng không được ở lại chùa, cũng không cho phép ai ở lại qua đêm. Sư rất chú tâm hoằng truyền Tịnh Tông, Ngài được coi là một trong số các vị pháp sư đóng góp rất nhiều trong việc truyền bá pháp môn Tịnh Độ tại Đài Loan.

sáu tuổi, quen biết tiên sinh Phương Đông Mỹ. Năm tôi hai mươi sáu tuổi vẫn còn đi làm, ba mươi tuổi nghỉ việc, một lòng mong học Phật pháp, do Chương Gia đại sư chỉ dạy. Ngài khuyên tôi xuất gia, muốn tôi học theo Phật Thích Ca Mâu Ni. Tôi rất vâng lời, quả thật là thật thà, nghe theo, cũng thật sự làm. Tôi theo thầy Lý mười năm để học kinh giáo, theo lão nhân gia đến năm thứ hai bèn xuất gia, duyên xuất gia chín mươi! Sau khi xuất gia, tôi giảng kinh dạy học các nơi. Năm Dân Quốc 60 (1971), tôi bắt đầu giảng *Hoa Nghiêm kinh* lần đầu tiên, Thầy Lý giảng tại Đài Trung, tôi đến nghe [thầy giảng] quyển thứ nhất để nghe kinh này bắt đầu như thế nào, nghe xong một quyển này, tôi có khả năng giảng một bộ *Bát Thập Hoa Nghiêm*. Tôi giảng ở Đài Bắc, tôi nhớ đã giảng hình như hai năm, chưa đầy ba năm đã giảng đuổi kịp tiến độ của thầy, vì cụ mỗi tuần chỉ giảng một giờ; cụ giảng kinh hai tiếng, nhưng có phiên dịch sang Đài ngữ^{41[16]}, nên trên thực tế là mỗi tuần giảng một giờ. Khi ấy, mỗi tuần tôi giảng ba lần, mỗi lần là một tiếng rưỡi, nên mỗi tuần giảng bốn giờ rưỡi, bằng

41 [16] Đài ngữ gọi đầy đủ là Đài Loan Ngữ, là một ngôn ngữ được coi như tiếng mẹ đẻ của đại bộ phận dân chúng Đài Loan, tuy trong công sở và trường học, tiếng Quan Thoại được dùng như ngôn ngữ chính thức. Đài ngữ thật ra là một thứ tiếng địa phương thuộc ngữ hệ Mân Nam (ngôn ngữ của tỉnh Phúc Kiến). Do thời Trịnh Thành Công chiếm đóng Đài Loan và sau khi Khang Hy tái chiếm Đài Loan, đa phần di dân đến Đài Loan từ vùng Chương Châu và Tuyên Châu cũng như một số huyện ở phía Nam tỉnh Phúc Kiến chiếm đa số, nên tiếng nói của họ dần dần chiếm ưu thế. Đặc biệt là khi Quốc Tánh Gia Trịnh Thành Công đuổi quân xâm lăng khỏi Đài Loan, thành lập căn cứ chống nhà Thanh, quân sư Trần Vĩnh Hoa chịu trách nhiệm giáo dục, do họ Trịnh lẫn Trần Vĩnh Hoa (Trần Cận Nam) đều là người Tuyên Châu, binh lính đa số tuyển mộ từ Tuyên Châu, nên giọng Tuyên Châu (Phúc Kiến) trở thành ngôn ngữ chính thức của đảo Đài Loan thời đó. Đài Ngữ gần với tiếng Phúc Kiến vùng Hạ Môn nhất, nhưng có những đặc thù riêng và những từ ngữ đặc biệt của Đài Loan, cũng như một số từ ngữ vay mượn từ tiếng Nhật và ngôn ngữ của thổ dân Đài Loan. Ở đây, do cụ Lý Bình Nam thường nói bằng giọng Sơn Đông, nên phải có người dịch sang Đài Ngữ để thánh giả hiểu cụ đang nói gì.

với cụ giảng cả tháng. Vì thế, tôi đuổi kịp cụ rất nhanh, tiến độ đuổi kịp cụ, sau đấy, bèn vượt lên trước.

Phải biết cũng mất mười năm, giảng kinh *Hoa Nghiêm* được phân nửa, khi ấy là *Bát Thập* và *Tứ Thập Hoa Nghiêm* cùng giảng. Mỗi tuần tôi giảng *Bát Thập Hoa Nghiêm* hai ngày, giảng *Tứ Thập Hoa Nghiêm* một ngày. Giảng được phân nửa, có một hôm, đột nhiên nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn gì? Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Kinh *Hoa Nghiêm* giảng được phân nửa, còn có nửa sau, lật phần sau ra xem, lật xem tới phần sau, tới quyển ba mươi chín trong bản *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, thấy Văn Thù và Phổ Hiền Bồ tát thấy đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, điều này khiến tôi hết sức chấn động. Hơn nữa, thấy không riêng gì Văn Thù, Phổ Hiền tự mình phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mà còn suất lãnh bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội *Hoa Nghiêm* sang thế giới Cực Lạc gặp Phật A Di Đà . Ngạc nhiên quá! Hai vị đại Bồ tát này trợ thủ của Tỳ Lô Giá Na Phật, hai vị đại trợ thủ đem toàn bộ học trò của Phật Tỳ Lô Giá Na sang thế giới Cực Lạc, Phật Tỳ Lô Giá Na chẳng tức giận ư? Đem toàn bộ học trò của ta đi? Phật Tỳ Lô Giá Na không chỉ chẳng giận, mà còn hết sức hoan hỷ.

Sau đấy, tôi đọc kỹ, môn sinh đặc ý, đệ tử truyền pháp của Bồ tát Văn Thù là Thiện Tài đồng tử, lại coi xem Ngài học gì? Trước kia, đúng là hời hợt, vô ý, giảng *Tứ Thập Hoa Nghiêm* đến phân nửa mà chẳng nhìn ra vấn đề này, phải dụng tâm

mới thấy được, mới nhận ra: Thiện Tài và thầy của Ngài vốn tu pháp môn Tịnh Độ. Nhìn từ chỗ nào? Từ lần tham phỏng thứ nhất, do thầy giới thiệu, Bồ tát Văn Thù giới thiệu Thiện Tài đi tham phỏng tỳ-kheo Cát Tường Vân. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu Ban Châu tam-muội. Ban Châu tam-muội là gì? Còn gọi là Phật Lập tam-muội, chuyên tu trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lúc ấy mới biết, người Trung Quốc thường bảo vị thiện tri thức (thầy) thứ nhất là “*tiên nhập vi chủ*” (điều gì tiếp xúc đầu tiên sẽ là chính yếu), Ngài tu môn này! Sau đó, nhìn vào quá trình tham học, đối với mỗi một vị thầy, Thiện Tài đều luyện đức lễ từ (hâm mộ đức hạnh, kính lễ, từ tạ). Quý vị hãy chú ý quan sát, Thiện Tài tham học điều gì cũng đều thấy, đều học, đều hiểu, nhưng chẳng tu. Ngài tu gì? Niệm Phật. Nhìn đến cuối cùng, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát dẫn về Cực Lạc, một vị đầu, một vị cuối đều tu Tịnh Độ, chẳng phải là rõ rệt ư? Ngài môn nào cũng học, môn nào cũng đều hiểu, nhưng chính Ngài chuyên dốc công sức nơi pháp môn Niệm Phật. Từ chỗ này, tôi mới tiếp nhận Tịnh Độ, thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, thầy khuyên tôi, tôi chẳng có lòng tin sâu xa như thế. Lại từ *Hoa Nghiêm*, từ *Pháp Hoa*, từ *Lăng Nghiêm* tổng kết, tôi mới biết cái hay của Tịnh Độ, Tịnh Độ thù thắng.

Pháp môn này “*hoành xuất tam giới, viên đặng tứ độ, đốn dứt Quán Âm, Thế Chí tịnh kiên, khả kiến thử pháp môn chi cứu cánh phương tiện, thiện ứng quần cơ dã*” (vượt khỏi

tam giới theo chiều ngang, lên trọn vẹn bốn cõi, nhanh chóng cùng Quán Âm, Thế Chí sánh vai, đủ thấy pháp môn này là phương tiện rất ráo đến tột cùng, khéo thích ứng mọi căn cơ). “Hoành xuất” còn gọi là “hoành siêu”, vì tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là tiến lên từng bậc, đó là thụ xuất (thoát tam giới theo chiều dọc), chẳng phải là hoành xuất (vượt thoát tam giới theo chiều ngang). Kinh *Hoa Nghiêm* chẳng phải là một ví dụ rất hay ư? Quý vị thấy địa vị Thập Tín, trên Thập Tín là Thập Trụ, trên Thập Trụ là Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, giống như chúng ta đi học, Tiểu học, Trung học, Đại học, Nghiên Cứu Sinh, đó gọi là thụ xuất. Pháp môn Tịnh Tông không cần, ngay từ nhân đạo bèn vượt ngang ra, không cần phiền phức như thế! Từng bước một như vậy thì đến bao giờ quý vị mới có thể thoát ra? Vượt ngang ra, sang thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà tiếp dẫn quý vị. Sau khi đến bên ấy, bèn lên trọn bốn cõi, đây là điều đặc biệt. Phật Thích Ca Mâu Ni có bốn cõi Tịnh Độ hay không? Có, nhưng theo chiều dọc, không phải là “*viên đặng*”. Quý vị phải trèo từng bước một. Lục đạo là cõi Phạm Thánh Đồng Cư, tứ thánh pháp giới là cõi Phương Tiện, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới, là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tỳ Lô Giá Na Phật, tiến lên nữa là Thường Tịch Quang Tịnh Độ, trong thế giới Hoa Tạng vẫn phải tiến lên từng bước một! Tịnh Độ khác hẳn, bốn cõi của Phật A Di Đà không

có giới hạn. Nói cách khác, nói theo các khoa học gia hiện tại, Tịnh Độ không có các chiều không gian. Thập phương thế giới thấy đều không có hiện tượng này, chỉ có thế giới Cực Lạc đặc biệt, không có các chiều không gian, bốn cõi ở cùng một chỗ. Vì thế, một sanh, hết thủy sanh!

Quý vị hãy xem ví dụ do cụ Hoàng nêu tiếp theo đó. Quán Âm, Thế Chí đang ở nơi đâu? Các Ngài ở trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Nay chúng ta niệm Phật vãng sanh là sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Trong thế giới này, cõi Phạm Thánh Đồng Cư không thấy cõi Phương Tiện Hữu Dư, có giới hạn, có chướng ngại; chúng ta sanh trong nhân đạo của lục đạo, chẳng thể thấy thiên đạo. Cõi trời có hai mươi tám tầng, tầng dưới không thể thấy tầng trên, nhưng tầng trên có thể trông thấy tầng dưới. Nhưng cái hay của thế giới Cực Lạc là do so với điều gì? Thập phương thế giới chư Phật Như Lai dạy học đều là từ Tiểu học, Trung học, đến Đại học, đều theo cách như vậy. Hơn nữa, lớp Một và lớp Hai Tiểu học mỗi lớp có phòng học riêng, chẳng ở cùng một chỗ. Phòng học của Phật A Di Đà to lớn, từ Tiểu học, Trung học cho đến lớp Tiến sĩ đều ở cùng một chỗ, lên lớp trong cùng một phòng học, tình hình là như vậy đó, thấy đều ở cùng một chỗ, điều này rất đặc thù. Do vậy, nói: *“Sanh về một là sanh về hết thủy”*. Chúng ta là hạ hạ phẩm vãng sanh vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư, quý vị đến thế giới Cực Lạc, có thể thấy Quán Âm, Thế Chí, có thể thấy Văn Thù, Phổ Hiền, đều ở nơi đó. Thường cùng những

vị này ở cùng một chỗ, như vậy là quý vị may mắn quá! Họ là Pháp Thân đại sĩ, quý vị không hiểu, các Ngài sẽ dạy quý vị. Ngoại trừ Phật dạy bảo ra, các Bồ tát nhiều ngàn ấy giúp đỡ quý vị, nâng đỡ quý vị, quý vị cũng thành tựu rất nhanh. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của thế giới Cực Lạc; cho nên cảm được thập phương chư Phật tán thán. Nói “*viên đặng tứ độ*” là không có cấp bậc. “*Đốn*” có nghĩa là ngay lập tức, quý vị lập tức sánh vai cùng Quán Âm Bồ tát, Thế Chí Bồ tát, đều là học trò của Phật A Di Đà, các Ngài biến thành lớp đàn anh của chúng ta.

“*Khả kiến thử pháp môn chi cứu cánh phương tiện, thiện ứng quần cơ*” (có thể thấy pháp môn này là phương tiện rất ráo đến tột cùng, thích ứng mọi căn cơ), căn tánh nào gặp pháp môn này thấy đều đặc độ, vấn đề là quý vị có tin hay không, quý vị nghe có hiểu hay không? Thật sự tin tưởng, nghe chẳng hiểu cũng không sao, một câu Phật A Di Đà thật thà niệm, niệm đến công phu thành phiền sẽ tự tại vãng sanh, biết trước lúc mất. Rất nhiều người suốt đời chưa hề nghe kinh, không biết chữ, niệm một câu Phật A Di Đà, niệm ba năm công phu thành tựu, có người đứng mất, có người ngồi mất, chẳng ngã bệnh, nói đi là đi, chẳng khó khăn gì! Mấy năm trước, cư sĩ Hoàng Trung Xương ở Thâm Quyển đã làm mẫu cho chúng ta xem. Ông ta nghe nói về pháp môn này, bèn tự mình phát tâm làm thí nghiệm, thử coi có đúng là ba năm có thể vãng sanh hay không. Ông ta

bế quan tại Thâm Quyển, cư sĩ Hương Tiểu Ly hộ quan, hai năm mười tháng bèn biết trước lúc mất, Phật tiếp dẫn ông ta, còn thiếu hai tháng mới đủ ba năm! Chúng tôi khuyên mọi người ở chỗ này, ông ta tạo chứng minh, thực hiện Tác Chứng Chuyển trong Tam Chuyển Pháp Luân, chứng minh chuyện này là thật, chẳng giả. Chúng ta có muốn vãng sanh hay không? Muốn vãng sanh thì dùng cách của ông ta là được. Mấu chốt là gì? Triệt để buông xuống! Sở dĩ quý vị chẳng đi được là vì quý vị chưa buông xuống, còn tham luyến thế gian này, mê hoặc, điên đảo. Thật sự giác ngộ thì cái gì cũng chẳng cần, trong tâm chỉ có Phật A Di Đà, không có chuyện nào khác. Quý vị thấy trường thời huân tu mất bao lâu? Ba năm, một ngàn ngày! Huân tu một ngàn ngày quý vị bèn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thiện Đạo đại sư nói rất hay: “*Vạn tu, vạn nhân khứ*” (vạn người tu, vạn người đến), pháp môn này chẳng sót một ai. Tu hành mà bị bỏ sót, nguyên nhân do chính quý vị, chính quý vị phải chịu trách nhiệm, không thể trách Phật A Di Đà, không thể trách kinh *Vô Lượng Thọ*, không thể trách ai hết, chỉ trách chính mình chẳng đúng pháp. Mỗi ngày nghe kinh mà chẳng hiểu, thật đấy, vì sao nghe không hiểu? Bộp chộp, hời hợt! Quý vị hoài nghi pháp môn này, đối với kinh giáo này, quý vị tin chẳng sâu, không hiểu thấu triệt, cho nên có chướng ngại.

Đoạn tiếp theo vẫn giảng về kế cơ, đoạn này có ngụ ý sâu xa, chúng ta hãy đọc kinh văn: “*Hựu kế cơ giả, diệc ngụ*

khế hợp thời cơ chi nghĩa” (lại nữa, khế cơ bao hàm ý nghĩa khế hợp thời cơ). Đoạn này giảng rất hay, cho thấy trí huệ chân thật của cụ Hoàng Niệm Tổ, rất trọng yếu. Phù hợp gì? Phù hợp thời cơ trong xã hội hiện thời.

“*Như Lai thùỳ từ, độc lưu thử kinh, ư chư kinh diệt tận chi tối hậu bách niên*” (Đức Như Lai rủ lòng Từ, riêng lưu lại kinh này một trăm năm cuối sau khi các kinh đã bị diệt hết). Trong tương lai, Phật pháp sẽ tiêu mất trên thế gian này, bị tiêu diệt, vì sao? Pháp là duyên sanh, duyên không còn, pháp sẽ diệt, duyên sanh, duyên diệt; chẳng phải là bất diệt, nó là pháp được sanh bởi nhân duyên, cho nên cũng chẳng phải là thật. Trong kinh *Bát Nhã*, đức Phật bảo chúng ta: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). Giảng rất thấu triệt! Phật pháp tốt đẹp, đừng nên tham, chớ nên khởi tâm tham, khởi tâm tham là sai! Trong kinh *Kim Cang*, đức Phật có nêu tỷ dụ, Ngài dùng thuyền bè vượt sông làm tỷ dụ. Vượt sông cần phải có chiếc thuyền nhỏ, hoặc là bè kết bằng gỗ hay bằng thân tre, dùng để vượt sông. Ngài nói pháp giống như thuyền để vượt sông, giúp quý vị từ bờ này vượt sang bờ kia, đến bờ kia, quý vị phải bỏ, bỏ thì mới lên bờ được. Nếu quý vị chẳng bỏ thì sai mất rồi, vĩnh viễn không thể lên bờ được. Vì thế, Phật dạy chúng ta: Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp. “*Bỏ*” có nghĩa là quý vị đừng chấp trước, đừng ghim trong lòng, ghim trong lòng là trật! Vì sao? Nó

là pháp hữu vi, nó là pháp duyên sanh, chẳng phải là tự tánh. Quý vị có thể buông xuống hết thấy sẽ kiến tánh, tánh mới là pháp chân thật duy nhất, bất sanh bất diệt, thứ gì cũng trọn đủ, thứ gì cũng viên mãn; trí huệ trọn đủ, đức năng trọn đủ, tướng hảo trọn đủ! Nay ta gọi tướng hảo là phước báo, là thứ quý vị vốn sẵn có trong tự tánh, chẳng phải tìm từ bên ngoài, bên ngoài không có, lại còn vĩnh viễn hưởng thụ bất tận. Đó mới gọi là Bảo! Thật sự là bảo, Tự Tánh Tam Bảo. Đây là thứ mà Phật dạy chúng ta hãy thật sự mong đạt được, tìm lại, nay đã mê mất, hãy tìm về!

Do vậy, quý vị nhất định phải biết, trí huệ do đâu mà có? Chính mình vốn sẵn có. Quý vị cầu trí huệ, chẳng có chuyện này! Cái mà quý vị cầu được là tri thức, tri thức và trí huệ là hai chuyện khác nhau. Cầu trí huệ bằng cách nào? Phải định cái tâm, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ. Tâm chúng ta bất định, trong tâm có cả đồng thứ lộn xộn, vì vậy, trí huệ chẳng sanh, mà sanh phiền não. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ. Bởi lẽ, trí huệ phát xuất từ buông xuống, hễ buông xuống trí huệ bèn xuất hiện; không buông xuống, sẽ vĩnh viễn chẳng có trí huệ, cái mà quý vị học được toàn là tri thức. Tri thức có thể giải quyết vấn đề nhỏ nhặt; nhưng giải quyết vấn đề vẫn còn có những rắc rối về sau. Khi khoa học kỹ thuật giải quyết vấn đề, nếu giải quyết vấn đề lớn sẽ có những hậu quả to lớn, vấn đề nhỏ sẽ có hậu quả nhỏ.

Giải quyết vấn đề nhỏ còn được, chứ giải quyết vấn đề lớn sẽ gây ra tai nạn cho cả thế giới, cuối cùng là địa cầu có ngày diệt vong là do khoa học kỹ thuật gây ra!

Hiện tại, do khoa học kỹ thuật đổi mới mỗi ngày, đã phá hoại sinh thái (ecological environment) của địa cầu đến mức nghiêm trọng, nên trên địa cầu có lắm tai nạn như thế, chẳng phải là không có nguyên nhân, mà do con người gây ra! Chúng ta nhất định phải hiểu, nếu tiếp tục phá hoại như vậy, tôi ước đoán, tối đa mười năm nữa sẽ tận thế. Hiện thời, các nơi bị tai nạn, đó là gì? Đó là điềm báo trước đại tai nạn, chúng ta đã thấy, mà nếu chẳng nghiêm túc nỗ lực, chắc chắn sẽ không thể tránh khỏi tai nạn này! Do vậy, chúng ta chẳng thể không biết, không thể chẳng sốt sắng nỗ lực học Phật. Hóa giải tai nạn không có gì khác, hãy khuyên lơn, hướng dẫn mọi người hồi tâm chuyển ý, đoạn ác tu thiện, tích công lũy đức hòng giải trừ tai nạn.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 9



Trong *Pháp Diệt Tận Kinh*, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói về tình hình Phật pháp suy diệt trong tương lai: Hết thấy các kinh đều bị diệt mất, đều chẳng tồn tại, tới cuối cùng, kinh *Vô Lượng Thọ* còn được lưu truyền một trăm năm, đó là một trăm năm cuối cùng trong pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni. Bản nào của kinh *Vô Lượng Thọ* sẽ được lưu lại? Cũng theo các bậc đại đức thuở ấy, họ không sống cùng thời chúng ta, mà thuộc thời đại của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, còn sớm hơn tôi một thế hệ, cùng vai vế với thầy tôi, cùng khẳng định bản hội tập này của Hạ lão cư sĩ sẽ được lưu lại trong một trăm năm cuối khi pháp diệt tận. Vì sao? Trong phần trước, tôi đã giới thiệu cùng quý vị, bản này thật sự là bản kinh tiêu chuẩn bậc nhất trong Tịnh Tông, là bản tổng hợp hoàn chỉnh của năm bản dịch gốc, quả thật là bản tốt nhất của bộ kinh bậc nhất trong Tịnh Tông. Chúng ta nghe xong cũng chẳng hoài nghi tí nào! Kinh này thật sự là như thế. Hạ lão cư sĩ xuất hiện trong thời đại này, chúng ta tin cụ là bậc tái lai để làm chuyện này. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ xuất thế cũng nhằm chú giải bản này. Họ tới thế gian này với nhiệm vụ đặc thù và đều đã hoàn thành. Do điều này, có thể biết: Thời Mạt pháp hãy còn chín ngàn năm nữa; vì thế, chúng ta nói: Đối với các nơi khác nhau, thời gian khác nhau, văn hóa khác nhau, kinh này đều có thể thích ứng.

“*Chính biểu thử kinh năng kế u đương tiền cập vị lai chi xã hội dã*” (Điều này cho thấy kinh này có thể kế hợp xã hội trong hiện tại và tương lai): Bất luận nơi nào cần đến, bản kinh này đều đáp ứng.

“*Đương tiền khoa học phát đạt, nhân loại ung cụ chi tri thức di quảng*” (Nay nhằm lúc khoa học phát triển, kiến thức cần phải có của nhân loại càng rộng), kiến thức mà chúng ta cần phải có ngày càng nhiều, đó có phải là chuyện tốt đẹp hay không? Nói thật ra, đây chẳng phải là chuyện tốt, người thật sự tu đạo không cần phải học những thứ ấy. Tổ tiên, cổ thánh tiên hiền đã sớm dạy chúng ta điều này như Đạo gia đã nói: “*Vị đạo nhật tổn, vị học nhất ích*” (vì đạo ngày càng hao tổn, vì học vẫn mà ngày càng tăng thêm). “*Vị học*” là như ở đây cụ Hoàng đã nói: “*Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển*”, đó là “*vị học*”. Mỗi ngày quý vị phải tăng trưởng những thứ kiến thức khoa học, đó là về phương diện tri thức; nhưng “*vị đạo*” thì mỗi ngày phải buông xuống, tất thảy đều phải buông xuống thì đạo mới thành tựu. Đạo là gì? Đạo là thứ mà bản thân quý vị sẵn có. Hiện thời, đạo của quý vị chẳng thể hiện tiền do quý vị có chướng ngại, có phiền não, nhà Phật gọi nó là “*nghiệp chướng*”. Chướng ngại nhiều vô lượng, vô biên, vô tận, vô số, nhưng quy nạp lại, sẽ không ngoài hai loại lớn: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Hai loại lớn này chướng ngại quý vị kiến tánh, chướng ngại cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng của quý vị. “*Thanh tịnh bình đẳng giác*” là đạo, là nhan đề của

bộ kinh này, chúng ta tu đạo là tu thứ này. Nếu tâm địa mỗi năm một thanh tịnh hơn, tức là đạo nghiệp của quý vị tăng trưởng, bất luận tu học pháp môn hay tông phái nào. “*Pháp*” (法) là phương pháp, “*môn*” là môn đạo (門道: đường nẻo), “*môn kính*” (門徑: cửa nẻo, đường lối). Do vậy, “*pháp môn*” là cửa ngõ để trở về tự tánh, trong kinh nói tám vạn bốn ngàn pháp môn nhằm đối trị tám vạn bốn ngàn phiền não. Bồ tát vô cùng tuyệt vời, có thể triển khai Thập Thiện Nghiệp Đạo thành tám vạn bốn ngàn tế hạnh hạnh vi tế, công đức viên mãn, thành Phật.

Đạt đến “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là cảnh giới như thế nào? Nửa phần trước của tiêu đề kinh này nói về quả, nửa phần sau là nói tới nhân, tu nhân chứng quả. Quả bậc nhất là Đại thừa, Đại thừa là trí huệ, tức trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh hiện tiền. Trí huệ không do học mà có, tri thức thì học được. Trí huệ chẳng do học được, mà sanh từ cái tâm thanh tịnh “*Vô Lượng Thọ*” là đức, “*Trang Nghiêm*” là tướng hảo. Quý vị thấy đây chẳng phải là như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói hay sao? “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”! Tựa đề kinh này chính là trí huệ và đức tướng của Như Lai. “*Đại thừa*” là trí huệ, “*Vô Lượng Thọ*” là đức, “*Trang Nghiêm*” là tướng, quý vị đạt được những điều này. Vào lúc nào? Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai, quý vị tu thành tựu cái tâm thanh tịnh bình đẳng, trở về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Tựa đề kinh này

hay lắm, nhưng chẳng phải do người hội tập tự lập một đề mục như cư sĩ Vương Long Thư đặt tên cho bản hội tập của mình là *Đại A Di Đà Kinh*, bản của Ngụy Mặc Thâm có nhan đề là *Vô Lượng Thọ Kinh*, họ đều tự mình lập ra đề mục. Chỉ riêng đề mục bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư là hội tập, thật sự chẳng thêm vào một chữ nào. Đấy mới gọi là bản hội tập tiêu chuẩn, ngay cả đề mục cũng là hội tập. Phần nửa trước của đề mục là nhan đề kinh của bản dịch đời Tống, nửa dưới tức là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” lấy từ bản dịch đời Hán, tên gọi của kinh do được hội tập từ tên gọi của các bản dịch gốc mà thành, nên ý nghĩa càng rõ ràng.

Tiếp: “*Xã hội tiến bộ, mỗi nhân sở kiên chi trách nhiệm bội tăng, cố hàm ưng quảng học đa năng, cúc cung tận tụy, tham gia kiến thiết, tạo phước nhân dân, thực hiện nhân gian Tịnh Độ*” (Xã hội tiến bộ, trách nhiệm của mỗi cá nhân tăng lên gấp bội. Vì thế, ai nấy đều nên học rộng, biết nhiều, một lòng tận tụy, tham gia xây dựng xã hội nhằm tạo phước cho nhân dân, thực hiện cõi Tịnh Độ trong nhân gian). Chúng ta đọc câu này, phải biết Như Lai, Bồ tát không đâu chẳng ứng hóa, biến hiện, đúng như phẩm *Phổ Môn* đã nói “*nên hiện thân gì để độ được, bèn hiện thân ấy*”, nên dùng phương thức nào để có thể giúp đỡ, thành tựu chúng sanh, bèn dùng phương pháp ấy, chẳng có một phương pháp nhất định. Do vậy, đối với chuyện đức Phật giảng kinh, thuyết pháp, chớ nên chấp trước, hễ chấp trước là trật! Nếu quý vị chấp trước, đức Phật

nói Ngài không thuyết pháp, chẳng thừa nhận Ngài thuyết pháp. Trong kinh *Kim Cang* có ý nghĩa ấy. Đức Phật bảo: Nếu quý vị nói đức Phật thuyết pháp, quý vị đã báng Phật. Quý vị hủy báng Ngài, đức Phật chẳng thuyết pháp, một chữ cũng không nói! Chẳng thuyết pháp mà nói suốt bốn mươi chín năm, chúng ta phải hiểu như thế nào đây?

Thanh Lương đại sư trong khi giảng nhan đề bộ kinh *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, đã nói một câu như thế này: “*Hết thấy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm toàn là do cổ Phật đã nói*”. Đối với kinh giáo do cổ Phật đã nói, Phật Thích Ca Mâu Ni chẳng thêm vào một chữ nào! Đức Phật nói còn nghiêm cẩn hơn câu nói của Khổng lão phu tử: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” (thuật lại, chứ không trước tác, tin tưởng, chuộng cổ). Phu tử chỉ nói “*thuật lại, chứ không trước tác*”, còn đức Phật nói “*chẳng thêm một chữ nào vào kinh điển do cổ Phật đã nói*”, tuyệt vời lắm! Vì sao người ta có thể thành Phật, thành Bồ tát? Mấu chốt ở ngay chỗ này! Con người hiện thời tâm ý bộp chộp, hời hợt, do nguyên nhân nào? Nguyên nhân là nếu học thì phải sáng tạo, phải phát minh, chính mình phải có thứ gì đó, chẳng phục cổ nhân!

Cổ nhân quả thật khác với chúng ta. Cổ nhân bội phục, ngưỡng mộ, học theo cổ nhân, chưa từng có ý nghĩ sáng chế cái mới, đi ngược với lối tư duy khoa học hiện thời. Cách nghĩ này của cổ nhân là đúng, hay cách nghĩ của người hiện thời là đúng? Nếu chúng ta học thấu triệt bộ *Hoàn Nguyên*

Quán, sẽ biết thái độ của cổ nhân là đúng, còn quan niệm của khoa học hiện thời là sai lầm. Vì sao? Cổ nhân chứng đắc viên mãn, chứng đắc giống như một khối cầu. Trên khối cầu, quý vị chẳng thể thêm vào một điểm; thêm vào một điểm nó sẽ chẳng tròn đều nữa, mà cũng chẳng thể thiếu một điểm, thiếu một điểm cũng chẳng tròn. Viên mãn, bất tăng, bất giảm! Cổ Phật chứng điều này, mà kim Phật cũng chứng đúng điều này. Do vậy, “*kim Phật như cổ Phật chi tái lai*” (Phật hiện tại giống như cổ Phật trở lại), chúng ta hiểu rõ: Hết thấy các pháp do đức Phật hiện thời nói ra giống hệt như cổ Phật đã nói, bất tăng, bất giảm. Người hiện thời có thể hiểu ý nghĩa và chân tướng sự thật này không nhiều. Vì thế, tôi cũng thường nói thái độ tu học của các bậc đại thánh thế gian và xuất thế gian là tấm gương tốt nhất cho hàng hậu học chúng ta. Sở dĩ, chúng tôi đặc biệt chọn bản chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ để học tập lần này, quý vị hãy đọc kỹ bản chú giải của cụ Hoàng, có đúng là “*thuật nhi bất tác*” hay chẳng? Mỗi khi cụ giải thích một đoạn kinh văn hay một câu kinh văn, đều dẫn kinh điển làm chứng. Nếu không, lại dẫn lời giải thích của các vị cổ đại đức. Cổ đại đức cũng căn cứ trên kinh điển, chính mình chẳng phát minh hay sáng tạo nghĩa lý nào, chúng ta phải hiểu điều này! Chúng ta phiền não tập khí nặng nề như thế, phân biệt, chấp trước nặng như thế, phải biết mình là hạng phàm phu chính cống, làm thế nào để có thể chuyển phàm thành thánh? Hãy

học tập thánh nhân, thật thà, ngoan ngoãn học, thật sự nghe lời. Đối với những giáo huấn trong kinh giáo, chúng ta có làm được hay không? Có thể giảng kinh hay chẳng? Chẳng có điều kiện này thì trí huệ và đức năng đều chẳng phù hợp!

Hiện thời, không có ai giảng kinh, chúng ta chẳng phát tâm thì làm thế nào đây? Ai sẽ ra tay? Không có ai cả! Kinh giảng sai, sai một chữ là không được rồi! Cổ đại đức đã nói về chuyện giảng sai một chữ; đây vốn là một công án trong Thiền Tông: *“Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngũ bách thế dã hồ thân”* (Làm chuyển ngữ một chữ, đọa làm thân chồn hoang năm trăm đời). Quý vị phải gánh trách nhiệm. Quý vị giảng bậy một chữ, sẽ đọa làm thân súc sanh năm trăm đời, đáng sợ quá! Thầy bảo tôi: “Chúng ta chẳng có tư cách giảng thì hãy giảng chú giải, giảng chú giải của cổ nhân. Chú giải của cổ nhân viết bằng văn chương Văn Ngôn, nay chúng ta dịch sang văn Bạch Thoại, dùng biện pháp này. Hễ sai thì là lỗi của tác giả, chứ ta không sai! Nếu văn chương viết bằng Văn Ngôn đọc không hiểu, chúng ta hãy xem văn Bạch Thoại hiện thời, chiếu theo đó để giảng. Bỏ sót cũng chẳng sao, chớ nên tự thêm những thứ gì của mình vào, hãy để cổ nhân chịu trách nhiệm”. Chúng tôi bắt đầu học giảng kinh từ chỗ này. Đến khi nào quý vị có thể tự mình giảng? Khai ngộ! Chưa khai ngộ thì hãy giảng lời chú giải của người khác.

Phật khai ngộ, trong các vị tổ sư đại đức, có rất nhiều vị khai ngộ. Tuy khai ngộ, họ vẫn chẳng rời khỏi Phật, Bồ

tát, hoàn toàn dựa theo di giáo của Phật, Bồ tát, chẳng có một tí ý nghĩa mới mẻ nào! “*Tín nhi hiếu cổ, thuật nhi bất tác*” là thái độ chúng ta nên học theo, hãy nên sốt sắng học tập. Học tập có thể thành tựu hay không? Tùy thuộc vào tâm thái học tập của quý vị! Tâm thái như thế nào mới có thể học thành công? Ấn Quang đại sư nói rất hay: “Thành kính!”. Ngài dạy: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Thành là gì? “Tôi rất thành kính, tôi mười hai phần thành kính”; đó là tiêu chuẩn của chính kẻ ấy, chẳng phải là tiêu chuẩn của Phật, Bồ tát, thánh hiền. Theo tiêu chuẩn của Phật, Bồ tát và thánh hiền, Thành là gì? Trong *Độc Thư Bút Ký* (bút ký đọc sách), tiên sinh Tăng Quốc Phiên^{42[1]} đã định nghĩa chữ “*Thành*”: “*Nhất niệm bất sanh thị vị thành*” (Một niệm chẳng sanh được gọi là Thành). Người ta có học vấn, có đức hạnh, giảng tuyệt lắm; “niệm” là gì? Vọng niệm đấy! Hễ quý vị còn có vọng niệm sẽ chẳng Thành! Nói theo Phật pháp, quý vị

42 [1] Tăng Quốc Phiên (1811-1872) là một vị văn thần, chính trị gia, quân sự gia, lý luận gia, và văn học gia lỗi lạc đời Thanh. Ông sinh tại Tương Hương, phủ Trường Sa, tỉnh Hồ Nam, vốn có tên là Tử Thành, tự là Bá Hàm, hiệu Dịch Sanh, thụy hiệu Văn Chánh. Ông vốn là cháu đời thứ bảy mươi của Tăng Tử. Ông nổi tiếng thông minh, năm mười lăm tuổi dự thi khoa Đồng Tử đã đỗ hạng bảy, thi Hương đậu cao, nhưng thi Hội nhiều lần không đậu, mãi đến năm Đạo Quang 18 (1838) mới đỗ khoa thi Hội, vào thi Đình đỗ Tiến sĩ năm ấy, được bổ làm Hàn Lâm Viện Thứ Cát Sĩ. Khi Hồng Tú Toàn làm loạn, lập ra Thái Bình Thiên Quốc tiến chiếm Giang Ninh, gần như chiếm trọn miền Giang Nam, Tăng Quốc Phiên đã gom góp học trò, thân thích, bạn bè để thành lập đoàn quân Sở Dụng chống cự Thái Bình Thiên Quốc, huấn luyện đoàn quân ô hợp này trở thành một lực lượng quân sự đáng nể. Trải qua bao nhiêu khó khăn, cuối cùng ông đã đại phá quân Thái Bình Thiên Quốc, tận diệt loạn đảng. Do vậy, ông được phong tước Thái Tử Thái Bảo, bổ làm Tổng đốc tỉnh Trực Lệ, sau đó trở về làm Tổng đốc Lương Giang, làm quan tới chức Vũ Anh Điện Đại Học Sĩ, tước phong Nghị Dũng Hầu. Về phương diện tư tưởng, ông đóng góp rất lớn trong sự hình thành trường phái văn học Tương Hương, gây ảnh hưởng rất lớn đến những nhà tư tưởng cuối đời Thanh như Nghiêm Phục, Đàm Tự Đồng, Lương Khải Siêu v.v... Ông trước rất phong phú, sau khi mất, các môn đệ biên tập trước tác của thầy thành bộ *Tăng Văn Chánh Công Toàn Tập*.

vẫn khởi tâm động niệm; khởi tâm động niệm là vô minh phiền não, Thành ở chỗ nào? Phân biệt, chấp trước chính là gió to, sóng cả, phiền não nghiêm trọng. Do vậy, đức Phật dạy chúng ta: Quý vị có thể chẳng chấp trước hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian; đối với hết thảy các pháp thế gian và xuất thế gian, mà quý vị chắc chắn chẳng chấp trước, thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng quả A La Hán, đã vượt thoát lục đạo luân hồi. Nếu lại tiến thêm một bước nữa, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, phân biệt cũng buông xuống, chẳng còn phân biệt nữa. Thừa quý vị, buông chấp trước xuống, đạt được tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ; buông phân biệt xuống, đạt được tâm bình đẳng. Tâm thanh tịnh là tâm Bồ tát, tâm bình đẳng là tâm Phật. Cuối cùng là khởi tâm động niệm, tức là vọng niệm cũng buông xuống, chẳng sanh ý niệm, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. *“Vì đạo, ngày càng tổn giảm”*, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều phải buông xuống! Mỗi năm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước một nhẹ hơn thì đạo nghiệp của quý vị đang tiến bộ. Nếu mỗi năm một nghiêm trọng hơn, quý vị đã hoàn toàn tương phản, quý vị đang học đạo, nhưng đạo ấy chẳng phải là Phật đạo, mà là đạo gì? Phải biết đấy là lục đạo, quý vị đang tu luân hồi trong lục đạo! Tu luân hồi trong lục đạo có thiện, có ác; nếu là thiện, sẽ là ba thiện đạo; nếu bất thiện thì quý vị đang tu ba ác đạo; đều là tu đạo, đều gọi là Đạo, chớ nên không biết

điều này! Chúng ta phải thấu hiểu cẩn thận vì sao Bồ tát ứng hóa trên thế gian, hãy khéo học tập, nâng cao cảnh giới của chính mình. Thật đấy! Đức Phật đã nói hai câu mà ai cũng đọc được, nhưng quý vị chưa làm được: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt diệt tham, sân, si), đó là công phu thật sự.

Nay chúng ta phải nghiêm túc tự hỏi chính mình: *Tịnh Nghiệp Tam Phước* không chỉ là nguyên tắc chỉ đạo tối cao trong Tịnh Tông, mà còn là nguyên tắc chỉ đạo của toàn thể Phật pháp. Điều thứ nhất là: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết, tu Thập Thiện Nghiệp*”. Chúng ta có làm được hay không? Đó là gì? Là điều kiện cơ bản để học Phật. Nếu chúng ta không trọn đủ, sẽ chẳng có tư cách tiến nhập Phật môn. Tiến nhập Phật môn đòi hỏi điều kiện, hạng người nào vậy? Thiện nam tử, thiện nữ nhân. Thiện là bốn câu trên đây, bốn câu này là ba món căn bản của Nho, Thích, Đạo. Hiếu thân tôn sư (hiếu thuận cha mẹ, tôn trọng thầy) ở trong Đệ Tử Quy, từ tâm chẳng giết trong Cảm Ứng Thiên. Do vậy, quý vị có thể thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, và Thập Thiện Nghiệp, thật sự làm được, sẽ hội đủ tiêu chuẩn “thiện nam tử, thiện nữ nhân”. Có điều kiện này mới có thể tiến nhập Phật môn, thọ Tam Quy, Ngũ Giới. Phước thứ hai chính là đệ tử Phật môn chân chánh: “*Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”, chẳng đủ điều kiện trên đây sẽ chẳng có tư cách thọ lãnh giới pháp;

nhưng nay thì sao? Nay chúng ta không đủ điều kiện mà vẫn thọ! Chương Gia đại sư bảo tôi: Thọ giới để làm gì? Thọ để học! Ngàn vạn phần chớ nên nghĩ mình đã thọ giới, đã đắc giới, không thể nói như vậy! Nói như vậy chính là gì? Đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ vì quý vị chưa đạt được mà tưởng đã đạt được!

Người nói câu này sớm nhất chính là Ngẫu Ích đại sư. Ngẫu Ích đại sư sống vào cuối đời Minh, Minh mạt Thanh sơ (cuối đời Minh, đầu đời Thanh), tuy là Tổ Sư Tịnh Độ Tông, tức Tổ Sư đời thứ chín, nhưng Ngài có công phu rất sâu nơi giới luật. Giống như Hoằng Nhất đại sư trong thời cận đại, mọi người đều biết Hoằng Nhất đại sư nghiên cứu giới luật. Vào thời ấy, Ngẫu Ích đại sư nghiên cứu giới luật, Ngài cũng trước tác về giới luật rất nhiều. Ngài bảo: “Tại Trung Quốc, từ triều đại Nam Tống trở đi không có tỳ-kheo!”. Tỳ-kheo là tỳ-kheo trên danh tự, hữu danh vô thực! Không giữ được giới tỳ-kheo, nên chẳng có tỳ-kheo. Muốn truyền giới xuất gia, tức là truyền xuất gia tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni giới, tối thiểu phải có năm vị tỳ-kheo mới có thể truyền. Do chẳng có năm tỳ-kheo truyền giới, nên người thọ giới chẳng thể đắc giới. Ngài nói từ triều đại Nam Tống về sau chẳng có tỳ-kheo, danh tự tỳ-kheo chẳng phải là thật sự có. Do vậy, khuyên mọi người: Quý vị có thể đến thọ giới, nhưng biết đó là hình thức, thọ rồi phải học. Thật sự học một điều sẽ đắc một điều vì quý vị làm được. Người thọ Ngũ Giới rất nhiều, rất phổ

biến, người thọ Tại Gia Bồ tát giới cũng không ít, nhưng Ngũ Giới có giữ được hay chẳng? Đừng nói chi khác, “*chẳng nói dối*” có làm được hay chẳng? Thường nói những câu nhảm nhí, dù hữu ý hay vô ý, tức là chẳng giữ giới “*bất vọng ngữ*”! Không sát sanh, không trộm cắp, chẳng tà dâm, quý vị hãy suy nghĩ đã làm được điều nào hay chưa? Vẫn cứ nói tôi thọ Mãn Phần Ngũ Giới (thọ đủ năm giới), Mãn Phần Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di! Ngũ Giới làm không được, Bồ tát Giới càng khỏi cần phải nói nữa. Do vậy, hữu danh vô thực, chúng ta phải biết điều này. Kiếm đủ mọi cách lừa gạt chư Phật, Bồ tát, mà vẫn ra rả: “Tôi chuyện gì xấu cũng đều chẳng làm!”. Quý vị thọ giới mà làm không được, tội ấy rất nặng. Cách kết tội ra sao? Đã phạm tội gì? Phá hoại hình tượng Phật giáo, quý vị có thừa nhận hay chẳng? Người ta nhìn vào Phật giáo, quý vị thấy Phật giáo đồ giống như vậy, người ta đâu có chửi quý vị, mà chửi toàn bộ Phật giáo, ngay cả chư Phật, Bồ tát đều bị chửi lây, phải hiểu điều này!

Tín đồ tại gia không giữ được Thập Thiện! Thập Thiện, Tam Quy, Ngũ Giới đều làm không được. Các đệ tử xuất gia không giữ được Sa Di Luật Nghi! Không chỉ Sa Di Luật Nghi, mà Tam Quy, Ngũ Giới, Thập Thiện cũng làm không được. Quý vị nói xem: Phật giáo lẽ nào chẳng suy? Phật giáo suy ở chỗ nào? Chẳng có giới luật! Quý vị thấy Phật pháp là “tín, giải, hành, chứng”; quý vị có tín, có giải, nhưng chẳng có hành, khoan bàn tới chứng. Không có hành, làm sao có chứng? Chỉ

có tín giải, tín giải biến thành học thuật, biến thành Phật học. Có hành và có chứng mới biến thành học Phật. Học Phật và Phật học khác nhau! Phật học là có thể nói, nhưng chẳng thể hành; học Phật là có thể nói và có thể hành. Vì thế, trong thời đại hiện tại, tìm một thiện tri thức phải đến nơi đâu để tìm? Tìm không ra! Thuở thầy Lý tại thế, lão nhân gia hết sức khiêm hư, tôi bái sư, hành lễ bái sư để xin học với Ngài. Lão nhân gia bảo tôi: “Tôi chỉ có thể dạy anh năm năm”. Sau năm năm sẽ làm như thế nào? Cụ giới thiệu một vị thầy, thầy của Ngài là Ấn Quang đại sư. Ấn Quang đại sư đã khuất, *Văn Sao* vẫn còn. Hằng ngày, quý vị đọc *Văn Sao* là thân cận Ấn Quang đại sư. Ghi nhớ giáo huấn của Ấn Quang đại sư, sốt sắng nỗ lực thực hiện thì quý vị sẽ là học trò của pháp sư Ấn Quang. Mở ra một cửa, vì hiện thời tìm không được một vị thiện tri thức chân chánh, nhưng cổ nhân thì có, hãy làm tư thực đệ tử của cổ nhân. Thầy giới thiệu tôi làm tư thực đệ tử của Ấn Quang đại sư. Tôi giảng kinh, dạy học tại các nơi ở hải ngoại nhiều năm như thế, chẳng dám tự nhận mình là thầy, chưa đủ tư cách, tôi cũng học theo phương pháp của thầy, giới thiệu một vị thầy cho mọi người. Tôi giới thiệu ai vậy? Phật Thích Ca Mâu Ni và Phật A Di Đà là hai vị thầy tốt đẹp, theo các Ngài chắc chắn tốt đẹp lắm!

Thầy ở nơi đâu? Trong *Vô Lượng Thọ Kinh* và *A Di Đà Kinh*. Thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Xem kinh không hiểu thì hãy tìm trợ giáo (tutor), tìm người giúp đỡ!

Trợ giáo là ai? Người chú giải kinh là trợ giáo. Xem kinh *Hoa Nghiêm* không hiểu, hãy tìm Thanh Lương đại sư, tìm Lý Trưởng Giả, chú giải của các Ngài giúp chúng ta học tập. Xem *Di Đà* không hiểu, tìm Liên Trì đại sư, Ngài có bộ *Sớ Sao*, Ngẫu Ích đại sư có bộ *Yếu Giải*, U Khê đại sư có *Viên Trung Sao*. Trước khi bản hội tập này ra đời, thông thường người học kinh *Vô Lượng Thọ* đều học theo bản dịch của Khang Tăng Khải. So trong năm bản dịch gốc, bản của ngài Khang Tăng Khải hay nhất, lưu hành cũng rất rộng. Đời Tùy, Huệ Viễn đại sư^{43[2]} có chú giải. Sư có pháp danh hoàn toàn giống với Sơ Tổ Tịnh Độ Tông. Lô Sơn Huệ Viễn đại sư là tổ sư đời thứ nhất của Tịnh Độ Tông Trung Quốc. Do Huệ Viễn đại sư đời Tùy trùng tên, trong Phật môn gọi Ngài là Tiểu Huệ Viễn. Nghe nói Tiểu Huệ Viễn liền biết ngay là Huệ Viễn đại sư đời Tùy, hãy đọc bản chú giải của Ngài. Khi chúng tôi học kinh *Vô Lượng Thọ* tại Đài Trung, nhằm lúc bản này vẫn

43 [2] Ngài Huệ Viễn (523-592) họ Lý, người xứ Hoắc Tú, Trạch Châu, vốn quê ở huyện Đông Hoàng, tỉnh Cam Túc. Ngài cùng với Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai, Cát Tạng đại sư của tông Tam Luận được tôn xưng là “*Tùy đại tam đại sư*” (ba vị đại sư đời Tùy). Ngài thông hiểu kinh luận rất rộng, trước tác chú sớ rất nhiều, nên được tôn xưng là Sớ Vương, hoặc Thích Nghĩa Cao Tổ. Ngài là người chú thích kinh *Vô Lượng Thọ* đầu tiên (bộ *Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*). Ngài cũng là một trong những người lập thuyết sơ khởi cho tông Tịnh Độ với giáo thuyết Tam Tịnh Độ gồm *Sự Tịnh Độ*, *Tướng Tịnh Độ* và *Chân Tịnh Độ*. Do vậy, có những người chủ trương Ngài mới đáng được coi là Sơ Tổ Tịnh Độ thay vì ngài Lô Sơn Huệ Viễn vì Ngài đã xác lập nền tảng và hệ thống cho tư tưởng Tịnh Độ. Quan điểm này chỉ chú trọng đến phương diện giáo thuyết mà quên đi một sự kiện là các tổ sư Tịnh Độ được tôn là tổ sư vì có công hoằng dương, phổ biến Tịnh Độ, đồng thời còn là những vị đại hành giả thành tựu lỗi lạc trong Tịnh Tông. Ngoài những cống hiến về giáo nghĩa Tịnh Độ, ngài Huệ Viễn còn đặc biệt nghiên cứu *Địa Luận*, Ngài được coi là khai tổ của phái Tương Châu Nam Đạo trong Địa Luận Tông. Tác phẩm *Hoa Nghiêm Kinh Yếu Nghĩa* của Ngài cũng rất được tông Hoa Nghiêm tôn trọng. Những trước tác nổi tiếng nhất của Ngài là *Đại Thừa Nghĩa Chương*, *Thập Địa Kinh Luận Nghĩa Ký*, *Hoa Nghiêm Kinh Sớ*, *Đại Bát Nhã Kinh Nghĩa Ký*, *Thắng Man Kinh Nghĩa Ký*, *Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*, *Duy Ma Kinh Nghĩa Ký* v.v... Ngài cũng hết sức can đảm vì đã dám chất vấn, quả trách Châu Vũ Đế khi nhà vua chủ trương hủy diệt Phật pháp. Do Ngài trụ tại chùa Tịnh Ảnh nên người ta thường gọi Ngài là Tịnh Ảnh Huệ Viễn và bộ *Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ* thường được gọi tắt là *Tịnh Ảnh Sớ*.

chưa truyền đến Đài Trung, thầy Lý giảng *Vô Lượng Thọ Kinh* bằng bản chú giải của ngài Tiểu Huệ Viễn. Chú sớ của cổ nhân giúp đỡ các đồng học. Hiện thời có nhiều công cụ hơn, dùng máy thu âm hay máy thu hình để giảng giải nhằm giúp đỡ người đời sau, quá sức thuận tiện! Chúng ta thành lập một đạo tràng, quý vị phải ghi nhớ, Ấn Quang đại sư là một vị nhất đại tổ sư có đức hạnh, có trí huệ, lão nhân gia dạy chúng ta: Trong tình hình xã hội hiện thời, kiến lập đạo tràng hãy trọng phẩm chất, đừng coi trọng số lượng, tức là “trọng thực chất, đừng coi trọng hình thức”. Đạo tràng chớ nên to lớn; thảo am nhỏ là lý tưởng nhất. Chúng thường trụ không nên hơn hai mươi người, dễ duy trì. Các đồng học chí đồng đạo hợp ở cùng một chỗ cộng tu, một phương hướng, một mục tiêu, quyết định cầu sanh Tịnh Độ. Thảo am nhỏ ở được hai mươi người, người trong ấy tâm đều thanh tịnh. Nếu dựng một ngôi chùa lớn, giàu có, lộng lẫy, nguy nga, có bao nhiêu người sẽ dòm ngó, nghĩ cách tranh đoạt!

Phật Thích Ca Mâu Ni thấy rõ ràng, cho nên, thuở Phật tại thế, Ngài giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm, chẳng dựng một đạo tràng nào, ngay cả thảo am nhỏ cũng chưa hề dựng. Vì sao? Nay chúng ta hiểu rõ: Lập đạo tràng sẽ có kẻ khởi ý niệm ác. Cái gì cũng đều chẳng có, ba y một bát, trưa ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, quý vị còn tranh đoạt gì nữa? Vì thế, mỗi cá nhân đều thanh tịnh, chẳng tranh chấp. Thị hiện hay quá! Thị hiện từ bi đến cùng cực, Ngài thật sự

chịu khổ thay cho chúng sanh. Vì sao Ngài làm như vậy? Nêu gương cho người đời sau xem. Nói thật ra, thân thể chúng ta trong hiện thời chẳng thể sánh với thân Phật, ngay cả đệ tử Phật, chúng ta cũng chẳng thể sánh bằng. Người ta là năm này qua tháng khác, đêm ngồi dưới cội cây, chẳng ngán gió táp, mưa tạt. Kinh bảo là *“kim cang bất hoại thân”*, người ta có đức hạnh. Nay chúng ta không làm được, nay chúng ta nghỉ một đêm dưới gốc cây, nói chung là ngày hôm sau phải nằm phòng cấp cứu, chẳng có đức hạnh như người ta! Tướng chuyển theo tâm, tâm người ta thanh tịnh, chúng ta chưa đạt đến mức độ thanh tịnh ấy. Vì vậy, chớ nên không biết điều này! Trong xã hội hiện thời, chúng ta càng chẳng thể rời khỏi xã hội, mỗi ngày nghiêm túc học tập trong tiểu đạo tràng, đem công đức học tập hồi hướng cho xã hội, hồi hướng cho hết thảy chúng sanh khổ nạn, tiêu tai miễn nạn, chuyện này có thật hay không? Thật đấy! Trong kinh, đức Phật đã nói rất tuyệt: *“Hết thảy các pháp sanh từ tâm tưởng”*. Có một nhóm người như thế, dùng cái tâm thanh tịnh hằng ngày cầu nguyện, chân thành cầu nguyện sẽ sanh ra hiệu quả; đấy là đối với xã hội. Trong xã hội có kẻ không tin, xưa nay, trong ngoài nước có rất nhiều sự tích linh nghiệm, hiện tại có hay không? Hiện tại vẫn có. Dần dần, khoa học cũng chậm chạp ấn chứng cho chúng ta, chứng tỏ cảnh chuyển theo tâm, chứng minh tướng do tâm sanh, kẻ thật sự có đức hạnh sẽ thật sự có cảm ứng. Chẳng có đức hạnh thì sao? Chẳng có

đức hạnh thì cũng phải tham dự các sự nghiệp phước lợi xã hội. Các tôn giáo ngoại quốc rất coi trọng việc này, họ lập viện dưỡng lão, cô nhi viện, dục ấu viện (preschool), bệnh viện, làm rất nhiều, tôi cũng thấy rất nhiều, họ nhiệt tâm thực hiện các sự nghiệp từ thiện phước lợi xã hội. Trong Phật môn, những chuyện này là làm kèm thêm, chuyện thật sự phải làm là tự nâng cao cảnh giới của chính mình, thành tựu đạo đức và trí huệ, quý vị mới có thể thật sự giúp chúng sanh khổ nạn, thật sự có năng lực hóa giải tai nạn.

“*Văn cật, Thái Hư pháp sư đề xướng nhân gian Tịnh Độ*” (gần đây, pháp sư Thái Hư đề xướng nhân gian Tịnh Độ), vị này cũng là người sống trước chúng tôi một thế hệ, có khá nhiều cống hiến đối với Phật giáo Trung Quốc, cũng có không ít trước tác.

“*Tàng tường dẫn Vô Lượng Thọ Kinh văn cú*” (từng trích dẫn cặn kẽ nhiều câu trong kinh *Vô Lượng Thọ*). Trong khi diễn giảng, Sư trích dẫn kinh văn từ kinh *Vô Lượng Thọ* rất nhiều.

“*Cái dĩ thử kinh song chiếu thế xuất thế gian*” (ấy là vì kinh này soi rọi cả thế gian lẫn xuất thế gian), trong bộ kinh này, đức Phật giảng về pháp thế gian không ít, mà giảng pháp xuất thế gian cũng rất nhiều.

“*Tường thị Chân Tục nhị đế*” (chỉ bày cặn kẽ Chân Đế và Tục Đế), đức Phật nương theo Nhị Đế để thuyết pháp, đó là một tổng nguyên tắc của giảng kinh, giáo học. “Đế” (諦) là gì?

Nói theo cách phổ thông hiện thời, Đế là chân lý, chân thật, thực tại. Có hai thứ chân lý: Một là Tục Đế, hai là Chân Đế. Tục Đế là pháp thế gian, Chân Đế là Phật pháp, thế gian và xuất thế gian đều quan tâm. Chân Đế là sau khi minh tâm kiến tánh, quý vị đã thấy được Thật Tướng của các pháp. Những người tầm thường trong thế gian chúng ta rất khó lý giải điều này. Thật Tướng là thật, nhưng chúng ta chưa tu học đến trình độ ấy, nên đức Phật chẳng nói chuyện này. Ngài giảng về pháp thế gian, cũng có nghĩa là đức Phật rất thông hiểu những kiến thức thông thường. Đức Phật nói về những kiến thức thông thường của người thế gian, chúng ta rất dễ tiếp nhận, rất dễ hiểu. Ngài dạy “*cha nhân từ, con hiếu thảo, anh nhường, em kính*”, chúng ta nghe rất vui vẻ. Đó là Thế Tục Đế, chẳng phải là Chân Đế. Chân Đế giảng “*vạn pháp đều không*”, chúng ta sẽ không hiểu, chúng ta thấy rõ hết thấy các pháp hiện tiền, có sao là không? Lẽ nào Phật là không? Tôi không hiểu điều này! Đó là Chân Đế, thuộc về Triết học cao cấp, người bình thường chẳng thể hiểu. Đức Phật nhìn vào căn tánh của chúng sanh, thấy quý vị thuộc trình độ nào bèn thuyết pháp đến mức đó. Vì thế, trong toàn bộ Phật pháp, Tiểu thừa toàn giảng về Tục Đế, Chân Đế cũng nói, nhưng rất ít. Trong pháp Đại thừa, Chân Đế và Tục Đế đều giảng, ngay cả trong pháp Nhất Thừa cũng như thế. Pháp Nhất Thừa là *Pháp Hoa* và *Hoa Nghiêm*, trong ấy vừa có Tục Đế, vừa có Chân Đế, không hoàn toàn giảng Chân Đế.

“Phù Tịnh Tông chi diệu, tại ư bất ly Phật pháp, nhi hành thế pháp, bất phế thế pháp, nhi chứng Phật pháp” (Điều hay tuyệt của Tịnh Tông là chẳng lìa Phật pháp mà hành pháp thế gian, chẳng bỏ pháp thế gian mà chứng Phật pháp). Đây là chỗ thù thắng của Tịnh Tông, đúng là xảo diệu.

“Nhân trì danh chi pháp, tối vi phương tiện, tùy địa khả tu” (do pháp trì danh thuận tiện nhất, chỗ nào cũng có thể tu được), có thể tu bất cứ lúc nào, tu ở bất cứ chỗ nào, một câu Phật hiệu trong tâm, phải thật sự làm được tiêu chuẩn *“nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”* như Đại Thế Chí Bồ tát đã nói, thật sự, chẳng giả. Giữ vững lục căn chẳng cho chúng rong ruổi theo bên ngoài, *“phi lễ vật thị, phi lễ vật thính”* (phi lễ chớ nhìn, phi lễ chớ nghe), không chế được! Lục căn chẳng chạy theo cảnh giới lục trần. Đối với phàm phu, cảnh giới lục trần bên ngoài dẫn dụ lục căn, quý vị bèn tạo nghiệp; thật sự có thể không chế nó, thì có thấy cảnh giới bên ngoài hay không? Thấy chứ! Nhưng thấy ra sao? Chẳng để trong lòng, thấy mà như không thấy, nghe mà chẳng nghe, chẳng bận lòng, đó gọi là công phu. Trong tâm là gì? Trong tâm là Phật A Di Đà, trừ Phật A Di Đà ra, cái gì cũng đều chẳng có. Trò chuyện trao đổi với quý vị, đó là pháp thế gian, nhưng Phật hiệu trong tâm chẳng gián đoạn. Chẳng phải là nói tôi có chuyện phải làm, tôi buông niệm Phật xuống, đó là gì? Đó là công phu vẫn chưa đủ, chưa đạt, người mới học mới phải làm như vậy. Đặc biệt là khi phải dùng đến đầu óc suy nghĩ,

quý vị tạm thời buông Phật hiệu xuống để làm việc. Sau khi làm xong xuôi, lại niệm Phật. Nếu đã đạt Niệm Phật tam-muội, sẽ chẳng có chướng ngại, trong mười hai thời Phật hiệu chẳng gián đoạn, làm được, chứ chẳng phải là không làm được!

Xưa kia, tôi ở Đài Loan, vào dịp Tết năm nọ, có một vị lão cư sĩ đến chúc Tết tôi, cụ cũng là tín đồ đã lâu của Hoa Tạng Đồ Thư Quán. Bà cụ đến bảo tôi: “Bạch pháp sư! Nay trong lòng tôi rất thanh tịnh, chuyện gì tôi cũng đều buông xuống, nhưng không thể bỏ cháu nội được!”. Công phu niệm Phật của bà cụ rất tốt, không buông cháu nội xuống được, tôi nói với cụ: “Bà hãy tưởng Phật A Di Đà là cháu bà, bà sẽ thành công!”. Bà cụ chẳng nghĩ đến cháu, chẳng nghĩ tới, nhưng trong tâm thật sự có cháu, thời thời khắc khắc đều có bóng dáng của đứa cháu, Phật A Di Đà thường treo nơi miệng, trong tâm là cháu. Do vậy, tôi dạy bà cụ một phương pháp để thay đổi: “Hãy đem cháu bà đổi thành Phật A Di Đà, bà sẽ thành công!”. Trong lòng thật sự có Phật A Di Đà! Đó là niệm Phật! “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), Đại Thế Chí Bồ tát nói như thế. Nếu chúng ta một lòng một dạ nghĩ tới thế giới Cực Lạc, mong vãng sanh, chẳng vãng sanh sẽ phiền phức lớn lắm, chẳng vãng sanh sẽ phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo đúng là khổ quá, chẳng muốn luân hồi nữa! Chẳng còn thêm nhiệm những thứ trong lục

đạo, tâm quý vị bèn định, cái gì cũng đều chẳng nghĩ tới. Mỗi ngày ăn no ba bữa là được rồi, chuyện gì cũng không phải truy tìm, có thể ăn đủ no, quần áo có thể chống lạnh là được rồi, có một chỗ nhỏ bé để ngủ là đủ rồi, cần chi nữa? Quý vị đã biết đủ, biết đủ thường vui. Tâm chẳng có mảy may gánh nặng nào, thân lẫn tâm đều chẳng có áp lực, quý vị nói có tự tại lắm hay không? Trong tâm thật sự có Phật, công phu như vậy nhanh là một năm, chậm thì tối đa là ba năm, quý vị sẽ đạt được Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội là gì? Tâm thanh tịnh. Trong nhan đề của kinh *Vô Lượng Thọ* có “*thanh tịnh*”, quý vị đã đạt được. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, chẳng còn sanh phiền não nữa. Khi nào sẽ vãng sanh? Trong cảnh giới ấy, muốn vãng sanh lúc nào sẽ vãng sanh khi ấy; quý vị vừa nghĩ, Phật A Di Đà liền đến. Có thọ mạng, nhưng chẳng cần thọ mạng nữa, đi ngay bây giờ được chẳng? Được! Thông tin của quý vị gửi sang Phật A Di Đà, ở nơi đây vừa khởi niệm, Phật A Di Đà liền biết ngay, Phật đến tiếp dẫn. Chẳng có công phu ấy sẽ không được, nghĩ cách nào Phật cũng chẳng đến. Vì sao nghĩ mà Phật không đến? Do quý vị vọng tưởng, nên Phật không đến, vẫn chưa buông những thứ tạp nhạp trong thế gian xuống được! Thật sự buông xuống sẽ có thể ra đi bất cứ lúc nào!

Thế giới này khổ ngàn ấy, chịu khổ nhiều năm ngàn ấy, còn có gì tốt đẹp để lưu luyến nữa? Sanh về thế giới Cực Lạc vĩnh viễn là khổ, được vui. Vì sao chẳng làm? Nói thật ra là

vì tham sống sợ chết! Nếu có Niệm Phật Đường nào mở ở đây, bảo mọi người: “Đến chỗ tôi niệm Phật, chắc chắn bảy ngày sẽ vãng sanh”, quý vị thấy có ai dám tới hay không? Không ai dám tới! Mỗi ngày cầu vãng sanh, nhưng bảy ngày chắc chắn vãng sanh thì chẳng ai dám tới Niệm Phật Đường ấy! Giả trất, chẳng thật! Miệng đúng, tâm sai! Sau khi chúng ta hiểu rõ, phải thật sự làm, các đạo lý đều hiểu rõ ràng, minh bạch.

Quả thật là chẳng lìa Phật pháp mà hành pháp thế gian. Pháp thế gian và Phật pháp chẳng có một chút chướng ngại nào! Bất luận làm việc gì, trong tâm Phật hiệu chẳng gián đoạn, đó là “công phu thành phiền”, sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới; nhưng [sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư cũng] chẳng sao cả! Đức Thế Tôn đã nói minh bạch: Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới liền viên chứng bốn cõi. Quả đức thù thắng này đến đâu để cầu? Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có một môn này là có, những môn khác chẳng có. Vì thế, gặp gỡ pháp môn rất khó có này, rất chẳng dễ dàng! Đã gặp mà không chịu tu, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, tội ấy rất nặng, có lỗi với chính mình, có lỗi với chư Phật, Bồ tát, có lỗi với cha mẹ, tổ tiên; bởi lẽ, quý vị vãng sanh sẽ thành Phật, người nhà của quý vị sẽ đắc độ. Bất luận họ ở trong đường nào, quý vị đều thấy rõ ràng, họ gặp khổ nạn, quý vị có thể giúp họ. Họ có duyên với quý vị, cho nên họ có cảm, quý vị sẽ có

úng. Họ đang chịu khổ, chịu nạn, mong mỗi có người giúp đỡ. Đó chính là Cảm. Quý vị có duyên với họ, lập tức nhận được tin tức ấy, thật sự có thể giúp đỡ họ. Chẳng phế pháp thế gian, mà chúng Phật pháp. “Chẳng phế” và “chẳng là” có cùng một ý nghĩa. Thế pháp (pháp thế gian) là gì? Thừa cùng quý vị, Đệ Tử Quy là thế pháp, Cảm Ứng Thiên là thế pháp, Thập Thiện Nghiệp cũng là thế pháp. Quý vị thấy đó, vận dụng ba thứ này ngay trong cuộc sống hằng ngày của chính mình, vận dụng ngay vào công việc của chính mình, dùng ngay trong sự đãi người tiếp vật của chính mình, thế pháp đấy! Nêu gương tốt cho người thế gian. Trong tâm là Phật A Di Đà thì sẽ thành công. Thế pháp không chỉ chẳng chướng ngại quý vị, mà quý vị còn tích lũy công đức nơi ấy, nâng cao phẩm vị khi sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị làm bao nhiêu chuyện tốt, nêu gương rất tốt trong xã hội. Tâm quý vị thanh tịnh, người ta nhìn không thấy, nhưng Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp của quý vị người ta sẽ thấy, để thay đổi phong thái xã hội hiện thời cần phải có những điều này! Tổ tiên để lại cho chúng ta những thứ tốt đẹp, yêu thương con cháu dường ấy, ân sâu đại đức khôn sánh! Nay chúng ta là con cháu bất hiếu trong đời này, chẳng hiếu lòng yêu thương của tổ tiên, gạt bỏ giáo huấn của họ sang một bên, lại còn chê họ lỗi thời, tâm thái như vậy, quý vị nói xem: Có tránh khỏi chẳng bị báo ứng hay chẳng? Chúng ta đúng là khó có, trong thời đại này và trong lứa tuổi như

vậy mà được gặp gỡ [pháp môn này], mới giác ngộ, mới hiểu rõ, nhanh chóng quay đầu sốt sắng học tập, tự lợi, lợi tha; lợi tha là tự lợi. Bản thân quý vị chẳng sốt sắng học tập, sẽ không có cách nào lợi tha. Chính mình thật sự học, sẽ thật sự đạt được lợi ích, người khác trông thấy sẽ học theo, do thấy chúng ta có biểu hiện tốt đẹp mà!

Tôi nhớ năm xưa chúng tôi ở Mỹ, hàng xóm gần đó đều là người Mỹ. Tôi sống trong một căn nhà nhỏ đối diện nhà Hàn Quán Trưởng. Những người hàng xóm rất hâm mộ chúng tôi. Có một buổi sáng, chúng tôi ra ngoài tản bộ, bên ngoài là công viên; những người hàng xóm trông thấy tôi, bèn nói họ thấy chúng tôi mỗi ngày đều vui vẻ đường ấy, khuôn mặt tràn đầy dáng vẻ tươi cười, hỏi: “Các vị làm nghề gì vậy? Vì sao vui sướng ngần ấy?”. Chúng tôi bảo họ: “Chúng tôi niệm Phật”. Họ hỏi: “Niệm Phật là gì?”. Có cơ hội giáo dục rồi! “Niệm Phật đích thực là học điều gì?”. Chúng tôi bảo họ: “Niệm Phật chính là học trí huệ”. Họ nghe xong, bèn nói điều này cần thiết, tôi cũng muốn học. Tôi nói: “Thứ hai là trường thọ, thứ ba là vui sướng”. Họ nói: “Chúng tôi cần những điều ấy”. Bọn họ đều là tín đồ Cơ Đốc, mỗi Chủ nhật đều đi nhà thờ, tôi bèn khuyên họ: “Ngày thứ Bảy các vị hãy đến Phật đường của chúng tôi để học trí huệ, học trường thọ, học vui sướng. Ngày Chủ nhật, quý vị đi nhà thờ, chẳng vi phạm luật đạo. Ở chỗ quý vị có Chúa, còn chúng tôi ở đây có thầy”. Đức Phật là thầy của chúng ta, Ngài chẳng phải là thần. Đúng là sau đấy, dần dần người ta

đến đông hơn, những vùng phụ cận đều đến. Bởi lẽ, họ quan sát trước, quan sát mấy tháng rồi mới tiếp cận chúng tôi, từ từ họ hiểu biết. Vì lẽ đó, tôi nói: Tín ngưỡng tôn giáo và học Phật chẳng xung đột. Quý vị tín ngưỡng tôn giáo, thần là cha của quý vị, có quan hệ cha con hoặc chủ tớ với quý vị. Quý vị đến chỗ chúng tôi, có quan hệ thầy trò với Phật Thích Ca Mâu Ni. Ở nhà, quý vị có cha mẹ, ở trường có thầy, làm sao xung đột cho được? Họ nghe nói rất vui thích, chẳng xung đột nữa.

Tiếp đó, cụ Hoàng nhắc nhở chúng ta: *“Tùy địa khả tu, hà đãi độn nhập sơn lâm, tùy thời khả niệm, bất lao bố quan yển tọa”* (tu ở bất cứ chỗ nào cũng được, chẳng cần phải trốn vào núi rừng; niệm bất cứ lúc nào cũng được, chẳng nhọc công bố quan, ngồi yên), ý nói: Chẳng cần phải tìm một A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, tức là tìm một nơi thanh tịnh. Pháp môn Tịnh Độ có thể tu trong bất cứ lúc nào. Hương Cảng là nơi phồn hoa nhất, có thể tu được hay chẳng? Có thể! Chẳng bị trở ngại gì, thuận tiện hơn các pháp môn khác. Thí dụ như học Thiền, học Mật sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn từ hoàn cảnh, đều phải tìm một nơi thanh tịnh, gọi là Lan Nhã, có nghĩa là thanh tịnh, rất an tĩnh. Tiêu chuẩn như thế nào? Vào thời cổ, chỗ ấy phải là nơi không nghe tiếng trâu kêu, lấy đó làm tiêu chuẩn. Tại nông thôn nuôi trâu, tiếng trâu kêu lớn nhất. Chỗ quý vị tu Thiền hay tu Mật phải là nơi không nghe thấy tiếng trâu kêu trong thôn trang, nơi đó gọi là đạo tràng thanh tịnh. Niệm Phật phải có phước

báo; nhưng khi tôi thiếu phước báo thì ở chốn náo nhiệt vẫn tu được, vẫn có thể học thành công. Do vậy, không cần phải lánh vào rừng núi, cũng không cần phải bế quan, yếm tọa; “yếm tọa” (宴坐) là tĩnh tọa. Tiểu gia đình trong xã hội hiện thời, công việc vô cùng bận bịu, lấy đâu ra thời gian để tĩnh tọa? Do vậy, pháp môn này thù thắng, pháp môn này chẳng có một tí chướng ngại nào!

“Đản phát quang đại giác tâm, nhất hướng chuyên niệm danh hiệu, hạ chí thập niệm, nhất niệm, diệt đắc vãng sanh. Bất ngộ thế gian công tác, y cữu đốn thoát sanh tử. Kỳ năng tự giác, giác tha, quảng độ chúng sanh ư vị lai, diệt phục tự tha câu lợi, tạo phước xã hội ư đương thế” (chỉ cần phát khởi giác tâm rộng lớn, một mục chuyên niệm danh hiệu, tối thiểu là mười niệm, hay một niệm cũng được vãng sanh, chẳng trở ngại công việc trong thế gian, mà vẫn nhanh chóng thoát khỏi sanh tử y như thế. Đã có thể tự giác, giác tha, rộng độ chúng sanh trong thời vị lai, lại còn khiến cho mình lẫn người đều được lợi lạc, tạo phước cho xã hội trong đời hiện tại).

Đây là sự thật, nói rõ pháp môn này thích hợp bất luận thời đại nào; đặc biệt là trong xã hội hiện tại, khoa học kỹ thuật phát triển, những người công việc bận rộn, phải tranh thủ từng phút, từng giây. Khoa học kỹ thuật thay đổi hằng ngày, hằng tháng, nếu quý vị không nỗ lực học tập, sẽ trở thành lạc hậu! Nhất là những người làm việc trong lãnh vực

khoa học kỹ thuật, chúng ta thấy họ có lớp huấn luyện bổ túc, cứ mỗi nửa năm lại phải tái giáo dục. Những thứ mới mẻ hơn ra đời, họ phải đi học từ một tuần cho đến hai tuần, nhằm tiếp nhận những thứ mới mẻ. Đôi khi mỗi ba tháng lại phải học huấn luyện bổ túc một lần. Mỗi năm, chẳng thể thiếu hai hoặc ba lần huấn nghiệp như vậy. Quả thật cuộc sống trong xã hội này rất bận rộn, nếu quý vị muốn thành tựu đạo nghiệp sẽ chẳng dễ dàng. Nhưng Tịnh Độ đã tạo phương tiện cho quý vị, hóa giải vấn đề khó khăn này!

“Thị cố kinh vân, đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế, kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ” (Vì thế, kinh dạy: “Trong đời tương lai, khi kinh đạo diệt hết, ta do lòng từ bi, thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm. Có chúng sanh nào gặp được kinh này, tùy theo sở nguyện đều có thể đắc độ”).

Đây là kinh văn ở phần sau kinh *Vô Lượng Thọ*, Phật Thích Ca Mâu Ni sẽ giới thiệu: *“Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận”* (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), khẳng định chẳng phải là hiện tại. Do trên thế giới có nhiều nhà tiên tri nói đến ngày tận thế, các tôn giáo ngoại quốc cũng nói tới tận thế; có đúng là thế giới sẽ có ngày tận thế hay không? Đều có vấn đề! Phật pháp chẳng có cách nói như thế! Phật pháp nói *“pháp vận”*. Pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni là một vận hai ngàn năm. Thừa cùng quý vị, chư

Phật xuất thế pháp vận khác nhau; nói thật ra, Phật đâu có pháp vận! “Vận” là do chúng sanh mà có; Chính Pháp, Tượng Pháp, Mạt pháp đều do chúng sanh. Chúng ta sốt sắng chịu học, đấy chính là Chính Pháp. Sau khi nghe xong, chẳng muốn thực hành, đó chính là Tượng Pháp. Nghe mà cũng chẳng muốn nghe, đó chính là Mạt pháp. Do vậy, ba thứ pháp vận là nói theo phía chúng sanh, chứ không nói theo Phật pháp. Phật chẳng có vấn đề, mà Pháp cũng không có vấn đề, thật sự là con người có vấn đề. Chúng ta có tâm ưa thích Phật pháp mạnh mẽ như vậy, đó là Chính Pháp. Nay chúng ta học tập như vậy có khác gì thái độ học tập của mọi người thuở Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế hay không? Chẳng khác gì cả! Họ theo Phật Thích Ca Mâu Ni có thể thành tựu trong một đời; nay chúng ta gặp pháp môn này, bảo đảm cũng thành tựu trong một đời này, đấy là Chính Pháp. Nhưng đức Phật thấy căn tánh con người, đời sau đúng là kém hơn đời trước. Đến chín ngàn năm sau, nay chúng ta dần dần nghĩ đến chuyện này: Nghiệp do chúng sanh đã tạo tích lũy lại, tích lũy ác nghiệp càng nhiều, vận may của con người chẳng còn, hoàn cảnh cư trú biến đổi theo. Phong Thủy luân lưu xoay chuyển. “*Phước nhân cư phước địa*” (người có phước ở cuộc đất có phước). Chỗ Phong Thủy chẳng tốt, nhưng người có phước báo đến ở nơi ấy; hai ba năm sau, Phong Thủy sẽ biến thành tốt, sẽ biến chuyển. Nơi ấy trở thành đất báu trong Phong Thủy.

Kẻ thiếu đạo đức, tạo tác ác nghiệp, đến ở đó ba năm, Phong Thủy đều biến thành xấu, cảnh chuyển theo tâm mà! Địa cầu là một khối bảo địa, người trên địa cầu đều có thể tùy thuận Tánh Đức, tu Thập Thiện, chẳng tạo Thập Ác, cả một khối bảo địa sẽ chẳng có tai nạn gì, sẽ trở thành giống như thế giới Cực Lạc.

Quý vị thấy đức Thế Tôn giới thiệu thế giới Cực Lạc, kinh *Di Đà* nói người nơi ấy đều là bậc thượng thiện cùng ở một chỗ, chẳng phải là thiện tầm thường, mà là thượng thiện! Tiêu chuẩn thượng thiện cũng không cao lắm; đức Phật bảo chúng ta tu Thượng Phẩm Thập Thiện mà không muốn đến thế giới Cực Lạc thì sẽ sanh vào đâu? Sẽ sanh trong thiên đạo, từ Đạo Lợi Thiên trở lên là Thượng Phẩm Thập Thiện. Vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là thượng thiện, nơi ấy chẳng có tai nạn gì. Trung Phẩm Thập Thiện là nhân đạo, Hạ Phẩm Thập Thiện là A Tu La đạo; đó là tam thiện đạo. Người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là thượng thiện, ngoài thượng thiện ra, người ấy còn giác ngộ, chẳng mê. Trong lục đạo, kẻ thượng thiện sanh lên cõi trời vẫn là mê, chẳng giác, chưa ngộ. Vì sao biết là ngộ? Trong kinh đã nói rất rõ ràng: Một người thật sự phát Bồ đề tâm là giác ngộ. Phát tâm quyết định muốn cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ, ý niệm ấy là giác ngộ. Vì sao? Quý vị muốn rời khỏi lục đạo luân hồi. Không chỉ muốn rời khỏi lục đạo luân hồi, mà còn

muốn thoát ly mười pháp giới. Thoát ly mười pháp giới là ai vậy? Bồ tát! A La Hán chưa thoát được, A La Hán chỉ thoát ly lục đạo luân hồi, chẳng thoát ly mười pháp giới. Quý vị phát cái tâm này, muốn sanh về thế giới Cực Lạc, dẫu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư cũng thoát ly mười pháp giới. Tuy chưa phải là đại triệt đại ngộ, nhưng đã đạt được quả báo giống như người đại triệt đại ngộ, đây là pháp môn hy hữu. Thật sự phát tâm, chẳng còn lưu luyện thế giới này. Không chỉ chẳng lưu luyện thế giới này, mà thế giới Hoa Tạng cũng chẳng lưu luyện. Quý vị hướng tới thế giới Hoa Tạng, sẽ không sanh về đó được! Nếu quý vị thật sự không khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì mới có thể sanh về thế giới Hoa Tạng, quý vị nói xem có khó khăn lắm hay không? Nhưng tới thế giới Cực Lạc là tới thế giới Hoa Tạng, chỗ bảo địa thù thắng nhất trong thế giới Hoa Tạng là thế giới Cực Lạc. Trước kia, tôi giảng kinh này tại Tân Gia Ba, đã nêu một tỷ dụ cho các đồng học, họ nghĩ Hoa Tạng và Cực Lạc là hai chỗ. Tôi bảo họ: Chẳng phải là hai chỗ, mà là một chỗ. Tôi nói thế giới Hoa Tạng giống như Tân Gia Ba, còn thế giới Cực Lạc giống như con đường Ô Tiết (Jalan Orchard). Con đường Ô Tiết là nơi phồn hoa nhất trong xứ họ, Cực Lạc là chỗ tinh hoa nhất trong thế giới Hoa Tạng. Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh vào Hoa Tạng, sanh vào Hoa Tạng vẫn chưa đến thế giới Cực Lạc, nhưng cũng có người có thể đến! Văn Thù,

Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, vẫn có thể đến, nhưng chẳng trực tiếp vãng sanh thỏa đáng như vậy! Do vậy, chúng ta phải hiểu rõ điều này thì mới thật sự buông xuống vạ duyên, nhất tâm quy y Di Đà Tịnh Độ.

Trong đoạn này đã dẫn một đoạn kinh văn trong kinh *Vô Lượng Thọ*, Phật Thích Ca Mâu Ni nói: “Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận” (trong đời tương lai, kinh đạo diệt hết), có cùng một ý nghĩa như đã nói trong phần trên: “Ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế” (ta do lòng từ bi thương xót, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại một trăm năm). Chúng ta phải biết: Thuở đức Thế Tôn tại thế, Ngài đã nhiều lần tuyên giảng bộ kinh này, nhất định phải ghi nhớ điều này. Thuở Phật tại thế, bất luận kinh điển nào cũng chỉ giảng một lần, chẳng nhắc lại, chỉ riêng bộ kinh này được tuyên giảng nhiều lần. Vì sao? Là do mong mỗi kinh này có thể tồn tại đến khi pháp diệt tận, sẽ là bộ kinh bị diệt cuối cùng.

“*Kỳ hữu chúng sanh trị tư kinh giả*” (có chúng sanh nào gặp được kinh này), cũng có nghĩa là đến khi pháp gần như bị diệt hết, kinh đạo đều chẳng còn, chỉ còn lại một bộ kinh, mà nếu quý vị được gặp.

“*Tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ*” (tùy theo sở nguyện, đều có thể đắc độ). Quý vị nghĩ đến thế giới Cực Lạc là được rồi! Quý vị niệm Phật bèn có thể vãng sanh. Quý vị muốn

sanh lên trời cũng được, muốn sanh trong loài người cũng được, thuận theo lòng mong mỏi, đều có thể mãn nguyện.

“*Lương dĩ thử kinh phù hợp xã hội chi thật hưởng*” (ấy là vì kinh này phù hợp với tình hưởng thật sự trong xã hội). Đúng như kinh *Hoa Nghiêm* đã nói “Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”, pháp môn này là pháp môn vô chướng ngại. “*Chân Tục tịnh chiếu, Lý Sự song dung, phàm thánh tề thâm, tâm Phật bất nhị*” (Chân và Tục cùng chiếu, Lý và Sự đều viên dung, gồm thâm phàm lẫn thánh, tâm và Phật chẳng hai), tâm Phật bất nhị là Thật Đế. Trong phần trước, tôi đã nói với quý vị: “*Phàm thánh tề thâm*” là Tục Đế, đến phần sau sẽ nhắc lại ý nghĩa này, trong kinh nói đến điều này rất nhiều.

“*Cố năng trường tồn nhi độc lưu ư mạt thế*” (Vì thế, có thể trường tồn, một mình được lưu lại trong đời Mạt); “*mạt thế*” là thời đại Mạt pháp.

“*Lương dĩ thử kinh bất dẫn vi Tịnh Độ quần kinh chi cương yếu, nhất Đại Tạng giáo chi chỉ quy, thật diệc vi thử giới tha phương, hiện tại, vị lai nhất thiết hữu tình ly khổ đắc lạc cứu cánh Bồ đề chi pháp yếu*” (Ấy là vì kinh này không chỉ là cương yếu của các kinh Tịnh Độ, là chỗ chỉ quy của toàn bộ giáo pháp trong *Đại Tạng Kinh*, mà còn là pháp trọng yếu để hết thảy hữu tình trong cõi này, phương khác, hiện tại, tương lai, lìa khổ được vui, đạt đến Bồ đề rốt ráo). Kỳ diệu như vậy ư? Thật vậy, kinh này không chỉ là cương lĩnh và

tinh yếu của Tịnh Tông, mà Tịnh Độ còn là chỗ chỉ quy cuối cùng của hết thảy các kinh do Phật Thích Ca Mâu Ni đã giảng trong bốn mươi chín năm. Kinh *Hoa Nghiêm* đến cuối cùng là Tịnh Độ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Trong kinh *Pháp Hoa*, Long nữ tám tuổi thành Phật cũng là do nghe Bồ tát Văn Thù giảng kinh *Pháp Hoa*, nghe hiểu rồi bèn phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thành Phật. Trong hết thảy các kinh, đức Phật chuyên giảng Tịnh Độ trong ba bộ kinh, tức là kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Quán Vô Lượng Thọ Phật*, kinh *A Di Đà*, những kinh này là chuyên giảng. Trong ba bộ kinh ấy, kinh *Vô Lượng Thọ* được tuyên giảng nhiều lần, còn hết thảy các kinh khác giảng kèm thêm về Tịnh Độ có hơn một trăm bộ. Do vậy, cổ đại đức bảo: “*Thiên kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy*” (ngàn kinh vạn luận, đâu đâu cũng chỉ về). Đặc biệt lịch đại tổ sư đại đức, chư đại Bồ tát, bất luận tuyên giảng pháp môn như thế nào, đều khuyên thêm mọi người hãy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chỉ có mình pháp môn này Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, bất luận căn tánh nào cũng đều có thể tu, đều có thể thành tựu, giống như Thiệu Đạo đại sư đã nói: “*Vạn tu, vạn nhân khứ*” (vạn người tu, vạn người về). Muôn người căn tánh khác nhau, không một ai chẳng thành tựu. Do vậy, đúng là “*thử giới, tha phương*”; chữ “*thử giới*” chỉ thế giới Sa Bà, chữ “*tha phương*” chỉ cõi nước của hết thảy chư Phật; “*hiện tại, vị lai*” là hiện tại và tương lai trong thế giới này và các phương khác. Pháp yếu để hết thảy hữu

tình là khổ được vui, đạt được Bồ đề rốt ráo. Bồ đề rốt ráo là thành Phật viên mãn. “*Pháp*” là phương pháp, “*pháp yếu*” là phương pháp quan trọng nhất, chẳng dễ gì đạt được!

Tiếp theo đó, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ phát nguyện, hồi hướng: “*Niệm Tổ cảm ân đồ báo, phát vô thượng tâm, kính chú thử kinh, tục Phật huệ mạng*” (Niệm Tổ cảm ơn, mong báo đáp, phát tâm vô thượng, kính cẩn chú giải kinh này nhằm duy trì huệ mạng của Phật). Báo ân, gặp được pháp môn này, tri ân, báo ân, vì sao mọi người chẳng thể dũng mãnh phát khởi như vậy? Do không biết ân đức. Thuở ấy, Phật Thích Ca Mâu Ni đã nhiều lần tuyên giảng là vì ai? Khi chúng ta gặp được, chịu tin tưởng, có thể lý giải, phát nguyện cầu vãng sanh, đó chính là đức Phật đã vì chúng ta mà giảng. Nếu quý vị hiểu rõ, có thể tiếp nhận, tức là Phật đã vì quý vị giảng kinh này. Ngay lập tức gánh vác mới là tri ân. Dùng phương pháp nào để báo ân? Chú giải kinh này. Thầy phó chúc, sau khi Hạ lão cư sĩ hội tập thành công bộ kinh này, đã tự giảng. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là học trò của cụ Hạ, đã nghe từ đầu, chẳng sót buổi giảng nào. Cụ nghe rất nghiêm túc, thầy có thể nhìn thấy: Đứa học trò này đối với pháp môn này mười phần thành kính, nó sẽ được mười phần lợi ích; vì thế, để cho trò chú giải, thầy tin tưởng trò. Đệ tử thật sự của đức Phật phải báo ơn Phật. Câu tiếp theo là “*tục Phật huệ mạng*”, niệm niệm mong cho chính pháp của Thích Ca Như Lai tồn tại lâu dài trong cõi đời. Muốn cho chính pháp tồn tại lâu dài trong cõi đời phải dùng

đến phương cách nào? Chính mình phải nghiêm túc học tập, đời đời truyền thừa. Chúng ta học từ chỗ thầy, đạt được lợi ích thù thắng, phải truyền cho đời tiếp theo. Phật môn gọi chuyện này là “truyền đăng”, chớ để ngọn đèn sáng ấy bị tiêu diệt. Chúng ta chẳng truyền thì chẳng truyền là tiêu diệt. Hễ bị tiêu diệt tức là có tội, tội ấy rất nặng!

Làm thế nào để thực hiện tốt đẹp công tác này, làm rất đúng pháp, khiến cho chư Phật Như Lai đều thỏa ý? Đầu tiên là đức hạnh, đấy là điều kiện đầu tiên và trọng yếu nhất trong “tục Phật huệ mạng”; đây chính là ba hay bốn món căn bản như chúng tôi đã nói trong hiện thời. Nếu quý vị chẳng nghiêm túc và thật sự thực hiện Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp Đạo, Sa Di Luật Nghi, quý vị sẽ chẳng thể nối tiếp huệ mạng của Phật. Điều kiện đầu tiên là thành tựu đức hạnh, sau đó mới là học vấn. Học vấn là thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Nho và Phật đều dạy chúng ta như vậy, chẳng dạy chúng ta học rộng nghe nhiều. Học rộng nghe nhiều khi nào? Sau khi khai ngộ. Khi chưa khai ngộ, mục tiêu đặt chắc nơi khai ngộ, chẳng phải là học rộng nghe nhiều. Học rộng nhất định chướng ngại khai ngộ. Vì sao? Tâm quý vị chẳng thanh tịnh, quá tạp, quá nhiều thứ. Quý vị phải biết: Thâm nhập một môn là dốc sức nơi một bộ kinh. Tôi nói với mọi người: Tôi giảng ở đây, giảng xong một bộ kinh, sẽ làm như thế nào? Chẳng coi như đã xong, giảng lần thứ hai. Giảng xong lần thứ hai, bèn giảng lần thứ ba. Cổ nhân giảng kinh *Di*

Đà, trong một đời giảng hơn hai trăm lượt, thính chúng nghe có hứng thú hay chẳng? Họ giảng mỗi biến mỗi khác, cảnh giới khác nhau, càng nghe càng hoan hỷ, cảnh giới của người giảng không ngừng nâng cao, người nghe cũng tiến lên không ngừng, giảng tràn đầy ý vị, thật sự thực hiện, thật sự tu, được Tam Bảo gia trì. Trong quá khứ, tôi ở Đài Trung, thầy Lý cho tôi biết: Cụ giảng kinh *Di Đà* sáu lần, biểu hiện sáu cách [khác nhau], thật đấy, chẳng giả đâu! Tôi học kinh *Lăng Nghiêm* từ cụ, tôi giảng kinh *Lăng Nghiêm* bảy lần. Kinh ấy quá dài, phải tốn rất nhiều thời gian. Tôi nhớ đã giảng viên mãn từ đầu đến cuối chỉ có hai lượt, năm lần giảng khác đều chưa viên mãn.

Tứ Hoảng Thệ Nguyên là cương lĩnh chỉ đạo tu học tối cao của chúng ta. Quý vị thấy điều thứ nhất là dạy chúng ta phát Bồ đề tâm: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Phát Bồ đề tâm, vì chúng sanh, chứ không phải vì chính mình. Thực hiện từ chỗ nào? “*Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn*” là đức hạnh. Trước hết, quý vị phải đoạn hết phiền não, sau đấy mới có thể học pháp môn. Nếu phiền não chưa đoạn, quý vị tu học pháp môn sẽ xen tạp phiền não, rất khó thành tựu. Do vậy, thâm nhập một môn, trường thời huân tu là gì? Là đoạn phiền não; dùng một bộ kinh, dùng phương pháp này để đoạn phiền não. Đối với tám vạn bốn ngàn pháp môn, dùng kinh giáo này, quý vị đọc mỗi ngày, giảng mỗi ngày, dùng biện pháp này, tâm quý vị sẽ định. Một bộ, tâm sẽ định, càng giảng, càng thuần thực, tâm càng định. Định sanh Huệ,

từ một bộ kinh mà đắc tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng. Chỉ cần đạt được hai thứ ấy sẽ khai ngộ. Sau khi ngộ sẽ như thế nào? Hết thấy các pháp môn hễ tiếp xúc bèn thông suốt.

Vì thế, Long Thọ Bồ tát đã nêu gương cho chúng ta: Lão nhân gia chứng đắc Sơ Địa Bồ tát. Sơ Địa trong Biệt Giáo giống Sơ Trụ trong Viên Giáo. Tại Trung Quốc, nói tới những vị đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh thì vị đại biểu trọn vẹn nhất của Trung Quốc là Huệ Năng đại sư, Long Thọ Bồ tát chứng đắc cùng một cảnh giới như thế đó. Thuở đức Thế Tôn tại thế, giảng kinh bốn mươi chín năm, Long Thọ Bồ tát dùng bao nhiêu thời gian để học xong toàn bộ hết thấy các kinh do đức Phật đã nói? Ba tháng! Đối với cái gọi là *Đại Tạng Kinh* hiện thời, Ngài học xong trong ba tháng. Vì sao Ngài học nhanh như vậy? Quý vị đọc *Lục Tổ Đàn Kinh* sẽ hiểu rõ. Quý vị thấy *Lục Tổ Đàn Kinh* có chép một câu chuyện, trong Phật môn gọi là “*công án*”, tức là thí dụ điển hình. Thiền sư Pháp Đạt học kinh *Pháp Hoa*, đến gặp Lục Tổ, khi lễ bái đầu chẳng chạm đất. Lục Tổ thấy Sư lay Tam Bảo mà đầu vẫn chẳng chạm sát đất, bèn đứng dậy hỏi Sư: “Ông có điều gì đáng để kiêu ngạo vậy?”. Nói theo cách hiện thời, người có cái gì đáng để ngông nghênh như thế? Lễ bái mà đầu chẳng chạm sát đất. Sư thưa: “Đã niệm tới ba ngàn bộ kinh *Pháp Hoa*”. Kinh *Pháp Hoa* rất dài, ba ngàn bộ tối thiểu là ba ngàn ngày. Nói cách khác là mười năm, mười năm niệm một bộ kinh, đáng nên kiêu ngạo lắm chứ! Lục Tổ bèn khảo Sư: “Kinh *Pháp Hoa* giảng những gì?”.

Nói không được, bèn quay sang thỉnh giáo Lục Tổ. Lục Tổ nói: “Ta không biết chữ, nên chưa đọc kinh ấy, mà cũng chưa nghe qua”. Ngài bảo: “Nếu ông đã niệm thuần thục như vậy, hãy đọc cho ta nghe”. Kinh *Pháp Hoa* gồm hai mươi tám phẩm, Sư đọc đến phẩm thứ hai là phẩm *Phương Tiện*. Đọc đến phẩm thứ hai, Lục Tổ nói: “Được rồi, chẳng cần niệm nữa, ta biết hết rồi”. Ngài giảng cho Sư nghe, Sư bèn khai ngộ, khi lễ bái, đầu bèn đập sát đất. Quý vị hiểu: Người khai ngộ có cần phải đọc toàn bộ hay chẳng? Không cần! Xem một quyển, đọc một đoạn, bèn hiểu toàn bộ giảng về pháp nào, hoàn toàn thông suốt! Vì thế, ba tháng đọc hết một bộ *Đại Tạng Kinh* là thật, chẳng giả!

Thiền Tông nói “*ngộ hậu khởi tu*” (sau khi ngộ bắt đầu tu tập). Vì sao Tông Môn và Giáo Hạ khác nhau? Giáo Hạ vừa bắt đầu bèn học tập kinh giáo, còn Tông Môn thì chắc chắn là chưa khai ngộ sẽ không cho quý vị xem kinh, cũng không cho quý vị nghe gì khác, nhằm khiến cho quý vị buông xuống, buông phân biệt xuống, buông chấp trước xuống, khi ngộ sẽ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác là giác ngộ; giác ngộ ắt phải đoạn hết vô thỉ vô minh phiền não. Vô thỉ vô minh phiền não là khởi tâm động niệm, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần chẳng khởi tâm, không động niệm. Khởi tâm động niệm còn chẳng có, đương nhiên chẳng có phân biệt, chấp trước, đạt đến cảnh giới này. Giác tánh, tức tự tánh giác hiện tiền; hễ hiện tiền thì lục căn tiếp xúc cảnh giới, vừa tiếp xúc bèn thông đạt, hiểu rõ, học nhanh lắm! Lục Tổ chẳng biết chữ, chưa từng nghe kinh.

Nếu nói Ngài nghe kinh thì chính là lúc canh ba nửa đêm, hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn giảng kinh *Kim Cang* cho Ngài tại phương trượng thất, đương nhiên là giảng đại ý. Giảng đến câu “*ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm*” (đừng nên trụ vào đâu để sanh tâm), Ngài bèn kiến tánh, nói ra cảnh giới gồm năm câu: “*Hà kỳ tự tánh bốn tự thanh tịnh, bốn bất sanh diệt, bốn tự cụ túc, bốn bất dao động, năng sanh vạn pháp*” (nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh, vốn chẳng sanh diệt, vốn tự trọn đủ, vốn chẳng dao động, có thể sanh ra vạn pháp). Hòa thượng Ngũ Tổ Nhẫn nói: “Được rồi, những điều sau đó không cần phải nói nữa!”. Trao y bát cho Ngài, giục Ngài hãy đi cho nhanh. Vì sao phải đi? [Sẽ bị] người khác ganh ghét, chướng ngại, chẳng phục. Người khác hằng ngày nghe kinh tại giảng đường, hằng ngày tọa Thiền trong Thiền đường, đều chẳng được truyền y bát. Thế mà gã này đến đây, chưa từng vào Thiền đường một ngày nào, cũng chẳng tới giảng đường bữa nào. Ngũ Tổ chỉ giao cho hấn giã gạo, bữa củi trong phòng xay xát, làm suốt tám tháng, kết quả là y bát bị hấn ôm đi, cho nên chẳng có ai phục. Đến hôm sau, họ truy tìm khắp nơi, toan bắt Ngài về. Phật, Bồ tát gia hộ, Ngài ẩn núp trong phùng thợ săn mười lăm năm. Mười lăm năm khiến mọi người quên dần chuyện này, lúc ấy mới xuất hiện.

Trên đường lánh nạn, tại thôn Tào Hầu, Sư gặp tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng. Bà này thọ trì kinh *Đại Bát Niết bàn*. Kinh *Đại Bát Niết bàn* có phân lượng lớn, có hai phiên bản, một bản

là bốn mươi quyển, bản kia gồm ba mươi sáu quyển. Huệ Năng đại sư lúc ấy hai mươi bốn tuổi, khi mới vừa bỏ trốn, còn chưa đến chỗ phùng thợ săn, tại thôn Tào Hầu gặp vị tỳ-kheo-ni này, nghe bà ta niệm kinh *Niết bàn*. Nghe xong, bèn giảng giải cho bà ta nghe, vị tỳ-kheo-ni ấy bội phục năm vóc sát đất. Giảng quá hay, giảng đến mức bà ta khai ngộ. Bà ta cũng là “*nhất tâm thọ trì, thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”, nên đắc tam-muội, khi Tổ vừa giảng bèn khai ngộ. Cầm kinh điển hướng về Lục Tổ thỉnh giáo, Lục Tổ nói: “Ta không biết chữ”. Bà ta hỏi: “Ngài không biết chữ, sao có thể giảng được ý nghĩa?”. Tổ nói: “Chẳng dính dáng gì đến văn tự!”. Chúng ta chớ nên không hiểu, đúng là chẳng dính dáng! Vì thế, cổ nhân thâm nhập một môn, trường thời huân tu, ở đây có đạo lý to lớn! Tại Trung Quốc, không chỉ học Phật là như thế, mà học Đạo, học Nho cũng đều là như thế. Thời cổ, trường tư thực dạy học trò, điều quan trọng là khơi gợi, phát khởi ngộ tánh của trò, coi đó là điều quan trọng nhất, những điều khác đều là hạng hai, hạng ba! Xếp ngộ tánh vào bậc nhất, chớ nên ngăn lấp ngộ tánh của người ta.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 10



Đoạn trước là phần thừa bày tâm nguyện, mấy câu cuối cùng của cụ nhằm hồi hướng, vừa cảm ân vừa hồi hướng. Chúng ta sau khi đọc, cũng phải biết cảm ơn, có biết ơn mới có thể cảm ơn. Nếu chẳng biết ân đức, tâm báo ân chẳng thể sanh khởi. Đặc biệt là chúng ta sanh nhằm thời đại này, gặp nhiều khổ nạn rất ít thấy xảy ra trong lịch sử, cũng có thể nói là: Không chỉ chưa thấy, mà cũng chưa từng nghe nói đến! Nguyên nhân vô cùng phức tạp, như trong kinh Phật đã nói là “*vô lượng nhân duyên*”. Chắc chắn không thể oán trời hờn người, nói chung là do nghiệp lực của chính mình cảm vờ. Sống trong hoàn cảnh khổ nạn, chúng ta cũng phải cảm thấy may mắn, vì chúng ta biết dùng thân người để nghe Phật pháp, có thể nghe kinh *Hoa Nghiêm* và *Tịnh Độ*, đó là đã gặp gỡ nhân duyên hy hữu khôn sánh! Được gặp gỡ, chúng ta đều phải sanh tâm cảm ơn. Tịnh Tông chúng ta có thể gặp được bản hội tập này của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, là bản tiêu chuẩn của Tịnh Tông; chúng ta có thể tin tưởng là trong chín ngàn năm về sau này, có nhiều người sẽ nhờ bộ kinh này mà đắc độ. Lại gặp lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vâng lãnh lời phó chúc của thầy, chú giải cặn kẽ kinh này. Chúng ta biết khi cụ viết chú giải, thứ nhất là tuổi tác đã già, thứ hai là thân thể lắm bệnh. Trong tình trạng ấy, cụ chẳng nề hà nhọc nhằn, cay đắng, hoàn thành

công tác gian nan, to lớn, vô cùng khó khăn này! Tôi không chỉ là nghe nói, mà ở Bắc Kinh, tôi đã tận mắt thấy. Thấy sự tình ấy, đương nhiên quý vị sẽ cảm động, cảm nhận một phen khổ tâm của lão nhân. Vì sao? Vì chín ngàn năm sau trong thời kỳ Mạt pháp, các đồng học có thể lý giải chính xác bản kinh này. Sau khi hiểu rõ, mới có thể phát khởi lòng tin. Có lòng tin thì mới có thể thật sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, vâng theo lý luận và phương pháp trong kinh này để tu học; ân đức ấy to lớn lắm! Thù thắng khôn sánh, công đức viết chú giải trọn chẳng kém công hội tập của thầy Ngài là cụ Hạ Liên Cư, có cùng một công đức. Do vậy, chúng ta học tập lần này, đặc biệt chọn bản *Đại Kinh Giải* nhằm tri ân, báo ân. Trước hết, chúng tôi giải thích đơn giản đoạn văn này. “*Cảm ân đồ báo*” (cảm ơn, mong báo đáp). Cảm ơn như thế nào? Báo ơn như thế nào? Đó chính là lão nhân gia phát vô thượng tâm, cung kính chú giải kinh này, nhằm tiếp nối huệ mạng của Phật. Nay chúng ta báo ân bằng cách nào? Nay chúng ta hãy khéo chiếu theo kinh, nương theo chú giải, sốt sắng học tập, y giáo phụng hành, đó là tiếp nối huệ mạng của Phật. Chúng ta phải tham cứu thấu triệt đạo lý trong kinh và trong bản chú giải, phải vận dụng những đạo lý ấy vào cuộc sống hằng ngày, thực hiện trong công việc, thực hiện trong xử sự, đãi người, tiếp vật, mục tiêu chung cực là quyết định vãng sanh Tịnh Độ, nghiêm túc báo ân, thật sự tiếp nối huệ mạng của đức Phật.

Tiếp đó, cụ cầu gia bị, “*kiền kỳ lưỡng độ đạo sư*”, nghĩa là kiền thành khẩn cầu Bốn Sư Phật Thích Ca Mâu Ni ở phương này và Bốn Sư Phật A Di Đà trong thế giới Cực Lạc, hai vị đạo sư trong hai cõi. “*Thập phương Như Lai*”. Trong kinh *Di Đà*, chúng ta thấy chư Phật trong sáu phương tán thán, còn trong bản kinh này là mười phương chư Phật tán thán. “*Thượng sư bốn tôn*” là thầy. Cụ Hoàng, cụ Hạ đều từng học Thiền Tông, mà cũng đã học Mật Tông. Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Mật viên dung, thấy đều thông đạt, cuối cùng quy hướng Tịnh Độ. Đây đều là biểu thị pháp cho chúng ta thấy: Bất luận học Giáo hay tham Thiền, hay tu Mật, đến cuối cùng thì sao? Cuối cùng vẫn phải niệm Phật A Di Đà cầu sanh Tịnh Độ. Điều này khiến cho chúng ta nhìn vào hai vị lão nhân, họ đã làm như thế nào? Trên thực tế, họ hoàn toàn học theo hai vị Bồ tát Văn Thù và Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm, đến cuối cùng đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật sự sanh về Tịnh Độ. Họ nêu gương cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta là những kẻ chẳng có căn khí giống như họ, họ là bậc thượng thượng căn, chúng ta là kẻ trung hạ căn hay hạ hạ căn, hãy nên khẳng khẳng một mực nhất tâm quy mạng Phật A Di Đà, suốt đời tuân theo một phương hướng là Tây Phương, một mục tiêu là thế giới Cực Lạc, thân cận Phật A Di Đà, đó là đúng, thật sự tiếp nối huệ mạng của Phật! Chúng ta làm như vậy cũng sẽ ảnh hưởng nhiều người, những người ấy sẽ tiếp tục làm theo.

Nói “*Kim Cang hộ pháp*” là cầu thần hộ pháp gia hộ.

“*Từ ân phú hộ*” (từ ân che chở, hộ trì), đó là hộ trì.

“*Oai đức minh gia*” là ngấm ngấm gia hộ.

“*Ký thử chú thích, thượng khế thánh tâm, quảng khái chúng tín, phàm hữu kiến văn, đồng nhập Di Đà Nhất Thừa nguyện hải*” (mong sao bản chú thích này trên khế hợp thánh tâm, khơi gợi rộng rãi lòng tin của mọi người. Có ai thấy nghe đều cùng nhập biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà): Mong cho bản chú giải này được Thích Ca, Di Đà gia trì, được mười phương chư Phật hộ niệm, chẳng chú giải sai lầm, những câu chữ đã chú giải đều hợp với ý nghĩa giáo hóa của Như Lai. Quan trọng nhất là người đời sau sẽ đối với kinh này và bản chú giải này tin sâu chẳng nghi, quý vị đạt được lợi ích. Tổ Ấn Quang nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. “*Phàm có ai thấy nghe*” là nói đến kẻ hữu duyên, Phật độ kẻ hữu duyên, có thể thấy kinh và bản chú giải này chính là kẻ có thể tham dự pháp hội này, sẽ cùng nhập biển nguyện Nhất Thừa của Phật Di Đà. Niệm Phật Đường là Phật A Di Đà Nhất Thừa nguyện hải. Nhất Thừa là thành Phật, chẳng phải là Bồ tát, chẳng phải là Nhị Thừa, hay Tam Thừa. Nhị Thừa là Đại thừa và Tiểu thừa. Tam Thừa là Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ tát; Nhất Thừa là thành Phật. Pháp môn này thẳng chóng, ổn thỏa, là pháp môn thành Phật trong

một đời, cho nên gọi là “*Nhất Thừa nguyện hải*”. Hai chữ cuối cùng là cảm ơn, tức là cảm ơn Phật A Di Đà đã dùng bốn mươi tám nguyện nhiếp thọ hết thảy chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới. Những lời mào đầu của cụ Hoàng đến đây là hết.

Tiếp đây là phần giải thích bộ kinh này; đoạn lớn thứ hai là *Khái Yếu*.

“*Thập môn phân liệt trung tiền cứu môn. Căn thích thủ kinh, y Hoa Nghiêm tông pháp cập Di Đà Số Sao lệ, tổng khai thập môn*” (Chín môn đầu trong cách phân chia, sắp xếp thành mười môn, kính căn giải thích kinh này tuân theo cách chú giải kinh điển của tông Hoa Nghiêm và thể lệ của bộ *Di Đà Số Sao*, chia nội dung bản chú giải tổng quát thành mười môn). Trước hết, nói rõ cách thức mà cụ đã tuân theo trong bản chú giải này: Dựa theo cách thức của tông Hoa Nghiêm. Tông Hoa Nghiêm dùng “*thập môn khai hải*” để giới thiệu đại ý của cả bản kinh, rồi mới giải thích chi tiết kinh văn. Trong mười môn ở trước phần giải thích chính kinh, đặc biệt là chín môn đầu nhằm làm cho người học tập kinh giáo chúng ta, trước khi đọc đến phần chính kinh, đã hiểu rõ đại ý của cả bản kinh. Ở đây, có hai tầng ý nghĩa:

1) Tầng ý nghĩa thứ nhất là trước hết khiến cho quý vị liễu giải đại ý của cả bản kinh, khơi gợi hứng thú học tập pháp môn này. Đây là điều cần phải có.

2) Những vị lão tham, tức là những người tu hành đã lâu, đối với bộ kinh này, họ đã rất thuần thục, nhưng họ đến tham dự pháp hội để làm Ảnh Hưởng Chúng. Họ nghe gì? Nghe Huyền Nghĩa! Phần *Khái Yếu* chính là Huyền Nghĩa. Vì Huyền Nghĩa là sự “*thể ngộ*” (thấu hiểu, lãnh ngộ) của quý vị đối với cả bản kinh sẽ được biểu lộ trong ấy. Cũng có nghĩa là nói: Từ đoạn này, sẽ có thể hoàn toàn thấu hiểu quý vị tu học đến tầng lớp, giai đoạn nào. Nếu người tu hành đã lâu mà nghe là nghe chỗ này; đây cũng là nói theo kiểu hiện thời của chúng ta: Huyền Nghĩa là tâm đắc tu học. Nghe giảng Huyền Nghĩa là nghe báo cáo tâm đắc của quý vị, phần giải thích kinh văn ở phía sau không cần nghe, họ đã hiểu rất rõ.

Tuy đã hiểu rất rõ ràng, nhưng đúng là có không ít người từ đầu đến cuối vẫn nghe hết sức nghiêm túc, hết sức cung kính; đó là gì? Làm Ảnh Hưởng Chúng, nhằm dẫn dắt kẻ sơ học. Kẻ sơ học đối với kinh này chưa có tín tâm, hoài nghi, nghe chẳng lọt tai, thấy những vị tu hành đã lâu đều nghe nghiêm túc như thế, lòng tin của họ được tăng trưởng. Các vị ấy đã nêu gương, làm mẫu cho họ. Người thật sự học Phật bèn hiểu rõ: Bất luận quý vị nghe hiểu hay không, vẫn một mực kiên trì nghe thì quý vị mới có thể nhập môn.

Bản chú giải kinh *A Di Đà* của Liên Trì đại sư có phân lượng rất lớn; bản chú giải ấy có tên là *A Di Đà Kinh Sớ Sao*. “*Sớ*” là giải thích kinh, “*Sao*” là giải thích lời “*Sớ*”, tức là chú giải lời chú giải. *Sớ* do Liên Trì đại sư viết, mà *Sao* cũng do

Ngài viết. Sau khi đã viết lời chú giải, văn tự còn có chỗ rất sâu, sợ người đời sau khó hiểu, nên Ngài lại chú giải lời *Sớ*, từ bi đến mức cùng cực! Đệ tử của Ngài là pháp sư Cổ Đức, sau khi Liên Trì đại sư vãng sanh pháp sư Cổ Đức đã biên tập, chỉnh lý tất cả các trước tác của lão nhân gia, đem xuất bản, lưu truyền đến hiện tại. Bản sách in hiện thời gần như là in thành bốn cuốn in chung thành một bộ. Bốn quyển sách dày như vậy do Liên Trì đại sư trước tác, chúng ta phải cảm kích pháp sư Cổ Đức. Pháp sư Cổ Đức rất từ bi, sợ *Sớ Sao* vẫn còn có những chỗ rất sâu, luôn mong cho người đời sau dễ đọc sẽ hiểu rất dễ dàng, nên lại viết một bản chú giải sách *Sớ Sao* gọi là *Diễn Nghĩa*. Vì thế, quý vị thấy *A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa* thì phần *Diễn Nghĩa* là của pháp sư Cổ Đức. *Sớ Sao* do Liên Trì đại sư viết. Lão nhân gia viết *Sớ Sao*, cũng dùng thập môn khai khái của tông Hoa Nghiêm, không dễ dàng! Chúng ta có thể hiểu nỗi khổ tâm của lão nhân gia. Trong thời đại của Ngài, có thể nói là tại Trung Quốc, Thiền Tông phổ cập khắp nước, phong khí nhà Thiền hưng thịnh, nhưng sự hưng thịnh ấy chỉ ở bề ngoài! Trên thực tế, Thiền hưng thịnh nhất trong hai triều đại Đường và Tống, còn họ (những người đồng thời với ngài Liên Trì) là người đời Minh. Tổ sư thấy tham Thiền công phu chẳng đắc lực, nếu muốn vượt thoát lục đạo chẳng dễ dàng! Tu học Phật pháp, vượt thoát lục đạo được coi là tiểu thành tựu, quý vị chứng đắc tiểu quả. Nếu chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, chẳng có

thành tựu, chỉ có thể nói là tăng trưởng thiện căn trong A Lại Da, chẳng thể tính là thành tựu! Do vậy, Ngài đề xuất pháp môn Tịnh Tông, chẳng ai tin tưởng. Đã thế, mọi người coi rẻ pháp môn Tịnh Độ, thường nghĩ pháp môn Tịnh Độ dành để dạy cho các bà lão. Hiểu lầm là Phật Thích Ca Mâu Ni vì tiếp dẫn những kẻ chẳng có kiến thức nên khuyên họ niệm Phật, toàn là tâm lý và quan niệm sai lầm như vậy. Làm thế nào để đề cao Tịnh Độ? Đối với kinh *Hoa Nghiêm*, chẳng ai bàn cãi! Kẻ không hiểu Phật pháp nghe kinh *Hoa Nghiêm* cũng bội phục năm vóc sát đất. Do vậy, Ngài bèn dùng thập môn khai khái của Hoa Nghiêm để giảng *Phật Thuyết A Di Đà Kinh*, đưa kinh *A Di Đà* lên ngang tầm kinh *Hoa Nghiêm*, đó là nổi khổ tâm của Liên Trì đại sư. Quý vị chẳng phải là tin tưởng Hoa Nghiêm lắm ư? Kinh *Di Đà* chẳng khác gì kinh *Hoa Nghiêm*! Trong giáo pháp Đại thừa có câu ngạn ngữ: “*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*” (người viên mãn thuyết pháp, không pháp nào chẳng viên mãn). Viên nhân là gì? Người kiến tánh. Người minh tâm kiến tánh, tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều có thể tương ứng với Hoa Nghiêm. Nhìn từ chỗ này, Liên Trì đại sư cũng không phải là kẻ bình phàm, kẻ bình phàm sẽ chẳng thể làm được!

Ngẫu Ích đại sư là tư thực đệ tử của Liên Trì đại sư, có quan hệ giống như quan hệ giữa Mạnh Tử và Khổng Tử. Ngài Ngẫu Ích muốn tìm một vị thầy, nhưng tìm không ra! Quý vị đọc sách do Ngài trước tác, sẽ thấy: Khi ấy, Ngài chẳng

vừa ý lắm với những kẻ tu hành trong Phật môn, nên đã lấy biệt hiệu là Bát Bất Đạo Nhân, chẳng thường qua lại với mọi người, chẳng hợp tính với họ, bị những kẻ tu hành đương thời coi là một quái nhân trong Phật môn. Khi ấy, Liên Trì đại sư đã vãng sanh, nhưng trước tác của Ngài còn đó. Do vậy, Ngài làm tư thực đệ tử của tổ Liên Trì, cũng nghĩa là nói Ngài tôn Liên Trì đại sư làm thầy. Thầy không còn trên đời, nhưng trước tác của thầy còn đó, bèn dựa theo trước tác của thầy để học tập. Giống như Mạnh Tử vào thời cổ, Mạnh Tử học Khổng Tử, Khổng Tử cũng đã khuất, nhưng trước tác của Khổng Tử còn đó, Mạnh Tử bèn đọc sách của Khổng Tử, chỗ nào chẳng thấu hiểu, bèn thưa hỏi học trò của Khổng Tử. Ngài học thành tựu, học còn giỏi hơn đệ tử của Khổng Tử. Do vậy, hễ nói tới Nho gia, toàn là nói Khổng Mạnh, chẳng nhắc tới ai khác. Điều này cho thấy: Tuy Ngài chẳng được chính Khổng Tử truyền dạy, nhưng chiếu theo sách của Khổng Tử để học, trọn chẳng thua kém học trò do đích thân Khổng Tử đã truyền dạy, thành tích hết sức ưu tú, đây là người đầu tiên lập ra thể lệ “tư thực đệ tử” của Trung Quốc. Trong Phật môn, Ngẫu Ích đại sư học theo tổ Liên Trì, Ngài bội phục Liên Trì đại sư nhất, cũng học theo rất giống, cho nên ngài Liên Trì là tổ sư Tịnh Độ Tông đời thứ tám, Ngẫu Ích đại sư là tổ sư đời thứ chín. Chúng ta đều nên học tập những điều này. Trong thời đại hiện tại, chúng ta không tìm được thiện tri thức chân chánh, hãy tìm cổ nhân! Học kinh *A Di Đà* có

thể tìm Liên Trì đại sư; học kinh *Vô Lượng Thọ* có thể tìm lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là Kim Cang thượng sư^{44[3]} trong Mật Tông, nên ở đây Ngài có thượng sư bốn tôn^{45[4]}. Cụ Hoàng cũng đã vãng sanh, lão nhân gia niệm Phật vãng sanh; khi bệnh nặng, đã báo tin cho tôi biết, mỗi ngày cụ niệm Phật hiệu mười bốn vạn câu, ngủ rất ít, Phật hiệu không ngừng, thật sự vãng sanh.

“Mười môn” là báo cáo tâm đắc của cụ được chia thành mười đoạn, nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu. Tiếp đó cụ nêu ra mười đề mục, tức là mỗi đoạn có một tiêu đề. “*Kế vi nhất, giáo khởi nhân duyên*” (mục thứ nhất là nhân duyên khiến cho giáo pháp phát khởi), thứ hai là “*bốn kinh Thể Tánh*” (Thể và Tánh của bản kinh này), thứ ba là “*nhất kinh Tông Thú*” (tông và thú của kinh), thứ tư là “*phương tiện lực dụng*”, thứ năm là “*sở bị căn khi*” (căn tánh được tiếp độ bởi bản kinh này), thứ sáu là “*tạng giáo sở nhiếp*” (kinh này thuộc về tạng nào và giáo nào), thứ bảy là “*bộ loại sai biệt*”, thứ tám là “*dịch hội hiệu thích*”; “*dịch*” (譯) là phiên dịch, “*hội*” (會) là hội tập,

44 [3] Kim Cang thượng sư (Vajra Guru): Mật Tông dùng Kim Cang làm biểu tượng, tượng trưng cho chân tâm vĩnh viễn bất sanh, bất diệt, có thể xuyên thấu tất cả mọi thứ. Thượng sư (Guru) vốn có nghĩa gốc là một vị thầy đầy kinh nghiệm trong một lãnh vực nào đó, có thể hướng dẫn học trò không sai lạc. Về sau, chữ Guru thường được dùng để chỉ một bậc thầy hướng dẫn tâm linh. Gu có nghĩa là tối tăm, Ru là một ánh sáng. Như vậy, Guru là “ánh sáng dẫn đường trong đêm tối”. Ngoài chữ Thượng Sư, các danh xưng Hòa thượng, A Xà Lê, Lạt Ma, A Khương (Achan, Ajahn, Acharn, biến âm của chữ Acariya) đều được coi là tương đồng với danh xưng Thượng Sư.

45 [4] Bốn Tôn (Ishta-devata, hoặc Yidam) là một thuật ngữ trong Mật Tông, là đối tượng Thiền Quán của người tu Mật Pháp. Bốn Tôn thường là Phật, Bồ Tát, Minh Vương v.v... tức là vị đã nói ra bài chú hay Mật pháp ấy. Thông thường, các vị nữ Bốn Tôn sẽ được gọi là Phật Mẫu, Không Hành Mẫu (Dakini), hoặc Minh Phi. Trong Mạn Đà La, nếu Bốn Tôn được mô tả dưới dạng an tượng, ngồi trong tư thế Thiền Định sẽ gọi là Tịch Tĩnh Tôn, còn nếu hiện tướng dữ dội, đáng sợ thì gọi là Phẫn Nộ Tôn.

“hiệu” (校, còn đọc là giáo) là do Bành Tế Thanh thực hiện. Ông ta đã soạn một bản tiết hiệu (trích lục, phân đoạn, chỉnh sửa những chữ bị chép lầm), “thích” là giải thích. Thứ chín là “*tổng thích danh đề*”, tức là giải thích đề mục bản kinh. Đoạn cuối cùng là “*chính thích kinh nghĩa*”, bắt đầu giải thích kinh văn; kinh văn có tất cả bốn mươi tám phẩm.

“*Tiền cứu môn tổng luận toàn kinh cương tông bộ loại, thứ dữ Thiên Thai tông chi Ngũ Trùng Huyền Nghĩa, đại đồng tiểu dị*” (chín môn trước là luận định chung về cương lĩnh, tông chỉ, bộ loại của cả bản kinh, điều này giống như phần Năm Tầng Huyền Nghĩa của tông Thiên Thai, chỉ là khác biệt đôi chút). Tông Thiên Thai dựa trên kinh *Pháp Hoa, Pháp Hoa* cũng là kinh điển Nhất thừa, Báo cáo tâm đắc của họ được chia thành năm đoạn, còn tông Hoa Nghiêm chia thành mười đoạn. Hoa Nghiêm dùng “*thập*” để biểu pháp, “*thập*” tượng trưng viên mãn. Nói chung, vì mười môn rắc rối, nên lịch đại pháp sư giảng kinh khi báo cáo như vậy quá nửa đều tuân theo cách thức của tông Thiên Thai, đơn giản, rất ít dùng phương pháp của tông Hoa Nghiêm. Cách của Hoa Nghiêm hay lắm, nhưng phải tốn nhiều thời gian hơn. Hiện thời, Ngũ Trùng Huyền Nghĩa dường như cũng không phổ biến lắm! Các báo cáo hiện thời trước hết là nói nhân duyên giảng kinh là đủ rồi, sau khi đã trình bày xong nhân duyên giảng kinh, đại khái là nói về đề mục của bộ kinh sẽ được giảng, rồi bước vào kinh văn, ngày càng đơn giản hóa. Nhưng muốn thật sự

nghiên cứu thì [phương pháp của tông] Hoa Nghiêm hay lắm. Chúng ta tự mình tu học, chớ nên dùng phương pháp ngắn gọn ấy, không cần thiết, nhưng nếu đi giảng kinh bên ngoài thì có thể. Đối với người hiện thời, nếu dùng phương pháp [thập môn khai hải] này để giảng, giảng một thời gian rất dài mà vẫn chưa được nghe kinh văn, họ sẽ chẳng có hứng thú, rút lui! Vì thế, càng nói đơn giản càng hay. Trước đây, chúng tôi học tập kinh giáo tại Đài Trung, thầy luôn giảng những điều này, nhưng vì kế cơ trong xã hội hiện đại, cũng không dùng tới cách này. Chúng tôi không dùng những đề mục này, nhưng nội dung giảng giống hệt, nêu nhân duyên giảng kinh: Vì sao muốn chọn giảng bộ kinh này? Tiếp đó, giảng đề mục của kinh. Sau đấy mới giảng thẳng vào chính kinh, tức là tiếp theo phần giảng đề mục bèn giảng kinh văn.

“Tổng chi, giai tương nhất kinh cương yếu, tổng luận ư tiền, phát huy minh liễu, sử độc giả tiên thức tổng thể, hậu nghiên kinh văn, cương cử mục trương, dị ư lãnh hội” (nói chung, đem cương yếu của toàn bộ bản kinh luận định chung ở đầu sách, nêu bày sáng tỏ, khiến cho độc giả trước hết nhận biết tổng thể, sau đó nghiên cứu kinh văn, cái lưới giơ lên, các mắt lưới căng ra, sẽ dễ lãnh hội). Chúng ta nhìn từ chỗ này, có thể thấy được khuôn mẫu giảng kinh giáo học trong tông lâm vào thời cổ. Trong Phật môn, gọi cách thức này là *“nghi thức”*, hiện thời gọi là *“phương thức”*, đều có ý nghĩa giống nhau. Trong quá khứ, chùa, viện, am, đường

đều là trường học, quý vị phải biết điều này. Phật Thích Ca Mâu Ni đi tham học năm mười chín tuổi, chúng ta nhất định phải biết điều này: Trước khi tròn mười chín tuổi, Ngài nhất định đã có cơ sở khá vững vàng nên mới có thể đi tham học; nếu chẳng có, Ngài sẽ không thể đi. Tại Trung Quốc, chúng ta thấy chính Khổng Tử đã tự thuật trong Luận Ngữ như sau: “*Thập ngũ hữu chí ư học*” (mười lăm tuổi đã có chí dốc sức nơi việc học). Chúng ta tin tưởng Phật Thích Ca Mâu Ni nhất định có chí học hành sớm hơn Khổng Tử. Ngài đã có cơ sở kha khá thì mới có thể tìm thầy, hỏi bạn. Mười chín tuổi đi tham học, tất cả các vị đại đức trong các tôn giáo và học phái của Ấn Độ, Ngài đều thân cận, chẳng sót một vị nào! Tham học mười hai năm, Ngài tròn ba mươi tuổi. Chúng tôi tin rằng trong mười hai năm ấy, thành tựu của Ngài vô cùng ưu tú. Ngài hiếu học, lại thông minh, mang tư cách vương tử là một thân phận đặc thù, đến chỗ nào cũng đều được đối xử lễ độ, ai mà chẳng ưa thích một người như vậy?

Ở Ấn Độ vào thời cổ, tôn giáo lẫn học thuật đều đề xướng Thiên Định. Tứ Thiên Bát Định được kinh Phật nói nhắc đến, chẳng phải do Phật Thích Ca Mâu Ni sáng tạo, các Bà La Môn của Cổ Ấn Độ đã tu trước đó rồi! Bà La Môn giáo (Brahmanism) chính là Hưng Đô giáo (Ấn Độ Giáo, Hinduism) hiện thời, tôi qua lại với họ rất nhiều, các trưởng lão bảo tôi: Giáo lý của họ truyền thừa từ thời cổ đã có lịch sử tối thiểu trên một vạn năm, chúng ta có thể tin tưởng điều này. Thời đại thượng

cổ không có văn tự ghi chép, đến khi có văn tự, người Ấn Độ không coi trọng lịch sử, chẳng giống như người Hoa! Người Hoa hết sức coi trọng lịch sử, năm, tháng, ngày được ghi chép rõ ràng. Người Ấn Độ chẳng làm chuyện này, họ coi trọng khai ngộ, không đặt nặng lịch sử; vì thế, chúng ta có thể tin lời các trưởng lão Bà La Môn. Văn hóa truyền thống Trung Quốc tuyệt đối chẳng phải chỉ là năm ngàn năm, vì văn tự Trung Quốc mới được phát minh bốn ngàn năm trăm năm. Văn tự được phát minh vào thời Hoàng Đế. Trước khi văn tự được phát minh những dữ kiện lịch sử được các sử gia coi là truyền thuyết. Trước Hoàng Đế có Thần Nông Thị, trước đó nữa là Phục Hy Thị. Theo truyền thuyết, từ Thần Nông đến Hoàng Đế là năm trăm năm, từ Phục Hy đến Thần Nông^{46[5]}

46 [5] Theo truyền thuyết, Thần Nông, Phục Hy và Hoàng Đế được gọi là Tam Hoàng. Chữ Thị chỉ các bộ tộc của họ. Phục Hy còn gọi là Bào Hy, Hy Hoàng, Hoàng Hy, Thái Hạo v.v... cùng với bà Nữ Oa được coi là thủy tổ của loài người. Ông sống ở khu vực Lũng Tây, đóng đô ở Uyển Khuru (nay thuộc Hoài Dương, tỉnh Hà Nam), có công dạy dân nấu nướng, đan lưới, đánh cá, bắt thú, thiết lập quan hệ hôn nhân, và chế ra Bát Quái. Cũng có thuyết nói Phục Hy chính là Bàn Cổ. Theo huyền sử, mặt đất bị lụt lớn, chết sạch, Phục Hy bèn cùng Nữ Oa nặn đất thành hình người, hà hơi cho họ biến thành người sống, nên Phục Hy và Nữ Oa được tôn là thủy tổ loài người.

Thần Nông là người phát minh y dược, nếm trăm thứ cỏ cây để chế ra thuốc, dạy dân canh tác, sáng chế ra lưới cày và đồ gốm; do vậy, được coi là thủy tổ Đông Y và nông nghiệp Trung Hoa. Ông được tôn xưng là Dược Vương, Ngũ Cốc Vương. Ông thường được mô tả có diện mạo kỳ quái, thân thể còm cõi, đầu có bướu, trờ chân tay và đầu ra, toàn thân trong suốt, có thể thấy rõ nội tạng. Huyền sử Trung Hoa nói hậu duệ của ông là hai bộ lạc của Viêm Đế và Hoàng Đế. Về sau, Hoàng Đế đánh bại Viêm Đế, xưng là Thiên Tử. Xi Vưu cũng là hậu duệ của Thần Nông, sau khi bị Hoàng Đế đánh bại, phải chạy về phía Tây, các sắc dân người Miêu ở vùng Ngạc, Tương, Quý Châu và người Đại Hàn thường tự nhận là hậu duệ của Xi Vưu.

Hoàng Đế được coi là tổ tiên của dân Hoa Hạ, thuộc họ Công Tôn, do sống ở gò Hiên Viên nên còn gọi là Hiên Viên Thị. Thoạt đầu sống ở gần sông Cơ Thủy, nên về sau đổi thành họ Cơ, đặt tên nước là Hữu Hùng nên còn gọi là Hữu Hùng Thị. Ông sinh ra ở Thọ Khuru (gần Khúc Phụ, Sơn Đông ngày nay), sau di cư đến vùng Trác Lộc. Thoạt đầu, liên kết với Viêm Đế đánh bại Xi Vưu, giết chết Xi Vưu tại cánh đồng Trác Lộc, thống nhất các bộ lạc tại Trung Nguyên. Ông ta tiến vào khu vực của dân Cửu Lê, lên đỉnh Thái Sơn, hội họp các bộ lạc, cử hành lễ Phong Thiện, chính thức trở thành Cộng Chủ của toàn vùng Trung Nguyên. Đột nhiên, trên trời hiện ra hai con vật sắc vàng óng, nên người ta nói vua lấy đức hạnh của đất để xưng đế. Do vậy, tôn xưng vua là Hoàng Đế.

lại là năm trăm năm nữa, tổng cộng là một ngàn năm. Chúng ta nói truyền thống Trung Quốc có năm ngàn năm văn hóa là nói đến Phục Hy và Thần Nông, trước đó vẫn còn có lịch sử cổ hơn.

Khổng Tử tổng hợp những truyền thuyết từ xưa, dùng văn tự ghi chép lại để lưu truyền cho hậu thế. Do vậy, chúng tôi tin trong *Luận Ngữ* có nhiều câu chẳng do Khổng Tử nói. Khổng Tử lão nhân gia nói Ngài suốt đời “*thuật nhi bất tác*”; “*thuật*” (述) là những điều ta nói vốn do người khác nói, do cổ thánh tiên hiền đã nói, chứ không phải là chính mình, chính mình chẳng sáng tạo hay phát minh. “*Tín nhi hiếu cổ*” (tin tưởng, chuộng cổ), đối với truyền thuyết, Ngài tin tưởng, ưa thích. Do vậy, Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, trọn chẳng phải là đến thời Ngài mới có, chúng ta có lý do để tin những thứ ấy phải từ một vạn năm trở lên. Cổ nhân truyền lại những thứ tinh giản, quý vị mới dễ nhớ, mới không bị biến chất. Ngũ Luân là “*phụ tử hữu thân, phu phụ hữu biệt, quân thần hữu nghĩa, trượng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín*” (cha con có quan hệ thân thiết, vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, vua tôi có nghĩa, lớn nhỏ có tôn ty thứ tự, bạn bè giữ chữ tín), quý vị thấy rất dễ truyền, sẽ chẳng bị truyền sai, ngàn vạn năm vẫn một mực truyền xuống như thế. Ngũ Thường là thường đạo (đạo nghĩa thường hằng), vĩnh viễn chẳng thể thay đổi, đó là đạo, tức năm từ “*nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*”, đều được đời đời truyền thừa trước khi

có văn tự. Tứ Duy là “*lễ, nghĩa, liêm, sĩ*”, bốn từ ấy. Bát Đức là tám từ “*trung, hiếu, nhân, ái, tín, nghĩa, hòa, bình*”. Đó là văn hóa truyền thống, đặc sắc và tinh thần văn hóa Trung Quốc. Phát triển cho đến hiện tại, *Tứ Khố Toàn Thư* được biên soạn vào thời đại Càn Long chính là sách vở các đời tích lũy lại. Quý vị hãy xem, sẽ thấy bất luận ai soạn sách, đều chẳng tách rời những nguyên tắc này. Do vậy, chúng ta dùng Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức để khái quát toàn bộ văn hóa truyền thống của Trung Quốc từ xưa đến nay, chẳng thể nào vượt ra khỏi những nguyên tắc này.

Đến đời Hán, Phật pháp truyền vào Trung Quốc, tuy chẳng phải là văn hóa bản thổ, nhưng người Trung Quốc tâm lượng lớn, có thể bao dung, có thể dung hợp Phật pháp và văn hóa bản thổ thành một thể, như ông Thang Ân Tỷ (Arnold J. Toynbee) đã nói: “*Phật pháp phong phú văn hóa bản thổ của Trung Quốc, nâng cảnh giới lên cao hơn*”. Phật pháp biến thành văn hóa của Trung Quốc; nói tới văn hóa Trung Quốc, chắc chắn chẳng thể tách rời Phật pháp, chúng ta có hiểu điều này mới yêu quý. Đặt Phật pháp qua một bên khoan nói tới, đối với những thứ của chúng ta, tức là nói Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức của Trung Quốc, trong thời đại hiện tại, đi khắp địa cầu, bất luận nơi nào, những quốc gia, dân tộc khác biệt, tín ngưỡng, văn hóa khác biệt, đều có thể dung hội, chẳng chướng ngại. Đây là kinh nghiệm của bản thân chúng tôi trong mấy chục năm gần đây

nhất, chúng ta nói rõ ràng, minh bạch, không ai chẳng ưa thích, đều tiếp nhận. Vì thế, tiến sĩ Thang Ân Tử nói: “*Thế kỷ hai mươi một là thế kỷ của người Trung Quốc*”. Có rất nhiều người hiểu lầm câu nói ấy, tưởng người Trung Quốc xưng hùng xưng bá, chẳng phải vậy, mà là văn hóa truyền thống của Trung Quốc sẽ phổ cập toàn cầu, khiến cho thế giới này có thể thật sự hóa giải xung đột, khôi phục an định, hòa bình, hết thảy mọi người đều cần điều này, chúng ta phải có sự nhận biết này. Phải giống như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, phải biết báo ân, báo ân tổ tiên. Báo bằng cách nào? Phải thực hiện văn hóa truyền thống, tức là phải thực hiện Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, Bát Đức, phải nghiêm túc thực hiện. Có như vậy mới là báo ân chân chánh. Quý vị thật sự làm được, hiệu quả sẽ vô cùng rõ rệt, thứ nhất là thân tâm khỏe mạnh. Phật pháp nói: “*Tướng do tâm chuyển*”. Thân tâm khỏe mạnh, gia đình hạnh phúc, sự nghiệp thuận lợi, xã hội an định, tiếp đó là trị quốc, bình thiên hạ. Thiên hạ bình, “*bình*” là bình đẳng, là đối đãi bình đẳng, cư xử hòa thuận. Vì vậy, xã hội trong thế kỷ hai mươi một hết sức cần đến học thuyết Khổng Mạnh và Đại thừa Phật Pháp, ông Thang Ân Tử thấy chẳng sai!

Đoạn thứ nhất trong phần *Khái Yếu* là “*giáo khởi nhân duyên*”, nay chúng ta học tập đoạn này. “*Giáo khởi nhân duyên giả, minh đại giáo sở dĩ hưng khởi chi nhân duyên*” (Giáo khởi nhân duyên là nói rõ nhân duyên khiến cho đại

giáo hưng khởi). “*Minh*” (明) là nói rõ, “*đại giáo*” là Đại thừa. Tịnh Tông thuộc Đại thừa. Giáo khởi nhân duyên là lý do vì sao Đại thừa Phật pháp hưng khởi. Vì sao nó hưng khởi? Chúng ta học Phật, phải hiểu rõ điều này trước tiên. Trong phần này, chia thành hai đoạn. Đoạn thứ nhất là “*sơ minh đại giáo dĩ Tịnh Độ pháp môn chi hưng khởi*” (trước hết, nêu rõ sự hưng khởi của giáo pháp Đại thừa và pháp môn Tịnh Độ): Vì sao pháp Đại thừa và pháp môn Tịnh Độ hưng khởi? Đoạn thứ hai là “*tắc tường thuật bốn kinh hưng khởi chi nhân duyên*” (trình bày cặn kẽ nhân duyên khiến cho kinh này xuất hiện), đây là nói về nhân duyên hưng khởi của bộ kinh này, tức *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh*. Chúng ta đọc câu văn kế tiếp: “*Phù nhất thiết pháp, bất ly nhân duyên*” (hết thảy các pháp chẳng lìa nhân duyên). “*Phù*” (夫) trợ từ, tuy lão cư sĩ dùng văn tự rất minh bạch để viết lời chú giải, nhưng vẫn theo quy củ của Văn Ngôn. Chữ “*phù*” này là “ngữ trợ từ” trong văn chương Văn Ngôn, không có ý nghĩa, là tiếng đệm, tức là nói: Hết thảy các pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều chẳng tách rời nhân duyên. Nó được hưng khởi, “*đại giáo chi hưng, nhân duyên vô lượng, nhi vô lượng nhân duyên duy vi nhất đại sự nhân duyên cố*” (Đại giáo được hưng khởi bởi vô lượng nhân duyên, nhưng vô lượng nhân duyên chỉ là một đại sự nhân duyên). Quả thật nhân duyên phát khởi của vạn vật trong vũ trụ đều là vô lượng, vô tận, vô số, chẳng phải là ngẫu nhiên, đúng là vô lượng nhân duyên.

Đức Phật dạy học, đặc biệt là dạy kẻ mới học, đã quy nạp vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn, nói khéo lắm. Trong bốn loại lớn, *thứ nhất* là Thân Nhân Duyên, *thứ hai* là Sở Duyên Duyên, *thứ ba* là Vô Giác Duyên, *thứ tư* là Tăng Thượng Duyên. Đức Phật chia vô lượng nhân duyên thành bốn loại lớn. Quý vị phải biết, mỗi loại trong bốn loại lớn này đều là vô lượng nhân duyên. Trong sự giảng học ấy có pháp phương tiện, tức là nói đại lược. Giống như thực vật, nó sanh trưởng như thế nào? Nó có hạt giống, hạt giống là Thân Nhân Duyên. Chẳng có hạt giống, làm sao nó sanh trưởng được? Nhưng chỉ có mình hạt giống, mà chẳng có những duyên khác; đem hạt giống ấy bỏ trong chén trà, để cả trăm năm, nó cũng chẳng thể mọc thành cây. Vì thế, nó phải có Sở Duyên Duyên. Có Sở Duyên Duyên, hạt giống nhất định có hy vọng mọc thành cây, đơm hoa, kết quả, nó có một mục tiêu để duyên vào. Cũng giống như động vật, chúng có Sở Duyên Duyên là nhất định muốn được sanh tồn, còn mong mỗi sẽ sanh sôi nảy nở thành đời sau. Đây là bản năng, "*bản năng*" như chúng ta đã nói chính là Sở Duyên Duyên. Sở Duyên Duyên chẳng thể gián đoạn; hễ gián đoạn, nó sẽ hủy diệt. Vì vậy, quý vị nhìn vào ba món duyên đầu tiên, ba thứ hiện tượng có cùng một Thể. Duyên sau cùng là Tăng Thượng Duyên, nó cũng chẳng thể thiếu. Tăng Thượng Duyên: Hạt giống muốn trưởng thành, cần phải có đất đai, cần đến không khí, cần có nước, thậm chí còn phải có sức người giúp nó, nó mới có thể phát triển. Toàn

bộ những thứ ấy gọi là Tăng Thượng Duyên. Tăng Thượng Duyên là sức mạnh bên ngoài giúp đỡ, là ngoại lực; ba thứ duyên trước đó, chính mình vốn sẵn có. Phật pháp là nhân duyên sanh, cho nên ý nghĩa này rất sâu. Phàm thứ gì là nhân duyên sanh (do nhân duyên sanh ra) sẽ đều chẳng thật! Pháp được sanh bởi duyên sẽ có sanh, có diệt; có sanh có diệt sẽ chẳng thật. Vì thế, đức Phật bảo chúng ta: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp). Quý vị chớ nên chấp trước Phật pháp. Hễ chấp trước thân này là Ngã, trật rồi! Nếu quý vị chấp trước kinh điển là Phật pháp, cũng trật luôn! Nó là pháp được sanh bởi các duyên. Thứ nào chân thật sẽ chẳng phải là duyên sanh, nó vốn có. Tự tánh là vốn có, Tánh Đức trong tự tánh là vốn có. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo vốn sẵn có trong tự tánh. Ý nghĩa này sâu lắm, nó biến thành cái được gọi là Triết học cao cấp và khoa học trong hiện thời. Nói pháp duyên sanh với quý vị, đó là sơ cấp, Tiểu học và Trung học đều có thể học.

Sở dĩ vô lượng nhân duyên chỉ là một đại sự nhân duyên là vì nếu chúng ta tổng quy nạp vô lượng nhân duyên lại. Chúng ta sẽ tìm ra nhân duyên quan trọng nhất là gì? Vì sao phải xuất sanh? Đó là một đại sự nhân duyên. Một đại sự nhân duyên là như trong kinh *Pháp Hoa* đức Phật đã dạy: “*Chư Phật Thế Tôn duy dĩ nhất đại sự nhân duyên cố, xuất hiện ư thế*” (Chư Phật Thế Tôn chỉ vì một đại sự nhân duyên mà xuất hiện trong cõi đời). “*Duy dĩ Phật chi tri kiến, thị ngộ*

chúng sanh” (chỉ nhằm dùng tri kiến của Phật để chỉ bày, khiến cho chúng sanh khai ngộ). Trong kinh *Pháp Hoa* có một câu nói về đại sự nhân duyên như sau: “*Khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*”. Vì sao mười phương chư Phật, Bồ tát, đến ứng hóa trong thế gian? Vì chuyện này! Bởi lẽ, Phật tri Phật kiến chính là cái mà hết thảy chúng sanh vốn có; do vậy, Phật chẳng độ chúng sanh! Phật ban cho quý vị cái gì? Cái gì Phật cũng chẳng ban cho, bản thân quý vị đã vốn có! Vốn có, nhưng quý vị mê rồi, chẳng thể thụ hưởng. Đang mê hoặc, điên đảo, đang luân hồi trong lục đạo, sống cuộc đời thâm trầm, khổ nạn như thế; Phật đến điểm hóa quý vị. Quý vị có Phật tri Phật kiến, vốn là Phật, nhưng bị mê, mê mất tự tánh. Do vậy, đối với chúng sanh, đức Phật chỉ có thể làm được hai từ: “*Khai thị*”. Dùng phương tiện nào để hoàn thành hai từ này? Thân hành và ngôn giáo. Thân hành là “*thị*” (示). “*Thị*” làm mẫu cho quý vị xem; “*ngôn giáo*” là giáo hóa bằng lời nói. Đức Phật coi “*thị*” là phương pháp trọng yếu để giáo hóa chúng sanh, “*ngôn*” nhằm bổ sung những chỗ thiếu sót trong “*thị*”. Vì thế, trước hết nêu gương cho quý vị xem, sau khi xem xong, quý vị sẽ cảm động, lãnh hội. Sau khi nhìn thấy sẽ cảm động, nhưng chưa hiểu rõ lắm, quý vị lại hỏi, khi được hỏi sẽ giải thích cho quý vị. Đức Phật làm trước! Vì sao đức Phật phải thị hiện làm một vị Tăng khổ hạnh, tam y nhất bát, đêm nghỉ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa Ngọ, để làm gì vậy? Có ý nghĩa gì? Chúng tôi học nhiều năm như thế,

đã hiểu ý nghĩa, nhằm dạy người ta điều gì? Buông xuống! Buông xuống bèn trở về tự tánh. Vì sao quý vị mê? Do quý vị tự tư, tự lợi, có tham, sân, si, mạn, tham ái hưởng thụ ngũ dục, lục trần, do làm những chuyện này cho nên mê.

Trên thực tế, có thể hưởng thụ ngũ dục lục trần hay chẳng? Có thể! Vì sao không thể? Quý vị hưởng thụ, nhưng trong lúc ấy chẳng khởi phân biệt, dấy chấp trước nơi ấy, đó là đúng. Nhưng khi quý vị hưởng thụ, bèn khởi phân biệt, dấy chấp trước, khởi lên thất tình, ngũ dục, hỏng rồi! Sẽ sanh ra nhiều tác dụng phụ, đó là tạo nghiệp^{47[6]}! Sanh ra những thứ ấy, những thứ đó lại chuốc lấy quả báo. Do cái nhân chẳng thiện, nên chẳng đạt được thiện quả, thọ sanh trong lục đạo tam đồ. Quý vị phải hiểu: Lục đạo tam đồ chẳng có, trong tự tánh chẳng có, vốn chẳng có, nhưng hiện thời là có hay không? Hiện tại vẫn là chẳng có, nói với quý vị, quý vị đâu có tin! Nói “hiện tại có”, quý vị sẽ tin tưởng; nói “hiện tại chẳng có”, quý vị không tin. Trong sự cảm nhận của Phật, Bồ tát, đúng là chẳng có, chẳng phải là giả! “*Đương tướng tức không, liễu bất khả đắc*” (Chính tướng ấy là không, trọn chẳng thể được), có ở chỗ nào? Trong kinh, đức Phật thường nói “*phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”. Nói tổng kết về kinh *Đại Bát Nhã* thì bộ kinh *Đại Bát Nhã* gồm sáu trăm quyển đã giảng điều gì? Nhằm giảng bốn câu: “*Hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được*”. Phật Thích

47 [6] Nghiệp (孽) ở đây là đầu mối tội chương, không phải “nghiệp”.

Ca Mâu Ni giảng *Bát Nhã* hai mươi hai năm, nhằm dạy chúng ta chân tướng sự thật là như vậy đó. Quý vị chẳng liễu giải chân tướng sự thật, chấp trước nó là có thật, trật rồi! Trong các cảnh giới, cảnh giới hư huyền, quý vị dấy lên ý niệm không chế, chiếm hữu, sai rồi! Quý vị đã tạo tội nghiệp! Nếu quý vị thụ dụng, nhưng chẳng có ý niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng khởi tâm động niệm, sự thụ dụng của quý vị là sự thụ dụng của chư Phật Như Lai. Thừa quý vị, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai là sự thụ dụng ấy. Người trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm có thụ dụng, nhưng chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, đó gọi là hưởng thụ thật sự, đó gọi là thế giới Cực Lạc. Chẳng khởi tâm, không động niệm, cho nên sự hưởng thụ của họ chẳng có một tí trở ngại nào, chẳng khởi tâm động niệm! Nay chúng ta hưởng thụ, bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, phiền phức ở chỗ này! Do vậy, nói: Chẳng có luân hồi mà tạo tác thành luân hồi. Luân hồi là ác mộng. Quý vị đi ngủ vốn chẳng có mộng, mỗi ngày gặp ác mộng thì ác mộng do chính quý vị tạo tác, chẳng phải do người khác tặng cho quý vị.

Đại sự nhân duyên là khai thị ngộ nhập, đức Phật có thể làm được hai từ "*khai thị*"; nhưng chúng sanh tiếp xúc sự khai thị ấy, phải ngộ nhập! "*Ngộ*" là hiểu rõ, giống như chúng ta thường nói là "*thấy thấu suốt*". "*Nhập*" thế nào? Nhập là buông xuống, buông xuống là nhập. Quý vị chẳng buông

xuống được, sẽ chẳng nhập cảnh giới; hễ buông xuống liền nhập. Cận đại, Ấn Quang đại sư, Ngài bế quan tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu, đó là đạo tràng tu học cuối cùng của lão nhân gia. Tôi đã đến thăm quan phòng (gian phòng dùng để bế quan) ấy. Rất nhỏ, hết sức đơn giản, chỉ có một cái bàn vuông, trên bàn thờ một pho tượng Phật, thứ gì cũng đều chẳng có, rất đơn giản! Một pho tượng Phật, một cặp chân đèn, một lư hương, một cái dĩa khánh, một cái mõ nhỏ. Phía sau tượng Phật viết một chữ to, do chính lão nhân gia viết. Ngài viết một chữ “Tử”. Phương pháp này khéo lắm! Khiến cho quý vị vừa trông thấy, cái chết đã cận kề, thử hỏi quý vị còn có điều gì chẳng buông xuống được chẳng? Vì thế, trong thời đại hiện tại, bản thân tôi thường nghĩ: Thọ mạng của chúng ta tới hôm nay là hết, ngày hôm nay phải chết, còn có gì để mơ tưởng nữa? Do vậy, chúng ta sẽ sống sáng, nghĩ đến cái chết, đã chết rồi, cái chết đang đón đầu, còn có thể nghĩ tới ăn, mặc, ở, đi nữa chẳng? Còn có thể mong hưởng thụ hay chẳng? Chẳng có! Hiện thời chỉ còn sót lại một ý niệm cầu sanh Tịnh Độ. Điều gì cũng đều buông xuống, chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà, “con ở đây chờ Ngài, Ngài hãy đến tiếp dẫn con”. Trừ một niệm này ra, ý niệm gì cũng đều chẳng có. Có thứ gì trong thế gian này là của ta? Ngay cả cái thân cũng chẳng phải! Chúng ta phải dùng tâm thái ấy để niệm Phật, đúng như kinh *Di Đà* đã nói: “*Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày*” sẽ vãng sanh, thật đấy, chẳng giả

đâu! Hôm nay, Phật A Di Đà chưa đến, coi như chưa tới lúc, ngày mai vẫn nghĩ như thế, mỗi ngày đều nghĩ như thế, có nghĩa là gì? Nêu gương cho các đồng học học Phật, khẳng định có một ngày nào đó, Phật A Di Đà sẽ đến. Phật A Di Đà nói: *“Người đã nêu gương, có thể đến thế giới Cực Lạc”*.

Chẳng có gì khác, triệt để buông xuống! “Buông xuống” chẳng phải là bỏ hết mọi việc, chẳng phải vậy! Mọi sự vẫn phải làm, chuyện trong ngày hôm nay vẫn phải làm như thế, nhưng trong tâm không in dấu vết. Tâm như thế nào? Trong tâm là một câu Phật A Di Đà, niệm Phật A Di Đà, tưởng Phật A Di Đà, thật sự niệm Phật, chẳng giả vờ. Đây là gì? Vì đại sự này mà chư Phật Như Lai tới thế gian này, để làm gì? Giúp chúng sanh nhanh chóng thành Phật. Quý vị vốn là Phật, nay quý vị niệm Phật, chắc chắn làm Phật, vốn là Phật mà! Chuyện thế gian, chuyện trong mười pháp giới đừng quan tâm tới, tùy duyên là tốt rồi, không nên phan duyên! Cổ đại đức dạy chúng ta: *“Tùy duyên tiêu cựu nghiệp, mạc tái tạo tân ương”* (tùy duyên tiêu nghiệp cũ, đừng tạo ương họa mới). Nếu chúng ta không biết, đối với hết thấy người và sự vật xung quanh vẫn khởi tâm động niệm, vẫn còn phân biệt, chấp trước, đây là quý vị đang tạo ương họa mới, tạo nghiệp! Trên mặt Sự bèn tùy duyên, trong lòng phải tinh sạch. Sự là gì? Là giả, Sự Sự vô ngại! Chỉ cần chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chướng ngại gì cũng đều chẳng có. Chướng ngại là khởi tâm động niệm!

Khởi tâm động niệm là chướng ngại nghiêm trọng nhất. Thứ nhất là đối lập. Quyết định chẳng thể đối lập với người khác. Chớ nên đối lập với Sự. Chớ nên đối lập hết thảy vạn vật. Trước hết phải tiêu trừ điều này, thành tựu viên mãn đạo nghiệp của chính mình trong một đời này. Quyết định chớ nên có ý niệm khống chế, càng không nên có ý niệm chiếm hữu, hãy học điều này, thực hiện từ chỗ này. Làm thế nào để hóa giải ý niệm? Niệm Phật A Di Đà để hóa giải. Trong tâm ta chỉ có Phật A Di Đà, chỉ nghĩ đến Phật A Di Đà, nhất tâm mong quay về thế giới Cực Lạc sớm hơn một chút, đến thế giới Cực Lạc để thành Phật.

Hoàn cảnh tu học ở bên ấy tốt đẹp, thọ mạng con người lâu dài, vô lượng thọ, lại thành tựu nhanh chóng. Vì sao? Hoàn cảnh tu học tốt đẹp, quý vị chắc chắn chẳng gặp duyên gây chướng ngại, quý vị tìm ở nơi đâu không có chướng ngại? Các duyên trong thế giới Cực Lạc đều là duyên thành tựu. Do vì quý vị ở bên đó, những người quý vị được tiếp xúc đều là chư Phật Như Lai, chư đại Bồ tát. Phải hiểu: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị có thể thời thời khắc khắc tiếp xúc mười phương hết thảy chư Phật Như Lai. Quý vị có năng lực phân thân, ngồi nơi đó nghe Phật A Di Đà giảng kinh, thuyết pháp, đồng thời phân vô lượng vô biên thân đến thập phương thế giới lễ Phật, cúng dường, nghe Phật thuyết pháp. Trong mười phương thế giới chẳng có duyên phận này, nhưng thế giới Cực Lạc trọn đủ. Do vậy, muốn học rộng nghe nhiều thì đến

thế giới Cực Lạc sẽ thật sự học rộng nghe nhiều, chư Phật đích thân giáo huấn. Quý vị có năng lực phân thân. Quý vị nói xem: Nhân duyên và hoàn cảnh học tập thù thắng như vậy, có thể nào không đến đó? Có gì tham luyện nơi đây? Phật Thích Ca Mâu Ni sợ chúng ta ở nơi đây sẽ dấy động ý niệm tham luyện, cho nên suốt đời chẳng lập đạo tràng, chẳng tham luyện, chỉ cho phép ngủ dưới mỗi gốc cây một đêm. Vì sao? Bóng cây rất lớn, quý vị dấy lên tâm tham, nên chỉ có thể ngủ một đêm, ngày hôm sau sang chỗ khác, chế định như vậy nhằm đoạn tâm tham của quý vị. Đúng là phương tiện thiện xảo, giúp cho chúng ta chẳng sanh phiền não, giúp chúng ta chẳng tạo tội nghiệp. Cũng có người nói: Một đại sự nhân duyên này chính là sanh tử đại sự. Nếu hiểu theo ý nghĩa ấy thì chưa đủ thấu triệt! Thấu triệt vẫn phải là tuân theo kinh điển để nói. Trong kinh điển đã nói “*khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*”, đại sự nhân duyên là chuyện ấy.

Trong toàn bộ sự giáo học của Phật pháp, chuyện này gồm ba giai đoạn phải hoàn thành. Học Phật là học gì? Trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy câu “*A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề*”; câu này cũng là tiếng Phạn dịch âm, có thể phiên dịch, nhưng vì sao chẳng dịch? Do tôn trọng nên chẳng dịch, do nó là mục tiêu tu học chung cực của quý vị; vì thế, giữ nguyên âm tiếng Phạn, nhằm tỏ ý tôn trọng. Dịch sang tiếng Hán là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, đó là tri kiến Phật mà chúng ta phải viên mãn. Trong ba giai đoạn

này, trước hết là cầu Chính Giác, giác ngộ, giác ngộ chính xác, chẳng lệch lạc, chẳng tà, đều là sẵn có trong tự tánh. Làm thế nào để có thể thành Chính Giác? Chỉ cần chẳng chấp trước hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, buông chấp trước xuống sẽ thành Chính Giác. Thành Chính Giác có một danh xưng học vị là A La Hán, quý vị chứng đắc A La Hán. Vì thế, quý vị phải hiểu: Chứng đắc A La Hán là thành Chính Giác; trong khai thị ngộ nhập tri kiến Phật, quý vị đạt tới giai đoạn thứ nhất. Giai đoạn thứ hai là phải tiếp tục buông xuống, buông phân biệt xuống, phân biệt nhẹ hơn chấp trước, chấp trước rất nghiêm trọng. Do chấp trước mới có lục đạo luân hồi; buông chấp trước xuống, lục đạo chẳng còn nữa, đó gọi là vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng còn nữa, lục đạo chẳng có, là giả, giống như nằm mộng, tỉnh giấc thì mộng cảnh chẳng tồn tại nữa! Nếu quý vị buông phân biệt xuống, đối với hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian chẳng phân biệt, cảnh giới của quý vị sẽ được nâng cao, chứng đắc Chính Đẳng Chính Giác. Chính Đẳng Chính Giác được gọi là Bồ tát, là danh xưng của học vị thứ hai trong Phật pháp, quý vị thành Bồ tát. Ai chẳng phải là Bồ tát? Hễ buông xuống sẽ là Bồ tát! Học vị tối cao sẽ thêm chữ Vô Thượng vào đằng trước, tức Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, danh xưng của học vị này là Phật Đà. Do vậy, trong kinh giáo Đại thừa, đức Phật thường nói: *“Hết thấy chúng sanh vốn là Phật”*. Chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống,

quý vị sẽ là Phật. Chẳng buông xuống thì vẫn là Phật! Chẳng thể nói quý vị không phải là Phật, nhưng là “*một vị Phật có đèo thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước*”. Thật đấy, chẳng giả! Do vậy, đức Phật chẳng dám khinh mạn ai! Vì sao? Ngài biết hết thấy đều là Phật. Phật Phật bình đẳng, Phật Phật Tánh Đức giao lưu. Phật thấy hết thấy chúng sanh là Phật, nhưng chúng sanh thấy Phật cũng là chúng sanh. Vì sao? Họ có phân biệt; dùng cái tâm phân biệt để nhìn Phật, dùng cái tâm chấp trước để nhìn Phật, cho nên khác nhau, thấy lầm rồi! Do vậy, nếu quý vị hỏi: “*Ngày nào tôi sẽ thành Phật?*”. Rất đơn giản! Ngày nào quý vị thấy tất cả hết thấy chúng sanh đều là Phật, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật rồi! Không chỉ hữu tình chúng sanh đều là Phật, mà cây cối, hoa, cỏ, núi sông, đại địa thấy đều là như vậy, chẳng có một pháp nào không phải, quý vị thành Phật rồi! Quý vị vẫn thấy ưa thích cái này, thấy chán ghét cái kia, quý vị là lục đạo phàm phu. Vì chuyện này mà đức Phật xuất hiện trong cõi đời, giúp chúng ta là những vị Phật bị mê hoặc, điên đảo khôi phục bình thường. Đấy là nhân duyên hưng khởi của chư Phật, Bồ tát.

Phẩm *Như Lai Tánh Khởi* của kinh *Hoa Nghiêm* có một câu như sau: “*Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chính Giác*”, đấy là mười hiệu của đức Phật. Mười thứ danh hiệu, tất cả chư Phật bình đẳng, mười loại đức hiệu ấy là Tánh Đức, cho nên trong tự tánh của quý vị thấy đều có. “*Tánh khởi chính pháp, bất khả*

tư nghị” (tánh khởi chính pháp chẳng thể nghĩ bàn), “*chính pháp*” là Đại thừa, Đại thừa do đâu mà có? Trong tự tánh vốn trọn đủ, là thật, chẳng giả. Vì là tánh khởi, nó chẳng phải là duyên khởi, duyên khởi chẳng thật, tánh khởi là thật. Phải biết: Luân lý đạo đức như tổ tiên đã dạy là tánh khởi, chẳng phải là duyên khởi. Văn hóa truyền thống của Trung Quốc dùng một chữ làm đại biểu, tức là Hiếu đạo. “Hiếu văn hóa” (văn hóa đặt nền tảng trên chữ Hiếu). Từ “*hiếu*” mở rộng thành bốn khoa là Ngũ Luân, Ngũ Thường, Tứ Duy, và Bát Đức. Chúng là tánh khởi, chẳng do một ai sáng chế, chẳng do ai định đặt, chẳng phải vậy! Giống như trong thiên nhiên, bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông phân minh, chẳng do con người định đoạt, tự nhiên mà! Danh từ trong Phật pháp nhằm diễn tả điều này là “*pháp nhĩ như thế*” (pháp vốn là như thế), vốn là như vậy, cho nên là Tánh Đức. Tánh con người vốn lành. *Tam Tụng Kinh* có câu: “*Nhân chi sơ, tánh bốn thiện*” (con người thuở đầu, tánh vốn lành), “*thiện*” ấy chẳng phải là thiện trong thiện - ác. Thiện trong thiện - ác là tương đối, là duyên khởi, thiện trong “*tánh bốn thiện*” là tánh khởi. Tánh khởi chẳng có tương đối. Nói cách khác, hai bên thiện và ác đều chẳng vướng mắc, đó là chân thiện. Có thiện, có ác, đó là bất thiện. Cảnh giới này cao lắm, tánh con người vốn thiện. Nếu dùng Phật pháp để nói sẽ dễ hiểu hơn. Huệ Năng đại sư kiến tánh, đã diễn giải tánh như thế nào? Quý vị hãy xem Ngài miêu tả: “*Nào ngờ tự tánh vốn tự thanh tịnh*”, thanh tịnh là Tánh Đức,

thanh tịnh là tánh khởi, tánh vốn là như vậy, chưa từng bị nhiễm. Nay bốn tánh thanh tịnh của chúng ta có bị nhiễm hay không? Chẳng có! Tại thánh hay tại Phật, chẳng thêm tí nào, nơi phàm chẳng giảm, nó cũng chẳng giảm tí nào, đúng là bất tăng, bất giảm, bất cấu, bất tịnh. Nó chẳng phải là nhị biên, mà cũng chẳng phải là Trung Đạo. Trung Đạo và nhị biên đối lập, cho nên: *“Nhị biên bất lập, Trung Đạo bất tồn”* (Hai bên chẳng lập, Trung Đạo chẳng còn), chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị chẳng thể nghĩ, hễ nghĩ bèn trật! Quý vị chẳng thể nói, hễ nói cũng sai, không thể nói được! Vì thế, các vị đại đức trong Tông Môn có tử dụ: *“Như nhân ẩm thủy, lãnh noãn tự tri”* (như người uống nước, ấm lạnh tự biết), chính quý vị biết rõ ràng, rành rẽ, nhưng chẳng thể nói được! Chỉ có người đạt đến cảnh giới ấy, đôi bên hiểu ý nhau bèn cười, đều hiểu rõ. Kẻ chưa đạt đến cảnh giới ấy thì không được. Do vậy, tánh khởi và duyên khởi khác nhau, tánh khởi chính pháp, Đại thừa là tánh khởi, Tiểu thừa là duyên khởi. Trong Đại thừa có duyên khởi hay chẳng? Có! Nếu phân chia Đại thừa theo đẳng cấp, Thượng Thượng Thừa là tánh khởi, còn Đại thừa, Trung Thừa, Tiểu thừa như thường nói đều là duyên khởi. Thiên Tông rất rõ rệt, Huệ Năng đại sư tiếp dẫn bậc thượng thượng căn, đó là tánh khởi; Thần Tú đại sư tiếp dẫn Đại thừa, đó là duyên khởi, vì Ngài còn có thấy: *“Thân thị Bồ đề thụ, tâm như minh kính đài”* (thân là cội Bồ đề, tâm như đài gương sáng), đấy là duyên khởi. Chúng ta phải lắng lòng thấu hiểu!

“Sở dĩ giả hà? Phi thiếu nhân duyên, thành Đẳng Chính Giác, xuất hưng ư thế” (Vì sao vậy? Chẳng phải do đôi chút nhân duyên mà Phật thành Đẳng Chính Giác, xuất hiện trong cõi đời). Đó là gì? Đó là duyên khởi. Chư Phật Như Lai ứng hóa trong thế gian là duyên khởi, chẳng phải là tánh khởi. Duyên khởi là gì? Cảm ứng. Do nhân gì? Chúng sanh có cảm, Phật bèn có ứng.

Vì thế, đức Phật xuất hiện trên thế gian là cảm ứng. Chúng sanh chẳng có cảm, Phật sẽ không thể xuất hiện; chúng sanh có cảm, Phật bèn xuất hiện. Chúng ta muốn thấy Phật A Di Đà, Phật A Di Đà thật sự bị quý vị trông thấy. Quý vị có cảm, tôi chẳng có cảm, vì sao cũng thấy Phật A Di Đà? Thật ra là có cảm, nhưng chính quý vị không biết. Cảm có hiển cảm (cảm rõ rệt) và minh cảm (cảm ngấm ngầm). “Hiển” (顯) là khởi tâm động niệm rất rõ rệt, tôi muốn cầu Phật; “minh” (冥) là gì? Tôi khởi tâm động niệm, nhưng chính mình cũng không biết, hoặc là duyên quá khứ bất tri bất giác chín muồi, nên cảm Phật hiện tiền, Bồ tát hiện tiền. Ứng cũng có hai thứ là hiển ứng và minh ứng. Chúng ta cầu Phật thì Phật, Bồ tát có đến hay không? Đến! Chúng ta mắt thịt nhìn không thấy, đó là “minh ứng” (ứng ngấm ngầm). Chẳng phải là các Ngài không đến, thật sự các Ngài ở bên cạnh quý vị, nhưng quý vị không thấy các Ngài, các Ngài thấy quý vị. Quý vị chẳng thấy các Ngài. “Minh ứng” là âm thầm chiếu cố, giúp đỡ quý vị, có thật, chẳng phải là

không có! Có “*hiển cảm, hiển ứng, minh cảm, minh ứng*”, cho nên có cảm ứng. Đây là nói rõ chuyện gì? Phật pháp là duyên sanh pháp. Chớ nên chấp trước duyên sanh pháp! Phật pháp có cần thiết hay không? Nay tôi đang mê, vẫn chưa khai ngộ, chưa kiến tánh, tôi cần nó, nó giúp đỡ tôi. Sau khi kiến tánh, chẳng cần nữa, buông toàn bộ xuống. Sau khi kiến tánh, nếu quý vị vẫn chấp trước Phật pháp thì lại mê rồi, trật lất rồi! Chúng ta chẳng thấy người kiến tánh mà vẫn còn kè kè cả đồng kinh sách. Kẻ chưa kiến tánh đi tới đâu đều vác theo kinh sách, người kiến tánh chẳng có. Vì sao? Tất cả hết thấy kinh luận thấy đều từ tự tánh lưu lộ, người ấy cần phải vác theo làm chi? Huệ Năng đại sư không biết chữ, suốt đời chẳng mang theo quyển sách nào. Ngài mang theo đến bất cứ nơi đâu là y bát, chớ hề có một quyển kinh sách nào! Quý vị đem kinh sách hỏi Ngài, Ngài đối đáp như nước chảy, chẳng có gì bắt bí Ngài được! Đó là gì? Xứng tánh. Chúng ta học Phật có mục tiêu chung cực là muốn kiến tánh, muốn kiến tánh phải buông xuống. Buông Phiền Nã Chướng xuống, buông Sở Tri Chướng xuống, sẽ chẳng có chướng ngại nào!

Câu tiếp theo là “*dĩ thập chủng*”. “*Thập*” chẳng phải là con số mà là tỷ dụ, tỷ dụ điều gì? Vô lượng, viên mãn. Hoa Nghiêm dùng “*thập*” để biểu thị pháp, kinh *Di Đà* dùng “*thất*” để biểu thị pháp, đều chẳng phải là con số, mà nhằm tượng trưng cho sự viên mãn. “*Thất*” tượng trưng cho viên mãn:

Bốn phương, trên và dưới là “lục”, lại còn có chính giữa, thành “thất”. “Thất” biểu thị pháp, viên mãn. “Thập” là con số tượng trưng, từ một đến mười là con số viên mãn, nó được sử dụng nhằm biểu thị pháp, cho nên “thập” tượng trưng sự viên mãn. Cũng giống như vậy, câu kế tiếp là: “Vô lượng vô số”, vô biên, vô tận, dùng theo ý nghĩa này. “Bách thiên A-tăng-kỳ” (trăm ngàn A-tăng-kỳ), A-tăng-kỳ (Asamkhya) là một đơn vị số lượng lớn của Cổ Ấn Độ, nó là một trong mười con số lớn. “Nhân duyên, thành Đẳng Chính Giác xuất hưng ư thế”, chúng ta có thể tin tưởng lời này hay chẳng? Có thể tin tưởng! Chắc chắn chẳng phải là một mình chúng ta. Chúng ta ở nơi đây tưởng Phật, Phật bèn xuất hiện trong cõi đời, chẳng phải là như vậy! Bao nhiêu chúng sanh có duyên với Phật, do cộng nghiệp sở cảm, Phật bèn xuất hiện trong thế gian, chẳng đơn giản! Nếu chúng ta suy nghĩ lại, nay chúng ta là cái thân nghiệp báo, mang theo nghiệp đến thế gian này, tìm được cha mẹ, chúng ta sanh trong nhân gian, có bao nhiêu nhân duyên? Thừa quý vị, cũng giống như vậy, cũng là do “mười thứ vô lượng, vô số, trăm ngàn A-tăng-kỳ nhân duyên” mà chúng ta đến thế gian này. Trong các duyên ấy có nhiễm, có tịnh, có thiện, có ác. Phật, Bồ tát xuất hiện, duyên ấy là thanh tịnh, là thiện. Chúng ta đến thế gian này, xả thân, nhận thân, luân hồi trong lục đạo, duyên ấy là nhiễm duyên, bất thiện duyên. Vì thế, bất luận một pháp nào cũng đều do vô lượng nhân duyên thành tựu. Phạm là nhân duyên thành

tự, phải biết nó chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể. *Trung Quán Luận* nói: “*Nhân duyên sở sanh pháp, ngã thuyết tức thị không*” (pháp sanh bởi nhân duyên, ta nói nó là không), đức Phật nói như vậy. Vì thế, “*đương thể tức thị không, liễu bất khả đắc*” (bản thể của nó chính là không, trọn chẳng thể được), quý vị có thể thưởng thức nó, chứ chẳng thể khống chế, chẳng thể chiếm hữu. Đây là đúng! Quý vị hoàn toàn làm đúng. Nếu quý vị muốn khống chế, toan chiếm hữu, sai rồi! Quý vị tạo nghiệp! Bất luận quý vị tạo tác ra sao, đều chẳng thể khống chế được, mà cũng chẳng chiếm hữu được! Đây là nói thật với quý vị. Khi quý vị có ý niệm ấy, trong tâm bị ô nhiễm, chẳng thanh tịnh, tâm thanh tịnh mất đi, tâm bình đẳng bị mất, đây là những tâm được nhắc đến trong đề mục kinh *Vô Lượng Thọ*, tâm giác ngộ bị mất đi. “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*” là Tánh Đức mà quý vị sẵn có, quý vị vốn là như vậy. Một niệm sai lầm, cả ba thứ ấy đều bị mất, chẳng còn thanh tịnh, biến thành nhiễm ô; chẳng còn bình đẳng, biến thành kiêu căng, ngạo mạn; chẳng còn giác, biến thành ngu si, hồ đồ, biến chất rồi! Do vậy, người thật sự tu hành phải biết: Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, gìn giữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” của chính mình, thật sự tu hành. Thật sự tu hành thì quý vị phải nghĩ Phật Thích Ca Mâu Ni đã nêu gương cho chúng ta, thật sự buông xuống. Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, tâm địa Phật thanh tịnh, cái gì cũng đều chẳng có, nhưng điều gì Ngài cũng đều biết, đều trọn đủ,

chẳng có mảy may khiếm khuyết nào, vì sao? Tánh Đức là viên mãn, chẳng thể nghĩ bàn.

Tiếp đó là nói: *“Nãi chí quảng thuyết như thị đẳng vô lượng nhân duyên. Duy vi nhất đại sự nhân duyên, đại sự nhân duyên giả hà? Duy dục chúng sanh khai thị Phật tri kiến cố”* (Cho đến rộng nói vô lượng nhân duyên như thế, chỉ là một đại sự nhân duyên. Đại sự nhân duyên gì vậy? Chỉ vì muốn khai thị tri kiến của Phật cho chúng sanh). *“Duy”* là *“duy độc”* (唯獨: chỉ có một), hy vọng khai thị tri kiến của Phật cho chúng sanh. Phật tri Phật kiến là trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có trong tự tánh. Tiếp theo là nói: *“Phù Hoa Nghiêm Kinh nãi Thế Tôn tối sơ sở sáng ngôn”* (kinh Hoa Nghiêm là do đức Thế Tôn đã nói ra đầu tiên). Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện trên thế gian này, khi thành Phật, bộ kinh đầu tiên được Ngài giảng là kinh *Hoa Nghiêm*, đó là kinh được giảng trước hết, Tiểu thừa chẳng thừa nhận. Vì sao? Đức Phật giảng trong Định, chúng ta là những kẻ bình phàm, thấy Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi yên dưới cội Bồ đề trong mười bốn ngày. Ngài tịnh tọa dưới cội Bồ đề hai tuần mới xuất định, làm sao chúng ta biết được? Ở trong Định, Ngài vì hàng Pháp Thân Bồ tát giảng kinh *Hoa Nghiêm*, đó chính là gì? Ngài đã khai ngộ, minh tâm kiến tánh, tánh là như thế nào? *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* chính là báo cáo chi tiết tường tận với mọi người. Huệ Năng đại sư khai ngộ đã trình lên Ngũ Tổ Nhẫn hòa thượng hai mươi từ. Huệ

Năng đại sư khai ngộ chẳng khác gì Phật Thích Ca Mâu Ni khai ngộ, hoàn toàn bình đẳng. Sau đấy, chúng ta mới biết, hai mươi từ của Huệ Năng triển khai thành *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh* cô đọng thành hai mươi từ ấy, tuyệt diệu! Một đẳng là nói chi tiết, một đẳng là chỉ nêu cương lĩnh. Do vậy, Huệ Năng đại sư có thể giảng kinh *Hoa Nghiêm* hay không? Không ai khái thỉnh, không ai tìm Ngài. Nếu thật sự muốn khái thỉnh, xin Ngài giảng kinh *Hoa Nghiêm*, Ngài sẽ giảng giống hệt Phật Thích Ca Mâu Ni. Đây cũng là chỉ dạy cho chúng ta biết phải học Phật như thế nào, chẳng cần dùi mài nơi kinh giáo. Dùi mài kinh giáo khổ chẳng thể nói nổi. Vì sao? Trí huệ chẳng khai. Học được gì? Học bề ngoài, học văn tự bề ngoài, nói theo danh từ hiện thời là “*Phật học*”, chẳng phải là “*học Phật*”. Học Phật thì phải khai ngộ giống như Phật, trọn chẳng phải là trong lòng ghi nhớ những thứ của Phật, trong tâm ghi nhớ những thứ của Phật sẽ biến thành gì? Biến thành Sở Tri Chướng, vẫn là chướng ngại quý vị minh tâm kiến tánh; nhưng như thế nào? Nói chung, chẳng hề chướng ngại quý vị vãng sanh, chỉ chướng ngại quý vị kiến tánh. Quý vị chẳng thấy được tánh, sẽ chướng ngại quý vị chứng quả. Chắc chắn tạo thành chướng ngại! Nhưng nếu quý vị sốt sắng niệm Phật cầu vãng sanh, vẫn phải vứt bỏ những thứ ấy, quý vị dùng cái tâm thanh tịnh sanh vô lượng thọ, sanh vào cõi Cực Lạc. Tâm không thanh tịnh sẽ chẳng

đến được thế giới Cực Lạc, phải hiểu điều này. Do vậy, kinh *Hoa Nghiêm* được nói đầu tiên.

“*Pháp Hoa kinh nãi mạt hậu chi thùy giáo*” (kinh *Pháp Hoa* là lời dạy lúc sau cùng), nói một kinh lúc ban đầu, nói một kinh cuối cùng. “*Tự thỉ chí chung, duy vị thử đại sự nhân duyên, dục linh chúng sanh khai thị ngộ nhập Phật chi tri kiến*” (từ đầu đến cuối, chỉ vì một đại sự nhân duyên này: Muốn làm cho chúng sanh khai thị ngộ nhập tri kiến của Phật). Có nghĩa là gì?

Tiếp đó, cụ viết: “*Diệc tức dục nhất thiết chúng sanh khai minh bốn tâm, đồng Phật tri kiến, đặng thành Chính Giác dã*” (cũng là muốn cho hết thấy chúng sanh khai minh bốn tâm, có cùng tri kiến như Phật, cùng thành Chính Giác), đây là lời giải thích. Tri kiến của Phật là gì? Tri kiến của Phật là bốn tâm của quý vị. Bốn tâm của quý vị giống như Huệ Năng đại sư đã nói: “*Nào ngờ tự tánh*”, đó chính là bốn tâm. “*Vốn tự thanh tịnh, vốn tự trọn đủ*”, trọn đủ gì? Chẳng thiếu thứ gì, viên mãn! Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật đã nói: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai*”, dùng câu này có thể giải thích câu “*nào ngờ tự tánh, vốn tự trọn đủ*” của Huệ Năng đại sư, trọn đủ gì? Trọn đủ trí huệ và đức tướng của Như Lai. Trí huệ và đức tướng là gì? Dùng ngay bản kinh này để nói sẽ là “*Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm*”, Đại thừa là trí huệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng. Quý vị thấy hết thấy đều trọn đủ, vốn tự

trọn đủ, chẳng khiếm khuyết. Vì thế, Phật pháp chẳng có gì khác, buông xuống là được!

Thuở ấy tôi học Phật, người xuất gia tôi được gặp đầu tiên là Chương Gia đại sư do một người bạn giới thiệu. Thời Mãn Thanh, người bạn ấy là một vị thân vương^{48[7]}, tức Mãn thân vương. Thanh triều sụp đổ, ông ta trở thành thường dân, chúng tôi mới có duyên quen biết. Ông ta là đệ tử của Chương Gia Lạt Ma, tôi vừa mới tiếp xúc Phật pháp, xem kinh nơi đó. Ông ta trông thấy, bảo: “Ông xem kinh có liễu giải hay không?”. Tôi nói: “Không được! Tham cứu ý nghĩa không ra”. Ông ta hỏi: “Có muốn tìm một vị thầy chỉ điểm hay không?”. Tôi hỏi: “Ai?” Ông ta đáp: “Chương Gia đại sư”. Tôi nói vâng! Tôi cũng chẳng biết Chương Gia đại sư là ai, do ông ta có lòng tốt, tôi nói vâng, có người chỉ điểm thật tốt quá. Ông ta bèn dẫn tôi đến gặp Ngài. Tôi gặp mặt đại sư, câu đầu tiên là hướng về Ngài thỉnh giáo, tôi nói: “Thầy Phương đã giới thiệu kinh Phật cho con, con biết cái hay của Phật pháp, nhưng có phương pháp nào để con khế nhập rất nhanh hay chẳng?”. Tôi nêu câu hỏi như thế. Ngài nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài, chúng tôi nhìn nhau tới nửa giờ, Ngài buông một chữ: “Có!”. Tôi đợi cả nửa tiếng đồng hồ mới được một chữ “có”,

48 [7] Chữ Thân Vương thường được dùng để gọi các hoàng tử, hay anh em ruột của hoàng đế. Quy chế này bắt đầu từ thời Ngụy - Tấn, về sau, tước vương được chia làm hai loại là Thân Vương và Quận Vương. Thoạt đầu, Quận Vương chuyên dành để phong cho con trai của Hoàng Thái Tử, về sau, các trọng thần cũng được phong tước Quận Vương. Quy định về danh xưng cũng nghiêm ngặt hơn: Thân Vương chỉ có một chữ, Quận Vương dùng hai chữ. Chẳng hạn, Đường Duệ Tông trước khi lên ngôi là Tương Vương, đại thần Quách Tử Nghi là Phần Dương Vương. Đến đời Thanh, các thân vương còn được gọi kết hợp giữa tiếng Hán và tiếng Mãn Châu thành Hòa Thạc Thân Vương (Hošo i cin wang).

tinh thần phấn chấn trở lại. Ngài lại chẳng nói gì, lại đợi khoảng sáu bảy phút, Ngài bảo tôi sáu chữ: “*Thấy thấu suốt, hãy buông xuống*”. Phương pháp này của lão nhân khiến tôi cảm thấy rất kinh ngạc! Đơn giản như thế, vì sao? Tôi hỏi quý vị, quý vị hãy nên trả lời, có sao phải đợi nửa giờ rồi mới trả lời? Ước chừng mười mấy, hai mươi năm sau, tôi mới hoát nhiên đại ngộ: Thuở ấy, tôi tuổi trẻ, nhất định là tánh tình bộp chộp, hời hợt, cho nên thầy nhìn tôi, để tôi buông toàn bộ vọng niệm xuống, tập trung tinh thần, dùng tâm thanh tịnh nghe Ngài răn dạy; nhưng Ngài nói “có”, tinh thần của tôi phấn chấn, chẳng phải là lại bộp chộp, phập phều ư? Vì thế, lại phải nén xuống, khiến cho tôi nghĩ đến ý vị giáo học của cổ nhân, đến lúc đó, tôi mới mấp mé nắm được đôi chút, ngôn ngữ hết sức đơn giản. Ngài dạy chẳng sai, từ khi chúng tôi bắt đầu học kinh giáo cho tới hiện thời, năm mươi chín năm, giảng kinh cũng đã giảng được năm mươi hai năm mới hiểu rõ. Sở dĩ, người hiện tại học những thứ này nọ chẳng tốt đẹp, đó là lẽ đương nhiên. Vì sao? Hời hợt, bộp chộp, kém xa tôi, làm sao có thể học được gì? Thuở ấy, tôi nghĩ mình cũng khá lắm, nhưng trước mặt Chương Gia đại sư vẫn chưa được, chưa đủ tư cách, vẫn phải ngồi với Ngài nửa tiếng, lão nhân gia mới mở kim khẩu. Hiện thời tìm đâu ra loại học trò này? Nếu học trò nêu câu hỏi với tôi, mà tôi cả nửa giờ chẳng trả lời, hấn bèn quay ngoắt mình bỏ đi, điều gì cũng không nghe nữa! Tôi vẫn còn là khá lắm, còn có thể thật sự chờ đợi.

Vì thế, cổ nhân dạy học, truyền đạo chẳng giống người hiện thời, họ thật sự có những thứ để trao truyền.

Do vậy, nói toạc chuyện này ra, với mong muốn hết thảy chúng sanh sẽ khai minh bốn tâm. Khai minh bốn tâm là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; có cùng tri kiến với Phật, sở chứng hoàn toàn giống như mười phương chư Phật Như Lai. Đó gọi là “*thành Đẳng Chính Giác*”: “Đẳng” (等) là bình đẳng, thành Chính Giác, Chính Giác ở đây là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. “*Bốn kinh hưng khởi nhân duyên diệt phục như thị*” (nhân duyên hưng khởi kinh này cũng giống như thế), chẳng khác gì kinh *Hoa Nghiêm* và kinh *Pháp Hoa*, trực tiếp giúp chúng sanh khai minh bốn tâm, có cùng tri kiến với Phật, chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Đây là xếp kinh *Vô Lượng Thọ* Kinh bình đẳng với kinh *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*. Không chỉ là bình đẳng, mà còn vượt trội, đến phần sau sẽ trình bày. *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa* dẫn đường cho chúng ta nhập *Vô Lượng Thọ*, điều này có chứng cứ. Kinh *Hoa Nghiêm* đến cuối cùng, rành rành là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ tát dẫn về Cực Lạc. Do vậy, *Vô Lượng Thọ* là chỗ quy túc, chỗ tổng kết của *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*. Quý vị biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn, không thể suy tưởng, điều này mới khiến cho chúng ta thật sự nhận biết vị trí của bộ kinh này trong Phật pháp, chẳng kinh nào có thể sánh bằng! Thật sự hiểu rõ ràng, minh bạch, mới biết có được kinh này chẳng dễ dàng! Đã có được là may mắn lắm thay!

Tiếp đó, lấy *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh* để làm thí dụ. Đây là bản kinh *A Di Đà* do Huyền Trang đại sư phiên dịch, bản được tụng niệm phổ biến hiện thời là do Cưu Ma La Thập đại sư phiên dịch vào thời Diêu Tần. Huyền Trang đại sư thuộc đời Đường. *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh* là bản dịch kinh *Di Đà* đời Đường. Trong kinh *A Di Đà* do Huyền Trang đại sư phiên dịch, có một câu như thế này: “*Ngã quán như thị lợi ích an lạc đại sự nhân duyên, thuyết thành đế ngữ*” (Ta thấy đại sự nhân duyên an lạc như thế, nói lời đúng thật này). Trong bản dịch của La Thập đại sư chẳng có câu này, nhưng trong bản của ngài Huyền Trang đại sư thì có. Huyền Trang đại sư là trực dịch, tức là chiếu theo nguyên văn kinh văn bằng tiếng Phạn để dịch thẳng ra; La Thập đại sư dịch ý, chẳng chiếu theo nguyên bản kinh văn, Ngài đem ý nghĩa trong bản gốc, hoàn toàn dùng cách hành văn quen thuộc của người Hán để phiên dịch, nên chúng ta đọc những bản kinh do Ngài dịch thấy giống như đọc cổ thư Trung Quốc, hết sức dễ tiếp nhận. “*Khả kiến Tịnh Độ pháp môn chi hưng khởi, chính đồng ư Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, đồng vi nhất đại sự nhân duyên dã. Hà dĩ cố?*” (đủ thấy pháp môn Tịnh Độ được hưng khởi, giống hệt như *Hoa Nghiêm* và *Pháp Hoa*, cùng vì một đại sự nhân duyên).



MỤC LỤC



TẬP 1	5
TẬP 2	45
TẬP 3	89
TẬP 4	131
TẬP 5	171
TẬP 6	211
TẬP 7	251
TẬP 8	289
TẬP 9	329
TẬP 10	371



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TỈNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA - QUYỂN I
Chủ giảng: **LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
Giáo chánh: Đức Phong và Huệ Trang
Hiệu đính: TK. Thích Đồng Bổn
NNC Vu Gia - Cư sĩ Minh Ngọc

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **TT Phật Học Chánh Trí**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**

Đối tác liên kết:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In 500 cuốn, khổ 19,5x26,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số 2543-2023/CXBIPH/03-64/HĐ. Số QĐXB của NXB: 1327/QĐ-NXBHĐ cấp ngày 02/08/2023. In xong và nộp lưu chiểu năm 2023. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-476-494-8.